

làng văn

154
6.1997



Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
Montréal H1V 2C2
523-0858

Nha-sĩ **CHÍNH CƯỜNG**
LAN ĐÀI

Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
Tel: (514) 849-1038

BROSSARD



Dr. HOAT T. NGO, D.M.D.
Chirurgienne Dentiste

7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(Đối-diện Rénô Dépôt)
Tel: (514) 926-8000

Garage VINA Inc.
et les carosseries garniers
6567-6575 Garniers, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102

Mécanique générale - Electricité
Remorquage - Débosselègè - Peinture
Voitures de courtoisie...
ĐÀO TRỌNG QUYỀN kính mời

Truyện dài xã-hội VN gần 1975

CAO XUÂN LÝ
VẾT THƯƠNG
NGÀY CŨ

12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Truyện dài xã-hội đen
TỔNG MINH LONG QUÂN

CUỘC ĐỜI
VÔ-ĐỊNH

17 mỹ-kim (22.50 gia-kim)

TRUNG TÂM PHỤC VỤ ĐIỆN TOÁN
GIA TỐT - TẬN TÂM - UY TÍN



Tel: (514) 843-3155 www.alco.qc.ca

Luật sư / Avocat

LƯƠNG VĂN TUẤN

1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng khế / Notaire

NGUYỄN THANH TUYỀN

511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ

Nguyễn Bá Dĩnh

4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

Chưởng khế / Notaire

NGUYỄN LAN HƯƠNG

82 De La Gauchetière O., Montréal H2Z 1C2
ĐT: (514) 398-0855 - Fax: (514) 398-0530

A fast growing Information System services firm
has short & long term contract or permanent
positions for experienced Programmer/Analyst 3
years and up in DB2, CICS, IDMS, ADS/O, IMS,
UNIX, ORACLE, CLIENT/SERVER technology.

Please forward your résumé to:
DANCOM CONSULTING
790 Marcel Laurin, Ste #218
St-Lautrent, Qc H4M 2M6
Attention: Dany Dinh
Fax #: 514-748-9399

DANCOM Consulting Inc.

Mới ra lò, còn thơm mùi mực in:
Tập-khảo văn-hóa Việt-nam của

THÁI VĂN KIỂM

VIỆT-NAM
GẮM HOA

tài-liệu quý
của mọi gia-đình

giá 18 mỹ-kim (27 gia-kim)

Chuyên viên Tài-chánh &
Bảo-hiểm. Nhân-mạng

Châu Võ Thành Tường

B.SC., A.V.C.

279 Place de la Poudière
Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle)

Tél: (514) 767-2874

Tập thơ của một người ở trẻ hải-ngoại

NGUYỄN TÚ

6 mỹ-kim (9 gia-kim)
Làng Văn xuất-bản

Tập sách thiên-học mới nhất của

NGUYỄN PHONG

HOA TRÔI
TRÊN SÓNG NƯỚC

giá 13 mỹ-kim (19.50 gia-kim)

Phiếm-đàm vui nhộn đầu xuân
Tập sách đầu-tiên tại hải-ngoại của

HOÀNG HẢI THỦY
TẠI NGỤC
VỊNH KIỀU

giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Bạn đã có chưa?
Ấn-phẩm thứ hai tại hải-ngoại của

HOÀNG HẢI THỦY
TIẾNG KÊU
CỦA MÁU

tiểu-thuyết trinh-thám
toát mồ hôi lạnh

giá 15 mỹ-kim (22.50 gia-kim)

làng văn

E-mail: langvan@ilap.com
WEBPAGE:
http://www.vietnamlangvan.com/vietnews

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 (Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIV - No 154 - June 1997
Bộ 14 - số 154 - tháng 6, 1997

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	2
Trong làng.....	6
Ngoài ngõ.....	7
Tin Việt-nam.....	11
Tin tị-nạn.....	15
Tin văn xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	18
Thời sự: Vụ đột-kích giải cứu con tin Peru, Phạm Phong Dinh.....	26
Ta-bà thế-sự, Phan Nguyễn Minh Minh.....	31
Phép bói dịch thời thượng cổ, Nguyễn Đại Bằng.....	34
Phản-chiến và miền Nam VN 20 năm sau, thơ Cao Hoàng Nhân.....	36
Ánh-sáng và mặt trời đen, Phan Quân.....	47
Ừ thôi, kiếp sau, truyện ngắn Hoàng Nga.....	52
Một thoáng đời qua, thơ TT Mây Trên Ngàn.....	54
Bức tranh màu nóng, truyện ngắn Việt Phương.....	57
Đời buồn hơn thơ, truyện ngắn Hoàng Du Thụy.....	61
Đôi lời tâm sự, thơ Đông Vũ.....	63
Ngủ đi em, truyện ngắn Tống Minh Long Quân.....	65
Xóm cũ:	
- Sài-gòn, quán cà-phê và tuổi lang-thang, NM An Dân.....	72
- Những con đường Sài gòn, Diên Khánh.....	80
Thơ: Dấu xưa, Phan Xuân Sinh; 6/9, Nguyễn Bá Dĩnh;	
Nổi bóng, Nguyễn Văn Cường.....	74
Cõi riêng, thơ Phan Các Chiêu Hằng.....	77
Bài gửi Thuần, thơ Hoàng Nga.....	78
Nổi niềm, thơ Hoàng Chính.....	82
Hồ-sơ Văn Bút: Về bài "co cãi loanh quanh của TTH", Sơn Tùng.....	83
Đùa với lửa, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	86
Thơ Thiên Di: Hong nắng, Hóa thân.....	89
Tôi trở về, thơ Hà Chính Bình.....	90
Mang xuống tuyến đài, truyện dài Hoàng Hải Thủy.....	93
Cõi lãng quên, thơ Lâm Thúy.....	95
Bên rừng-tuyết sơn, truyện thiên Nguyễn Phong.....	99
Jacaranda, thơ B.H.T.....	100
Đọc sách: Vài nhân vật nữ..., Ngô Nguyễn Dũng.....	103
Độc-giả thác-mắc, Bút Chì.....	105
Chém đá, Sắc Không.....	107
Thơ chưa: Văn Ông, Nam Chi Thượng Nhân;	
Mới hôm nào, Trần Ngân Tiêu.....	112
Bạn đọc viết.....	114
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	115
Nhắn tin tị-nạn.....	117

Ảnh bìa: Hài tiên đôi chiếc...

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Cung Vũ - Diên Khánh
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiểm - Kiên Trung
Kha Huyền - Lăng Nhân - Lâm Hảo Dũng
Lê Văn Lân - Mỗ (Làng Văn)
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Dĩnh - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Phong Dinh - Phạm Quang Ngọc
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Nguyễn Minh Minh
Sắc Không - Sơn Tùng - Tiểu Đăng - Tuệ Nga
Tự Tình - Tống Minh Long Quân
Trần Văn Tích - Văn Nương
Việt Chì - Việt Thao Đào Đức Chương

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Bùi Hữu Trí - Cao Hoàng Nhân
Cao Xuân Lý - Diệu Tần - Dương Kim
Dương Thị Vành Khuyên - Đan Hà - Đan Quế
Đặng Thị Quế Phương - Đông Nghi - E. Phương
Hoàng Du Thụy - Huỳnh Liễu Ngân - Hứa Hoàn
Lâm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Xuân Nhị
Nam Chi Thượng Nhân - Ngô Du Trung
Ngô Minh Hằng - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Khanh - Nguyễn Nghĩa - Nguyễn Duy Tâm
Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Hữu Nhật - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Việt - Ông Thế Hùng
Phạm Tâm Phở - Phạm Thắng - Phan Long Yên
Phan Thịnh - Phùng Nhân - Quỳnh Hương
Thanh Hữu Huyền - Thanh An - Thảo Nguyên
Thủy Trang - Thúy Sơn - Trần Ngân Tiêu
Trần Mộng Lâm - Trần Văn Lệ
TT Mây Trên Ngàn - Vạn Giả - Vi Vi
Việt Phong - Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến
Vũ Tiến Dũng - Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh: Babui - Lê Quang Xuân - Minh
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Québec: Nguyễn Bá Dĩnh
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Úc: Phạm Quang Ngọc
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương (tổng-quát)
Vô Thắng Tiết (CA) Nguyễn Huy Phước(NJ)
Linh Phương (FL) Phan Xuân Sinh (MA)
Nguyễn Đăng Tuấn (PA)

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam,
Trần Cao-Lĩnh, Từ-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc,
Nguyễn Tất Nhiên, Kinh Tân, Phạm Văn Cương, Lê
Thao Chuyên, An Khê, Ngọc Khôi, Trương Ái Minh.

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 10 úc-kim; Bắc Âu: 50 kronas
Nhật: 1000 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim
Mua báo dài hạn: xem trang 113

tin văn

KIÊN TRUNG
phụ-trách



Đảng Lao-động nắm chính-quyền tại Anh

Tony Blair, 44 tuổi, đã nhậm chức Thủ tướng Vương quốc Anh sau khi đảng Lao-động của ông thắng lớn trong cuộc bầu-cử Quốc-hội Anh đầu tháng 5 mới đây.

Chiến thắng của đảng Lao động (423 ghế trong tổng số 659 ghế Hạ viện) chấm dứt 18 năm cầm quyền của đảng Bảo thủ (từ nữ Thủ tướng Margaret Thatcher đến Thủ-tướng John Major).

Chiến-thuật của Tony Blair là đưa ra thật nhiều nữ ứng-cử-viên để hốt phiếu của các bà, các cô. Blair đã thành-công, với kết-quả đảng Lao-động có tới 101 nữ dân-biểu trong Quốc-hội mới (23,87% tổng-số dân-biểu thuộc đảng Lao-động); nhưng Blair chỉ chọn ra 5 bà để trông coi các bộ (4,96%).

Nội các của tân Thủ tướng Tony Blair có nhiều điểm đặc biệt: 5 phụ nữ, 1 đồng tính luyến ái, 1 tàn tật (ông David Blinkett, mù, giữ bộ Giáo dục).

Chương trình hành động đảng Lao

động đưa ra trong cuộc tranh cử gồm những thay đổi tận gốc rễ về cả các mặt nội trị lẫn ngoại giao. Tân Ngoại trưởng Robin Cook cam kết sẽ đưa nước Anh khỏi vị trí cô lập, khôi chủ nghĩa tự tôn, trở thành một thành viên chủ đạo trong cộng đồng quốc tế.

Ông Tony Blair cũng là Thủ tướng trẻ tuổi nhất Anh quốc trong vòng 185 năm gần đây (Lord Liverpool lên làm thủ tướng năm 1812, lúc 42 tuổi). Với một gia đình khá đông (vợ, ba con nhỏ) Tony Blair sẽ không cư ngụ ở số 10 Downing theo truyền thống của các vị thủ tướng tiền nhiệm mà sẽ ở số 11 Downing, đối chỗ với Bộ trưởng Ngân Khố.

Cảnh sát Ý giải toả tháp chuông Venice

Cảnh sát Ý đã bắt giữ một nhóm vũ trang tự mệnh danh là quân đội của "Cộng Hoà Venice" ở thành phố du lịch Venice (miền Bắc Ý-đại-lợi). Nhóm này, gồm 8 người, đã chiếm đóng tháp chuông Công trường St. Mark trong nhiều giờ, treo biểu ngữ

và phát truyền đơn đòi tự trị cho Venice (trong lịch sử, Venice là một tiểu quốc dưới tên "Nước Cộng Hoà Thanh Bình Nhất" cho đến khi bị Nã-phá-luân chiếm đóng năm 1797, sau đó sát nhập vào Ý).

Cuộc giải toả tháp chuông St. Mark đã diễn ra rất êm thấm, không tiếng súng.

Từ những năm gần đây, nhiều phong trào đòi ly khai, tự trị cho các miền, tỉnh đã xuất hiện ở Ý, mạnh nhất là Liên đoàn Miền Bắc (Northern League) của Umberto Bossi.

Nga và chủ trương "ra tay trước"

Mặc dù quân đội Nga hiện đang ở trong tình trạng thiếu thốn, suy đồi, ngày 8.5 năm nay, cuộc duyệt binh truyền thống kỷ niệm chiến thắng Đức quốc xã vẫn diễn ra long trọng ở Mạc-tư-khoa. Hơn 5.000 tân binh, sinh viên sĩ quan đã tham dự cuộc duyệt binh tại Công-trường Đỏ dưới lá cờ cộng sản cũ, kỷ niệm 52 năm Ngày Chiến Thắng (Thế chiến II).

Trong dịp này, Phó Tổng Thư ký Hội đồng An ninh quốc gia Nga Boris Berezovsky tuyên bố trên đài phát thanh rằng khi bị dồn đến thế chẳng đặng đừng, Nga sẽ sử dụng vũ khí nguyên tử. Trước đó, Nga đã công bố chính sách an ninh quốc gia mới.

Tuyên bố của Berezovsky trùng hợp với hiện tình căng thẳng trong các cuộc thương thuyết giữa Nga và khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) về việc NATO bành trướng, thu nhận thêm các nước Đông Âu. Nga vẫn phản đối quyết liệt việc này, cho rằng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh của Nga và tạo sự chia rẽ cho Âu châu (các nước Đông Âu trước khi chế độ Cộng sản sụp đổ là đồng minh của Nga).

Hoa kỳ sẽ nhận 5000 người tị nạn Bosnia ở Đức

Bộ Nội vụ Đức cho biết Hoa kỳ đã đồng ý nhận chia sẻ gánh nặng người tị nạn Bosnia với Đức bằng cách nhận



Tân Thủ-tướng
Tony Blair
của Anh-quốc
cười hí-hả
trong cảnh
"gươm lạc
giữa rừng hoa"

5000 người trong năm nay. Cuộc nội chiến ở Bosnia đã đẩy hàng trăm ngàn người đến các nước Âu châu, riêng Đức đã phải chứa tới 320 ngàn người. Gần đây, 16 tiểu bang của Đức đã quyết định sẽ trục xuất từ 70 ngàn đến 90 ngàn người Bosnia về nước vì không đủ khả năng chịu đựng gánh nặng này.

Bộ Nội vụ Đức đã thảo luận với Hoa Kỳ, Gia nã đại và Úc để thực hiện những chương trình tái định cư những người tị nạn Bosnia hiện đã hết hạn cư trú ở Đức.

Giáo Hoàng John Paul II thăm Lebanon

Đức Giáo Hoàng John Paul II đã thực hiện chuyến viếng thăm đầu tiên vùng Trung Đông. Ngày 9 tháng Năm, ngài đã được 200 ngàn người Thiên chúa giáo và Hồi giáo tiếp đón trọng thể tại thủ đô Beirut của Lebanon. Trong diễn văn đầu tiên của cuộc thăm viếng ngắn ngủi (36 giờ) Giáo Hoàng John Paul II nói ngài đến Lebanon với tư cách một người bạn để ủng hộ nguyện vọng độc lập tự do của người dân ở đây. Tuy không chỉ đích danh, ngài kêu gọi rút hết quân đội ngoại quốc ra khỏi lãnh thổ Lebanon. Người Lebanon theo Thiên Chúa giáo (là thiểu số) muốn thấy 35 ngàn quân Syria rút đi trong lúc đa số Hồi giáo muốn Do thái trả đất lại (có 2000 quân chiếm đóng vùng đất phía nam Lebanon). Chính quyền Lebanon với Tổng thống Elias Hawri (Cơ Đốc giáo) và Thủ tướng Al-Hariri (Hồi giáo) đang cố gắng xây dựng một xã hội tự do tín ngưỡng sau cuộc nội chiến từ năm 75 đến năm 90 (giữa hai phe Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, phe thiểu số Thiên Chúa giáo thất bại). Đức Giáo Hoàng ca tụng chính sách của Lebanon mà ngài coi là kiểu mẫu cho các quốc gia Ả rập.

Thiên tai thảm khốc ở Ba-tư (Iran)

Một vụ địa chấn mạnh đã xảy ra

tại tỉnh Khorasan (bắc Ba-tư, gần biên giới A-phu-hãn) vào giữa trưa ngày 9.5. Theo tin tức của chính phủ Ba-tư đưa ra, cơn động đất với 7,3 chấn độ khiến 2600 người chết, 5.000 người bị thương, 10.000 người không nơi cư trú. Thiệt hại về tài sản có thể trên 67 triệu mỹ kim ở 4 thành phố và những làng mạc chung quanh. Các toán cấp cứu của chính phủ Ba-tư còn đang tiếp tục tìm kiếm những nạn nhân bị chôn vùi dưới các nhà cửa sụp đổ.



Chính phủ Ba-tư đã kêu gọi quốc tế viện trợ nhân đạo khẩn cấp.

Đây là cơn động đất mạnh nhất ở Ba-tư từ sau trận địa chấn khủng khiếp 7 năm trước đây, giết chết 35.000 người. Hồi tháng Hai, một cơn động đất đã giết chết 1.000 người. Ba-tư bị động đất thường xuyên, hàng năm có hàng chục vụ địa chấn nhỏ xảy ra.

Netanyahu chối không có gián điệp ở Hoa kỳ

Quan hệ khăng khít giữa các nước không có nghĩa là họ sẽ không dò xét lẫn nhau. Báo chí Hoa Kỳ gần đây đưa tin gián điệp Do Thái ở Mỹ thu thập những tài liệu tối mật của Hoa kỳ. Bộ trưởng Tư pháp Mỹ Janet Reno cũng xác nhận Hoa kỳ đang tiến hành điều tra việc này. Thủ tướng Do Thái Netanyahu tuyên bố ông đã ra lệnh cho các viên chức Do Thái liên hệ cộng tác với các giới chức điều tra

của Mỹ. Khi nói đến việc cơ quan FBI của Mỹ nghe trộm điện thoại của sứ quán Do Thái, ông Netanyahu nói "mỗi nhà ngoại giao phải biết phân biệt cái ống nói điện thoại và cái loa".

Hoa kỳ nghi ngờ gián điệp của Do Thái đã thu thập được những văn kiện ngoại giao bí mật trao đổi giữa Mỹ và Palestine, rất quan trọng cho Do Thái trong những màn trả giá giữa Netanyahu và Arafat.

Hồi tháng Hai, nhân viên FBI đã tịch thu nhiều máy điện toán, hồ sơ tài chánh và những tài liệu tại nhà của một kỹ sư Mỹ bị tình nghi là cung cấp tài liệu quân sự tối mật cho Do thái.

Vụ gián điệp nghiêm trọng nhất xảy ra hồi cách đây 12 năm, lúc đó, một nhân viên tình báo hải quân Mỹ bị bắt và kết án tù chung thân về tội chuyển giao bí mật quân sự cho Do thái.

Những ngày cuối cùng của Mobutu ở Zaire

Triều đại của Tổng thống Sese Seko Mubutu tại Zaire, tức Congo cũ, đã kéo dài hơn ba mươi năm, và hiện đang ở những ngày cuối cùng. Chỉ trong vòng bảy tháng, quân nổi dậy của lãnh tụ Kabila đã chiếm trọn 3/4 lãnh thổ Zaire rộng lớn và đang ở cửa ngõ thủ đô Kinsaha.

Mặc dù chấp nhận đàm phán với Mobutu qua trung gian của các nước Phi châu và Hoa Kỳ, thủ lĩnh Kabila vẫn tiếp tục cho quân nổi dậy tiến công.

Các quốc gia Phi châu nhìn thấy rõ kết quả của cuộc tranh chấp đã dàn xếp để Mobutu chuyển giao quyền lực cho phe chiến thắng một cách êm đẹp, tránh đổ máu. Tổng thống Mobutu đã rời Zaire hồi đầu tháng Năm sau khi tuyên bố ông không tìm kiếm sự tái cử cho mình. Tuy nhiên sau đó ông ta lại trở về nước trong lúc quốc hội Zaire bầu lại chủ tịch mới, Hồng y Thiên chúa giáo Laurent Monsengwo, với mục đích thay thế Mobutu khi ông này chết hay mất khả năng cầm quyền.

Đại sứ Hoa kỳ tại Liên hiệp quốc

nhận xét nhà cầm quyền mới của Zaire có nhiều khả năng sẽ là Kabila sau chiến thắng quân sự tất yếu.

Tổng thống Peru lấy lại lòng tin của dân chúng

Quyết định táo bạo ra lệnh tấn công toà đại sứ Nhật ở Lima để giải thoát con tin và sự thành công của cuộc đột kích này đã giúp Tổng thống Peru Fujimori lấy lại được lòng tin của dân chúng Peru.

Là người Peru gốc Nhật, còn nguyên tên Nhật, đặc cử tổng thống với chủ trương văn hồi luật pháp cho quốc gia Peru đang rối loạn, uy tín của ông trước đây đã xuống thấp vì vụ khủng bố bắt con tin ở toà đại sứ Nhật đây đưa quá lâu của nhóm khủng bố cộng sản Tupac Amaru.

Vai trò của Peru với thế giới cũng trở nên vững vàng hơn sau sự thành công này. Với quốc tế, Peru xác định vai trò không nhân nhượng khủng bố, cương quyết xây dựng xã hội có pháp luật và phục hồi kinh tế.

Thủ tướng Nhật Hashimoto đã viếng thăm Peru hồi đầu tháng Năm để cảm ơn cuộc giải thoát con tin và giải phóng toà Đại sứ. Nhật bản cũng quyết định "tặng" Peru hơn mười

triệu mỹ kim cho mục đích y tế.

Sau khi trở về Nhật, Thủ-tướng Hashimoto đã yêu-cầu đại-sứ Nhật tại Lima, người bị kẹt trong vụ khủng-bố, từ-chức. Tân đại-sứ Nhật tại Peru, sẽ là một *samurai* thời-đại vũ-trang đến tận răng, hoặc ít nhất, một võ-sĩ *sumo* nặng chừng vài tạ chẳng?

Hoà bình Trung Đông

Đại sứ Hoa Kỳ Dennis Ross vẫn tiếp tục những chuyến qua lại trong vùng Trung Đông để cố gắng cứu vãn cuộc đàm phán xây dựng hoà bình giữa Do thái và Palestine.

Đầu tháng Năm, Dennis Ross đã gặp Tổng thống Ai cập Hosni Mubarak, người được coi là trung gian hữu hiệu giữa Do thái và khối Ả rập. Đại sứ Mỹ sẽ trở lại Do thái và vùng tự trị Palestine sau đó.

Thương thuyết giữa Netanyahu và Arafat vỡ đổ hồi tháng Ba khi Do thái tiếp tục tiến hành xây dựng 6500 đơn vị gia cư cho kiều dân trong vùng đồi Jabal Abu phía đông Jerusalem. Khu vực này được cả hai bên coi là đất phải giữ.

PLO đòi hỏi Do thái phải ngưng ngay các công trình xây dựng trên những vùng đất chiếm được trong cuộc chiến tranh 1967 trước khi họ trở lại bàn hội nghị, và Do thái thì yêu cầu nhà cầm quyền Palestine phải mạnh tay với các phần tử "khủng bố".

Hội nghị thượng đỉnh Hoa kỳ và các nước vùng Caribbean

Năm nay Hội nghị thượng đỉnh của các quốc gia trong vùng Caribbean (CARICOM) lần đầu tiên có mặt Hoa Kỳ. Ngày 10 tháng Năm, nguyên thủ 15 nước Caribbean, Cộng hoà Dominican và Haiti đã cùng với Tổng thống Mỹ Bill Clinton họp tại Bridgetown (Barbados) để thảo luận về những vấn đề quan trọng cho toàn châu Mỹ: mậu dịch, di trú và chống buôn bán ma tuý.

Một văn kiện đã được ký kết giữa các nguyên thủ, thoả thuận sẽ tăng cường hợp tác để cải thiện các vấn đề

vừa kể. Tổng thống Clinton hứa hẹn sẽ giúp đỡ các nước Caricom bằng cách can thiệp với quốc hội giải toả bớt các rào cản về quan thuế. Đa số quốc gia Caricom mong muốn được Mỹ cho hưởng một chính sách ưu đãi giống như thoả ước Mậu dịch Tự do Bắc Mỹ (với Gia nã đại và Mễ tây cơ).

Một vấn đề quan trọng nhưng bế tắc tại hội nghị là hoạt động xuất cảng chuối, sản phẩm chủ lực của các nước Caricom. Gần đây, một quy định của Tổ chức Mậu dịch Quốc tế (WTO) đã làm thiệt hại nhiều đến việc xuất cảng chuối từ châu Mỹ. Clinton hứa sẽ can thiệp với Cộng đồng Âu châu về điểm này. Trước mắt, Hoa Kỳ sẽ giúp Dominica, St. Lucia, St. Vincent và Grenada chừng hai tỉ mỹ kim để phát triển những ngành kỹ nghệ bù cho thiệt hại của việc mất ưu tiên bán chuối.

Tại hội nghị, Hoa kỳ đã bị nhiều nước chỉ trích về chủ trương cô lập Cuba.

Mễ-tây-cơ: cảnh sát chống cảnh sát

Những cố gắng nhằm làm trong sạch tổ chức cảnh sát tại Mễ tây cơ đã gặp phản ứng mạnh. Đầu tháng Năm, hàng trăm cảnh sát Mễ đã nổi loạn ở Gustavo Madeiro. Chính phủ đã phải dùng tới cảnh sát chống bạo động bắn đạn cay để dẹp cuộc nổi loạn, có 17 người bị thương.

Thị trưởng Oscar Espinosa cho biết ông cương quyết tiến hành tới cùng việc thanh lọc, tái huấn luyện để làm trong sạch, hữu hiệu hoá lực lượng cảnh sát. Từ giữa năm ngoái, những chức vụ chủ chốt ngành cảnh sát đã được chuyển qua cho quân đội nắm giữ vì cảnh sát đã quá mang tai tiếng về các mặt tham nhũng, vô kỷ luật. Các cảnh sát viên bị buộc phải qua chương trình tái huấn luyện kéo dài một tháng gồm cả các bài học về đạo đức và sử dụng vũ khí.

TC trấn an dân Hương cảng

Trong cuộc viếng thăm Trung



Fujimori, Rambo thứ thiệt của dân Peru

cộng của Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan, Giang Trạch-dân đã tuyên bố Hương Cảng sẽ là cây cầu nối Trung Hoa với thế giới và vùng đất này sẽ duy trì sự ổn định và thịnh vượng trong một thời gian lâu dài. Ông Kofi Annan cũng tiết lộ rằng các nhà lãnh đạo Trung cộng bảo đảm với ông tương lai của Hương Cảng bằng cách nói rằng nếu họ muốn làm hại vùng đất này, họ đã làm từ lâu. Kofi Annan đã nhận lời tham dự lễ giao trả chủ quyền Hương Cảng cho Trung quốc nửa khuya ngày 30 tháng Sáu tới.

Cũng trong đầu tháng Năm, chủ nhân mới Đồng Kiến Hoa đã cùng với nhóm lập pháp (do Trung cộng chỉ định) họp để xem xét các phản ứng ghi nhận được của dân chúng đối với những thay đổi được đưa ra thăm dò. Cuộc họp của Hội đồng chuyển tiếp này được tổ chức trên đất Trung cộng vì sợ phản ứng của viện lập pháp đương nhiệm của Hương cảng (đã bị Trung quốc ra lệnh giải tán). Chính quyền hiện tại của Hương cảng đồng ý hợp tác với Đồng Kiến Hoa nhưng từ chối giúp đỡ Hội đồng chuyển tiếp, coi đây là đối thủ bất hợp hiến của mình.

Trung cộng tránh đôi co với Hoa kỳ

Giang Trạch-dân xác nhận hiện nay giữa Trung Cộng và Mỹ không có dấu hiệu căng thẳng. Lãnh tụ Trung Cộng khoe rằng "chánh phủ và nhân dân Trung hoa yêu chuộng hoà bình và không hề có ý định bành trướng". Tuy thế, họ Giang đã cảnh cáo rằng nếu vấn đề Đài loan không được giải quyết thích đáng, quan hệ Hoa-Mỹ sẽ có những thay đổi và khó lòng giữ cho lành mạnh hay phát triển vững vàng.

Giữa Mỹ và Trung cộng trước nay có nhiều bất đồng về các vấn đề nhân quyền, phát triển vũ trang, tuy nhiên mối lo ngại chính của Hoa lục là thái độ của Mỹ với Đài loan. Hồi 1995, chuyến đi Mỹ, mặc dù với tư cách cá nhân, của Tổng thống Lý Đăng Huy

đã làm Trung cộng nổi giận. Gần đây, Trung cộng và Hoa kỳ đã cố gắng giữ cho quan hệ của hai nước nồng ấm hơn vì những quyền lợi kinh tế.

Nói về chuyến thăm viếng sắp tới tại Mỹ, Giang Trạch-dân tuyên bố Trung quốc sẽ học của Hoa Kỳ về khoa học và quản lý kinh tế nhưng Bắc kinh sẽ không chấp nhận hình thức dân chủ kiểu Mỹ cũng như quan điểm về nhân quyền của Tây phương.

TT Clinton gặp đức Đạt-Lạt-ma

TT Hoa-kỳ Bill Clinton đã đến văn-phòng PTT Al Gore để trò chuyện với đức Đạt-lai Lạt-ma, trong dịp ông Al Gore tiếp vị tu-sĩ Tây-tạng lưu-vong này tại Bạch cung. Trước đó, đức Đạt-lai Lạt-ma đã nói chuyện với các dân-biểu Hoa-kỳ tại trụ-sở Quốc-hội.

Trong lần tiếp-xúc này, TT Clinton hứa sẽ nói chuyện với Tổng Bí-thư Trung Cộng Giang Trạch-dân về vấn-đề Tây-tạng trong cuộc hội-kiến với họ Giang tại Bạch-cung cuối năm nay.

Phía Trung Cộng chỉ phản-ứng lấy lệ về việc TT Hoa-kỳ nói chuyện với lãnh-tụ lưu-vong Tây-tạng.

Peterson đến việt nam

Đại sứ đầu tiên của Hoa Kỳ tại Hà Nội, ông Douglas "Pete" Peterson đã đến phi trường Nội Bài ngày 9.5 vừa qua. Công tác ưu tiên hàng đầu của ông Peterson là đòi hỏi Hà nội cho biết rõ ràng về số phận 2.124 người Mỹ cho đến nay vẫn còn trong danh sách mất tích trong cuộc chiến tranh Đông dương.

Peterson cũng tỏ ý lạc quan về những "cố gắng" của CSVN về vấn-đề tù-binh mất-tích để đánh đổi qui- chế tối huệ quốc của Mỹ.

Về kinh-tế, hồi tháng 4, Hoa kỳ trao cho Hà nội một bản đề nghị yêu cầu đẩy mạnh cải cách kinh tế, mở rộng mậu dịch và đầu tư. Đầu tháng 5, Hà-nội lại loan báo rằng hai bên sẽ có thể ký kết những thoả thuận vào

tháng 8 tới.

Trong chiến tranh Việt nam, ông Peterson là phi công, máy bay bị bắn rơi năm 1966 và bị Việt cộng giam giữ tại Hoả lò Hà nội trong 7 năm.

Đại sứ VC tại Hoa thịnh đồn là Lê Văn Bàng, nguyên đại-sứ VC tại LHQ, là người từng bị cảnh-sát Mỹ bắt về tội mò sò lậu ở vùng cấm.

Nhật công nhận chủng tộc Ainu

Luật về việc duy trì nền văn hoá của dân tộc thiểu số Ainu vừa được quốc hội thông qua đầu tháng Năm là một biến cố lịch sử tại Nhật bản.

Trước nay, người Nhật luôn luôn khẳng định chỉ có một chủng tộc duy nhất trên đất nước Phù tang. Ngay cả khi ký vào Hiến chương nhân quyền năm 1979, chính phủ Nhật vẫn xác định không có dân thiểu số ở nước Nhật.

Người Ainu có mặt tại miền bắc Nhật bản ngay từ thời tiền sử. Trong lịch sử, họ bị người Nhật tìm mọi cách xoá sạch hay đồng hoá. Dân Ainu (hiện còn khoảng 25 ngàn người) đã tranh đấu để bảo vệ tư cách của mình trên đảo Hokkaido. Shigero Kayano, dân biểu Nhật duy nhất gốc Ainu tại quốc hội, cho biết dân tộc ông sẽ tiếp tục tranh đấu cho mục tiêu được công nhận tư cách thổ dân đồng thời phục hồi nền văn hoá và những quyền lợi họ bị tước đoạt từ hàng ngàn năm nay.

Lính Mỹ hiếp gái Úc

Lại thêm một vụ bê bối của lính Mỹ tại ngoại quốc. Ba thủy thủ Hoa kỳ đã bị toà án Úc ra lệnh tạm giữ ngày 9.5 tại Perth. Các thủy thủ này, thuộc hàng không mẫu hạm USS Constellation, bị bắt trước đó ba ngày và bị truy tố về tội hiếp dâm một thiếu nữ Úc 15 tuổi.

Damian Hargrave (19 tuổi), Darell Benson (20 tuổi) và Timothy Tolbert (24) tuổi ra toà ngày 19.5 để được xét tại ngoại. Hàng không mẫu hạm Constellation đã nhổ neo rời Perth, bỏ lại 3 quân-nhân vô-kỷ-luật.



trong làng

Đợt sách mới của Làng Văn

Trong tháng 5.97, Làng Văn đã tung ra một loạt sách mới, gồm:

- *Đầu làng cuối xóm*, tập biếm văn của Mỗ Làng Văn, kể chuyện chính-khách trở cờ và đào-nhiệm Trần Thanh Hiệp, dịch-giả "bể dậu" Nguyễn Ngọc Bích và đầy đủ những quái-nhân, quái sự ở hải-ngoại.

- *Vết thương ngày cũ*, truyện dài của Cao Xuân Lý. Cao Xuân Lý là một chiến-binh VNCH, sinh năm 1942 tại Sơn-tây (quê mẹ), học Tiểu-

học ở Sơn-tây, trung-học ở Tuy-hòa và Nha-trang, đại-học ở Sài-gòn, hiện làm nhân-viên thư-viện tại Úc.

Vết thương ngày cũ ghi nhận giai-đoạn xã-hội trước 1975. Cao Xuân Lý viết văn như kể chuyện, giản dị, dễ hiểu nhưng lời-cuốn và có chiều sâu. Truyện của ông không nhằm đề cao những anh hùng, mà cũng không lên án gian hùng. Truyện như một cuốn phim, mô-tả trung thực những tai biến của xã-hội, trung-thực đến độ lạnh-lùng.

- *Mộng xuân*, tập thơ của Nguyên Tú. Nguyên Tú là một cây bút trẻ lớn lên tại hải-ngoại. Thơ của anh trong sáng, không làm dáng và tạo được xúc-động

- *Anh Khó và con quỉ*, truyện thiếu-nhi của Cung Vũ, Vi-Vi minh-họa.

Đây là tập truyện thiếu nhi thứ ba của Cung Vũ, mở đầu cho một loạt truyện thiếu-nhi, sau các cuốn *Mục Kiền Liên* và *Ấn khế trả vàng* đã phát-hành trong các năm trước.

Truyện có nhiều màu sắc địa-phương (thượng-du Bắc Việt), có tính-cách giải-trí và giáo-dục.

- *Sự tích Tết Trung-thu*, truyện thiếu-nhi của Cung Vũ, Vi-Vi minh-họa, bản Anh văn của Thiều Dương.

Truyện có màu sắc văn-hóa, ghi-nhận nguồn gốc Trung-hoa của Tết Trung-thu, cho tới Tết Trung-thu của

Việt-nam và lý-do để cái tết "người lớn" này thành "Tết Nhi-đồng."

Trong tháng 6.97, Làng Văn sẽ trình làng hai cuốn *Chém đá* và *Đá đổ mồ hôi* (tức *Chém đá* tập 2) của Sác Không. Các tập này bao gồm loạt bài "chém đá" đã đăng trên *Làng Văn* thời-gian gần đây. Đọc "chém đá" từng kỳ trên báo đã thú-vị, đọc lại liên-tục toàn tập trên sách (chữ lớn hơn, trình-bày sáng hơn - nhờ trang rộng), càng thú-vị thập bội, kính mời quý độc-giả đón xem.

Ngoài ra, trong danh-sách đang chuẩn-bị lên khuôn còn có các cuốn:

- *Phận bạc*, tuyển tập truyện ngắn của các cây bút đi từ miền Bắc.

- *Sau bức màn tre*, tức *Đầu làng cuối xóm* tập 2 của Mỗ Làng Văn.

- *Chuyện lạ xứ người* của Nguyễn Nhạn Sơn.

Văn Bút Ontario ra mắt sách

Sau lần sinh-hoạt ra mắt một loạt 7 cuốn sách tại Toronto hồi đầu năm, Văn Bút Ontario sẽ tổ-chức một buổi sinh-hoạt gồm ba phần, nói chuyện, ra mắt sách và văn-nghe.

Buổi sinh-hoạt bắt đầu từ 1 giờ trưa ngày Chủ nhật 15.6 tại Trung-tâm sinh-hoạt người Việt, số 176 đường Rochester, Ottawa, Gia-nã-đại. Buổi sinh-hoạt mở cửa tự-do cho



văn-hữu và công-chúng, được sự giúp sức tổ-chức của cộng-đồng người Việt vùng Ottawa-Hull.

Chương-trình sinh-hoạt gồm có:

- Nói chuyện về *Kinh Dịch và kinh Khái-huyền* (học-giả Việt Chi).

- Nói về *Dân ca dân nhạc Việt-nam* (Nguyễn Hữu Nghĩa).

Phân ra mắt sách, Văn Bút Ontario sẽ trình làng 7 cuốn sách:

- *Việt nam con người và hành-động* của GS Lê Kim Ngân.

- *Hải nhăm năm ấy*, thơ Hoàng Ngọc Thanh Dung.

- *Sự tích Tết Trung Thu* của Cung Vũ và Thiều Dương.

- *Cuộc đời vô-định* của Tống Minh Long Quân.

- *Đầu làng cuối xóm* của Mỗ Làng Văn.

- *Chém đá và Đá đổ mồ hôi* của Sắc Không.

Tất cả các tác-giả có sách ra mắt đều là hội-viên Văn Bút Ontario. Trừ cụ Sắc Không đang vân du công-tác, tất cả các tác-giả khác đều có mặt trong buổi sinh-hoạt để tặng chữ ký cho các độc-giả thích sưu-tập sách.

Phần văn-ngệ sẽ do các tài-năng của Ottawa phụ-trách.

Sinh-hoạt Văn Bút Ontario, cũng như các trung-tâm khác như Âu-châu (Từ Nguyên), Nam Hoa-kỳ (Trương Sĩ Lương), Nam California (Cao Xuân Huy), Bắc California (Phạm Quang Trình), Miền Đông (Sơn Tùng), Trung Tây Gia Nã Đại (Lâm Hảo Dũng) vẫn bình-thường và liên-tục, vì tất cả đều là hội viên chính-thức của Văn Bút Quốc-Tế. Tình-trạng lung-củng ở BCH trung-ương do sự phá-hoại của Trần Thanh Hiệp và Viên Linh không làm gián-đoạn hoạt-động của các trung-tâm này.

Tác-giả "*Vẻ vang dân Việt*" lâm bệnh

Nhà báo Trọng Minh, người thực-hiện bộ sách song ngữ Việt-Anh *Vẻ vang dân Việt - The Pride of The Vietnamese*, đã lâm bệnh nặng, thân nhân đã phải cấp tốc đưa anh vào nhà thương Garden Grove đầu tháng 5

vừa qua.

Để có tiền trị bệnh, ký-giả Trọng Minh nhờ Làng Văn khẩn thiết kêu gọi các nhà sách, thân hữu đã tiêu thụ sách giúp ông, xin vui lòng thanh toán cho những khoản tiền còn thiếu.

ngoài ngõ



Biểu-tình 30 tháng 4 tại Đức

Vào chiều 30.4.1997, dù là ngày làm việc, khoảng 1000 người thuộc cộng đồng người Việt tại Đức đã biểu tình trước sứ-quán VC tại Bonn.

Cuộc biểu tình bắt đầu vào lúc 11 giờ trưa tại công-trường trung tâm Bonn bằng một cuộc diễn hành và sau đó mọi người đã kéo tới sứ-quán VC lúc 2 giờ chiều.

Đoàn biểu tình đã cất cao hàng loạt bài ca chính huấn, đấu-tranh nhân-quyền. Các biểu ngữ đủ màu sắc mang nội dung đòi hỏi tự do dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam được giương cao.

Ông Nguyễn Thanh Văn, trưởng ban tổ chức cho biết, có khoảng 30 tổ chức hội đoàn địa phương tham dự cuộc biểu tình cùng với những hội đoàn ở các địa phương khác, nâng lên tổng số khoảng 45 hội đoàn ở khắp nước Đức kéo về tham dự.

Cũng như những năm trước, tòa đại-sứ Hà Nội đóng cửa im lìm với một bản thông báo trước cửa là "nghỉ lễ". Tuy nhiên, theo một người tham gia biểu tình có kinh nghiệm thì nơi các cửa sổ của tòa đại sứ có những lỗ

tròn là nơi những ống kính quay phim thu hình đoàn người biểu tình.

Cô Hoàng Anh Lê, một du học sinh Hà Nội trước đây tại Đông Âu, hiện tị nạn tại Đức có mặt trong đoàn biểu tình, phát biểu: "*Tôi đã sống và lớn lên tại Hà Nội. Khi ra đi từ Việt Nam sang Tiệp, rời ghế nhà trường tôi vẫn còn bé nhỏ. Tôi được dạy rằng ngày này là ngày thống nhất đất nước, đánh dấu một sự kiện lịch sử. Nhưng nay sống tại Đức 7 năm tị nạn tôi thấy rất nhiều điều. Hôm nay có mặt tại nơi này tôi muốn nói lên ý của tôi cũng như của tất cả anh chị em từ Đông Âu hiện đang xin tị nạn tại Đức tự do dân chủ, và bác ái. Tôi cũng mong muốn chính phủ Việt Nam thực thi những tư tưởng dân chủ và nhân quyền như họ đã ghi trong hiến pháp.*"

Sinh-hoạt 30 tháng 4 tại thủ-đô Hoa-kỳ

Một cuộc biểu tình của cộng đồng người Việt đã diễn ra vào trưa thứ tư 30.4.1997, ngay trước cửa tòa đại sứ của Cộng sản Hà Nội tại thủ đô Hoa-thịnh-đốn, Hoa-kỳ.

Cuộc biểu tình khởi sự sau khi đoàn người chào cờ quốc gia, mặc niệm các chiến sĩ trận vong, sau đó là phân phát biểu của đại diện các đoàn thể và của các phái đoàn từ xa đến.

Tất cả có 12 người thuộc tiểu bang Connecticut, 50 người từ Philadelphia (Pennsylvania), 45 người từ Houston (Texas), 20 người từ Massachusetts, 100 người của Virginia, 30 người của Maryland, 30 người của Washington D.C., đó là không kể đồng bào kéo đến tham gia với tư cách cá nhân.

Hai cánh cửa sắt của sứ quán VC (tòa đại sứ cũ của Việt Nam Cộng Hòa) đóng im lìm. Trán giữa hai cánh cửa sắt có khóa dây xích là chiếc xe van của cảnh sát Mỹ và nhiều nhân viên an ninh án ngữ. Không có một dấu hiệu sinh hoạt nào ở trong tòa nhà này.

Phía bên ngoài, đoàn biểu tình tuần hành hô vang các khẩu hiệu đòi tự do dân chủ cho Việt Nam.

Đoàn biểu tình gồm đủ mọi thành phần, mọi lứa tuổi, trong đó có một số thiếu-nhi từ 8 đến 12 tuổi cùng phụ-huynh tham gia biểu-tình. Một rừng cờ vàng ba sọc đỏ và biểu ngữ đã tạo được sự chú ý của những xe cộ ngược xuôi trên con đường nổi tiếng nhất của giới ngoại giao, được xem là con đường của các tòa đại sứ.

Bên cạnh hàng trăm người Việt tham dự cuộc biểu tình còn có những cựu chiến binh Mỹ cùng tham gia. Khí thế đấu tranh trong cuộc biểu tình đánh dấu năm thứ 22 ly hương của người Việt tại Hoa-thịnh-đốn đã được ông Lê Quyền - người điều động cuộc biểu tình - nhận-xét là thành công.

Đây là một trong những sinh hoạt đấu tranh nhân ngày 30 tháng 4. Tối 29-4 tại khu thương mại sầm uất của người Việt trong vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, một buổi lễ thấp nển kéo dài từ 9 giờ tối đã được Cộng Đồng Người Việt trong vùng thực hiện. Phái đoàn Houston đã thấp lên 22 ngọn nến tượng trưng cho 22 năm xa quê hương, tưởng nhớ về quê hương, đến những người đã hy sinh cho tự do, cho đất nước. Lễ tưởng niệm kết thúc với lời nguyện cầu của các nhà lãnh đạo tinh thần, tôn giáo.

Trước đó, vào chiều Chủ nhật 27-4, các đoàn thể đấu tranh vùng Hoa Thịnh Đốn cũng đã tổ chức buổi hội thảo chính trị để cùng xác định vị thế

đấu tranh và thế tất thắng của chính nghĩa.

Sáng thứ năm 1-5, có 8 phái đoàn do cộng đồng vùng Hoa Thịnh Đốn phối hợp với các phái-đoàn từ xa đến, cùng chia nhau đến gặp các giới Lập-pháp cũng như Hành-pháp Hoa Kỳ để vận động cho nhân quyền và việc tự do dân chủ cho Việt Nam.

“Đốt ngọn lửa thiêng” tại Dallas, Hoa-kỳ

Tổ-chức Phụ-nữ Đấu-tranh Nhân-quyền cho Việt-nam, với sự hỗ trợ của các đoàn thể người Việt quốc-gia, đã tổ-chức chương-trình văn-nghệ “Đốt Ngọn Lửa Thiêng Cho Quê Hương VN” vào lúc 3 giờ chiều Thứ Bảy, 26.4.1997 tại Hội Trường Maple, vùng Dallas, Texas, Hoa-kỳ.

Mặc dù trời mưa lạnh, khoảng 200 thân hào nhân sĩ và đồng hương trong vùng Dallas - Fort Worth cũng đã đến tham dự buổi văn nghệ đấu tranh và tưởng niệm 30.4 này.

Mở đầu chương trình là lễ chào cờ do các anh trong binh chủng “Màu Áo Hoa Rừng” đảm trách. Sau đó ban tổ chức đã vào ngay với chủ đề ca nhạc đấu tranh. Những cây nến được đốt lên, các chị trong những chiếc áo dài mang lá cờ vàng VNCH lên sân-khẩu trong lời ca, tiếng nhạc hào-hùng.

Nhạc sĩ Trương Sĩ Lương, Chủ-

tịch Văn Bút Nam Hoa-kỳ và cũng là thành-viên Phong-trào Hưng Ca Việt-nam, hai đoàn thể sử dụng văn nghệ làm vũ khí đấu tranh, đã điều khiển chương trình văn nghệ hướng về quê nhà trong nỗ lực đấu tranh chung cho tự do dân chủ.

Chương trình kết thúc vào lúc 6 giờ chiều cùng ngày, sau khi bà Đỗ Trang Phúc, đại diện cho Hội Phụ-nữ Liên Tôn lên tặng hoa cho ban tổ chức.

Giỗ tổ và Quốc-hận tại Arlington, TX

Để ghi công đức tiền nhân đã dày công xây dựng và giữ nước, đồng thời để cùng nhau nhìn lại và khắc ghi quá khứ đau thương của 22 năm qua, ngày CSVN cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam, gieo rắc đau khổ hận thù, ly loạn cho cả dân tộc Việt, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Fort Worth và vùng phụ cận đã long trọng tổ chức buổi lễ lúc 11 giờ 30 ngày Chủ nhật 27.4.97 tại khu Phước Lộc Thọ tại Arlington, Texas.

Sau lễ chào cờ, cử hành quốc ca và phút mặc niệm, ông Phạm Văn Hảo, đại diện Ban Tổ chức, đứng lên tuyên bố lý do về lễ Giỗ Tổ Hùng Vương và Tưởng niệm Quốc Hận 30.4: Đây cũng là dịp nhắc nhở chúng ta nhớ tới ngày 30-4-75, ôn lại dĩ vãng đau thương khi nói đến mất nước, nuôi ý chí, quyết tâm quang phục quê hương hầu đem lại Tự Do Nhân Quyền cho đồng bào trong nước đang quần quai dưới chế độ phi nhân của bọn Cộng sản vô thần.

Bà Liên Bích lên diễn đàn nói lên sự nghiệp mở mang đất nước Việt Nam qua các đời vua Hùng từ Lạc Long quân và Bà Âu Cơ, truyền nối cho đến hôm nay hơn 70 triệu con dân đất Việt hào hùng, khí phách... cùng kêu gọi mọi người nhớ ơn Quốc Tổ Hùng Vương để xứng danh con Hồng cháu Lạc, đưa dân tộc Việt Nam khỏi cảnh lầm than như hiện nay.

Bác sĩ Phạm Văn Chất, Chủ Tịch Cộng-đồng Người Việt Quốc-gia nói



Sinh-hoạt Quốc-hận 30 tháng 4 tại Bắc California: lễ chào cờ, quốc ca VNCH

trước cử tọa: Giỗ Tổ đã trở thành một ngày kỷ niệm truyền thống, đặc biệt có ý nghĩa cho những người Việt tỵ nạn đang sống lưu vong tại nước ngoài. Xa quê hương nhưng luôn luôn nhớ tới cội nguồn, biết mình là ai và phải làm gì để báo đền công ơn tiên tổ. Trách nhiệm chúng ta không phải chỉ ngưng tại đó mà phải làm sao truyền đạt tư tưởng này tới con cháu và thế hệ mai sau. Chúng ta cũng không quên lột trần sự vong ân của Cộng sản Việt Nam đã chối bỏ nguồn gốc, tôn xưng Mác Lê thay cho tổ phụ và ngoan cố viết và giải thích lịch sử theo chiều hướng thuận lợi cho chúng dù phải phủ nhận công ơn tiên tổ.

Sau các bài diễn văn, Giỗ Tổ Hùng Vương bắt đầu sau ba hồi chiêng trống.

Qua phần kỷ niệm ngày Quốc Hận 30-4, lễ đặt vòng hoa được tổ chức trọng thể với đại diện các binh chủng Nhảy Dù, Thủy Quân Lực Chiến, Mũ Nâu v.v. BS Phạm Văn Chất, các ông Lê Chu, Nguyễn Văn Tường long trọng đặt vòng hoa tại đài chiến sĩ đã bỏ mình vì nước. Điệu nhạc u buồn đã trôi lên để tưởng nhớ những chiến sĩ vị quốc vong thân và hết lòng ghi ơn.

Sau đó, hai vị đại diện tôn giáo Cao Đài và Cựu Tù nhân Chính trị lần lượt đứng lên phát biểu ý kiến, nhắc nhở công ơn bao đời của các Vua Hùng và những bậc tiền nhân đã dựng nước. Họ cũng lên án Cộng Sản Việt Nam hiện nay đã chối bỏ tổ tiên, nhìn

nhận Mác Lê là tổ tiên của chúng, áp đặt chế độ Cộng sản, giết hại đồng bào khi cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam và đưa dân tộc đến chốn cực khổ lầm than, sau 22 năm thống trị với chính sách bóc lột, độc tài và tù đầy.

Chương trình của hai buổi lễ kết thúc vào lúc 2 giờ chiều cùng ngày.

Biểu-tình 30.4 tại Paris, Pháp

Khoảng 200 người Việt-nam và đại-diện cộng-đồng Lỗ-ma-ni, Hung-gia-lợi, Tây-tạng... đã biểu-tình tại công-trường Thocadereau gần tháp Eiffel hôm Chủ-nhật 27.4 vừa qua để lên án CSVN chà đạp nhân-quyền và đánh dấu 22 năm ngày CS Bắc Việt vi-phạm hiệp-định Paris, tiến quân vào Sài-gòn.

Lễ Thượng-kỳ VNCH tại tòa Thị-chính Toronto

Theo thông-lệ hàng năm, Hội Cựu Quân-nhân QLVNCH vùng Ontario, Gia-nã-đại đã tổ-chức lễ Thượng-kỳ VNCH tại kỳ-đài tòa Thị-chính thủ-phủ Toronto.

Lễ Thượng-kỳ năm nay diễn ra hôm Chủ-nhật 27.4, với khoảng 200 đồng-bào và quan-khách ngoại-quốc. Trong phần phát-biểu của quan-khách, một nữ quân-nhân Gia-nã-đại từng tham chiến tại Việt-nam xác-định sự tin-tưởng của bà rằng lá cờ vàng ba sọc đỏ trong một ngày gần

đây sẽ tung bay trên khắp nước VN tự-do.

Biểu-tình 30.4 tại Úc

Cộng-đồng Người Việt Tự-Do tại Úc luôn luôn tổ-chức biểu-tình Quốc hận vào đúng ngày 30 tháng 4, bất chấp nó rơi vào ngày làm việc hay ngày nghỉ cuối tuần. Cuộc biểu-tình hằng năm bao giờ cũng có trên 1000 người tham-gia, diễn ra ngay trước sứ-quán VC tại Canberra, thủ-đô của Úc, một thành-phố nhỏ nằm cách Sydney và Melbourne rất xa.

Đặc-biệt trong cuộc biểu-tình Quốc-hận năm nay có sự tham gia của 1 tay vợt bóng bàn và 7 diễn-viên đoàn múa rối nước Sông Ngọc. Cả 8 bạn trẻ này đều đã chọn tị-nạn chính-trị tại Úc trong thời-gian gần đây.

Chiến-sĩ Trần Hồng được hưởng án treo

Chiến sĩ Trần Hồng, người lái xe ủi đất đụng sập cổng và xông vào sứ-quán VC tại số 63 đường Boileau, Paris ngày 29.4.1996 đã ra trước tòa án Pháp hôm 23.4 vừa qua.

Bà Chánh-án ghi nhận: việc làm của ông Trần Hồng đã được sự ủng-hộ nồng-nhiệt của đồng-bào ông. Nhờ sự hết lòng của LS Nguyễn Gia Khánh, công-tố-viên đã cho cải tội danh "khủng-bố" thành "xâm-phạm gia-cư." Tòa cho hưởng án 1 năm tù treo, miễn bồi thường.

Chiến-sĩ Trần Hồng năm nay 67 tuổi, sinh quán Quảng-bình, bào đệ của Thạc-sĩ Y-khoa Trần Vỹ, Bộ trưởng Y-tế đệ I Cộng-hòa. Lúc còn đi học, ông đã tham-gia kháng-chiến chống Pháp, bị Pháp bắt làm tù binh từ 1952 đến 1954. Sau 1954, ông chọn sống tại miền Nam. Sau 1975 ông định cư tại Pháp và tích-cực tham-gia chống Cộng.

Sau khi nhận bản án, chiến-sĩ Trần Hồng khẳng-định rằng tinh-thần của ông trước sau như một, quyết hiến cuộc đời còn lại cho công-cuộc diệt trừ cộng sản. Ngọn đuốc Trần Hồng sáng rực trên thành-phố Paris, làm



Tay vợt bóng bàn quốc-tế và 7 diễn-viên đoàn múa rối nước Sông Ngọc (từ VN sang Úc) đã tham-gia biểu-tình 30 tháng 4, phát cao cờ chính-ngĩa trước sứ-quán CSVN tại Úc-đại-lợi

rung-dộng lòng người, không biết có đủ sức làm những chính-khách hai mang, trở cờ như Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Gia Kiểng phải cúi mặt?

Người Việt lại bị dân Đức kỳ-thị đánh chết

Hôm 5-5, một người đàn ông Việt Nam 42 tuổi đã bị một thanh niên Đức tấn công ở Frederickdorf (Đông Đức cũ). Ông bị thương nặng và tử trần. Thủ phạm đã bị truy tố về tội cố sát do kỳ thị chủng tộc.

Quả-phụ có chồng chết trong trại cải-tạo cần biết

Từ tháng 8 năm ngoái, tổ chức Cộng Đồng Việt Nam Vùng Hoa Thịnh Đốn, Maryland và Virginia (Cộng-đồng VN) đã thiết lập một chương trình nhân đạo nhằm hỗ trợ cho các đồng hương ở Hoa Kỳ truy tìm thân nhân mất tích trong các trại cải tạo. Việc truy tìm này bao gồm cả việc tìm xác và tìm hiểu nguyên-nhân cái chết.

Tháng 3 vừa rồi, phái đoàn cao cấp của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đi Hà Nội đã nộp danh sách các hồ sơ thân nhân mất tích, do Cộng-đồng VN cung cấp, cho Bộ Ngoại Giao CS Việt Nam. Phía CSVN hứa "sẽ hợp tác".

Qua các hồ sơ này, Cộng-đồng VN đã gặp một số trường hợp quả phụ có chồng chết trong trại cải tạo nhưng bị Hoa Kỳ từ chối không nhận định cư theo chương trình HO chỉ vì không có giấy chứng tử của chồng. Cộng-đồng VN đã báo động về tình trạng này với Quốc Hội Hoa Kỳ và yêu cầu Quốc Hội tìm cách điều chỉnh thể thức cứu xét các trường hợp như vậy trong chương trình HO.

Ngày 6 tháng 5 vừa qua, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đồng ý sẽ cứu xét cho các trường hợp này mà không cần phải có giấy chứng tử. Tuy nhiên, Bộ đòi hỏi Quốc Hội cung cấp danh sách của những trường hợp này.

Trong khi chờ đợi tham khảo với các tổ chức cựu tù chính trị và các hội đoàn liên hệ khác về việc lập danh

sách, Cộng-đồng VN sẽ nhận đơn của các quả phụ thuộc trường hợp này hoặc từ thân nhân của họ ở ngoại quốc để chuyển ngay cho Quốc Hội Hoa Kỳ.

Kèm đây là mẫu đơn, cũng là mẫu đơn tìm thân nhân mất tích. Khi nộp đơn, xin gửi kèm giấy xác nhận của các cựu tù cải tạo hiện đang sống ở ngoại quốc về trường hợp thân nhân của mình. Nếu không có giấy xác nhận thì xin cho biết danh tính, địa chỉ và số điện thoại của những ai có thể giúp xác nhận hay phối kiểm.

Vì lý do kỹ thuật, Cộng-đồng VN sẽ không nhận đơn trực tiếp từ Việt Nam mà chỉ nhận những đơn nào do thân nhân ở hải ngoại nộp hay do một hội đoàn ở hải ngoại chuyển. Để trang trải phần nào chi phí hành chánh trong việc thiết lập và theo dõi hồ sơ, xin gửi kèm 5 mỹ kim với mỗi lá đơn.

Xin gửi hồ sơ về: Vietnamese Community/DC, MD & VA
2800 Juniper Street, # 4
Fairfax, VA 22031, USA

ĐƠN XIN GIÚP-ĐỖ TÌM THÂN NHÂN MẤT TÍCH

Tên người đứng đơn:.....
Địa chỉ:.....
Quốc tịch:.....
Quan-hệ với người mất tích:.....
Điện thoại (ban ngày):.....
(chiều tối):.....
Tên của thân nhân mất tích:.....
Ngày sinh:.....
Cấp bậc trước 1975:.....
Thời gian bị cải tạo hay bị tù (xin liệt kê tất cả các trại cải tạo và trại tù, kèm với thời gian ở mỗi nơi, nếu biết):...
.....
Các chi tiết liên quan đến sự qua đời của thân nhân (nếu bị mất tích thì xin ghi rõ là bị mất tích và lần cuối cùng gia đình được thăm nuôi trước khi bị mất tích):.....
Ngày chết:.....
Nơi chôn:.....
Gia đình có được thông báo lý do qua đời hay không:.....
Nếu chết vì bệnh, thân nhân có được

cung cấp hồ sơ bệnh lý hay không:....
.....
Thân nhân có được lãnh xác về để

giảو nghiệm và mai táng hay không:....
.....
Hoàn cảnh qua đời (xin ghi rõ về

những điều quý vị biết hay nghe kể lại. Nếu cần thì xin ghi thêm):.....
Xin ghi ra dưới đây các tin tức mà quý

vị cho là quan trọng nhưng không có trong các câu hỏi kể trên:.....
Xin quý vị ký tên để cho phép chúng

tôi chuyển hồ sơ và thỉnh nguyện của

quý vị cho Bộ Ngoại Giao và các giới

chức có thẩm quyền:

Ký tên:.....

Ký ngày:.....

Xin gửi đơn này về địa chỉ:

P.O. Box 1122,

Springfield, VA 22151-0122

USA

Xin gửi kèm bản sao của tất cả các giấy tờ liên hệ (giấy chứng tử, hồ sơ bệnh lý, giấy cải tạo, v.v.) kèm 5 mỹ-kim theo đơn này, để trả cho cho: "Vietnamese Community/DC, MD & VA."

BS Nguyễn Lương Tuyên nói chuyện tại Quốc-hội Mỹ

BS Nguyễn Lương Tuyên, Chủ-tịch Cộng-đồng Người Việt Quốc-gia Montréal (Gia-nã-đại) đã nói chuyện tại trụ-sở Quốc-hội Hoa-kỳ nhân Ngày Nhân-quyền cho Việt-nam hôm 9.5.1997 vừa qua.

Cùng nói chuyện trong buổi lễ còn có GS Nguyễn Xuân Vinh, ông Wu Harry, Cựu Thủ-tướng Miến-diến, Đại-diện quốc-gia Tây-tạng và ông Kirland Lane, Chủ-tịch Nghị-hội Lao-động Hoa-kỳ.

Nhắc lại, ngày 5.5.1994, do sự vận-động của Tổ-chức quốc-tế yểm-trợ Cao-trào nhân-bản VN (BS Nguyễn Quốc Quân), Quốc-hội lưỡng viện Hoa-kỳ đã thông qua nghị-quyết số SJ-168, và TT Hoa-kỳ đã ban hành đạo luật số 103-258, lấy ngày 11 tháng 5 hàng năm làm Ngày Nhân-quyền cho Việt-nam. Ngày này là ngày BS Nguyễn Đan Quế công-bố Tuyên-ngôn nhân quyền VN (1987).



tin việt-nam

DƯƠNG THƯỢNG NGÃ
phụ-trách

Lễ Lao-động 1 tháng 5

Năm nay CSVN đã không tổ-chức linh-đình lễ Quốc-tế Lao-động như các năm trước. Hiện Việt Nam đang gặp nhiều tranh chấp xã hội. Trong năm nay hàng chục vụ đình công đã nổ ra trong nhiều công ty tư nhân cũng như công-ty nhà nước. Người lao động đòi công bằng xã hội.

Tại Bắc Hàn, Bình Nhưỡng tiếp tục ca tụng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa dù nạn đói đang hoành hành trong nước. Tại Trung Cộng, lễ lao động được tổ chức như thông lệ tại công-trường Thiên An Môn. Tại Nga, Tổng thống Yeltsin nhấn mạnh rằng người dân không còn bị bắt buộc đi mít tinh mừng lễ lao động. Vào sáng 1.5, chỉ có vài ngàn người cộng sản đi biểu tình ở Mạc-tư-khoa.

Cướp cha xử cướp con: đường dây ma-túy

VC đem "vụ án đường dây ma túy xuyên quốc gia" ra tòa hôm Thứ Sáu 2-5-1997. Tổng cộng có 22 bị cáo, trong đó có 10 sĩ quan công an, đứng đầu là Đại úy Vũ Xuân Trường thuộc bộ phận công an hình sự bài trừ ma túy Bộ Nội Vụ, bị bắt vào tháng 7-1996.

Theo báo *Thanh Niên* số ra ngày 22-4, hơn 10 người trong số 22 bị cáo này có thể bị lãnh án tử hình về trách nhiệm của họ trong một đường dây buôn lậu ma túy với khoảng 300 kí bạch-phiến. Mạng lưới này được xem là rộng lớn nhất và có tổ chức chặt chẽ nhất từ trước tới nay, dính líu đến nhiều viên chức trong Bộ Nội Vụ, công an và lính biên phòng. Tổng cộng có 40 can phạm liên quan tới nội vụ, trong đó có 3 người Lào, nhưng chỉ có 22 người bị đưa ra xét xử, số 18 người còn lại sẽ được xét xử sau khi cuộc điều tra về tội trạng của họ kết thúc.

Đường dây ma túy bắt đầu từ Thái Lan, qua Lào, vào Việt Nam qua cửa Tây Trang, về Điện Biên rồi từ đó đi Hà Nội và các tỉnh khác. Trong số 22 người bị đưa ra xét xử, có 8 sĩ quan công an cấp bậc từ trung úy đến thượng tá. Qua điều tra, công an xác định đường dây đã vận chuyển tổng cộng 414 kí bạch-phiến, 510 kí thuốc phiện từ khu Tam Giác Vàng đổ vào thị trường Việt Nam.

Hồi đầu tuần, Đại úy Vũ Xuân Trường đã cho báo *Lao Động* biết là y sẽ khai tên tuổi những nhân vật quan trọng có dính líu tới đường dây ma túy mà y gọi là những kẻ đã phản bội y, để đánh đổi lấy việc cả hai vợ chồng y và người em trai không bị tòa kết án tử hình.

Theo AFP, phiên tòa dự trữ kéo dài 10 ngày và đã thu hút sự chú ý của giới báo chí trong nước. Riêng báo chí ngoại quốc thì không được phép trực tiếp theo dõi phiên tòa.

Kinh-nghiệm làm ăn với CS: 2 năm tù

Trần Triệu Quân, doanh-nhân người Việt quốc-tịch Gia-nã-đại, vừa được CSVN trả tự do sau 3 năm bị giam giữ. Ông Quân bị buộc tội gian lận trong một vụ xuất nhập cảng, bị giam giữ từ tháng 8-1994. Thoát đầu ông bị xử chung thân, sau đó án được giảm còn 20 năm. Tuy nhiên, ông Quân vẫn khẳng định mình vô tội, và thân-nhân của ông đã tổ-chức xin được hàng trăm ngàn chữ ký của người Gia-nã-đại để yêu-cầu CSVN phóng-thích.

"Trại tiếp-nhận": lưới hái của tử thần

Mới đây tại Sài Gòn xảy ra liên tiếp 3 cái chết của 3 thanh niên bị gán ghép là "đối tượng tệ nạn xã hội" và bị giam vào "Trại Tiếp Nhận", mà thực chất là một nhà tù kinh khủng.

"Trạm Tiếp Nhận" là một cơ quan trực thuộc Sở Lao Động & Thương-binh Xã-hội, được thành lập từ tháng 10-1992 để giam giữ, phân loại các đối tượng bị coi là tệ nạn xã hội gồm những người vô gia cư, những kẻ lang thang ở hè phố, để sau đó bị đưa đi cưỡng bức lao động tại các nông trường quốc doanh.

Trạm này tọa lạc tại số 463 đường Nơ Trang Long, Bình Thạnh. Những người bị "thu gom" và nhập trại, sau được Nguyễn Minh Chánh, Phó Giám đốc Sở Lao Động & Thương-binh Xã-hội ký lệnh đưa đi các nông trường cưỡng bách lao động. Có những người bị đánh chết tại Trại Tiếp Nhận và cũng có những người bị đánh chết tại các nông trường. Nhà nước sử dụng những tên đầu trộm đuôi cướp để cai quản những đối tượng bị thu gom, và làm ngơ cho chúng trấn-lột, kể cả sát hại tù-nhân.

Thanh-niên Lê Văn Dũng, nhập trại ngày 20-10-1995, bị đánh chết một cách dã man chỉ trong vòng bốn ngày.

Thanh-niên Nguyễn Minh Châu (Mỹ Tho) bị bệnh tâm thần, đi lang thang và bị đưa vào trại. Ngày 13-2-1996 Châu bị 6 tên côn đồ cai quản trong trại đánh đến chết. Điều đáng chú ý là cả hai vụ giết người này chỉ được ban quản lý trại biết đến sau khi các hung thủ báo cáo. Ngoài ra còn có 9 trường hợp bị chết do người bị giam lâm bệnh mà không được điều trị.

Tuy nhiên, những vụ bùng nổ gần đây khiến công luận được báo động về những tội ác mà nhà cầm quyền đã dung dưỡng.

Thanh-niên Lê Minh Tuấn sinh năm 1967, ngụ tại 193/1 Điện Biên Phủ, Quận 3, Sài Gòn, bị bệnh tâm thần đi lang thang nhưng không làm hại ai. Ngày 13-12-1996 Tuấn ra đi rồi biệt tăm. Ngày 12-3-1997 gia đình Tuấn nhận được "Giấy chứng tử" của UBND thị trấn Quảng Tín, tỉnh Daklak, cho biết Tuấn bị chết ngày 17-2-1997 tại Trung Tâm Dakru. Lúc đó gia đình Tuấn mới biết Tuấn đã bị "thu gom" và bị đưa đi

cưỡng bức lao động tại Trung tâm Dakru. Quyết định đưa đi cưỡng bức lao động do Phó giám đốc Nguyễn Minh Chánh ký ngày 21-12-1996. Bà Nguyễn Thị Kim Dung (mẹ của Tuấn) than oán: "Vì sao cháu Tuấn chết ngày 17-2-1997 mà họ không báo ngay cho gia đình tôi để lo chôn cất cháu. Tại sao tới ngày 12-3-1997 họ mới báo tử cho gia đình?"

Thanh-niên Nguyễn Văn Năng có vợ và 2 con, ngụ tại Trung Chánh, Hóc Môn, mắc bệnh tâm thần, được gia đình làm đơn gửi đi chữa bệnh vào ngày 26-3-1997. Ngày 1-4-1997, Phó giám đốc Nguyễn Minh Chánh ký lệnh đưa anh Năng đi cưỡng bức lao động tại Trung Tâm Phú Văn (một khu kinh tế mới). Gia đình hoảng sợ, làm mọi thủ tục để cứu anh Năng, nhưng đến ngày 7-4-1997, vợ anh Năng được một người đàn ông đến gõ cửa báo tin: "Anh Năng, chồng chị đã bị đánh chết ở Trung Tâm Phú Văn ngày 5-4-1997. Chúng tôi báo để gia đình lên nhận xác về."

Thanh-niên Ngô Quốc Bình sinh năm 1975 ở tỉnh Phú Thọ (miền Bắc), vào Sài Gòn đăng-ký tạm trú tại nhà chị Võ Thị Đông ở Phường 11, Quận 3. Ban ngày anh bán báo ở ga Sài

Gòn, ban đêm theo học lớp 11 tại Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên Quận 3. Ngày 5-3-1997 Bình đang bán báo tại ga Sài Gòn thì bị "thu gom". Chị Đông chạy đôn chạy đáo xin bảo lãnh cho Bình được tha, song mãi đến chiều 18-3 chị mới nhận được tờ quyết định "cho về với gia đình" thì cũng đúng là ngày Bình chết. Giấy báo tử của Bệnh viện Chợ Rẫy ghi: "Ngô Quốc Bình, can phạm, vào viện 16-3-1997 (lúc 14 giờ 30), nguyên nhân tử vong: dập não và thái dương phải, não phù." Tìm hiểu ra, anh Bình sau khi bị bắt, bị đưa vào Trại Tiếp Nhận, rồi sau đó bị đưa đi cưỡng bức lao động tại Trung tâm Phú Văn. Tại đây anh Bình đã bị đánh đến dập não, được đưa đi Bệnh viện Gia Định ngày 16-3, rồi được chuyển về Chợ Rẫy trong cùng ngày.

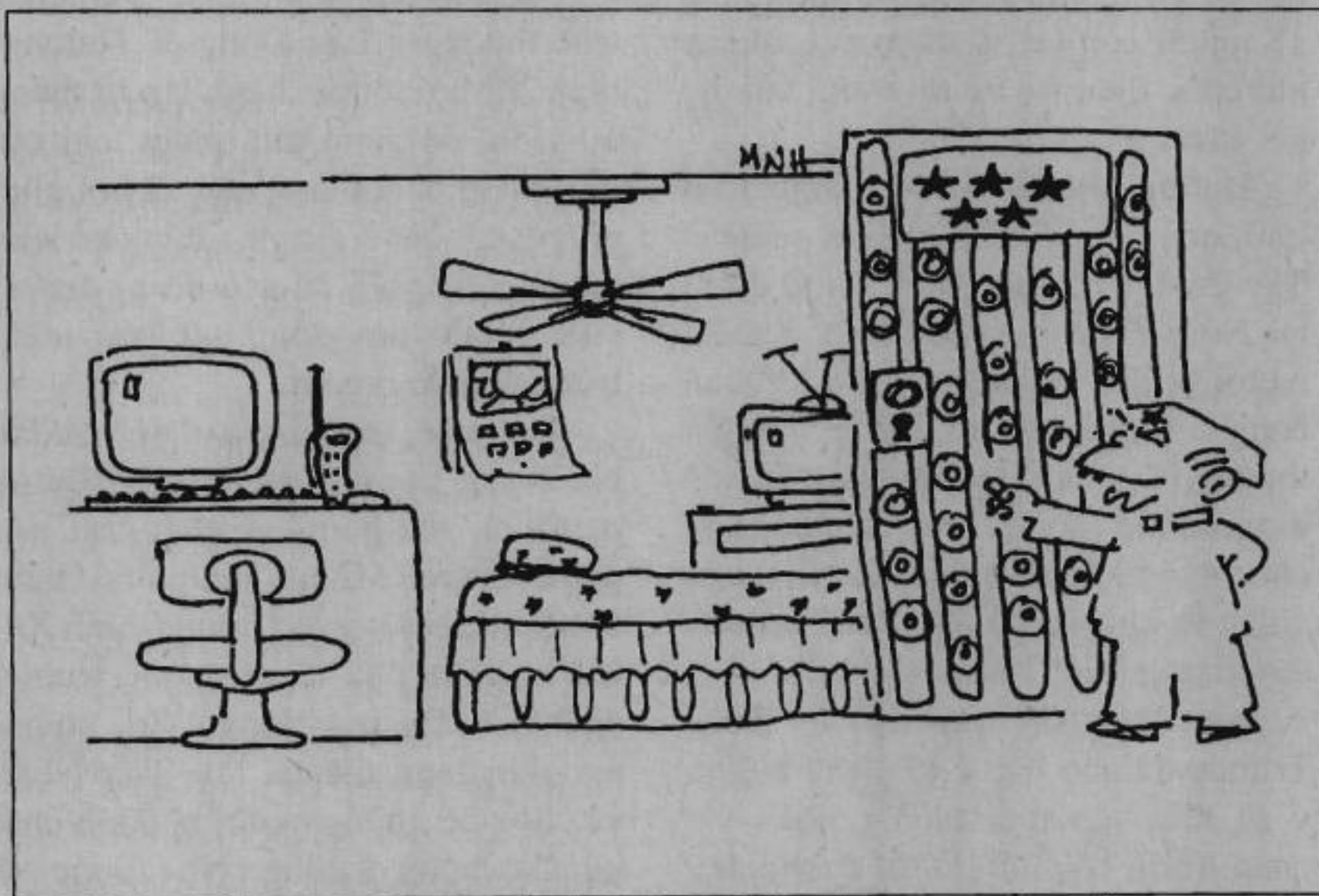
Sau khi báo chí trong nước lên tiếng, Viện Kiểm Sát Nhân Dân ở Sài Gòn uể-oải "mở cuộc điều tra". Và cũng theo báo chí trong nước cho biết qua một cuộc phỏng vấn Nguyễn Minh Chánh, Phó Giám đốc Sở Lao Động, ông này nói rằng "một năm phải ký đến 9.000 quyết định đưa đi cưỡng bức lao động nên không có thì giờ để cứu xét từng hồ sơ."

Thành Hồ và bệnh liệt-kháng

Theo báo Tuổi Trẻ VC, tính đến ngày 1-4-1997 tại thành Hồ có 2.544 trường hợp nhiễm vi-khuẩn liệt-kháng, 425 trường hợp phát bệnh và 230 người đã chết vì AIDS.

Nếu chỉ tính riêng trong 3 tháng đầu của năm 1997 thì đã có thêm 173 trường hợp nhiễm bệnh, 34 trường hợp phát bệnh và 27 chết. Điều đáng lưu ý là trong số bệnh nhân mới phát hiện này có cả các tân binh quân dịch cũng như trong binh chủng hải quân VC.

Hà-nội từng nhiều lần lên án Sài-gòn là thành phố ăn chơi đĩ điếm, nay sau 22 năm dưới ách cai-trị của cộng-sản, "thành Hồ" đã vượt rất xa Sài-gòn ngày cũ về các "chỉ-tiêu" mại tệ đoan xã-hội khác!



- NÁO! NÀM GÌ CÓ CHUYỆN CHÀ ĐẠP NHÂN-QUYỀN, NGƯỢC-ĐẢI TÙ-NHÂN! ĐÂY NÀ PHÒNG GIAM 5 SAO DÀNH CHO TÙ CHÍNH-TRỊ CÔNG-TÁC ĐÁNG VÀ CÁN-BỘ THAM Ô BỊ XỬ NÝ!..

Trường-sa lại “nổi sóng”: VC bắt tàu đánh cá TC

Cuộc tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Cộng nổ lớn sau vụ Bắc Kinh đưa tàu khoan dầu Kan Tan 03 vào thềm lục địa Việt Nam.

Trung Cộng cho máy bay rà thấp trong vùng Trường-sa, hoạt động phối hợp với một đoàn tàu phụ trách thông tin liên lạc.

CSVN tuyên-bố với báo-chí ngoại-quốc: “Chúng tôi không rõ là họ có chủ ý gì trong vụ này. Chúng tôi chỉ có thể hy vọng là Bắc Kinh dừng khởi sự những hoạt động có thể đe dọa hoà bình và sự ổn định trong vùng”.

Trong thời gian gần đây, một số tàu đánh cá loại nhỏ của Trung Cộng đã bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt giữ ở ngoài khơi Đà Nẵng. Tất cả có 65 thủy thủ Trung Cộng bị giam giữ về tội đánh cá bất hợp pháp. Bộ Ngoại Giao Việt Nam cho biết, các ngư phủ này sẽ được đưa ra xét xử theo công pháp quốc tế.

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia đòi chủ quyền trên toàn bộ quần đảo Trường Sa. Trong khi đó, các quốc gia khác là Đài Loan, Phi-luật-tân, Mã-lai-á, Brunei và Nam-dương tuyên bố chủ quyền trên một số đảo thuộc quần đảo này.

Lực lượng quân sự của Việt Nam và Trung Cộng hiện diện trong vùng

đông hơn quân-đội các nước kia, và Việt Nam là quốc gia hiện kiểm-soát được nhiều đảo nhất so với các quốc gia khác.

Mới đây, Việt Nam đã phản-đối Trung Cộng về việc đưa tàu thăm dò dầu hỏa vào trong vùng lãnh hải VN, cách Huế 64.5 hải lý. Đoàn tàu của Trung Cộng đã rút về và hai bên cũng đã mở những cuộc đàm phán về vấn đề lãnh hải và lãnh thổ, khiến cho tình hình bớt căng thẳng, dù rằng cho đến nay các cuộc đàm phán vẫn chưa đưa tới một kết quả nào rõ rệt. Các nguồn tin thân cận với cuộc thương thuyết nói rằng cả hai bên đều tái xác nhận chủ quyền của mình trên quần đảo, nhưng cũng đã đồng ý cứu xét một cuộc hợp tác trong những lĩnh vực ít gay gắt hơn, như môi trường hàng hải và các biện pháp chống hải tặc.

Về phía Phi-luật-tân, Manila cũng đang bắn lên vì Trung Cộng đưa chiến hạm vào Trường sa. Nội các Phi đã nhóm họp để bàn về biện chuyển mới này. Sau đó Manila gửi kháng thư ngoại giao tới Bắc Kinh phản đối việc các chiến hạm Trung Quốc xâm phạm hải phận Phi. Chính phủ Phi cũng đã gửi khoảng 200 Thủy quân Lục chiến tới vùng này, nhưng các giới chức Phi nhấn mạnh rằng đây chỉ là một hoạt động “luân lưu binh sĩ” thường lệ.

Bộ Ngoại Giao Việt Nam kêu gọi

các quốc gia liên hệ trong cuộc tranh chấp dừng làm cho vấn đề thêm phức tạp bằng cách sử dụng vũ lực. Hà-nội nói rằng trong các cuộc thương thuyết để đạt tới một giải pháp căn bản và lâu dài, điều cần thiết là phải duy trì hiện trạng, và đừng làm cho tình hình thêm rắc rối, đặc biệt là đừng sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực.

Quần đảo Trường Sa gồm khoảng 190 đảo nhỏ, đảo san hô và bãi cát ngầm, là nơi mà nhiều nhà địa chất nói rằng có thể có những mỏ dầu hỏa dưới lòng biển.

Mang 700 gram bạch-phiến: tử-hình

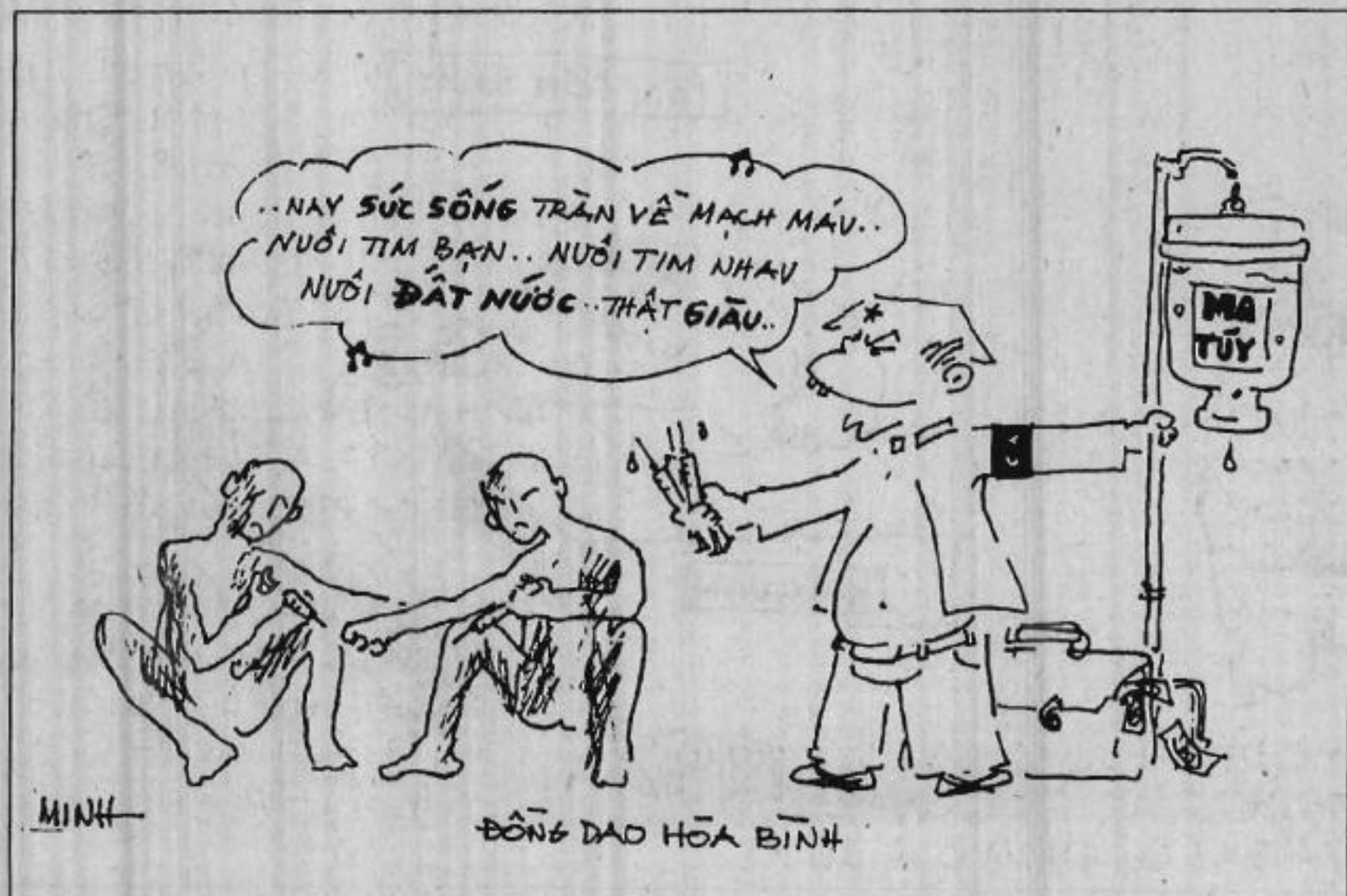
Hôm 24.4, Hà-nội đã kết án tử-hình Nguyễn Văn Dũng, 39 tuổi, ngụ tại quận Ba-đình, về tội mang trong người 700 gram bạch-phiến. Người thứ hai, Lê Văn Chinh, 39 tuổi, ngụ tại quận Hoàn-kiểm, lãnh án tù chung thân. Đây là bản án dành cho dân-chúng buôn bạch-phiến, 700 gram: chung-thân. Cán-bộ buôn bạch-phiến, từ 100 kí trở lên, Đảng có loại án khác.

Lại đánh đập công-nhân

Theo báo *Người Lao Động* số ra ngày 28-4-1997, Chủ-tịch Công-đoàn đã tát tai một nữ công-nhân trước mặt 300 nhân-viên cùng xưởng.

Vì trời quá nóng, nữ công-nhân Tăng Thị Tuyết và một số công nhân khác ngồi gần lò sấy quá nóng đã bỏ áo ra ngoài quần cho đỡ bức, thay vì bỏ áo vào quần theo qui-định về đồng-phục. Võ Văn Hùng, Chủ tịch công đoàn Xí Nghiệp Giày Da Xuất Khẩu Quận 3 và là Phó quản đốc Phân xưởng 1 đã “nhắc nhở” các công nhân nên nghiêm chỉnh trang phục.

Lời lẽ, giọng điệu và thái-độ của Hùng quá sức xúc-phạm và hống-hách nên cô Tăng Thị Tuyết cãi lại. Hùng đã đánh Tuyết một bạt tai trước mặt các công nhân trong phân xưởng. Chưa thôi, cô Tuyết bị điệu lên văn-phòng. Trước mặt ông Quản đốc và



Tổ trưởng, Hùng tiếp tục đánh cô Tuyết thêm 3 bạt tai khiến cô té quỵ xuống đất.

Được biết, tại xí nghiệp này, công nhân đều phải làm việc quá 8 tiếng mỗi ngày, mỗi tuần có 4 ngày làm đến 20 giờ, mỗi tháng ít nhất công nhân phải làm thêm 2 ngày Chủ nhật. Thu nhập của công nhân mấy tháng qua chỉ từ 300.000 đến 400.000 đồng Việt Nam/tháng. Đã vậy, nếu không tăng ca, công nhân bị trừ 6.000 đồng, không làm thêm Chủ nhật bị trừ 25.000 đồng!

Báo *Người Lao-động* không cho biết sau vụ đánh đập, nạn-nhân có bị sa thải và hung thủ được thăng thưởng ra sao.

Gần 17.000 người bị chó cắn trong vòng ba tháng

Viện Pasteur Nha Trang cho biết, trong 3 tháng đầu năm 1997, tại 11 tỉnh duyên hải miền Trung (từ Quảng Bình đến Bình Thuận) đã có đến 16.890 người bị chó cắn, trong đó có 9 người chết vì bệnh dại. Riêng tại tỉnh Bình Thuận có 4.560 người bị chó cắn, trong đó có 4 người chết. Trong tình hình mùa nắng tới đây, nạn chó cắn sẽ còn gia tăng hơn nữa và số người chết vì bệnh chó dại có

nguy cơ tăng cao. Nạn chó dại luôn luôn rình rập người dân Việt Nam khắp trên toàn quốc chứ không riêng gì miền Trung.

Cà-phê chết rụi tại Quảng-trị

Tại huyện miền núi Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, các vườn cà phê đang bị bệnh nấm và thêm gió Lào nóng bức trong mùa nắng hạn đã khiến cho 60 mẫu cà-phê bị chết rụi. Nông dân địa phương đã trồng được 800 mẫu cà phê, nhưng trước tình hình bệnh nấm và hạn hán nói trên, nhiều gia đình nông dân đã bị phá sản.

Phu xích-lô đánh chết hành-khách

Nguyễn Văn Phúc, 26 tuổi, tạm trú tại đường Lý Thường Kiệt, Quận 11, làm nghề đạp xích lô. Chiều ngày 22-4 Phúc chở Hồ Mạnh Hà, 26 tuổi, người Hà Tĩnh vào làm công nhân ở Tân Bình, với cước xe đi từ ngã tư Bảy Hiền tới cơ sở dệt bao bì Phường 18, Tân Bình, ngã giá 7.000 đồng. Mới đến ngã tư Hương lộ 2 và Hương lộ 14, Phúc dừng xe nói là đã tới nơi, nhưng Hà không đồng ý nên chỉ đưa Phúc 2.000 đồng rồi bỏ đi. Phúc rút cây gỗ để sẵn trong xe đánh vào gáy

Hà làm Hà ngã quỵ. Phúc đánh bồi thêm nhiều cây nữa rồi thót lên xe bỏ chạy, nhưng dân chúng địa phương phát giác vây bắt Phúc. Hà được đưa đi cấp cứu nhưng do chấn thương sọ não nên đã chết ngay tại chỗ.

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Công-ty Du-lịch Giao-tế Thanh-hóa
298 Quang Trung,
Thị-xã Thanh-hóa, Vietnam

Hương giang Restaurant
51 Lê Lợi, Huế, Vietnam

Kinh-dô Restaurant
1 Nguyễn Thái Học, Huế, Vietnam

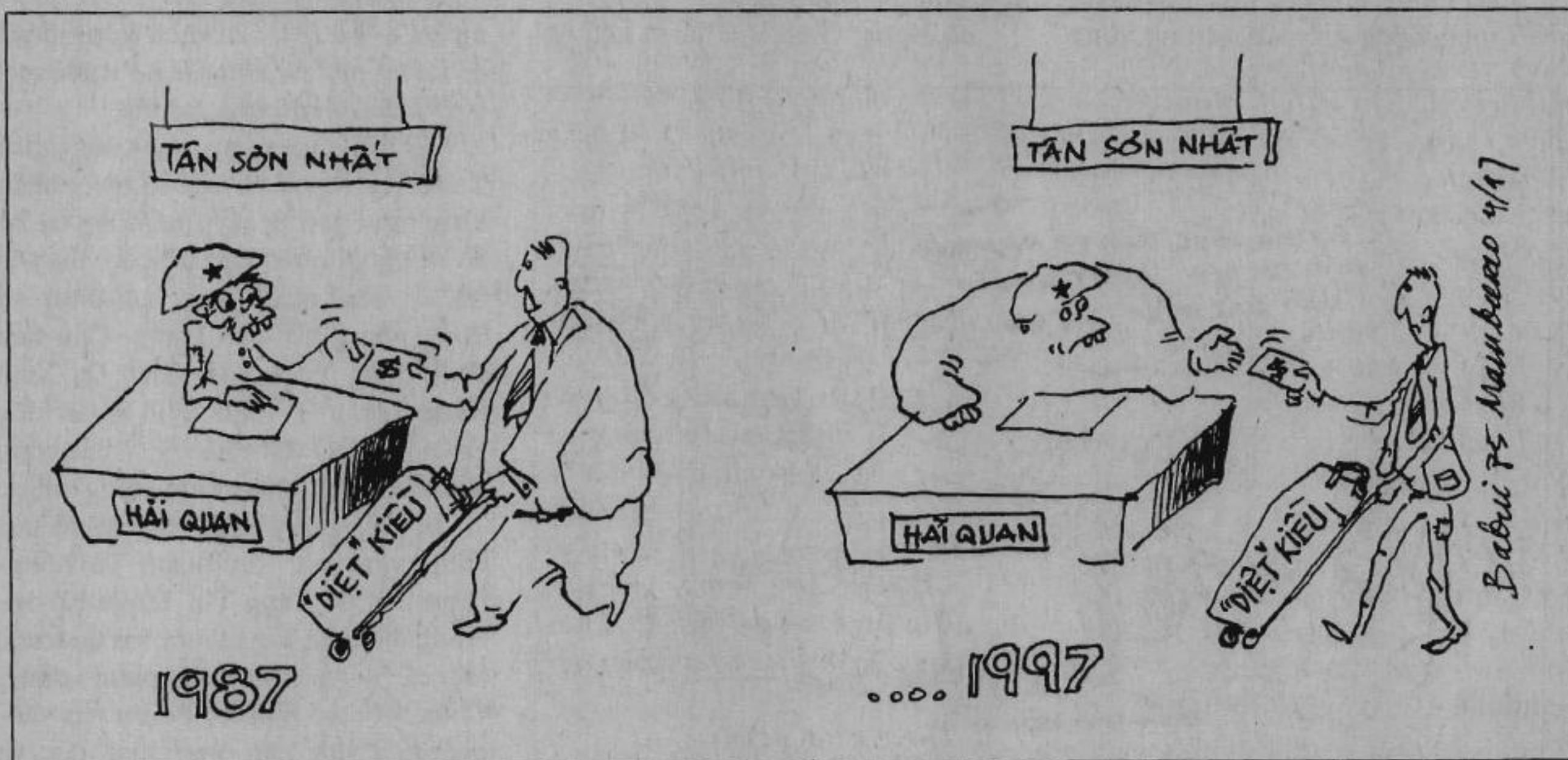
Nhà khách Huế
2 Lê Lợi, Huế, Vietnam

Nhà khách 16-18
16 Lý Thường Kiệt, Huế, Vietnam

Ngân-hàng Vietcombank
108 Lê Lợi, Đà-nẵng, Vietnam

Thanh Hương Restaurant
40 Hùng vương, Đà-nẵng, Vietnam

Ngân hàng Ngoại-thương
148 Trần Hưng Đạo, Bình-định, VN



tin tị-nạn

Dương Thượng Ngã
phụ-trách



Thuyền-nhân Phan Kim Long nói chuyện tại Đại-hội Nhân- quyền quốc-tế ở Đức

Thuyền-nhân Phan Kim Long, nguyên chuẩn-ủy quân-lực VNCH, người đã vượt trại Sikiew, xin tị-nạn tại tòa đại-sứ Tiệp-khắc tại Thái-lan. Ông hiện đang tạm cư tại Tiệp. Hôm 23.3, ông Long được Hiệp-hội Nhân-quyền quốc-tế mời phát-biểu trước Đại-hội-đồng của tổ-chức này, trong buổi hội-thảo "Tiếp-xúc với các nhân-chứng." Sau đây là nguyên-văn phần phát-biểu của thuyền-nhân Phan Kim Long, nạn-nhân của chế-độ CSVN, Cao-ủy Tị-nạn LHQ và Thái-lan:

Kính thưa quý vị,

Tôi tên là Phan Kim Long, năm nay 45 tuổi, quốc tịch Việt Nam, được chính phủ Cộng Hoà Tiệp đưa từ Thái Lan sang Tiệp và hiện cho tỵ nạn chính trị tại Tiệp. Sau đây tôi xin được trình bày về thảm cảnh tỵ nạn Việt Nam qua cảnh ngộ riêng của cá nhân tôi, tuy rất riêng nhưng có rất nhiều điểm khá tiêu biểu cho những đồng bào của tôi. Tôi sẽ trình bày lần lượt về 3 điểm: lý do tại sao tôi rời khỏi Việt Nam, những điều tôi chứng kiến tại trại tỵ nạn Sikiew/Thái Lan và việc tỵ nạn trong tòa đại sứ Tiệp.

1. Lý do khiến tôi phải rời khỏi Việt Nam:

Trước ngày Cộng Sản vào miền Nam Việt Nam vào tháng 4.75, tôi là một sĩ quan phục vụ trong quân đội VNCH. Tôi bị bắt phải cải tạo 4 ngày. Đến tháng 8.75, họ ra lệnh tịch thu nhà. Vì không chịu ra khỏi nhà nên tôi bị họ bắt giam, đánh đập và bỏ đói 3 ngày. Từ đó tôi phải che lều sống trong công viên Cộng Hoà ở Sài Gòn

2 năm trời vì không có địa phương nào cho tôi nhập hộ khẩu. Tôi phải làm nghề sửa xe đạp để sống qua ngày. Trong 2 năm này tôi phải thường xuyên trình diện với chính quyền CS vì bị nghi có liên lạc với tàn quân.

Họ giam tôi tổng cộng 7 lần, mỗi lần từ 3-7 ngày và đã thẩm vấn, đánh đập tôi. Nhân một vụ rải truyền đơn vào tháng 6.77 tại công viên Cộng Hoà, vì sợ bị liên lụy, nên tôi bỏ trốn khỏi Sài Gòn và tìm cách vượt biển. Không may cho tôi là tàu của tôi gặp tàu tuần duyên CS và tôi bị bắt. Tháng 1.78 tôi bị tòa án nhân dân Bến Tre kết án 12 năm tù và 3 năm mất quyền công dân vì tội "trốn ra nước ngoài vì mục đích phản cách mạng." Sáu tháng đầu tôi bị biệt giam cùm tay chân, sau đó tôi bị đưa ra lao động khổ sai. Chế độ lao động rất khắc nghiệt, mỗi ngày phải đào và khiêng về 6m khối đất để làm gạch. Do đó tôi đã bị đau cột xương sống, có lần tôi đã bị nhốt trong hộp kín vì đã bệnh nặng không đi lao động được.

Năm 1981 tôi trốn khỏi tù ngục cộng sản. Trong hai người bạn cùng trốn với tôi, có một người bị bắn chết, một người bị bắt lại và bị xử tù chung thân.

Trong 10 năm tiếp sau đó tôi phải sống lẩn lút tại nhiều nơi trong và ngoài Sài Gòn, phần lớn được bạn bè giúp đỡ và che chở và đã phải kiếm sống bằng nhiều nghề kể cả xin ăn và bán máu. Năm 1991 vì bị tố giác nên tôi vượt đường bộ qua Cam-bốt để vào Thái Lan. Tại đây tôi bị đưa vào trại Sikiew.

2. Thảm cảnh Sikiew:

Trại Sikiew trước đây dùng để nhốt các tù nhân chính trị tại Thái. Khí hậu tại đây rất khắc nghiệt, mùa nắng cây cỏ cũng không sống được, mùa mưa hơi lạnh từ núi toả ra rất khó chịu, khiến nhiều người bị bệnh tê liệt. Chính-sách của Cao Ủy Tỵ Nạn và Bộ Nội Vụ Thái là thất xiết đời sống khiến thuyền nhân phải tình nguyện hồi hương.

Tôi xin kể một vài thí dụ. Thuyền nhân bị dồn 300-350 người vào các nhà tập thể không có vách ngăn, mỗi người có khoảng 1,5m vuông, trai gái nằm sát nhau lẫn lộn. Thuyền nhân được cấp gạo nhưng lại không có đủ chất đốt để nấu nướng và thức ăn phát cho 7 ngày chỉ đủ ăn 2 ngày trong khi nhân viên của trại lại được đem thức ăn vào bán với giá gấp 2,5 lần cao hơn giá ngoài chợ. Tiền giúp đỡ của thân nhân ở hải ngoại gửi vào đều bị chặn lại. Mỗi ngày mỗi người được phát cho 15 lít nước dơ để sinh hoạt, muốn uống phải đun lọc kỹ lưỡng lại. Như vậy là quá ít đối với đàn bà và trẻ con, nhất là trong mùa nắng. Quần áo chỉ được phát 1 bộ khi nhập trại mà thôi khiến nhiều người thường xuyên bị cảm lạnh trong mùa mưa.

Vì không am hiểu và không được ai giúp đỡ tìm hiểu về luật tỵ nạn nên các thuyền nhân rất lo lắng, rất sợ vào phỏng vấn. Hai đợt phỏng vấn có thể kéo dài đến hơn 3 năm khiến thuyền nhân luôn sống trong sự căng thẳng. Nhân viên phỏng vấn có sẵn định kiến rằng người tỵ nạn Việt Nam toàn là di dân kinh tế nên thường thường hỏi các câu "bẫy". Thuyền nhân chỉ được trả lời các câu hỏi mà không được giải thích thêm.

Nhiều người qua được hai đợt phỏng vấn là mắc bệnh thần kinh. Trong trại có gần 10.000 người mà có 1.000 người phải uống thuốc an thần. Những năm sau cùng bệnh xá của trại giảm lượng thuốc phát, giảm nhận bệnh nhân 50%, đóng số bệnh của 80% bệnh nhân. Trên 500 người bị mất ngủ đã không còn được phát thuốc nữa. Ngoài ra Phòng an ninh MOI (Bộ Nội Vụ) của Thái tuyển thêm 70 nhân viên Việt Nam để hà hiếp

người tỵ nạn. Đám này dựa vào thể của phòng MOI để đánh đập đồng hương. Họ đã thường đánh bằng gậy rồi sát muối nạn nhân trước khi đem nhốt tù.

Bản tin, truyền thanh và truyền hình trong trại chỉ đưa tin khuyến dụ tỵ nguyện hồi hương. Thư từ, sách báo từ ngoài vào đều bị chặn, kiểm duyệt, tịch thu, người nhận bị mời lên tra hỏi, đánh đập.

Để chuẩn bị cho việc cưỡng bức hồi hương, ngay từ đầu tháng 6.96, chính quyền Thái đã cho xây thêm tường rào cao 7m quanh trại, tăng cường lực lượng an ninh canh phòng ngày đêm và làm thêm hàng rào kẽm gai chia nhỏ các khu vực của trại để đề phòng người tỵ nạn liên kết với nhau. Ngày 30.6.96, lúc 1 giờ sáng, Thái dùng khoảng 2.000 lính để bao vây và xông vào bắt giữ, cưỡng bức hồi hương 100 thuyền nhân mà họ cho là người cầm đầu đồng bào chống đối. 50 người đã mổ bụng để phản đối. Họ bị đưa vào bệnh viện cứu cấp và bị còng chân tay vào giường bệnh. Một thuyền nhân đã bị cảnh sát đánh chết.

Văn phòng Cao Ủy Tỵ Nạn lúc này đã đóng cửa và gỡ bảng hiệu, phòng an ninh trại thành lập một khu nhốt những người sẽ bị cưỡng bức. Trong khu đó có một lồng sắt chụp lên một khu nhà có thể chứa đến 500 người. Riêng tôi vẫn có tên trên danh sách cưỡng bức hồi hương mặc dù trong những lần phỏng vấn, phía chính quyền Việt Nam khẳng định sẽ bắt tôi phải chịu hết án tù cũ, cộng thêm với án vượt ngục.

Đó là những lý do khiến tôi phải trốn khỏi trại Sikiew vào ngày 16.7.96.

3. Xin tỵ nạn trong toà đại sứ Tiệp:

Sau khi vượt khỏi trại Sikiew, tôi đón xe gắn máy ôm ra bến xe. Tên tài xế này đem tôi bán cho một tổ chức buôn công nhân và tôi bị bán cho một cơ xưởng tại Bangkok. Làm được 4 tháng, đến ngày 11.11.96 tôi vào toà đại sứ Tiệp tại Bangkok để xin tỵ nạn chính trị. Tôi chọn toà đại sứ Tiệp - thay vì Mỹ, Úc hay Canada - vì nghĩ rằng vị tổng thống nước này dễ thông

cảm với hoàn cảnh của tôi hơn vì ông cũng từng là một người tù chính trị. Tôi tự nhủ rằng nếu bị từ chối tôi sẽ tự vẫn. Nhưng may mắn thay nhân viên toà đại sứ Tiệp đã đối xử với tôi rất nhân đạo và tử tế mặc dù họ không có phòng ốc để chứa tôi. Sau này tôi biết được rằng chính quyền Thái, Việt Nam và Cao Ủy Tỵ Nạn đã hết sức làm áp lực với Tiệp để đòi trục xuất tôi.

Trong thời gian này các tổ chức Việt Nam tại Úc, Mỹ, Gia-nã-đại cùng Hiệp Hội Nhân Quyền Quốc Tế tại Đức và Tiệp đã hết sức vận động và can thiệp cho tôi được đi đến Tiệp.

Hiện nay tôi đã được công nhận cho tỵ nạn chính trị và tôi hiện đang làm thủ tục để đi đoàn tụ với con trai tôi tại Gia-nã-đại. Đây là đứa con trai duy nhất của tôi mà tôi đã mất liên lạc từ 12 năm nay. Trong thời gian tôi sống lẫn tránh thì cháu đã vượt biên và được Gia-nã-đại nhận cho định cư. Nhờ một người quen nghe đài phát thanh báo lại với cháu về vụ tôi trốn vào toà đại sứ mà cháu đã tìm được tôi và đã sang thăm tôi tại toà đại sứ Tiệp ở Bangkok.

Như thế cuộc đời tôi có thể tóm tắt bởi 5 chữ vượt: vượt biển, vượt ngục, vượt đường bộ, vượt trại tỵ nạn Sikiew, vượt thoát đám buôn người. Cái giá mà tôi phải trả cho tự do khá đắt, hơn 21 năm sống trong lo âu, sợ sệt và đề phòng, trong đó mỗi ngày tôi chỉ mong còn được sống sót an toàn đến ngày mai. Thực ra trong suốt 21 năm đó, để dồn sức đối phó với hiện tại, tôi không muốn nhớ đến ngày hôm qua. Vì thế tôi đã rất cực nhọc khi phải hồi tưởng và viết lại một quá khứ không mấy vui, nhất là khi phải tường thuật lại chính xác từng ngày tháng, từng sự việc khi làm đơn xin tỵ nạn, cũng như trong buổi hôm nay.

Xin cảm ơn quý vị đã lắng nghe phần trình bày của tôi. (PKL)

Hương-cảng cưỡng-bách thêm 62 thuyền-nhân VN về nước

Hương-cảng đã cưỡng bách 66 thuyền nhân Việt Nam hồi hương,

nhưng vào giờ chót có 4 người được hoãn lại. Nhóm người bị cưỡng bách hồi hương Việt Nam kỳ này gồm 47 đàn ông, 10 phụ nữ, 9 trẻ em. Họ sẽ về Hà Nội trong chuyến bay thứ 101, trong chương trình gọi là hồi hương trong vòng trật tự.

Tính đến nay đã có tổng cộng 10.202 thuyền nhân ở Hong Kong bị trục xuất về nước, kể từ tháng 11-1991.

Danh tánh 4 người được hưởng quy chế tỵ nạn vào phút chót là bà Phạm Thị Hợp 39 tuổi và con trai là Phạm Đình Thanh 17 tuổi. Hai người kia là Trọng Viên 27 tuổi và Phan Đình Hoanh 30 tuổi được tỵ nạn vì cha mẹ họ có liên quan đến chế độ cũ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Thế-thức di dân vào Gia-nã-đại

Hiện nay chính phủ Gia-nã-đại sẵn sàng cứu xét các hồ sơ đoàn tụ gia đình và các hồ sơ di dân của thuyền nhân ở Phi Luật Tân. Đoàn tụ gia đình chỉ áp dụng cho những trường hợp vợ chồng bảo lãnh cho nhau, cha mẹ bảo lãnh cho con cái vị thành niên, hoặc con cái bảo lãnh cho cha mẹ. Ngoài số trường hợp như vậy ra, thuyền nhân nói chung có thể xin di dân vào Gia-nã-đại theo thể thức thông thường, tính theo hệ thống thang điểm.

Chúng tôi soạn tài liệu hướng dẫn sau đây để đồng bào có thể tự thẩm định triển vọng di dân của mình. Lệ phí nộp đơn xin di dân rất cao: khoảng 1.000 mỹ kim cho mỗi người trong gia đình trên 19 tuổi. Do đó, không nên nộp đơn cầu may mà cần thẩm định kỹ lưỡng triển vọng của mình và gia đình, và chuẩn bị kỹ lưỡng để nâng số điểm lên (học sinh ngữ, luyện tay nghề, tìm việc sẵn ở Gia-nã-đại, v.v.) trước khi nộp đơn.

Ngay dù có được số điểm cao nhưng nếu bị vấn đề sức khoẻ thì đơn vẫn bị bác. Do đó, nên đi khám sức khoẻ để xem nếu có bệnh truyền nhiễm thì đi chữa trị ngay, để khi nộp đơn xin di dân thì sức khoẻ không còn

là vấn đề. Và dĩ nhiên, những người có tiền án sẽ bị bác đơn.

Bản hướng dẫn này chỉ cho một khái niệm tổng quát, để mỗi người có thể tự thẩm định triển vọng của mình. Tuy nhiên, khi nộp đơn xin di dân thì mỗi hồ sơ lại tùy thuộc vào nhiều yếu tố đặc thù và những vấn đề kỹ thuật chuyên môn. Chúng tôi sẽ có những bài viết hoặc tìm cách nào khác để hướng dẫn đặc biệt cho những đồng bào thuyền nhân có triển vọng để xin di dân vào Gia-nã-đại.

Sắp tới đây chúng tôi sẽ soạn tài liệu về thể thức và tiêu chuẩn di dân vào Úc. Sau đó, chúng tôi sẽ tiếp tục sưu tầm và soạn thảo các tài liệu tương tự đối với các quốc gia khác.

Tiêu-chuẩn và thể-thức:

Những ai muốn được cứu xét di dân và Gia-nã-đại thì phải hội đủ 70 điểm trong hệ thống thang điểm gồm có 10 phần cộng lại:

1. Tuổi tác
2. Học vấn
3. Huấn nghệ
4. Ngành nghề
5. Công ăn việc làm
6. Kinh nghiệm
7. Khả năng sinh ngữ
8. Yếu tố dân số
9. Phẩm hạnh
10. Thân nhân ở Gia-nã-đại

1. Tuổi tác:

Chính phủ Gia-nã-đại đưa ra yếu tố tuổi tác để ưu tiên cho những người trong lứa tuổi làm việc (18-65):

Tuổi	Điểm
18	4
19	6
20	8
21-44	10
45	8
46	6
47	4
48	2
49+	0

2. Học-vấn:

Chưa xong trung học:	0
Xong trung học, nhưng không đủ điều kiện vào đại học:	5
Xong trung học và có thể lên đại	

học: 10

Xong trung học và có chứng chỉ huấn nghệ: 10

Xong chương trình cao đẳng: 10

Xong chương trình cao đẳng, và hội đủ điều kiện để vào đại học: 13

Xong ba năm đại học: 15

Có văn bằng trên cử nhân: 16

3. Huấn-nghệ:

Gia-nã-đại đang cần nhân sự đã được huấn nghệ về một số ngành nghề cần thiết cho Gia-nã-đại. Yếu tố này xét theo số năm được huấn nghệ trong ngành nghề của mình (chứ không phải số năm kinh nghiệm). Để biết số điểm cho mỗi loại ngành nghề, cần tham khảo danh sách các loại huấn nghệ đặc thù (Specific Vocational Preparation, hay SVP) do chính phủ Gia-nã-đại ấn hành mỗi năm. Danh sách này có thể xin ở toà đại sứ hay các văn phòng lãnh sự của Gia-nã-đại. Có nhiều ngành nghề phù hợp với người Việt (như đầu bếp). Số điểm tùy vào mức độ cần thiết của mỗi ngành nghề và tối đa là 18 điểm.

Trong trường hợp ngành nghề mà mình được huấn luyện không có trong danh sách kể trên nhưng đã được sắp sẵn công ăn việc làm ở Gia-nã-đại thì Bộ Di Trú sẽ cho biết số điểm tương đương khi nộp đơn.

4. Ngành nghề (Occupations factor):

Đây là yếu tố dựa theo ngành nghề sẽ theo đuổi khi đến định cư ở Gia-nã-đại. Số điểm tùy vào mức độ cần thiết của Gia-nã-đại. Xin lưu ý là ngành nghề và chương trình huấn nghệ không nhất thiết trùng hợp với nhau. Số điểm tối đa cho phần này là 10 điểm.

Nếu một trong những ngành nghề của mình có trong danh sách kể trên, xem số điểm trong cột Occupations Factor.

Nếu ngành nghề không ở trong danh sách: 0

Nếu đã được sắp sẵn công ăn việc làm, hoặc được 11 điểm trở lên cho phần huấn nghệ: 10

Nếu 0 điểm trong phần này thì đơn xin di dân tự động bị bác:

5. Công ăn việc làm:

Nếu có công ăn việc làm sắp sẵn ở Gia-nã-đại thì tự động được 10 điểm. Nếu là tu sĩ và có cơ sở tôn giáo bảo lãnh để làm việc cho cơ sở này thì cũng được kể như có công ăn việc làm.

6. Kinh nghiệm:

Số điểm tùy thuộc vào số năm kinh nghiệm trong ngành nghề của mình và số điểm trong phần huấn nghệ (yếu tố 3). Nếu dưới một năm kinh nghiệm thì sẽ ăn điểm 0 và đơn xin di dân tự động bị loại.

7. Sinh ngữ:

Số điểm tùy thuộc khả năng sinh ngữ. Nếu thông thạo cả Anh và Pháp văn thì có số điểm tối đa là 18.

8. Yếu tố dân số:

Đây là số điểm do chính phủ Gia-nã-đại ấn định mỗi năm, phản ánh nhu cầu nhận thêm dân nhập cư. Mọi người đều đồng số điểm như nhau. Năm 1996, số điểm là 8 điểm cho mọi người.

9. Tư cách:

Yếu tố này nhằm thẩm định sự linh động, ý muốn thăng tiến, khả năng hội nhập của đương đơn. Nhân viên di trú sẽ xác định tại buổi phỏng vấn. Tối đa là 10 điểm.

10. Thân nhân ở Gia-nã-đại:

Nếu có thân nhân như anh chị em, ông bà cha mẹ, cô dì chú bác, cháu cô cháu cậu, là thường trú nhân hay công dân Gia-nã-đại thì tự động được 5 điểm.

Lưu ý: Đương đơn cần có sẵn các giấy tờ để chứng minh các phần ở trên, như học bạ, giấy chứng minh kinh nghiệm, giấy hứa cho công ăn việc làm được chính phủ Gia-nã-đại xác nhận, giấy chứng minh quan hệ gia đình với thân nhân ở Gia-nã-đại.

**SINH-NHẬT? CUỐI HỎI?
THƯỢNG THỌ?
NGÂN KHÁNH? TÂN GIA?
- tặng nhau 1 năm báo
làng văn
MÓN QUÀ TUYỆT HẢO!**

tin văn xứ người

Nguyễn Nhận Sơn



Một Tài Năng Chết Trẻ

Kỳ này, tôi xin mở mục với một bài thơ của một thi sĩ qua đời lúc chỉ mới 15 tuổi: Sabine Sicaud, người Pháp, sinh năm 1913, chết năm 1928, có để lại nhiều thơ, đã được đăng rải rác trên báo chí từ trước, vừa được Odile Ayrat-Clause thu thập in thành thi tập và bình luận, nhà "Les Dossiers d'Aquitaine" xuất bản. Tập thơ được đặt tên là *Le Rêve inachevé* (Giấc mơ không trọn).

Thói thường, tâm lý lân tuất đối với những tài năng chết sớm thì người đời ai cũng có, kể cả các nhà phê bình văn học. Nhưng tâm lý ấy chỉ mạnh một thời gian vài năm sau cái chết của con người "tài tình chi lắm cho trời đất ghen". Những tài năng quá cố đã lâu, như trường hợp Sabine Sicaud, nếu tác phẩm còn được hậu thế trân trọng, thì chính là do giá trị nội tại của tác phẩm.

Xin mời các bạn đọc một bài thơ của Sabine Sicaud. Bài thơ rất ngắn, tôi xin chép nguyên văn tiếng Pháp, để các bạn trực tiếp thưởng thức:

CARTE POSTALE

*Quand l'anémone rouge et les
jacinthes bleues*

*Fleurissent les parcs d'Angleterre,
Une petite fille en robe rouge ou bleue
Descend les escaliers de pierre.
De green, les parterres, le lierre,
Les beaux arbres jamais taillés*

*Et les sous-bois pleins de jacinthes...
En robe rouge ou bleue, anémone ou
jacinthe*

*Une petite fille est peinte
Dans le printemps vert et mouillé
De la vieille Angleterre.*

Lời thơ không điêu luyện, một tính chất phải đòi hỏi thời gian. Nhưng bài thơ rất đẹp, với hai màu xanh và đỏ, xanh nhiều hơn đỏ. Đỏ chỉ xuất hiện vừa đủ cho đẹp thôi. Đúng là một bức tranh xuân, in trên những tấm bưu thiếp, chắc của người Anh. Và có lẽ nhà thơ nhỏ tuổi cũng nhận được từ nước Anh gửi sang, từ một cô bạn nhỏ, một cô bé dễ thương như cô bé trong tranh.

Hình dung ra cảnh những ngón tay chưa đủ lớn đang cầm bút viết nên những hàng chữ thơ đầy yêu thương kia, tôi xúc động. Tất cả đều qua đi, chỉ có văn chương và tâm hồn còn lại. Tôi mạn phép nhà thơ bây giờ đã ra người thiên cổ, dịch nhan bài thơ ra "Ý Xuân".

Một Đề Nghị Khiêm Tốn

Sợ sau khi đọc xong tiểu mục vừa rồi, có bạn buồn vì cảm cảnh cho một tài năng yếu mệnh, tôi xin kể tiếp một chuyện vui. Vui nhưng cũng có một ý nghĩa cần suy nghiệm.

Trong các lá thư của độc giả xa gần gửi tới góp ý hoặc chất vấn tòa soạn nhật báo *The Globe and Mail*,

mới đây tôi có đọc được một ý kiến thật ngộ nghĩnh.

Số là lâu nay, quốc hội liên bang Gia Nã Đại, cũng như nghị viện của các tỉnh bang, vẫn thường đưa ra thảo luận việc cắt giảm nhiều khoản trợ cấp với lý do ngân sách thâm thủng. Lắm khi vấn đề đi vào chỗ nan giải: Có những khoản trợ cấp không thể nào cắt được, thậm chí giảm thiểu cũng không được, vì người đáng được trợ cấp ngày một tăng lên.

Cái đề nghị mà tôi gọi là ngộ nghĩnh đại ý như thế này: Chính phủ, quốc hội, nghị viện đừng mất công đi tìm giải pháp "quân bình ngân sách" nữa. Không thể nào quân bình được, nếu con người vẫn sinh sản. Chỉ có một cách hữu hiệu có thể làm được là "cấm sinh con". Nhân số đứng lại, tiêu mòn đi. Và chắc đến trăm phần trăm là sẽ không còn lạm phát, không còn thất nghiệp, không còn thâm thủng ngân sách...

Ai cũng hiểu đề nghị kia chỉ là một lời nói dối, hoặc nói đùa. Nhưng các bạn có suy nghĩ gì không khi nghe có những đôi vợ chồng người Việt, lấy nhau tại hải ngoại, đã nhiều năm nhưng vẫn chưa có con. Họ không dám, hoặc không muốn có con, trong những hoàn cảnh mà họ cho là không sung túc. Chưa bao giờ vật chất can thiệp mạnh đến tình cảm gia đình người Việt như bây giờ!

Từ chuyện riêng của từng gia đình, chuyện quốc gia xã hội, cho đến

chuyện địa cầu, chuyện vũ trụ, con người muôn thuở vẫn cứ phải đối phó với những gì do chính mình gây ra.

Câu Chuyện Đạo Văn

Ở Tây Phương, vấn đề “đạo văn” được đặt ra sớm hơn ở Đông Phương. Điều này cũng dễ hiểu: Người phương Đông ngày trước không coi những điều mình nghĩ ra, viết ra, là sở hữu riêng tư cần bảo vệ. Thậm chí, có người còn không muốn thiên hạ biết mình là tác giả một tác phẩm nào đó, mặc dù tác phẩm là một công trình văn học đáng trân trọng. Cũng vì tâm lý này, mà số tác phẩm cổ văn phải cam chịu số phận mờ côi từ ngày chào đời khá nhiều. Đây là những tác phẩm thường được gọi là “khuyết danh” (hoặc vô danh).

Viết ra mà còn không chịu nhận mình là tác giả, thì làm gì có chuyện thắc mắc khi có người “mượn ý”, “mượn văn” của mình. Nếu có, chắc người tác giả ẩn danh kia cũng chỉ ngấm ngấm lấy làm vinh hạnh. Và mọi việc khen chê, thì “mặc kệ” cho thế nhân. “Cổ kim đa thiếu sự, đồ phó tiểu đàm trung”. Đó là thái độ chung của người cầm bút ngày trước ở phương Đông.

Ở phương Tây khác. Theo các từ điển văn học của Âu Mỹ, những vụ lờn qua tiếng lại về “sáng tác quyền” đã có từ nhiều thế kỷ. Từ điển Robert ghi rõ chữ “plagiat” (đạo văn) được đưa vào sử dụng từ năm 1697.

Vậy “đạo văn” là gì? Nói một cách giản dị, thì “đạo văn” là lấy văn của người khác làm văn của mình. Thí dụ, ông A viết sách, trong cuốn sách của ông ta có những câu, những đoạn, giống y những câu những đoạn trong một cuốn sách của ông B xuất bản trước, mà lại không chịu ghi rõ nguồn gốc, thì là “đạo văn”. Thơ cũng vậy.

Nhưng nói như trên, chỉ là lý thuyết. Là vì trường hợp “giống y” rất ít khi xảy ra. Cho nên, muốn nhận định có phải là “đạo văn” hay không, lắm khi không dễ dàng. Sau đây, tôi xin kể cho các bạn nghe một vài vụ

“gọi là đạo văn” đã gây ít nhiều sóng gió trong văn học giới quốc tế.

* Gần đây nhất là vụ nhà văn nam Ben Okri (người Nigeria) cáo tố nhà văn nữ Calixthe Beyala (người Pháp) đã lấy nguyên cả đoạn trong cuốn tiểu thuyết trúng giải của ông là cuốn *The Famished Road*, để đưa vào cuốn sách bán rất chạy của bà, là cuốn *Les honneurs perdus*.

Vụ này cũng khá vui. Tôi nói “vui” đây là theo nghĩa văn học cần không khí sinh động. Một số độc giả hiểu sự ở Pháp tự động đem hai cuốn sách ra đối chiếu, rồi la om sòm lên rằng, ngoài đoạn mà “nguyên cáo” Okri nại ra, họ còn tìm ra được nhiều chỗ giống hơn nữa.

Nhưng nhà văn “bị cáo” có một luận cứ để biện minh: Sách của bà viết bằng tiếng Pháp, sách của Okri viết bằng tiếng Anh. Vậy, sách của ông ta không phải là cái “nguồn gốc” duy nhất cho sách của bà. Ý của “bị cáo” muốn nói “đâu phải giống y” theo luật bảo vệ tác quyền!

Cuối cùng, nghe lời khuyên của luật sư, Okri đã bãi nại.

* Trong cuốn *Words for the taking: the hunt for the plagiarist*, nhà thơ Mỹ Neal Bowers kể: Một hôm, ông nhận được một lá thư từ tiểu bang khác gửi đến, nội dung chép một bài thơ trước kia ông làm để nói về thân phụ. Ký tên dưới bài thơ là David Jones. Tiếp theo, lại có những tạp chí ở nhiều nơi đăng bài thơ đó, với những tên tác giả khác nữa. Ông viết hỏi các nhà xuất bản và những toà soạn liên hệ, thì đa phần không thèm trả lời. Nhưng ông vẫn muốn làm cho ra lẽ. Ông tốn nhiều công, tốn nhiều tiền, và mất gần hết bạn bè (vì ông đã làm cho nhiều người nổi giận), để cuối cùng tìm ra được “kẻ đạo văn”, đưa người này ra tòa. Ông thắng kiện, nhận được 100 đồng tiền bồi thường, và một lời xin lỗi!

* Trong tháng 3.1997, nhật báo *Guardian* đã cấp làm giải thưởng “Ký Giả Trẻ” cho một thiếu niên 15 tuổi, với một bài phóng sự được coi là xuất sắc. Về sau, có độc giả gửi thơ đến tòa soạn, cho biết bài kia được phỏng

theo một bài trong tờ *Economist*.

* Mới đây, giáo sư John Frow của Úc, một cây bút bình luận văn học rất sáng giá, kết tội nhà văn Graham Swift đã “đạo văn” của William Faulkner. Lý do là trong cuốn sách được giải thưởng năm ngoái của Swift, cuốn *Last Orders*, cách trình bày chương mục giống y cách Faulkner đã dùng trong cuốn *As I Lay Dying*: Có một chương chỉ gồm một câu, câu này là bản “toát yếu” của tất cả những chương khác.

* Trong khi xảy ra vụ Beyala và vụ Swift, có nhiều tờ báo Mỹ nhắc chuyện hai nhà thơ T.S. Eliot (1888-1965, người Anh gốc Mỹ) và Ezra Loomis Pound (1885-1972, người Mỹ). Hai vị này có tật hay chép lẫn vào thơ của mình những câu thơ của người khác. Eliot thỉnh thoảng, thỉnh thoảng thôi, có cho biết gốc gác những “câu thơ mượn”; nhưng Pound thì không bao giờ bận tâm đến chuyện này. Và các nhà phê bình, cũng như các độc giả, cũng đã nhiều lần lên tiếng. Nhưng các nhà thơ “bị đạo”, không ai lên tiếng.

* Năm ngoái, Samuel Fuller, đạo diễn Mỹ, trong khi trả lời một số ký giả điện ảnh, đã mỉa mai các nhà làm phim Pháp: “Tôi nghĩ rằng họ là những người biết cách ăn nói. Họ bảo “ăn cắp” của chúng tôi, chính là để tỏ lòng ngưỡng mộ chúng tôi”.

Không đúng sao, ông Fuller? Nếu cách làm phim của ông dở, thì họ đâu có mô phỏng?

* Ngược lại, lo sợ kiểu này thì cũng là quá đáng: Nói chuyện trên đài truyền hình về “đạo văn”, nhà thơ Thom Gunn tâm sự: “Trời ơi, tôi phải làm sao khi tôi tự khám phá ra, hoặc tệ hơn nữa, là có ai đó nói cho biết câu thơ tôi viết nguyên là của một nhà thơ khác?”.

Yên tâm đi, ông Gunn! Chính ông không biết, thì ông đâu có “đạo”. Chỉ có “đạo”, khi nào ông tri tình.

* Luật về tác quyền mới có từ thế kỷ 16. Nhưng với công luận văn học, quyền tác giả đã có từ trước rất lâu. Và một điều cần để ý, là công luận

bảo vệ quyền tác giả nhiệt thành hơn chính tác giả.

Lời nói sau đây của Callimachus (nhà thơ Hi Lạp, 315-240 trước CN) cũng chính là ý đó: *"Các người làm thơ viết văn, ai cũng ghét Homer, là vì ông này đã nói về đủ mọi điều"*. Ý nói ai nói sau Homer, thì cũng chỉ là bắt chước Homer.

* Kể về số lượng "tang vật" mà quan trọng hơn cả trong lịch sử "đạo văn" kim cổ đông tây, là vụ do học giả La-tinh Varron (116-27 trước CN) phanh phui. Varron cho biết trong số 130 vở tuồng được gán cho kịch tác gia Plautus (La-tinh, 254-184 trước CN) chỉ có hơn 20 bản thực sự là của ông này.

Với lòng ưa chuộng những gì thực sự là sáng tác, hầu hết độc giả đều muốn được thưởng thức những "của riêng" của một người. Với công tâm, họ cũng muốn của ai thì phải minh bạch là của người nấy. Đôi khi, họ muốn đứng ra "duy trì công đạo", trong khi tác giả "bị trộm" lại không muốn lên tiếng, vì nghĩ không đáng gì.

Nhưng thật ra, có những trường hợp cũng khó xác định có phải đúng là "đạo văn" hay không. Giraud có nói một câu đáng suy nghiệm: *"Đạo văn là nền tảng của mọi nền văn chương, trừ nền văn chương đầu tiên mà bây giờ không biết được là cái nào"*. Ý muốn nói, một khi tác phẩm được công bố, tác phẩm trở thành cái nhân tiềm ẩn tạo ra những cái quả tất nhiên. Như vậy, chỉ có cái đầu tiên mới được miễn tội đạo văn mà thôi.

Cuối cùng, còn một điều thú vị nữa: Trong văn học, "đạo văn" là một cái tội, một loại "ăn trộm". Cho nên, tác phẩm mà có dính đến "đạo văn" thì được coi là là một món "hàng giả", giả vì lấy của người làm của mình.

Nhưng trong xã hội ngày nay, lại có những thứ cũng giả, nhưng "lộ trình" lại ngược chiều: Lấy chính của mình làm của người. Đây là trường hợp những họa sĩ chuyên vẽ giả những tác phẩm của các tay danh họa.

Họ muốn thiên hạ tưởng làm tác phẩm của chính họ là tác phẩm của vị họa sư kia. Cách nay không lâu, báo chí có trích đăng một câu nói thú vị của Hans van Meegeren, một họa sĩ "chưa gặp thời", chuyên vẽ giả tranh của danh họa Hòa Lan Jan Vermeer (1632-1675): *"Các bạn không biết tôi đau khổ đến thế nào khi có người cứ quả quyết những bức tranh của tôi là do tôi vẽ"*.

Tuy cũng là "giả mạo", nhưng người giả tranh vì phạm tính cách "độc bản", người đạo văn vì phạm tính cách "độc quyền".

Di Cảo Được Mùa

Trong tiếng Anh tiếng Pháp, cái gì ra đời sau khi người làm ra hay người thụ hưởng đã chết, người ta đều dùng chữ "posthumous" và "posthume". Tiếng Việt của chúng ta tinh vi hơn trong trường hợp này: Đứa con ra đời sau khi cha đã chết, được gọi là con "di phúc"; phong tặng sau khi đã chết thì gọi là "truy phong"; bản thảo để lại sau khi chết được gọi là "di cảo".

Nói chung, những tác phẩm cổ văn của người Việt chúng ta phần nhiều đều là "di cảo". Rất ít tác phẩm được phổ truyền lúc tác giả còn sống. Do đó, chuyện "tam sao thất bản" trở thành phổ biến, và công tác hiệu đính trở thành nặng nề. Mà cuối cùng, cũng không ai dám chắc có phải chính tác giả đã viết như vậy hay không.

Ở Âu Mỹ khác. "Di cảo" thường rất hiếm. Từ giữa thế kỷ 15, cách in bằng chữ rời được Gutenberg phát minh, việc in sách trở thành dễ dàng, nên số tác phẩm không được phổ biến rất ít. Không kể những tác phẩm chỉ mới viết xong trước ngày tác giả qua đời, hoặc còn đang dở, những "di cảo" khác nằm trong các trường hợp sau đây:

1-Tác giả viết ra nhưng không muốn phổ biến;

2-Bị nhà cầm quyền cấm phổ biến;

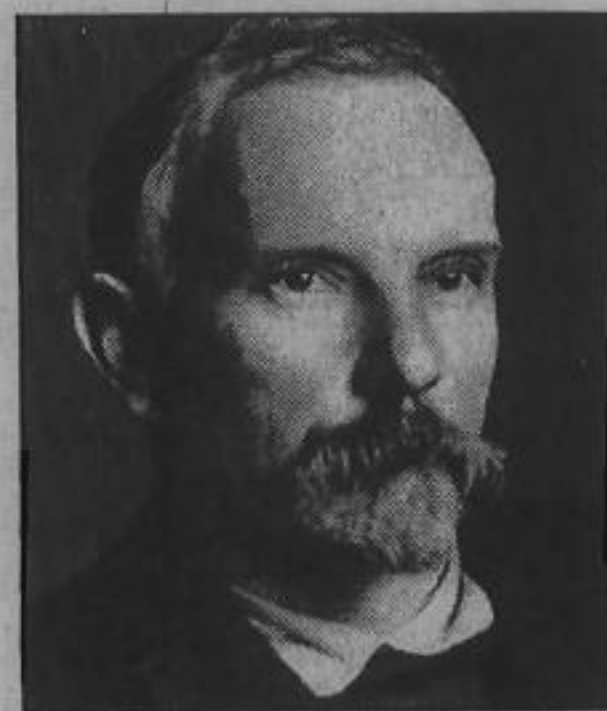
3-Tác giả không nghĩ đến chuyện phổ biến, hoặc không thể phổ biến.

Trường hợp cuối cùng quan trọng hơn cả. Đây là những trang nhật ký tác giả đã tùy hứng ghi chép những chuyện liên hệ đến mình. Nếu tác giả là một người tầm thường, thì chẳng ai muốn đọc làm gì. Nhưng một khi tác giả trở thành một danh nhân, giá trị của những trang ghi chép kia cũng được nâng lên. Người đời tò mò muốn đọc. Và những người chuyên sưu tầm di cảo sẽ tìm cách đưa "di cảo" đến tay những kẻ tò mò. Những lá thư gởi đi và nhận được, cũng vậy. Nhưng cái này mới là khổ công, và đôi khi cũng đáng đồng tiền bát gạo.

Các bạn cứ nghĩ mà xem. Thư tín mà một nhà văn nhận được từ bạn bè, thì chỉ cần người nhà của họ đồng ý cho coi là được. Nhưng thư tín của một nhà văn gởi đi, thì như "mây ngàn hạc nội", biết đâu mà tìm? Thế mà họ tìm được, mới là tài. Còn nói "đáng công đáng tiền", là vì chính trong những lá thư kia, người ta đọc được nhiều điều rất lạ, đôi khi rất "phi văn học". Những cái "phi văn học" này gọi trí tò mò.

Chắc các bạn còn nhớ về hai nhà văn người Pháp Jules Renard (1864-1910) và Pierre Loti (1850-1923). Cả hai đều là nhà văn lớn, đã có nhiều tác phẩm được các nhà phê bình đánh giá cao. Hồi còn sống, Loti đi rất nhiều, đã viết nhiều cuốn có tính cách "du hành ký sự" được nhiều người thích đọc. Tác phẩm của Loti ngày trước cũng đã được dịch ra tiếng Việt khá nhiều.

Riêng Renard viết rất hay, nhưng lúc còn sống không được người xung quanh yêu chuộng. Ai cũng nghĩ là

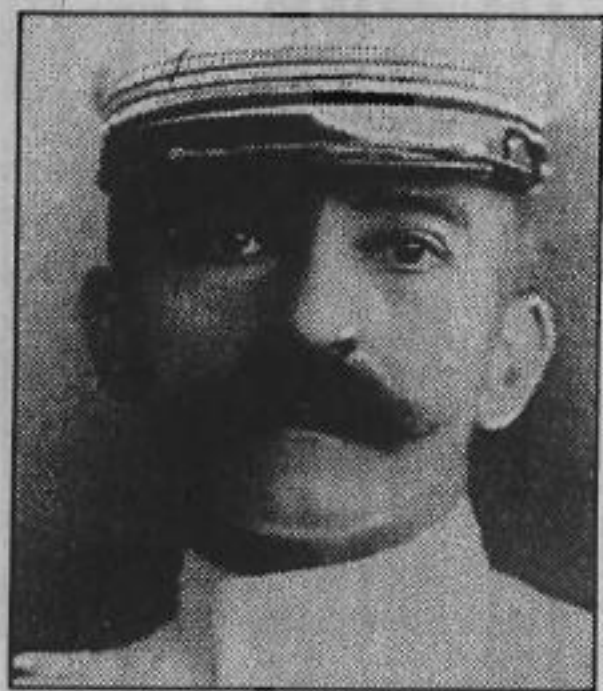


Jules Renard (1864-1910)

ông “tính dữ văn độc”. Cũng có phần đúng: Cặp mắt của Renard sắc quá, văn nghị luận của ông nhiều chỗ đọc như văn “bút chiến”. Có khi giọng văn của ông trở thành chua chát thái quá. Nhưng nếu người đọc đủ điềm tĩnh, thì sẽ nhận ra tư tưởng của ông sâu sắc. Nhưng những nhận định này chỉ có sau khi Renard đã vĩnh viễn gác bút. Lúc còn cầm bút, ông đã bị người đồng thời gán cho những danh xưng không mấy dễ nghe, như “người ghét giáo hội”, “người ghét nhân loại”, “người ghét đàn bà”, “người ghét đủ thứ”... Thật ra, đọc những tác phẩm đặc ý của ông như *Poil de Carotte* và *Ecornifleur*, người ta nhận thấy tình cảm của ông cũng đậm thắm, chỉ có điều ông hay nói toạc những gì ông không thích, làm phiền lòng một số người.

Di cảo của Renard, thì ngay sau khi ông qua đời ít lâu, một tập nhật ký trong đó ông ghi chép những nhận xét về các nhà văn cùng thời, đã được xuất bản. Bây giờ, như để bổ túc và chú giải những ý tưởng trong tập nhật ký kia, trong tháng hai vừa qua, nhà xuất bản “Cherche-Midi” cho ra “*sưu tập 273 lá thư đi đến của Renard*”. Một mặt, các nhà nghiên cứu văn học đón nhận ấn phẩm như một tài liệu quý; mặt khác, độc giả bốn phương cũng muốn biết Renard và bè bạn đã nói những gì với nhau.

Khác với Renard, Loti tuy chỉ chết sau 13 năm, nhưng tập nhật ký của ông cho đến nay mới được xuất bản trọn vẹn. Chính xác là trong tháng tư 1997, sau ngày những trang cuối được viết trên 70 năm. Nhà xuất bản



Pierre Loti (1850-1923)

“La table ronde” nói rõ trước đây, một phần của tập nhật ký cũng đã được phổ biến trong *Bulletin de l'Association des amis de Pierre Loti*, và trong *Revue Pierre Loti*, nhưng những gì “có tính cách thật tư riêng” đều được giữ lại. Bây giờ, mới in đầy đủ. Lại nữa, trước kia, khoảng 1925-29, gia đình Loti cũng có cho xuất bản tập *Journal intime*. Nhưng ấn phẩm lần ấy không có phần sau.

Bây giờ, nhà “La table ronde” in trọn bộ, đủ cả đầu cuối, và không “tự ý đục bỏ” chỗ nào, ấn phẩm dày đến 600 trang. Ấn phẩm chưa phát hành, nhưng trên báo chí Pháp đã thấy đầy quảng cáo, đại loại như hãy đón đọc “nhật ký của nhà văn vừa đi vừa viết”. Nhưng không thấy nhà xuất bản nêu danh vị “ông hàn” của Loti, có lẽ nghĩ cái đó không giúp được gì cho việc bán sách (Pierre Loti vào Hàn Lâm Viện Pháp Quốc năm 1891).

Không biết ở đâu đó, Jules Renard và Pierre Loti vui hay buồn, khi biết hậu thế quá quan tâm đến mình?

Người Tây Đọc Truyện Tàu

Ngày còn nhỏ, khi thấy người Pháp đọc được sách chữ Hán, tôi ngạc nhiên lắm. Tôi cứ tưởng chỉ có những dân tộc ở gần, chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc, mới đọc hiểu sách chữ Hán. Tôi xin kể cho các bạn nghe tôi ngạc nhiên như thế nào.

Tháng 3-1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương. Tại thành phố quê tôi, không xảy ra đánh nhau, vì không có sự kháng cự nào của người Pháp. Tại địa phương, tôi chỉ quen biết một người Pháp chủ sở quan thuế, dân gọi là “ông Tây thương chánh”. Ông Tây này đã cao tuổi, nghe nói học giỏi lắm, có người con trai lúc bấy giờ khoảng 25 tuổi, đang học bên Pháp, thỉnh thoảng mới sang sống với ông ta ít lâu. Người con này chơi khá thân với người anh cả của tôi. Tôi đã từng thấy hai người đi chơi với nhau bằng xe đạp, đi coi hát bội, đi coi hát cồng đình, và anh tôi dạy cho anh ta đánh cầu.

Lúc Nhật đảo chính thì ông Tây

cha chỉ có một mình, vì người con đang học bên Pháp. Có một điều cho tới giờ tôi vẫn phân vân: Hình như Ông Tây thương chánh biết trước ngày Pháp bị lật. Khoảng cuối tháng 2, ông ta gọi anh tôi đến nhà cho tất cả sổ sách đang có. Anh tôi phải thuê 2 chiếc xe kéo mới chở hết sách đem về nhà. Hai ngày sau, hiến binh Nhật đến hỏi, và có giờ nhiều cuốn ra coi.

Sau đó, trong những ngày nghỉ học ở nhà, tôi đã mở tất cả những cuốn sách kia ra coi. Hầu hết là sách tiếng Pháp; chỉ có chừng vài chục cuốn chữ Hán, trong đó có cuốn *Liêu Trai Chí Dị* của Bồ Tùng Linh. Tôi ngạc nhiên hết sức, và xin anh tôi cho giữ riêng cuốn ấy, mặc dù lúc bấy giờ vốn liếng chữ Hán chưa có bao nhiêu. Sổ sách kia, đến cuối 1946, khi nhà bị đập phá, cũng mất và hư hết cả. Riêng cuốn *Liêu Trai* đã theo tôi trên khắp nẻo đường tản cư, cho đến khi bị du kích tịch thu.

Bây giờ, tôi lại gặp cuốn sách kỳ lạ kia trong rừng sách báo của người Pháp. Hình như giữa tôi và Bồ Tùng Linh, luôn luôn phải có cái gạch nối là người Pháp.

Ngược lại sự tưởng lầm của tôi ngày còn nhỏ, người Pháp đọc sách Tàu nhiều lắm. Số danh tác của Trung Quốc đã được dịch ra tiếng Pháp cũng không thua số đã dịch ra tiếng Việt. Ngày trước, ở Miền Nam, những người có trình độ tân học cao nhưng không giỏi chữ Hán, đôi khi cũng phải tìm hiểu nền văn học và triết học của Trung Quốc, qua trung gian sách tiếng Pháp.

Những bộ truyện lớn như *Đông Châu, Hán Sở, Tùy Đường, Tây Du, Tam Quốc, Thủy Hử, Liêu Trai*, đều đã được dịch ra tiếng Pháp. Ba bộ kể sau cùng đã được dịch đi dịch lại nhiều lần, nhiều lần hơn ở Việt Nam.

Riêng cuốn *Liêu Trai Chí Dị* của Bồ Tùng Linh, tại Việt Nam, cũng đã được dịch rất nhiều lần. Tôi không nhớ hết, nhưng nếu tính cả những lần được đăng từng kỳ trên các nhật báo, thì cũng phải đến vài chục. Ngày nay, ở hải ngoại, tôi có thấy một bản dịch

mới được xuất bản, và có mấy tờ báo đăng những bản dịch từng kỳ, với tên dịch giả khác nhau. Nhưng nếu so với dịch phẩm của Pháp, thì *Liêu Trai* dịch của chúng ta còn thua xa về số lượng. Cách đây vài năm, tôi đã đọc được một bản tổng kết của nhà xuất bản "La Pléiade" ghi rằng cuốn *Liêu Trai* đã được dịch ra tiếng Pháp trọn bộ dưới 10 lần, nhưng dịch từng phần thì đã trên 50 lần.

Nhân đây, tưởng cũng nên nói rõ một điều: Nói "trọn bộ" chỉ là nói để quảng cáo. Thật ra, cho đến bây giờ, chưa có bản dịch nào đúng là trọn bộ hết cả. Trước hết, sách chữ Hán đã không có bản nào là trọn bộ, thì lấy đâu sách dịch có trọn bộ? Ngay những cuốn *Liêu Trai* mới xuất bản tại Thượng Hải, Hương Cảng, và Đài Bắc, cũng không có cuốn nào trọn bộ. Lý do là nhà xuất bản lược bỏ đi những truyện họ nghĩ là không hay. Đến phiên người dịch, lại có sự chọn lựa một lần nữa.

Về mặt này, những người sành *Liêu Trai* đồng ý rằng nếu chọn kỹ, thì chỉ còn khoảng 60 truyện thôi.

Gần đây, trong các hiệu sách Pháp, lại xuất hiện hai dịch phẩm của André Lévy và của Rainier Lanselle. Tựa bản trước là *Chroniques de l'étrange de Pu Songling*; tựa bản sau là *Spectacles curieux d'aujourd'hui et d'autrefois*. Bản sau, ngoài những truyện lấy từ *Liêu Trai*, còn có những truyện không rõ nguồn gốc.

Nói cho công bằng, *Liêu Trai Chí Di* của Bồ Tùng Linh đúng là một cuốn tiểu thuyết hay, về truyện cũng như về văn, nếu chỉ chọn hạn chế. Đôi khi tôi còn nghĩ rằng những truyện không hay kia không phải là của Bồ Tùng Linh.

Có một điều rất đáng nói về những bản dịch sách Tàu ra tiếng Pháp. Tùy loại sách, mà bản dịch hay hoặc không. Sách triết của người Tàu, người Pháp dịch hay; đôi khi còn minh bạch hơn nguyên tác. Tiểu thuyết chương hồi là loại dễ dịch, nhưng thường người Pháp dịch không kỹ. Thơ thì họ dịch, đôi khi chúng ta

thuộc bài thơ nguyên tác, cũng không hiểu là họ dịch bài ấy. Riêng cuốn *Liêu Trai*, tôi đã có lần đọc được những bài dịch riêng từng truyện, chẳng những dịch giả chọn đúng truyện đặc sắc, mà còn bắt được văn phong của Bồ Tùng Linh. So ra, không kém những bài dịch của Nguyễn Hoạt ngày trước đăng trên báo *Tự Do*.

Trong dịp André Lévy ra mắt bản dịch, có người hỏi ông nhận thấy Bồ Tùng Linh giống nhà văn Âu Mỹ nào, ông bảo là giống nhà văn Đức Hoffmann. Nếu có chịu ảnh hưởng của nhau, thì chắc là nhà văn Đức, vì Hoffmann sinh sau (1776-1822) Bồ Tùng Linh (1640-1715).

Về nhan đề, có những bản dịch tiếng Pháp dịch sát ra thành "*Contes étranges du studio du bavard*". Nhưng họ dùng chữ "bavard", không biết có làm họ Bồ phạt ý không. Vả lại, đã có nhà nghiên cứu cho rằng "*Liêu Trai*" là bút hiệu của Bồ Tùng Linh, chứ không phải là tên của nơi ông ngồi viết sách.

Trong khi chờ đợi các nhà nghiên cứu Trung Quốc tìm hiểu nghĩa đúng của chữ "*Liêu Trai*", chúng ta nên bắt chước Vương Ngự Dương, mà có thái độ thích hợp đối với tập truyện vừa diễm tình vừa truyền kỳ của họ Bồ, là "cô vọng ngôn chi vọng thính chi".

(Về cách đặt tựa đề cho bản dịch, có những dịch giả đặt rất tùy tiện. Người hiểu kỹ nguyên tác có khi cũng không thể hiểu vì sao tựa đề lại được đặt như vậy. Xin lấy làm thí dụ bộ *Tây Du Ký* của Ngô Thừa Ân: Bộ này đã có nhiều bản dịch tiếng Anh. Có bản phiên âm "*Tây Du Ký*" ra "Hsi Yü Chi"; có bản dịch nghĩa ra "Journey to the West". Riêng bản của Arthur Waley, xuất bản năm 1943, có nhan là "Monkey". Trần Huyền Trang chắc không được vui với cái nhan này).

Tiểu Thuyết Nhật Bản

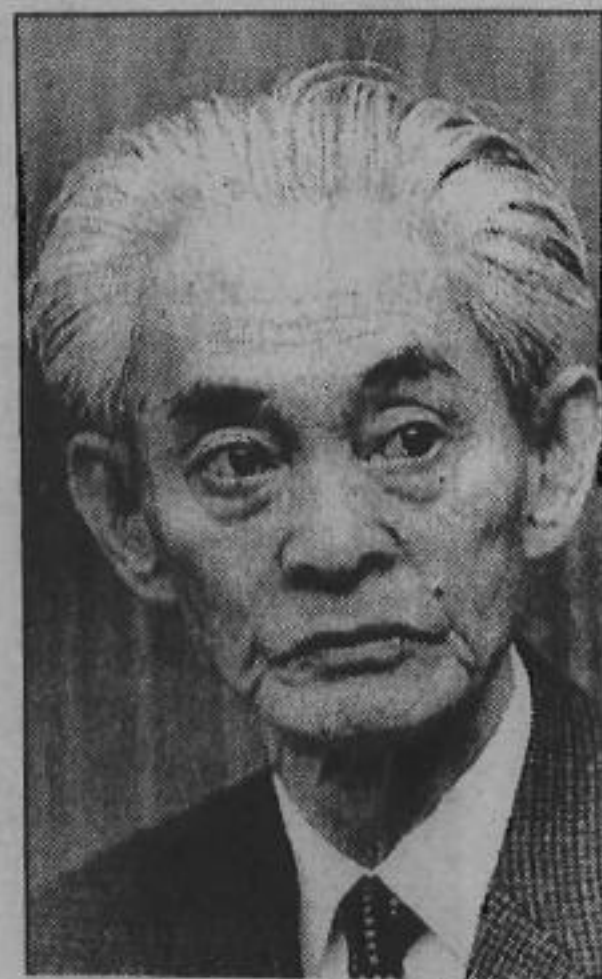
Hình như câu "dại khôn trong nhà, đóng cửa dạy nhau" của chúng ta, ngày nay không được các nhà văn học

quốc tế cho là phải nữa. Họ mở toang cửa ra, cửa nhà họ, và cả cửa nhà người khác.

Rõ nhất là hiện tượng Nhật và Pháp đang dịch sách của nhau. Trong hiện tượng này, Nhật Bản chiếm thế thượng phong. Lý do rất dễ hiểu: Sách của Nhật được dịch ra tiếng Pháp nhiều hơn sách của Pháp được dịch ra tiếng Nhật, là vì số người Nhật đọc được chữ Pháp nhiều hơn số người Pháp đọc được chữ Nhật. Tuy nhiên, các nhà xuất bản và tác giả Pháp cũng không có gì thiệt thòi. Sách nguyên tác bán khá hơn, và đó là điểm đáng tự hào cho tiếng Pháp.

Theo thống kê của báo chí Hương Cảng, số tiểu thuyết Pháp bán được tại Nhật chiếm một tỉ lệ rất đáng kể trong số tiểu thuyết nói chung. So riêng với từng nước Mỹ, Anh, và Đức, thì Pháp hơn hẳn.

Không biết có phải là muốn "lại quả" hay không, trong tháng 3-1997, tờ *Le Figaro littéraire* đã "lăng-xê" và "tái-lăng-xê" một loạt tác giả Nhật, cũ có mới có. Có những khuôn mặt và những nhan đề quen thuộc, nhưng phần nhiều thì lạ hoắc. Trung bình hóa, cứ ba người chọn một, ba cuốn chọn một, thì đọc có nhanh đi nữa cũng phải mất một năm mới hết. Các nhà văn của "Xứ Mặt Trời Mọc" ơi! Quý vị viết nhanh quá, chúng tôi đọc sao kịp? Mà không đọc đủ thì tiếc, vì sách của quý vị hay! Không hay thì



Yasunari Kawabata
(Nobel Văn Học 1968)

báo chí Pháp đâu có giới thiệu rầm rộ như vậy!

Đây, xin mời các bạn đọc qua danh sách những tác giả được giới thiệu: -Yasunari Kawabata (Nobel Văn Học 1968), Yukio Mishima, Yasushi Inoue, Kenji Miyazawa, Shusaku Endo, Junishiro Tanizaki, Banana Yoshimoto, Ryu Murakami, Ogawa Yoko, Natsuki Ikezawa, Kenji Nakagami, Yuko Tsushima, Akiyuki Nosaka, Rieko Matsuura, và Kenzaburo Oe (Nobel Văn Học 1994).

Tôi chỉ mới đọc một phần trong số sách được giới thiệu. Nhưng với những cuốn đã đọc, tôi có một nhận xét chung: Những cuốn tiểu thuyết do người Nhật viết mà được Tây Phương cho là hay, đều có khai thác yếu tố tình dục.

Ai Có Lý Hơn Ai

Chủ điểm của mục này là văn học. Nhưng chắc cũng đã có đôi lần trước đây, tôi đề cập đến một vấn đề lớn hơn, là vấn đề con người với môi trường sinh thái. Lý do cụ thể là báo chí của Tây Phương thường đặt vấn đề này lên hàng ưu tiên một, và phần riêng, tôi cũng nghĩ là phải sống và sống cho an tâm đã, thì mới nói chuyện văn học được.

Hôm nay, tôi trở lại vấn đề, rất vấn tất, nhưng sẽ nêu ra cả “phản luận”, để các bạn đủ dữ kiện suy xét. Nói cách dễ hiểu, trước đây, tôi chỉ kể lại cho các bạn nghe những lời hô hào “bảo vệ thiên nhiên”, “bảo vệ sinh thái”. Hôm nay, tôi kể thêm lời “phản luận”: “Vâng, phải bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ sinh thái, nhưng...”. Xin các bạn chú ý cả hai.

Những cuộc tranh luận quốc tế về bảo vệ môi trường thiên nhiên đã có từ nhiều năm, và đã qui tụ rất nhiều tên tuổi lớn trong các giới khoa học, triết học, tôn giáo, chính quyền... Nói chung, dù là ở cương vị nào, ai cũng đồng ý “phải bảo vệ thiên nhiên”, không ai dám có ý kiến ngược lại. Vì trên nguyên tắc, vấn đề đặt ra hoàn toàn đúng.

Nhưng trong mọi chuyện công ích, và chuyện dự phòng, nhất là chuyện dự phòng cho tương lai xa, thường “tri” và “hành” không chịu đi đôi với nhau. Khi công nhiên thảo luận, thì “dạ phải chúng tôi xin đồng ý”, nhưng đến khi về nhà thì lại làm theo quyền lợi riêng. Tóm một lời, nhân loại vẫn sống theo kiểu “chưa thấy quan tài thì chưa đổ lệ”.

Nhưng dù sao, tôi nghĩ như thế nào, anh nghĩ như thế nào, cũng nên nói rõ ra để thiên hạ còn tiện việc góp ý. Đó là quan niệm của hai người, trong những tiếng nói có thẩm quyền về vấn đề sống còn của nhân loại:

- Théodore Monod (1902-), giáo sư đại học, người Pháp, chuyên về tự nhiên học, đã đi thám hiểm nhiều vùng trên thế giới, đặc biệt là các vùng sa mạc châu Phi, đã viết nhiều sách về đời sống động vật và thực vật. Trong những tác phẩm xuất bản gần đây, Monod đã gay gắt lên án tất cả các nhà cầm quyền trên thế giới là độc ác, chỉ biết nghĩ đến lợi lộc và uy quyền trước mắt, không nghĩ xa cho tương lai chung của nhân loại; kết tội con người là giống vật duy nhất đã mở trường dạy cho con cháu biết cách giết hại đồng loại.

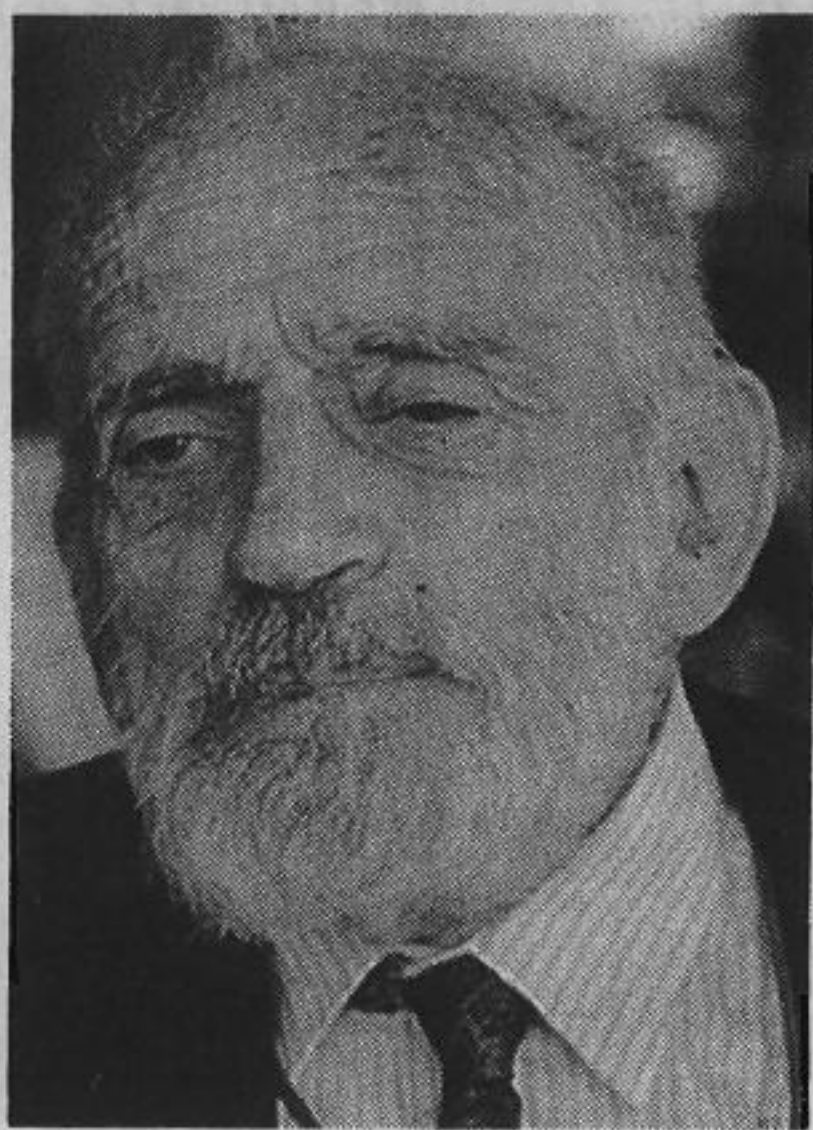
- Georges Charpak (1925-), giáo sư đại học, người Pháp gốc Ba-lan, chuyên về vật lý học, giải Nobel Vật

Lý 1992, đã nhiều lần lên tiếng về vấn đề bảo vệ thiên nhiên, nhưng quan điểm chưa thành hệ thống. Trong một cuốn sách lớn bàn về năng lực và lợi ích của nguyên tử, viết chung với nhà vật lý người Mỹ Garwin, Charpak đã “phản pháo” không kém gay gắt vào những “pháo đài sinh thái” mà ông gọi là “cực đoan”. Ông nói: “Tất cả chúng ta phải biết rằng với khối lượng dân số dự liệu từ 15 đến 20 tỉ cho thế kỷ sắp tới, chỉ có nguyên tử năng mới đảm nhiệm được việc chu toàn cho nhân loại mà ít gây ô nhiễm môi sinh hơn cả”.

Nhưng phát biểu như trên cũng chỉ là nêu một suy luận khoa học. Gây sóng gió là câu này của Charpak: “Ở các nhà lãnh tụ sinh thái học, có một sự cố ý lợi dụng đối với tình trạng ngu dốt của quần chúng”.

Nhà vật lý không miệt thị quần chúng. Ông chỉ nhắm chỉ trích các nhà sinh thái học cực đoan đã vô trách nhiệm khi kết tội sự tiến bộ của nhân loại về mặt khoa học.

Hai nhà trí thức nói trên không trực diện đối thoại với nhau, nhưng rõ ràng qua sách báo, đã cùng nhau tranh luận về một chủ đề cực kỳ quan trọng của nhân loại. Nhân khi các tác phẩm của họ được phát hành, nhiều tờ báo Pháp đã tổ chức phỏng vấn họ.



Théodore Monod (190 -)



Georges Charpak (1925 -)

Đồng thời, giống như một “chiến dịch sinh thái”, các nhà xuất bản và phát hành đã tung ra một đợt sách bàn về “thiên nhiên”, “sức khỏe con người”, “tương lai nhân loại”... Kể bệnh người chống, không khí thật tưng bừng.

Sau đây, tôi sẽ sơ lược giới thiệu nội dung vài cuốn, để các bạn có một nhận định khái quát về mối ưu tư hàng đầu hiện nay của toàn thể nhân loại. Nói chung, cuốn sách nào, tác giả nào, cũng đều cho là phải “bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn cân bằng sinh thái”. Chỉ khác nhau ở thái độ phản xét những tiến bộ khoa học kỹ thuật mà thôi.

- *Sức Khỏe Hoàn Hảo, Một Ảo Tưởng Mới* của Lucien Sfez (chỉ trích cung cách sợ hãi thái quá của những học giả chủ trương rằng văn minh tiến bộ vật chất sẽ dẫn nhân loại đến tuyệt diệt).

- *Kinh Tế và Con Người* của René Passé (đặt vấn đề điều hành thật hợp lý giữa ứng dụng khoa học và vấn đề bảo vệ môi sinh).

- *Đệ Lục Tuyệt Kỳ* của Richard Leaky và Roger Lewin (gợi lại 5 lần “tuyệt chủng” mà sinh vật của địa cầu đã trải qua trước kia, để báo động).

- *Lịch Sử Hiểm Họa Nguyên Tử* của Georges le Guelte (tác giả là một chuyên gia về quân khí; cuốn sách nhận định về hậu quả lâu dài của vũ khí nguyên tử đối với tương lai nhân loại).

Còn nhiều nữa, khoảng hai chục cuốn. Riêng cuốn “Đệ Lục Tuyệt Kỳ” bán chạy nhất. Thế mới biết, thiên hạ ham vui ham lợi, nhưng vẫn sợ chết!

Trở Về Với Cây Cỏ

Đây là một khẩu hiệu đang bắt đầu có ảnh hưởng ở Hoa Kỳ, nhất là trong những tầng lớp giàu sang và khá giả. Nếu lạc quan thì gọi đây là sự “nhận ra điều phải”; nếu bi quan thì gọi đây là “chấn cái này thì nghĩ ra cái khác”.

Trong khi nền y học của Mỹ đã tiến bộ rất nhiều, thuốc mới liên tục được tìm ra, thì số người bệnh vẫn

đông, số bệnh không chữa được vẫn còn... Có người bèn hướng sự tìm kiếm về hướng khác, khác với tây y, tây dược.

Một trong những người đó là Andrew Weil, một người được đào tạo chính qui trong nền y dược hiện đại của Mỹ. Weil, 55 tuổi, tốt nghiệp y khoa tại đại học Harvard. Ông thầy thuốc tây này đã dùng phòng thí nghiệm của trường Harvard để nghiên cứu dược chất của thảo mộc. Ông đã bỏ nhiều ngày giờ để tìm hiểu thật kỹ về cây cỏ sa, cuối cùng tuyên bố rằng không có cây cỏ nào có hại, chỉ có người không biết sử dụng mà thôi. Ông cũng đã bỏ nhiều năm tháng để sang Phi Châu nghiên cứu cây cỏ và cách chữa bệnh của người địa phương. Ông cho biết các “thầy thuốc của rừng núi” đã dùng nhiều thứ cây cỏ để chữa bệnh thành công, và các bác sĩ chuyên dùng thuốc đặc chế của các dược phòng không hề biết đến.

Hiện nay, Andrew Weil đang ra sức thuyết phục mọi người dùng nên cố chấp, thứ nào chữa lành được bệnh, thứ đó là thuốc hay. Ông gọi đó là “thuốc thay thế”. Và ông viết sách để truyền bá y lý mới. Sách của ông bán rất chạy. Năm 1995, cuốn *Spontaneous Healing* (Tự chữa lành bệnh) đã bán được trên một triệu tập. Đầu năm nay, cuốn *8 Weeks to Optimum Health* (Tám tuần để có một

sức khỏe tuyệt hảo) cũng bán rất mạnh. Ngoài ra, hai chương trình truyền thanh y học của ông cũng có một số thính giả kỷ lục.

“Cẩm nang y học” của Weil đặt cơ sở trên một thực đơn chặt chẽ và một phong cách sinh hoạt điều độ. Nhưng các thầy thuốc tây y vẫn không thôi chỉ trích ông. Đáp lại, ông chỉ điềm đạm nói: “*Nền y khoa đang được coi là chính thống rất hữu hiệu trong một số trường hợp, đặc biệt là cấp cứu. Nhưng khi cần giúp cho thân thể kháng kiện, thì đường lối của tôi đáng theo*”.

Sự thật cũng chưa biết ra sao, nhưng hiện nay đã có rất nhiều người Mỹ đang đi theo con đường của Andrew Weil. Riêng đối với người viết bài này, bức hình Weil cỡi trần, tay cầm bụi cỏ, mình trét đầy bùn, quả có gây xúc động mạnh hơn hình những cụ lang áo dài khăn đóng.

Lạc Lỡng Trên Quê Hương Minh

The New York Times Book Review của Mỹ chuyên điểm những cuốn sách mới xuất bản. Những người viết bài có thể thuộc ban biên tập, mà cũng có khi là người ngoài. Nhưng dù là ai, họ cũng đều là người có thẩm quyền, tức là rất am tường về chủ đề của cuốn sách. Nhận xét của các bài phê bình đa phần là rất sắc sảo và công bằng. Nhưng cũng có khi, không hiểu vì sao, lại khá thiên lệch.

Khoảng đầu năm, tôi có đọc qua cuốn sách của ký giả người Mỹ da đen Keith B. Richburg, kể lại chuyện ông đi công tác ở Phi Châu. Tôi còn nhớ, lần ấy đến thư viện của thành phố Winnipeg, trong số trên một chục cuốn sách mà thư viện mới nhận được và để riêng, tôi chỉ chọn cuốn này. Tôi chọn nó, do cái tựa: *Out of America, a Black Man Confronts Africa* (Ngoài châu Mỹ, một người da đen đương đầu với châu Phi). Tôi chợt nhớ lại đã đọc được ở đâu đó cái ý tưởng “xa lạ trên chính quê hương mình”, liền mượn cuốn sách, trong lòng đã chuẩn bị sẵn một mối đồng



Andrew Weil

cảm. Chắc các bạn biết vì sao?

Nhưng không đúng hẳn với tựa đề, Richburg đã nặng về chính trị, về thời thế, về việc chung, hơn là tâm sự của riêng mình. Nhưng tôi cũng đọc hết cuốn sách, vì nó không dài lắm, đâu chừng trên 200 trang. Sau đó mấy tháng, tôi lại có dịp nghe ý kiến của một người khác, cũng quan tâm nhiều đến châu Phi như Richburg, nhận xét lại những nhận xét của ông. Người này là William Finnegan, tác giả cuốn *A Complicated War: The Harrowing of Mozambique* (Một cuộc chiến tranh phức tạp: Nỗi đau lòng của Mozambique).

Mở đầu bài phê bình, Finnegan viết: "Tôi còn nhớ một câu chuyện mà Keith B. Richburg đã viết cho tờ *Washington Post* khoảng cuối năm 1993. Câu chuyện kể lại cái chết của một người Somali 65 tuổi đang đứng trước một tiệm bán thuốc tại Mogadishu lúc đội tuần tiễu thuộc lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hiệp Quốc đi qua. Họ nghe hai phát súng, liền nổ súng bắn trả. Câu chuyện chỉ có thể, nhỏ, nhưng quan điểm của người kể là buộc tội sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc vào những vấn đề địa phương".

Đúng là cùng một sự việc, nhưng có nhiều cách nhìn.

Trong khoảng thời gian hơn hai năm, từ 1992 đến 1994, Richburg là trưởng phòng tin tức của tờ *Washington Post* tại Phi Châu. Với tư cách đó, không những ông phải theo dõi những biến động tại Somalia lúc bấy giờ, mà còn phải thu thập tin tức từ khắp châu Phi. Cái nhìn và cái nhận xét của ông là của một ký giả nhà nghề, nhưng tâm sự của ông là tâm sự của một người đồng chủng nói về những tai họa của những người đồng chủng. Trong khi viết bài phê bình, có lẽ Finnegan cũng có nhận ra điều này, nên đã có một nhận xét: "Richburg làm phóng viên tại Viễn Đông ngày trước với tâm trạng thoải mái hơn".

Đáng tiếc, đã biết như vậy, nhưng ở phần cuối bài điểm sách, nhà phê bình lại viết mấy dòng khá nặng, cho

là Richburg bị đất hóa tình trạng của Phi Châu, trong khi thực tế không phải vậy. Và nhà phê bình kết luận: "Làm như vậy, ông ta không giúp ích gì được cho ai".

Đúng, Richburg có đi vào chỗ "thái quá" ở đôi trường hợp. Nhưng ngay bài phê bình cũng có "thái quá", mà không hề ở trong tình trạng bị kích động.

Nghiệm kỹ, thời đại ngày nay có lẽ là "thời đại của thái quá". Các bạn để ý mà xem. Bên Mỹ, có những vụ như "Michael Jackson", "O.J. Simpson"; ở Gia Nã Đại có vụ "Điều Tra về Somalia". Mãi rồi bàn dân thiên hạ, những người "không cố nghĩ cho khó hơn sự việc", không còn biết đó có phải là công lý, công đạo hay không. Hay chỉ là thừa tiền thừa bạc và thừa thì giờ, không biết làm gì, thì "to make a fuss of nothing" chơi vậy thôi.

Các Triết Gia Nói Về Nhau

Viết mục này, tôi vẫn có ý tránh những đề tài thuần triết học. Tôi nghĩ, không nhiều thì ít, "ba cái vụ ấy" cũng không thực tế. Nhưng hôm nay, tôi đổi ý, vì có chuyện rất thú vị.

Một câu như thế này, in chữ đậm trong một trang báo Pháp, các bạn nghĩ có đáng tiền không: "Aron đã khẳng định rằng Sartre không hề đọc Heidegger, và Heidegger cũng không hề đọc Sartre. Lý do là vì cả hai đều sợ sẽ khám phá ra rằng đối phương "vĩ đại" hơn mình".

Tôi liền đọc cả bài báo, vì trước kia đã nhiều lần, tôi đọc được ở nơi khác, hai triết gia vừa nói đã công kích lẫn nhau. Không đọc sao công kích được? Biết gì mà công kích? Aron có bịa đặt không?

Cả 3 đương sự sống cùng thời, và cùng là triết gia: -Martin Heidegger (1889-1976) người Đức; -Jean-Paul Sartre (1905-1980) và Raymond Aron (1905-1983) đều là người Pháp.

Bài báo nhắm báo động cho độc giả hãy thận trọng khi đọc những bài, hoặc những tác phẩm, phân tích tư

tưởng của các triết gia đã quá cố. Người viết (Philippe Cusin) nhận định rằng những người trung gian giảng giải vẫn có thiện chí, nhưng cách trích giảng của họ có thể làm cho chúng ta không hiểu đúng tư tưởng nguyên thủy.

Để làm nền cho nhận định của mình, người viết bắt đầu dẫn chứng bằng những thí dụ cụ thể: - Tập *Pensées* của Pascal, cho đến bây giờ đã có đến cả chục ấn bản của những nhà xuất bản khác nhau, đối chiếu thì có những chỗ không giống. Chẳng ai biết vì sao, và nhà xuất bản nào cũng tự xưng mình in theo chính di cảo của Pascal.

Lý do cũng dễ hiểu: Khi Pascal qua đời, tập *Pensées* chưa hoàn tất, và hình như ông cũng không có ý phổ biến. Đây là những ý nghĩ về nhiều vấn đề, viết trên giấy rời, về sau được người khác sắp xếp lại.

(Về tác phẩm này, tôi cũng có một kỷ niệm nhỏ: Hồi còn học trung học, tôi và một người bạn thân hay trích dẫn một vài câu hay hay trong cuốn ấy. Một hôm, tôi nhắc lại câu "nếu cái mũi của Cleopâtre mà ngắn hơn, thì bề mặt của địa cầu đã đổi khác". Người bạn bảo tôi đọc sai. Té ra, hai cuốn của chúng tôi chép câu ấy khác nhau. Chúng tôi cặm cụi đối chiếu, thì nhận ra còn rất nhiều chỗ khác nhau. Có khi khác cả ý nữa. Sau ngày ấy, chúng tôi bớt thích *Pensées* của Pascal, mà không phải vì lỗi của ông ta).

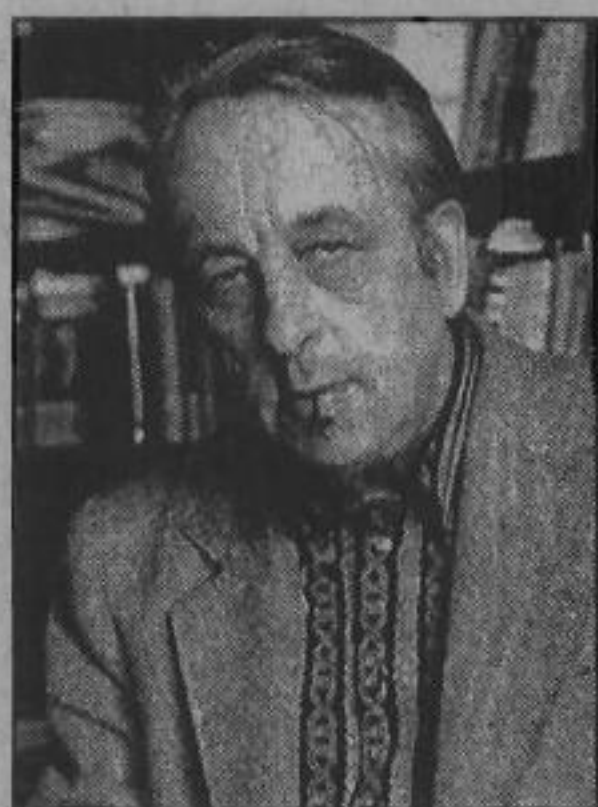
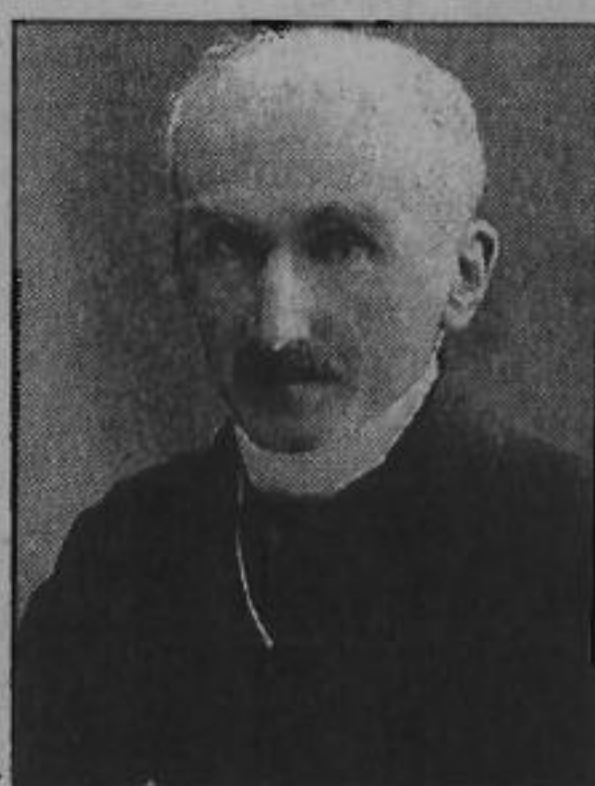
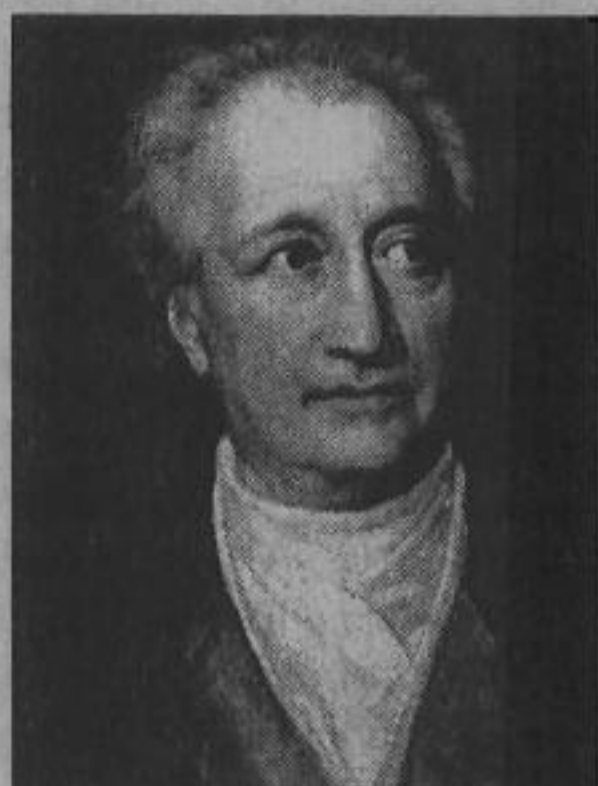
Di cảo *Citadelle* của Saint-Exupéry cũng có nhiều anh em đồng sinh. Các nhà nghiên cứu đã gặp khó khăn, không biết cái nào mới đúng là tư tưởng của ông.

Theo các giáo sư triết của Pháp, tính cho đến nay, tại Âu Châu, các triết gia Goethe (Đức, 1749-1832), Bergson (Pháp, 1859-1941), Wittgenstein (Anh gốc Áo, 1889-1951) thường bị các đồng nghiệp hậu bối hiểu sai. Tư tưởng của các ông khác, nhưng các triết gia lớp sau giải thích khác. Và điều quan trọng là các ông không còn cãi được.

Vấn đề sở dĩ có là vì người ta đã cố ý làm một công việc thật ra không nên làm, là “đoạn chương thủ nghĩa”. Họ tưởng chỉ có họ mới hiểu được tác giả. Cũng có thể họ tưởng họ biết cách diễn đạt hơn tác giả. Và họ “cắt ráp”, làm “découpage” y như làm phim. Tóm lại, họ muốn đọc giả hiểu triết gia kia theo ý họ. Dù với thiện ý hay ác ý, họ cũng là những người “thầy lay”.

Người thầy lay nổi tiếng trong lịch sử triết học thế giới là giáo sư triết người Pháp Louis Althusser (1918-1990). Ông đã trước tác khá nhiều, trong đó có 3 cuốn quan trọng dành “chú giải” chủ nghĩa của Marx và Lênine: *Pour Marx* (Nói cho Marx, xuất bản năm 1965); *Lire le Capital* (Đọc Tư Bản Luận, 1965-68); *Lénine et la philosophie* (Lê-nin và triết học, 1969).

Ài đã đọc “Tư Bản Luận” chính gốc của Karl Marx, thì rất dễ dàng nhận ra sự “khổ công” trong việc “đoạn chương thủ nghĩa” của Althusser khi viết *Lire le Capital*. Ông ta sợ người đời không hiểu đúng ý của Marx. Nhưng chúng ta, thì chúng ta hiểu đúng ý của ông ta, cả những ý ông ta chưa nghĩ tới. Đó là: Nếu 3 cuốn sách kia không được xuất bản trong thập niên 60, hoặc chính xác hơn, là sau khi chủ nghĩa cộng sản bị phá sản trên thế giới mà chưa được xuất bản, thì dù có viết xong rồi, tác giả cũng phải đem đốt đi. Vì không cần nữa!



Các triết-gia: Goethe (Đức, 1749-1832) - Henri Bergson (Pháp, 1859-1941) - Louis Althusser (...) và Wittgenstein (Anh gốc Áo, 1889-1951)

Vụ Đột-Kích Giải Cứu Con Tin Ở Peru

Phạm Phong Dinh

Cuối cùng thì cuộc đàm phán kéo dài dai như sợi gân bò dài đến bốn tháng, giữa chính phủ Cộng Hòa Peru và nhóm 14 phiến quân cảm tử thân cộng thuộc Phong Trào Túpac Amaru, đã chấm dứt bằng một cuộc kịch chiến ngắn ngủi nhưng ác liệt với phần thắng nghiêng về phía quân chính phủ. Toàn bộ 14 phiến cộng đã trở thành những ...”liệt sĩ” nằm chết ngổn ngang trong tòa lâu đài tráng lệ của viên đại sứ Nhật Bản, trong đó có 2 nữ phiến quân mà theo nguồn tin báo chí đã sớm quảng súng xin hàng nhưng vẫn cứ bị số phận nghiệt ngã và cái khốc liệt tàn nhẫn của chiến tranh cuốn xô họ vào cõi chết. Về phía chính phủ cũng bị thiệt mất hai quân nhân, trong đó có viên chỉ huy chiến dịch, đã được chính phủ và dân chúng thủ đô Lima vinh danh như một anh hùng. Một con tin bị tử thương trong cuộc chạm súng, 71 con tin còn lại đã hân hoan vui vẻ trở về đoàn tụ với gia đình, trong những suối nước mắt ngập tràn và những tiếng cười pha lẫn những tiếng nấc sau cơn dông bão.

Mùa Giáng Sinh 1996, nhân dịp mừng sinh nhật Nhật Hoàng Akihito 63 tuổi vào ngày 17.12, viên đại sứ Nhật tại Cộng Hòa Peru, Morihisa Aoki, đã mở một buổi dạ yến huy hoàng tại một biệt thự nằm trong khu cư trú của kiều dân Nhật, ngoại ô thủ đô Lima, 1000 thiệp mời đã được gửi đi. Cho đến trước 8 giờ tối đã có đến gần 700 quan khách, trong đó gồm các yếu nhân chính phủ, đại sứ của 11 quốc gia cùng với ngoại giao đoàn, các chính khách Peru, các giám đốc của những đại công ty trong và ngoài nước, linh mục, giới trí thức và đặc biệt thân mẫu, em trai và em gái của Tổng thống Peru Fujimori, tề tựu trong đại sảnh chờ đợi Tổng thống và phu nhân. Có lẽ vị tổng thống người Peru gốc Nhật đa đoan công vụ quá chằng, cho nên mãi đến 8:35 vẫn không thấy tăm hơi của “người” đâu, và có lẽ lịch sử vẫn chưa chịu sang trang cho nên 14 kháng chiến quân Túpac Amaru đã nôn nóng tấn công vào biệt thự.

Một tiếng nổ kinh hồn vang lên từ phía căn nhà sát bên khu biệt thự. Toán cảm tử đã cho nổ phá được một lỗ hổng to tướng ở bức tường và từ đó ào ạt xông vào. Một nhóm khác quăng lựu đạn tấn công toán cảnh sát trong vọng gác làm nhóm cảnh sát vừa tháo chạy vừa bắn trả dữ dội. Trong đại sảnh, những sĩ quan quân đội Peru đã nhanh chóng gỡ bỏ phù hiệu, cấp bậc để trở thành... binh nhì như bất cứ chiến binh nào. Các viên chức chính phủ hủy bỏ danh sách quan khách để phiến quân không thể truy ra được ai là người quan trọng. Phiến quân hoàn toàn làm chủ tình thế và buộc hết thảy mọi người phải nằm áp mặt xuống nền nhà. Cảnh sát Peru sau một thời gian di tản chiến thuật ra khỏi vòng rào biệt thự và được sự tăng viện của quân chính phủ đã xúm nhau xịt hơi ngạt tưng bừng vào từ mọi hướng, nhưng toán loạn quân đã cười hề hề đeo mặt nạ chống hơi độc lên trong khi 700 quan khách đua nhau ho dữ dội và kêu cứu um trời, cảnh sát buộc phải ngừng tấn công.

Nhóm phiến quân chủ ý tấn công tòa lâu đài của vị đại sứ Nhật để tạo tiếng vang rộng rãi khắp thế giới và để tăng cường liều lượng cho những

yêu sách của họ. Qua hệ thống vô tuyến liên lạc với các hệ thống truyền hình và truyền thanh, quân phiến loạn công bố yêu sách, gồm những điểm chính như chính phủ phải bảo đảm một hành lang rút lui an toàn cho họ về mặt khu trong rừng già Amazon và phải phóng thích 450 "đồng chí" đang bị giam giữ ở những nhà tù trong những điều kiện mà theo họ cáo giác là cực kỳ tồi tệ, đối đến đối các đồng chí thân mến đã phải bắt cả chuột cống để ăn.

Vị chủ tịch Hồng Thập Tự Peru, ông Minnig, đã dứng cảm xông vào thuyết phục toán loạn quân. Để chứng tỏ thiện chí đàm phán, nhóm này đồng ý phóng thích 300 con tin, trong đó phần lớn là người già và đàn bà. Thân mẫu và người em gái của ông Fujimori cũng có mặt trong số này.

Ông Fujimori đứng trước hai lựa chọn nan giải. Hoặc ông sẽ nhượng bộ yêu sách của phiến quân dưới sức ép từ phía Nhật Bản và Hoa Kỳ, điều này cực kỳ nguy hiểm vì sẽ tạo ra tiền lệ cho những nhóm khủng bố khác. Hoặc ông sẽ vẫn cứng rắn đương đầu, tìm giải pháp thích ứng mà vẫn bảo đảm được sinh mạng của con tin. Ông đã chọn lựa phương cách mà có lẽ ông đã học được từ phía cộng sản, cứ nói

chuyện cù cưa cù nhày dai nhách, hứa không hứa, từ chối thì không từ chối, càng kéo dài thời gian càng tốt để cho toán đặc nhiệm Delta Force của Mỹ có thì giờ huấn luyện toán biệt động quân Peru và các chuyên viên đào một con đường hầm dưới lòng đất đến tận đại sảnh.

Trong khi chờ đợi giải quyết yêu sách thì Hồng Thập Tự có nhiệm vụ tiếp tế thực phẩm, thuốc men và nhu yếu phẩm cho con tin. Rút kinh nghiệm sau vụ các kháng quân Chechnya ở Nga xả súng bắn bừa vào những nhân viên Hồng Thập Tự, nhân viên Hồng Thập Tự Peru đã cẩn thận đeo huy hiệu chữ thập đỏ to tướng ở cả trước ngực lẫn sau lưng cho chắc ăn.

Peru là một nước thuộc Nam Mỹ có diện tích gần bằng 3 lần rưỡi diện tích Việt Nam nhưng dân số chỉ có khoảng 30 triệu người, trong đó người Mestizo (lai giữa người da đỏ và người Tây Ban Nha cùng với các sắc dân châu Âu khác) chiếm 88%, người châu Âu (phần lớn là Tây Ban Nha) chiếm 10%, số còn lại gồm người da đỏ và các sắc dân miền núi. Ngôn ngữ chính thức của Peru là tiếng Tây Ban Nha (Spanish), nhưng tiếng bản địa Quechua rất thông dụng và đa số theo Thiên Chúa giáo La Mã.

Giống như hầu hết các xứ vùng Nam Mỹ khác, Peru cũng chịu chung số phận bị trị dưới ách thực dân Tây Ban Nha, có phần sớm sủa và đáng cay hơn là khác. Lợi dụng sự bất hòa giữa hai anh em nhà Atahualpa, thuộc vương quốc của giống dân Inca vốn đã có mặt rất sớm ở Peru từ thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên với một nền văn minh kỳ bí và huy hoàng, năm 1531 hai tướng Tây Ban Nha là Francisco Pizarro và Diego de Almagro đã bắt tay với một ông Atahualpa để tiêu diệt đối phương rồi sau đó mần thịt luôn ông vua Lê Chiêu Thống Atahualpa còn lại, xóa tên vương quốc Aymara vĩnh viễn. Chỉ mấy năm sau đó, năm 1535, trên đồng hoang tàn đổ nát của vương quốc Aymara, người Tây Ban Nha đã dựng



Tổng-thống Fujimori đích-thân "thị-sát chiến-trường"

nên thành phố Lima tráng lệ và tồn tại mãi cho đến ngày nay.

Người Tây Ban Nha đạt được mục tiêu ngoài sức tưởng tượng: vàng hàng hà sa số khắp đất nước Peru, mỏ Nitrate để làm phân bón và dùng chế tạo chất nổ, vùng biển ấm với kỹ nghệ đánh cá phong phú. Năm 1572, một người cháu của Atahualpa tên Túpac Amaru (tiếng Quechua có nghĩa là Con Rắn Hoàng Gia) nổi dậy kháng chiến nhưng không thành công và bị xử trảm. Hai trăm năm sau, một người xưng là hậu duệ của Túpac vùng dậy lần nữa và bị quân Tây Ban Nha xử tử mã phân thây hết sức dã man. Mãi cho đến năm 1821, tướng Simón Bolívar sau khi chiến thắng quân Tây Ban Nha ở Venezuela và Colombia, đã hợp quân với tướng José de San Martín của Á Căn Đình (Argentina) tổng khur vlnh viẽn người Tây Ban Nha ra khỏi đất nước trong trận đánh đấm máu tại chiến trường Ayacucho năm 1824, tuyên bố một nước Peru cộng hoà và độc lập.

Trong hơn 170 năm lập quốc, Peru đã có 101 vị tổng thống, trong đó chỉ có 15 vị chính thức thắng cử trong những cuộc bầu phiếu. Có thể nói lịch sử lập quốc của các nước Nam Mỹ giống nhau một cách quá ư là... kỳ cục. Sau khi chiến thắng đánh đuổi được thực dân rồi thì nội bộ xoay qua đánh đấm nhau từng bùng hoa lá, quân đội đảo chánh như cơm bữa, hiến pháp xé và thay đổi xoành xoạch hàng tháng.

Đầu thế kỷ 20 với sự xuất hiện của



các đại công ty Mỹ, sự khai thác và bóc lột, sự nghèo đói cùng khổ, đã làm cho người Peru nhìn người Mỹ bằng cặp mắt khó chịu. Ngay cả giới quân phiệt cũng có khuynh hướng thân cộng và bắt tay với Liên xô, quản trị quốc gia theo những mô thức cứng nhắc kiểu cộng sản như tịch thu đất đai của địa chủ làm hợp tác xã nông nghiệp, quốc hữu hóa các công ty ngoại quốc và tư nhân để thành lập những cái gọi là xí nghiệp quốc doanh ăn hại đái nát làm việc thì như cái... củ cải mà báo cáo một tác lên tới trời. Nguồn đầu hòa so với lân quốc Venezuela không có là bao mà liên tiếp những giới cầm quyền khuynh tả cứ làm rùm beng lên cứ như là cả nước sắp sửa lên... thiên đàng tới nơi. Hậu quả là những chương trình đầu tư khoan dầu đã ngốn của đất nước hơn 1 tỉ rưỡi mỹ kim mà chẳng nên cơm cháo gì. Tuy vậy từ đầu thập niên 90 đến nay, công ty khoan dầu Mỹ Occidental Petroleum tìm được được một túi dầu có trữ lượng chừng 900 triệu thùng phuy, đủ cho nhu cầu của Peru trong vòng 15 năm tới. Tỷ lệ lạm phát đồng Inti của Peru cao khủng khiếp, thành tích cao nhất lên đến 2800% trong năm 1989. Thảm trạng lạm phát triền miên đã đưa sinh hoạt trao đổi và mua bán ở Peru rơi vào tình trạng "tiền trao cháo múc", có nghĩa là bất cứ cái gì cũng phải xùy tiền ra trước rồi mới nói chuyện phải trái sau, thậm chí có lúc dân chúng đói rã ruột, có 50 chiếc tàu ngoại quốc chở lương thực đậu ở cảng rồi, vẫn nhất định chờ thủ tục tiền trao cháo múc (cash-in-advance) rồi mới chịu cho dỡ hàng.

Ngoài nguồn lợi khoáng sản và nông nghiệp, Peru còn trông cậy chủ yếu vào xuất cảng mỗi năm chừng 1 tỉ mỹ kim bột cacao, chiếm 1/3 tổng sản lượng xuất cảng và lợi tức bình quân đầu người chỉ hơn 1000 đô la, tức là ở vào mức một trong những nước có lợi tức quốc dân thấp nhất thế giới.

Đầu thập niên 20, đứng trước tình trạng những chính phủ dân sự nếu không thiên tả thì cũng là những

chính phủ quân phiệt bài Mỹ, nền kinh tế quốc gia có nguy cơ phá sản, một nhóm trí thức đứng đầu là giáo sư đại học Manuel Gonzalaz Prada cùng các học trò, trong đó người xuất sắc nhất, Victor Raúl Haya de la Torre đứng ra vận động thành lập đảng Liên Minh Giải Phóng Nhân Dân Mỹ Châu APRA (American Popular Revolutionary Alliance) trong năm 1924 với chủ trương giải thoát dân chúng khỏi ách thống trị của một nhóm quyền lực hay tài phiệt, cải cách xã hội và giáo dục. Phe khuynh tả đã gọi APRA là đảng chống cộng, tuy trong tiến trình hoạt động, nhiều lúc APRA cũng có hơi... hường hường. Sau đó coi bộ đi với ma thấy không khá, APRA lại ngã trở lại trắng... nhách với hình thức liên minh với những đảng hữu khuynh khác như đảng Thiên Chúa Giáo Nhân Dân, đảng Nhân Dân Hành Động. APRA đã thắng cử tổng thống trong những năm 1931, 1945, 1963. Vị tổng thống APRA cuối cùng là ông Alan Garcia thắng cử năm 1985. Với một đa số tương đối ở cả hai viện quốc hội, những vị tổng thống của đảng APRA chẳng những đã không được quân đội hỗ trợ mà thường thường là ngồi chưa nóng... dít đã bị các tướng lãnh hất xuống để thiết lập chế độ quân phiệt.

Tình trạng chính trị hỗn loạn và nền kinh tế xuống dốc, nông nghiệp tập thể thất bại đã đưa những làn sóng người cùng khổ và nông dân khánh kiệt đổ xô về vùng Lima để tìm phương sinh sống tạo thành một vòng đai bao quanh vùng ngoại ô Lima với hàng hà sa số những ổ chuột, những túp lều dột nát, những điều kiện vệ sinh tồi tệ kinh khủng và những cuộc sống nghèo khổ tới mức gần như bán khai. Vùng đói nghèo ấy là mảnh đất màu mỡ cho thoát tiên là đảng thân Mao "Con Đường Sáng" Sendero Luminoso (Shining Path) do giáo sư đại học Huamanga, ông Abimael Guzman làm lãnh tụ. Cho đến năm 1992, Guzman bị nắm hợp thì "Con Đường Sáng" đã gửi sơ sơ có 25.000 oan hồn qua bên kia cửa tử. Sendero

Luminoso hoạt động theo mô thức nhóm nhỏ, phá hoại và khủng bố bên trong Lima. Các mục tiêu ngon lành và đặc biệt là tòa đại sứ Mỹ và các quán ăn KFC, các mục tiêu công cộng. Các đảng viên "Con đường sáng" đã học chế tạo chất nổ, bom làm bằng ống nước và ít nhiều được Lực Lượng Giải Phóng Võ Trang Colombia huấn luyện cùng cung cấp súng đạn.

Đến năm 1984 thì một tổ chức hung thần khác thân Cuba xuất hiện hoạt động song song với Sendero Luminoso lấy tên là Phong Trào Hoàng Xà (Túpac Amaru Movement) với một tâm vóc khiêm tốn hơn, có mặt khu ở rặng Andes trong vùng rừng Amazon, tuyển mộ đoàn viên từ những thôn xóm hẻo lánh và từ những người cùng khổ với lời hứa hẹn khi thắng lợi rồi thì ta sẽ xây dựng bằng năm bằng mười hơn trước và ai cũng có cơm no áo ấm cả!

Lời hứa của cả hai đảng cộng sản nghe bùi tai còn hơn là khoai lang lùi nữa cho nên có lúc "Con Đường Sáng" đã thu hút tới 15.000 đoàn viên và toan tính mở một cuộc "tổng nổi dậy" có tâm vóc cỡ như Tết Mậu Thân, nhưng chưa kịp làm ăn gì thì thủ lĩnh Abimael Guzman đã bị Tổng thống Fujimori cho biệt kích còm đùm còm nắm ra nằm ngoài khu ổ chuột mấy ngày thộp cổ và nhốt chuồng sắt cho đi diễn hành tà tà một vòng Lima rồi được tòa án quân sự tặng cho 40 cuốn lịch nằm gãi háng.

Trước đó vào năm 1990, các lãnh tụ Túpac Amaru gồm Victor Polay, Nestor Garcia và 50 đồng chí cũng bị xỏ khám nhưng các đảng này tìm cách đào hầm vượt ngục được. Mãi đến năm 1993, Polay bị tóm lại, còn Garcia sau này dẫn đầu toán cầm tù quân nhào vô biệt thự đại sứ Nhật cầm giữ con tin để yêu sách thả Polay và hơn 450 phiến quân khác.

Sự thất bại trong việc điều hành guồng máy chính trị và kinh tế quốc gia của APRA, sự lan rộng của những tổ chức võ trang phiến cộng đã buộc Tổng thống Alan Garcia nhường bước và cho tổ chức bầu cử. Đến đây

nổi lên một người hùng mới của đất nước. Kỳ diệu thay người ấy chẳng có lấy một chút huyết thống Inca hay Mestizo nào, đó là một người Peru gốc Nhật tên Fujimori. Tổ tiên của ông vốn là những ngư dân Nhật tình cờ khám phá được vùng biển nhiều cá của Peru từ mấy thế kỷ trước đã đổ xô đến lập nghiệp, sinh con đẻ cái. Nhiều thế hệ di dân Nhật cộng với người Peru gốc Nhật đã hình thành nên một "giống" người mới cáo cạnh, cạnh tranh ngang ngửa với người Âu châu và người lai Mestizo trong mọi lĩnh vực. Nhưng việc một đảng da vàng mũi tẹt mà dám hiên ngang đứng lên tranh cử đến chức tổng thống trong năm 1990 là một chuyện...động trời. Cũng giống như một ngày đẹp trời nào đó có một đảng Mỹ gốc Mít ra chèo kéo chiếc ghế tổng thống với phó Al Gore chẳng hạn. Cho nên thoát đầu Fujimori chỉ đạt được có 3% tín nhiệm theo số liệu các cơ quan thăm dò và có hy vọng cầm đèn lái trong cuộc tranh cử. Được cái là giờ phút cuối cùng ông được sự ủng hộ của những người theo đạo Tin Lành cùng một đảng Cambio 90 (Chance 90), có nghĩa là Đảng Cơ Hội 90. Cổ động viên đã chia nhau đi khắp đất nước, kiên nhẫn gõ cửa từng nhà một giải thích chính sách của đảng. Chán ngấy trước sự bất lực ngày càng trầm trọng của đảng APRA, kinh tế xuống dốc và khiếp sợ trước nạn nổ bom giết chóc bừa bãi của Sendero Luminoso và Túpac Amaru, dân Peru xoay qua ủng hộ Cambio 90. Uy tín của Fujimori vọt lên cao đến 60% đã thừa phiếu đưa ông đắc cử vẻ vang với đa số tuyệt đối mà không cần phải liên minh với các đảng phái khác và chia ghế.

Sau lễ tuyên thệ, tân tổng thống đã giải tán tất xuyt quốc hội ăn hại đá nát chỉ chuyên giơ tay và gật đầu, cách chức các tư lệnh hải lục không quân và bổ nhiệm những tướng lĩnh có thực tài, canh tân guồng máy cảnh sát và chỉnh đốn quân đội để chuẩn bị ăn thua đủ với quân phiến cộng.

Fujimori là một trong những vị tổng thống hiếm hoi được sự hậu

thuần mạnh mẽ của quân đội và đi vào huyền thoại lịch sử Peru như là một vị lãnh đạo cứng rắn, quyết tâm xây dựng lại đất nước và xích lại gần phương Tây, từ bỏ chủ trương bài Mỹ và khủng bố. Một số kết quả ngoạn mục là việc tóm được lãnh tụ Guzman của "Con Đường Sáng" cho nằm nhà đá, đưa tàn quân của hắn ta trở về bóng tối của rừng rậm Nam Mỹ và ...dứt bóng vô hạn định; bắt được hầu như toàn bộ 450 quân nòng cốt của con rắn rung chuông Túpac Amaru; tư doanh hoá nền kinh tế quốc dân, giao trả những công ty quốc hữu hóa lại cho người ngoại quốc; đè bẹp được những con "fat cats" tức những đại tài phiệt khổng chế và làm lụn bại nền kinh tế quốc gia; cho bầu lại quốc hội và đảng Cambio 90 lại chiếm đa số với 44 ghế trong tổng số 80 đủ để cho đảng đổi ra một cái tên rất hách xì xằng là đảng Tân Đa Số (New Majority Party). Những yếu tố đó đã làm cho Hoa Kỳ hết sức hài lòng. Tổng thống Clinton đã ra lệnh tháo khoán 100 triệu mỹ kim viện trợ bị đình hoãn từ những năm trước và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Money Fund), Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) cùng các nhà đầu tư ngoại quốc đã có thể an tâm đổ tiền của cho vay dài hạn và đầu tư ào ạt vào Peru, trong đó Nhật Bản cũng có phần hậu hĩ. Một trong những khuôn mặt sáng giá có tham vọng nổi bước Fujimori trên sân khấu quốc gia Peru có lẽ là ông chủ tịch đảng Đa Số Mới cũng người Nhật, ông Jaime Yoshiyama Tanaka và hàng đồng những ông "lùn" khác nữa.

Với bản tính cứng rắn, khôn ngoan và đầy tinh thần "samurai" Nhật, thà chết chứ không chịu thua trong nổi nhục, ông Fujimori đã giải quyết cuộc khủng hoảng con tin bằng chiến thuật dằng dai, dụ khị phiến quân bằng chuyển hội đàm với lãnh tụ Cuba, đề nghị ông râu xồm nhận vào cổng thiên đường 15 người giùm cho. Ông Fidel Castro đã vui vẻ ưng chịu, gì chứ sát thủ hảo hạng thì Cuba vẫn đang rất cần. Nhưng coi bộ 15 đấng sĩ có mỗi ngàn ngại, chỉ năng

nặng đôi về chiến khu trên nương rẫy, chứ họ cũng ngán làm kẻ hàng thần lơ lảo xú người. Ông cũng cương quyết không chịu trao trả 450 người có nợ ... máu với nhân dân, họ phải được đem ra xét xử trước tòa án quốc gia về những án sát nhân khủng bố.

Cuộc mặc cả kéo dài dai dẳng hơn 4 tháng trời, có lúc Fujimori cũng cố tạo cho thủ lĩnh Nestor Garcia cái cảm giác thương thuyết tiến triển bằng cách cho xe chở ông này sang cao ốc đối diện tòa biệt thự để nói chuyện. Trong lúc đó, toán biệt động Peru ráo riết thực tập tấn công giải cứu con tin trên một ngọn đồi ngoại ô thủ đô Lima đầy nắng và bụi, một số khác ăn mặc thường phục trà trộn lẫn la đến đứng lóng nhóng làm kẻ bàng quan quan sát kín đáo các góc ngách ra vào của tòa biệt thự. Một số khác âm thầm cặm cuội đào một con đường hầm từ cổng sau, tỏa ra làm 3 nhánh dưới lòng đất và đưa chất nổ vào. Công việc tiến hành xuôi chèo mát mái, chỉ mãi cho đến những ngày trung tuần tháng 4.97, quân phiến loạn mới phần nản là họ nghe có tiếng đào đất và cực lực cảnh cáo là họ sẽ mần thịt hết 72 con tin để cho kế hoạch giải cứu của quân cộng hòa bị phá sản.

Sự việc đã đến nước đó càng không thể dừng lại được nữa. 140 biệt động quân Peru phần lớn tập trung dưới đường hầm đã phải ngồi im như những pho tượng đá rỗng rã 48 tiếng đồng hồ chờ lệnh tấn công. Trong lúc đó thì Garcia và các đồng chí đang làm gì trước con sấm sét? Trời Phật hỡi, sau những tháng ngày căng thẳng và đàm phán mệt mỏi, ông ta cùng 7 người khác dọn dẹp một khoảng trống lớn trong đại sảnh để làm chỗ đá ... banh cho đỡ sâu đời, hầu hết đều mặc những chiếc áo thun có huy hiệu đội tuyển bóng tròn quốc gia. Điều này rất dễ hiểu, không biết đá banh không phải là người Nam Mỹ! Garcia còn hớ hênh và tự kiêu đến nỗi chỉ để có 3 kháng quân trên tầng hai canh chừng 72 con tin, 2 người "cảnh giác" trong khu đại sảnh và hai người này đang reo hò theo dõi trận bóng tròn

cuối cùng trong đời bằng tất cả lòng nhiệt cuồng của người Nam Mỹ, 2 người khác giữ nhiệm vụ chặn cổng sau. Tất cả đều bịt mặt bằng chiếc khăn giải phóng hai màu đỏ trắng có thêu hình con rắn.

Có một điều kỳ diệu có lẽ là từ trên trời cao đã góp phần vào việc thành bại của chiến dịch và bảo toàn sinh mạng con tin. Một viên sĩ quan hải quân về hưu trong số con tin trong suốt 4 tháng đã giấu được chiếc máy liên lạc vô tuyến nhỏ và trong những giờ phút cuối cùng đã nhận được mật lệnh: "Đúng 3 phút nữa mọi người phải nằm xuống nền nhà vì chúng tôi sẽ xông vào giải cứu quý vị". Viên sĩ quan thì thảo truyền lời lại cho viên đại sứ Bolivia Jorge Gumucio đang đánh cờ vua giải buồn với Linh mục Juan Julio Wicht, đáng chán chiến cao cả đã tình nguyện ở lại làm điểm tựa tinh thần cho nhóm con tin và từ khước không chịu được phóng thích. Hai vị này ngán người tướng đang được nghe kể chuyện hài hước. Nhưng gì thì gì cứ tới đúng giờ là 72 con tin vừa sửa soạn nằm xuống, một tiếng nổ kinh hồn vang dội vọng lên từ dưới khu đại sảnh làm rung chuyển cả tòa biệt thự, bụi cát văng mù mịt. 8 cầu thủ bóng tròn bị hất văng tứ phía trong cơn hốt hoảng bàng hoàng trong lúc những chiếc áo rằn ri biệt động tủa lên từ ba ngã đường hầm. Từ ngã lên sân sau, quân chính phủ đã nhanh chóng bắn hạ tại chỗ 2 phiến quân, mở thông được một hành lang an toàn cho toán đột kích trên sân thượng tràn xuống tầng hai giải cứu và đem 72 con tin xuống.

Trong lúc đó toán biệt động từ cổng trước cũng bắn nổ, phá một lỗ hổng từ cửa đại sảnh ồ ạt xông vào, hễ cái gì cục cựa đứng bằng hai chân và không có mặc áo rằn ri là cứ phơ thẳng tay! Toán phiến quân gác cổng chống trả kịch liệt và ném lựu đạn, một tiếng nổ âm chát chúa làm hai binh sĩ cộng hòa tử trận, trong đó viên sĩ quan chỉ huy chiến dịch đứng cảm lao vào trước đã gục xuống.

Nestor Garcia vớ được khẩu AK.47 cùng với 3 người nữa chạy lên

tầng trên với ý định tàn sát con tin được tới đâu hay tới đó rồi có ... chết cũng hả dạ. Các đồng con tin sợ muốn bể tim đã nằm úp mặt và lấy hai tay che mặt để phiến quân không nhận diện được. Toán biệt động từ sân thượng tràn vào như vũ bão và hành động nhịp nhàng, lập tức di tản con tin xuống cầu thang sau, một toán khác xông tới cầu thang đón chặn toán Garcia. Một cuộc đọ súng kinh khủng đã xảy ra và là cuộc chiến đấu khó khăn nhất của toàn chiến dịch. Toán binh sĩ dưới đại sảnh cũng chạy lên bịt kín cầu thang, Garcia và các phiến quân bị bắn chết nằm ngổn ngang vắt người trên các bậc thang xi măng trong mọi tư thế. Cuộc giao tranh dự trù 5 phút đã phải kéo dài đến 16 phút với thắng lợi nghiêng về phía quân chính phủ, 1 con tin trong lúc hỗn loạn đã tử thương.

Vụ đột-kích giải cứu con tin đã gây một tiếng vang lớn trên toàn thế giới vì mức độ thuần thực, hiệu quả và sự an toàn đến mức kỳ diệu cho các con tin. Dù cho các loại kháng quân có nhân danh bất cứ một thứ chính nghĩa hay công lý nào, một khi đã dùng sinh mạng của con người để làm món hàng trao đổi, theo đuổi phương sách giết chóc và khủng bố mà thế giới đã gớm ghê và kinh sợ, thì mặc nhiên những nhóm phiến quân ấy đã tự tách mình ra khỏi dòng sống của dân tộc và nhân loại. Cuộc đột kích giải cứu con tin ấy còn đem đến cho thế giới một chút tin vui mong manh đầu tiên kể từ sau cuộc đột kích thành công của toán biệt-kích Pháp xông lên chiếc Air France trừ khử nhóm không tặc quá khích trong năm 1994, chứng tỏ phương cách khủng bố đang dần bị đánh bại, loại bỏ.

Mấy ngày sau đó Garcia và các phiến quân đã được an táng không kèn không trống tại một nghĩa địa hẻo lánh nằm trên một ngọn đồi trọc gió cát quanh năm, cô độc nhìn ra hướng Thái bình dương. Con rắn chúa cuối cùng, của Túpac Amaru đã nằm xuống cùng với bóng đêm vĩnh cửu.●

ta-bà thế-sự

Phan Nguyễn Minh Minh

Đất nước “Mặt Trời Mọc” ngả bóng tà huy?

Dư luận báo chí Nhật-Bản trong đệ nhất tam cá nguyệt 1997 đã để lộ tâm tư sâu muợn về đất nước “Mặt Trời Mọc”.

Những tờ báo uy tín như *Nihon Keizai Shimbun* tung ra một loạt bài dưới tiêu đề “Nhật-Bản tan biến” trong khi tờ *Asahi Shimbun* thì bàn về một “tương lai vô hình”. Qua những bài phê bình gay gắt tình trạng tệ hại của kinh tế Nhật-Bản, tờ *Toyo Keizai* đặt câu hỏi: “Liệu chúng ta có tránh được thảm họa hay không?”

Tại sao đương không lại nổi lên một làn sóng bi quan như vậy khi mà ai cũng biết rằng Nhật-Bản vẫn còn là một cường quốc đáng kể trên nhiều phương diện? Dĩ nhiên không phải là không có lý do.

Cách nay không lâu, khoảng 6 hay 7 năm, các ngân hàng lớn của Nhật-bản rất có uy tín trên thị trường tài chính quốc tế. Ở Nữ-Uớc cũng như ở Luân-Đôn, các ngân hàng này được cho là hùng mạnh nhất thế giới. Thế nhưng, từ mùa thu năm ngoái cũng trên những thị trường này người ta lại bắt đầu đặt vấn đề khảnh tận của một vài cái trong số những ngân hàng này. Đi đâu trong đợt hoài nghi này là những cơ sở uy tín của Tây phương như J.P. Morgan và ngân hàng Tín dụng Thụy-Sĩ. Ngoài ra, sau hội nghị quốc tế của các cổ vấn doanh nghiệp ở Thượng-Hải hồi tháng 11 năm 1996, không có một công ty nào của Nhật được ghi vào danh sách của 10 doanh nghiệp ưu tú được xếp hạng ở hội nghị này cả.

Ý thức được sự suy thoái của

chính mình, gần đây các nhà kinh doanh Nhật đã bắt đầu xem xét lại hệ thống quản lý, và Thủ tướng Nhật, ông Ryutaro Hashimoto, đã tuyên bố sẽ tiến hành “sáu cuộc cải cách lớn” từ nay đến năm 2001, trong đó có cuộc cải cách hành chính. Nhưng dường như bên ngoài nước Nhật người ta không mấy tin tưởng. Chẳng hạn như trong một tài liệu nội bộ của Hoa-Kỳ về chính sách kinh tế mới đối với Á châu do tòa Bạch Ốc soạn thảo hồi tháng 11 năm 1996, người ta đọc được quan niệm sau đây: “Nhật-Bản cải tổ hành chính và sửa đổi quy chế quá chậm chạp, không theo kịp nhịp độ thay đổi của thế giới. [...] Có thể nước này đi đến chỗ suy tàn”.

Ngày nay, ở Á châu đang có một khuynh hướng gia tăng cải tổ để từ đây đến năm 2020 mở rộng các cuộc trao đổi mậu dịch và đầu tư. Vậy mà nước Nhật lại cầm đèn đỏ trong phong trào này! Theo ông Roger Rainbow, phó chủ tịch nhóm nghiên cứu của công ty Shell (một nhóm nổi tiếng về các dự đoán tình hình kinh tế thế giới), từ nay đến năm 2020 tình thế nước Nhật càng trở nên bi đát vì dân chúng Nhật càng lão hóa và sinh xuất tiếp tục xuống thấp. Ông này lưu ý rằng: “Các nhà lãnh đạo chính trị Nhật-Bản không ý thức đúng mức

những nguy cơ gặp phải”. Thực tế là trong luật tài chính năm 1997, năm bắt đầu cải tổ, không có một sự giảm thiểu chi tiêu nào được dự trù hết. Như để báo trước tương lai, Đông-Kinh là thị trường tài chính duy nhất thuộc những nước kỹ nghệ lớn có tỷ giá xuống thấp trong năm qua.

Ngay từ bây giờ, tâm trạng cô đơn dường như đã đè nặng lên công dân nước Nhật. Trong nghĩa trang Yanaka - một nghĩa trang rộng lớn nằm giữa thủ đô Đông-Kinh - trên khoảng ba mươi năm mộ người ta đọc được những tấm biển kỳ lạ mang những dòng chữ như sau: “Ai đến cầu nguyện trước ngôi mộ có vẻ như bị bỏ hoang này xin cho biết danh tính”. Những năm sau này, với đà suy giảm lần hồi của mức sinh xuất, những ngôi mộ bỏ hoang ở Đông-Kinh tăng lên theo tỷ lệ 10% trên tổng số của những nghĩa trang lớn trong thủ đô.

Qua cuộc triển lãm ảnh chủ đề thành phố Đông-Kinh ở Copenhagen hồi cuối tháng 11 năm 1996, tất cả các bức ảnh của 21 nhiếp ảnh viên nổi tiếng Âu châu đều cho thấy một thủ đô nước Nhật đen tối và lờ mờ uể oải. Ông Tetsuro Morimoto, nhà phê bình nghệ thuật và cũng là một trong những người tổ chức cuộc triển lãm, cho rằng những bức ảnh đó là điềm báo trước cho cái chết của Đông-Kinh.

Lối sống của giới trẻ Nhật-Bản

Buổi sáng thức dậy, ông Nobuya Kato, một công chức 52 tuổi ở Hokkaido, thấy mấy lời nhắn để ở bàn. Trên mảnh giấy nhỏ cỡ bằng tấm danh thiếp, Satoru, cậu con trai 21 tuổi của ông viết bằng bút chì: “Đây chớ không phải đồ chơi”. Câu nhắn đó có nghĩa là: “Con cần dây đàn”.

Satoru sống chung với cha mẹ nhưng chỉ liên lạc với hai ông bà bằng những lời nhắn để lên trong đêm. Trong năm đầu ở cấp hai trung học, cậu bỏ học và từ đó sống giam mình trong phòng riêng. Ông Kato tâm sự: “Như vậy là đã 4 năm qua chúng tôi không ăn chung nữa”. Để tránh tiếp



xúc, Satoru không rời khỏi phòng riêng và mẹ cậu phải mang thức ăn vào tận phòng. Trong lúc ăn cậu khóa chặt cửa phòng. Từ ngày giam mình cho đến nay, cậu không khi nào ra ngoài vì sợ gặp thiên hạ. Ngày này qua ngày nọ có khi về đêm, cậu đánh đàn. Hồi cuối năm ngoái, cậu có ý định rời nhà ra sống riêng và cũng bằng cách viết mấy chữ cho cha mẹ cậu.

Cách nay 3 năm, ông Kato đã đến tham khảo văn phòng tư vấn "Friends Space" ở Matsudo (quận Chiba phía đông Đông-Kinh) và nhờ đó mà ông biết rằng trên toàn nước Nhật cũng có khá nhiều trường hợp như con ông. Từ 1990, văn phòng tư vấn "Friends Space" Matsudo và Osaka đã tiếp tổng cộng khoảng 7.500 gia đình cùng cảnh ngộ. Bệnh nhân thường là những người trẻ - tuổi trung bình lối 23 - và phần đông sống cách xa mọi người trên cả năm, trong số này có một trường hợp độ 30 niên kỷ mà sống tách biệt với thế giới bên ngoài hơn 10 năm! Theo ông Fujiya Tomita, chuyên viên của văn phòng, thì chủ yếu đây là một vấn đề thuộc lãnh vực giao tiếp: "Tất cả những người trẻ này than phiền là gặp nhiều khó khăn trong giao thiệp, không hiểu được người khác và không thể tin tưởng họ".

Bác sĩ tâm thần Tadashi Kondo đã phát hiện ra vấn đề này cách nay 4 năm, khi ông được biệt phái đến trung tâm y tế quận Izumi ở Yokohama. Một hôm, ông tiếp một phụ nữ có đứa con gái 24 tuổi từ 10 năm qua không ra khỏi nhà, không trả lời điện thoại và từ chối mọi cuộc thăm viếng. Mở rộng nghiên cứu qua hồ sơ y bạ, ông nhận thấy trong vòng 5 năm trước đó trung tâm này đã tiếp khoảng 50 người trẻ có trường hợp tương tự.

Đối với những cô cậu trên 18 tuổi, thường họ chỉ muốn sống với chính mình sau khi bị gián đoạn học hành vì bị học đường hắt hủi. Theo bộ giáo dục Nhật thì trong năm 1995 trên 81.500 học sinh tiểu học và trung học đệ nhất cấp (trên tổng số khoảng 13 triệu) không chịu đến trường và con

số này tiếp tục gia tăng. Ngoài ra còn có nhiều người trẻ học hành bình thường nhưng gián đoạn giao tiếp với thế giới bên ngoài ngay trước khi bước vào đời hay là một ít lâu sau đó.

Chính những người có thẩm quyền cũng không nắm được chính xác vấn đề. Dù sao đi nữa thì thực tế cho thấy cuộc sống ngoài xã hội ở Nhật ngày nay chính là căn nguyên của sự đau khổ đối với một số người đến nỗi họ phải tự cô lập để bảo vệ mình.

Bồ câu "nghệ sĩ"

Nếu được sáng mắt thì trong những giờ phút ban đầu, một người khuyết thị bẩm sinh sẽ thấy thế giới bên ngoài như là những mảng ánh sáng ghép lại với nhau. Để nhìn thấy, bộ óc chúng ta phải kết hợp những dữ kiện nhận được một cách rất phức tạp. Phân tích tiến trình này, một số chuyên viên đã dựa vào khoa thần kinh học. Một số người khác căn cứ vào những thành tựu của loài người, chẳng hạn như nghệ thuật hội họa. Giáo sư Shigeru Watanabe của Đại học Keio thuộc nhóm thứ hai.

Ông đã thực hiện một loạt thí nghiệm về thị giác và cảm xúc của thú vật bằng cách sử dụng tranh vẽ. Ông nhận thấy: "Dường như bồ câu có khả năng phân biệt giữa một bức tranh ấn tượng của Monet và một họa phẩm lập thể của Picasso".

Toán nghiên cứu này huấn luyện cho bồ câu nhận ra sự khác biệt nói trên bằng cách ban thưởng chúng sau mỗi lần trả lời đúng. Cứ lặp đi lặp lại như vậy, chim bồ câu đã dần dần nhận ra được một tranh của Monet hay một tác phẩm của Picasso dù chỉ mới thấy tranh đó lần đầu tiên. Ngoài ra, bồ câu nào được luyện tập để nhận diện tranh của Monet cũng nhạy cảm trước tác phẩm của Cézanne, còn bồ câu nào quen với tranh của Picasso thì có thể nhận ra tác phẩm của Braque. Giáo sư Watanabe giải thích: "Ốc của bồ câu có thể nhận ra thế giới đích thực qua các tranh của danh họa trường phái ấn tượng". Còn nhà văn Hideto Fuse, cựu trợ lý Đại học Y

khoa thuộc viện Đại học Đông-Kinh, thì cho rằng: "Công trình của Monet thể hiện hoạt động của võng mạc bằng hội họa".

Võng mạc của con người gồm hơn trăm triệu tế bào giác quan, ở đó các vùng bóng tối và ánh sáng cũng như màu sắc được ghi nhận thành những chấm nhỏ. Hàng hà sa số những dữ kiện này được chuyển đến khu thị giác của vỏ não qua thần kinh thị giác, gồm hàng triệu sợi nhỏ, để cuối cùng tạo nên hình ảnh ta nhìn thấy sau một quá trình kết hợp phức tạp. Loạt tranh "Nymphéas" của Monet gồm những mảng màu rực rỡ ghép lại. Theo ông Hideto Fuse thì "Đó là những dữ kiện thị giác đơn thuần được võng mạc tiếp nhận rồi chuyển đến não bộ". Vô tình, Monet đã khai thác hoạt động của võng mạc trong cơ chế trông nhìn và đã vận dụng điều này để miêu tả thiên nhiên.

Trái lại, một vài tác phẩm của Picasso phù hợp với tiến trình nhìn thấy ở cấp não bộ, nhất là các tác phẩm về những bộ mặt méo mó dị hình. Sau một quá trình xử lý phức tạp và qua nhiều giai đoạn, những hình ảnh được võng mạc tiếp nhận rồi đưa vào vùng thị giác của vỏ não trở thành những yếu tố ba chiều chuyển động. Quan sát tiến trình này trong hoạt động của não bộ, người ta sẽ có được một hình ảnh tương đương với một tác phẩm của Picasso. Theo ông Hideto Fuse: "Những tác phẩm của hai họa sư này không khác gì tiến trình trông nhìn được cụ thể hóa bằng tranh vẽ. Nghiên cứu kỹ hội họa, chúng ta có thể hiểu rõ hơn cơ chế trông nhìn của con người."

Còn việc sử dụng các dữ kiện do võng mạc tiếp nhận thì được nghiên cứu bằng những phương pháp quan sát não bộ một cách trực tiếp. Nhóm của Takayuki Sato, phó giám đốc Viện Nghiên cứu Thần kinh của Đông-Kinh, vừa khám phá ra rằng trong óc của những con khỉ được huấn luyện để chuyên chú vào những hình tròn màu đỏ thì dường như chỉ có hình dáng của màu này mới kích thích một số tế bào thần kinh của

chúng mà thôi. Xưa nay người ta biết rằng bộ óc có vô số tế bào chỉ phản ứng vào những lúc nhất định, chẳng hạn khi người ta nhìn thấy một lần có độ nghiêng nào đó. Khám phá của Takayuki Sato đã phân nào chứng minh là có một số tế bào nhạy cảm trước những hình mang nhiều đặc tính, như hình tròn và màu đỏ chẳng hạn. Như thế, các họa sĩ đã biết “khai thác” sự vận hành của não bộ mà không hay biết. Tác phẩm của họ trao đổi với bộ óc của những người xem tranh và gợi lên nhiều cảm xúc khác nhau. Biết đâu một ngày nào đó, công trình nghiên cứu cơ chế trông nhìn của não bộ lại sẽ tác động đến ngành hội họa.

Thuốc lá, một mặt hàng mầu thuẫn

Cho đến nay ai cũng biết và chấp nhận là thuốc lá có hại, cho túi tiền cũng như cho sức khỏe. Thế nhưng mới đây những nhà khoa học vừa khám phá ra một điều chừng như nghịch lý nằm trong điều thuốc lá. Sau những năm dài tranh luận nội bộ, các nhà chuyên môn đó bắt đầu công nhận là nếu như thuốc lá có thể giết người thì ngược lại nó cũng có khả năng ngăn ngừa một số bệnh nhất định.

Trong quá trình nghiên cứu đó, người ta tập trung chú ý đến chất độc hại nhất trong thuốc lá, chất yện thảo tinh hay nôm na là nhựa thuốc. Thành tố hung hãn nhất này trong thuốc lá được nghiên cứu theo khía cạnh “tích cực” của nó là có khả năng chữa trị các chứng bệnh trầm trọng như Parkinson (bệnh liệt rung) và Alzheimer (bệnh quên, lẩn). Tuy vẫn cảnh giác mọi người là tuyệt đối không nên hút thuốc, thế nhưng một vài nhà nghiên cứu cũng thấy tiếc là chiến dịch bài trừ thuốc lá đã làm cho công trình tìm tòi những khía cạnh coi như tích cực của chất nhựa thuốc bị khựng lại.

Ông John Baron, giảng sư Đại học Y khoa Dartmouth, từng nghiên cứu hơn 10 năm qua mối liên hệ giữa

thuốc lá và bệnh Parkinson, phát biểu: “Ý kiến cho rằng hút thuốc là có lợi sẽ làm cho nhiều người không bằng lòng. Tôi ghét thuốc lá, nhưng các công trình nghiên cứu nhựa thuốc quý giá vô cùng và, trong tinh thần đó, đáng được đẩy mạnh.”

Hàng năm, chính phủ Liên bang Hoa-Kỳ dành hàng mấy tỷ Mỹ kim vào các công tác liên quan đến chất nhựa thuốc để thử tìm hiểu xem chất này tác động đến bộ óc như thế nào và tại sao một vài bộ phận tiếp thu của hệ thần kinh trung ương lại liên kết với nó chặt chẽ như thế. Nhưng hiện tại chưa có sự tài trợ nào các công trình nghiên cứu y học về chất nhựa thuốc.

Chất nhựa thuốc sở dĩ có thể được coi là một thứ thuốc trị bệnh do chỗ giờ đây nhựa thuốc có thể xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác ngoài thuốc lá, như cao dán, kẹo cao su, thuốc xịt lỗ mũi... Như vậy người ta có thể hạn định liều lượng để bệnh nhân được chữa trị mà không phải chịu những hiểm họa của người hút thuốc.

Hơn 20 năm nay, khoa học đang cố chứng minh rằng những người hút thuốc ít bị chứng viêm trực trường xuất huyết cũng như các bệnh Alzheimer và Parkinson. Tuy nhiên, tiến trình nghiên cứu và tìm tòi hiện đang ở giai đoạn phôi thai, cho nên đừng lấy đó làm lý do để tiếp tục “nhờ nhà châm điều thuốc” liên miên.

Thế sự linh tinh

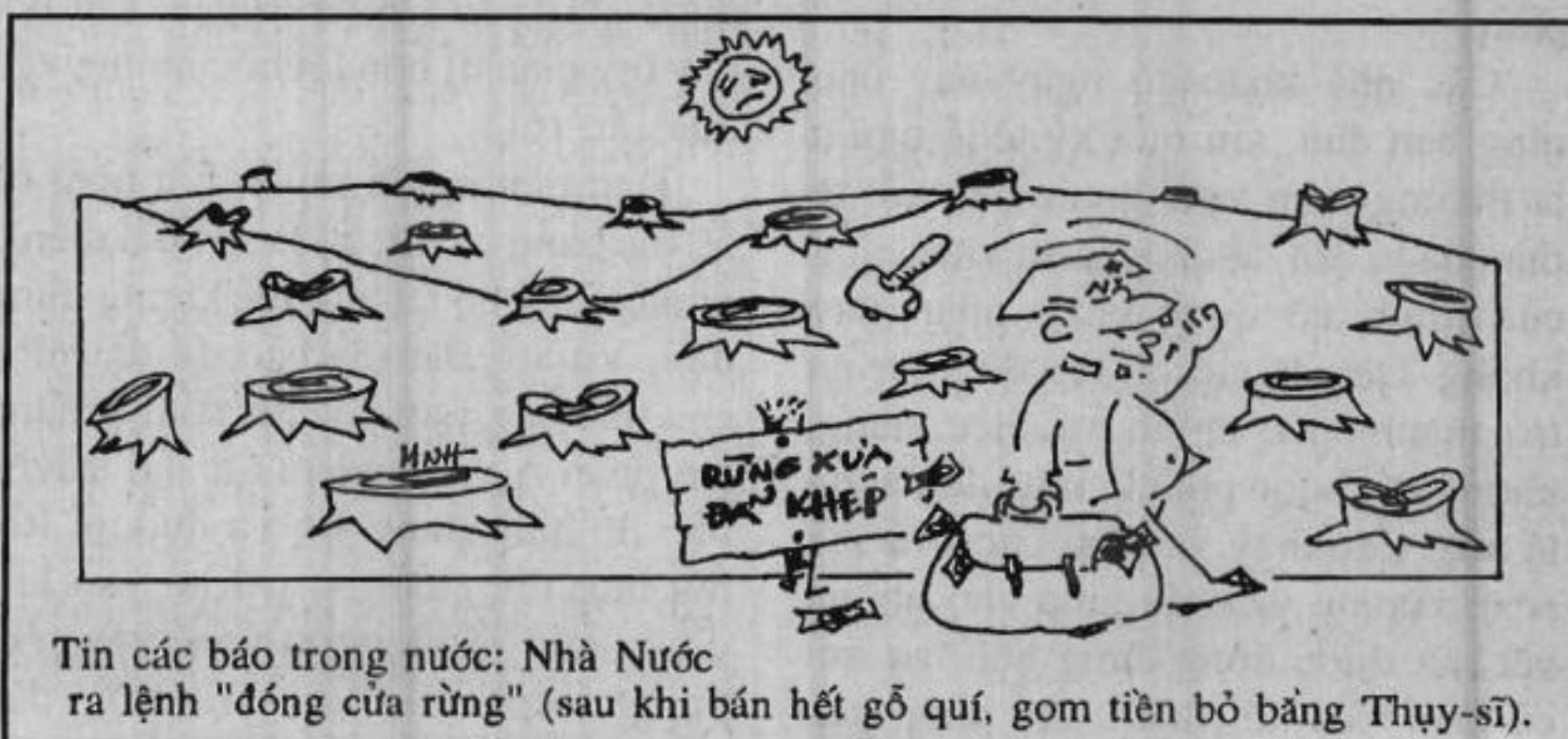
* Ở Đông-Kinh, các nhà hàng

treo bản giá mỗi phần “súp” cá mập là 70 Mỹ kim. Ở Hương-Cảng, du khách có thể đặt may một bộ cánh “hết xẩy” bằng da cá mập trong vòng 24 giờ. Và hàng trăm mỹ phẩm và được phẩm được chế biến bằng gan cá mập. Thế là từ nay, tên “ác ôn” của biển cả sẽ là đối tượng hàng đầu của sinh hoạt thương mại.

* Nữ ký giả Deborah Coddington vừa cho ra mắt một quyển niên giám lạ đời. Đó là quyển “The Australian Paedophile and Sex Offender Index” (Sách liệt kê người ái nhi và phạm tội tình dục ở Úc châu). Sách dẫn này, dày 328 trang, ghi đầy đủ danh tính, địa chỉ và hình ảnh của những đáng mày râu thích tình dục bệnh hoạn.

* Nữ nha sĩ Susan Coleman ở Cardiff (vương quốc Anh) bị phạt 500 bảng Anh về tội “lái xe cầu thả”. Bà Susan bị cảnh sát công lộ bắt quả tang vừa đánh răng vừa lái xe, với tốc độ trên 110 cây số/giờ. Vậy mà tại đồn cảnh sát bà còn thú nhận là đã quen làm như vậy. Méo mó nghề nghiệp hay đùa dai với tử thần đây?

* Cuối cùng, ông Constantin Coltea ở Bucarest (thủ đô La-Mã-Ni) cũng được cấp cho một đường dây điện thoại, sau khi đã nộp đơn xin thuê bao gần 20 năm. Nhưng, buồn thay, ông không được hưởng cái lạc thú điện đàm cho hả dạ, cho bỏ những lúc ngồi ngóng đứng trông vì ông lão đã qua đời hồi năm ngoái! Bà Caliopi, quả phụ của ông, nay đã ngoại bát tuần, không còn phương tiện tài chính để gắn điện thoại nữa. ●



Phép Bói Dịch Thời Thượng Cổ

Nguyễn Đại Bằng

Kinh Dịch, cuốn sách cổ mấy ngàn năm của Trung Hoa, vốn là một quyển sách bói toán trước khi được bách gia chư tử dùng làm kinh điển chuyên chở triết lý thánh hiền. Ở Việt Nam ta không có mấy người đã nghiên cứu Dịch mà tất cả đều chỉ nói đến phần cao siêu và thường chỉ lược qua hoặc bỏ hẳn phần nguyên thủy, dần dà bị chê là mê tín dị đoan. Còn những sách bói toán thì chỉ chú trọng đến những phương thức sau này để bói (1) và đoán quẻ (2).

Dụng ý của chúng tôi là trình bày những phương pháp bói bằng xương bò, xương cừu hay bằng yếm rùa đời Thương, bói bằng cỏ thi đời Chu và sau này, cùng cách giải quẻ đời Chu và đời Hán.

Từ năm 1899, khi con người tìm ra và sau đó khai quật được những mảnh xương bò, cừu và yếm rùa trên có ghi chữ thuật lại các cuộc bói toán thì lịch trình tiến-hóa của phép bói toán thời xưa đã dần dần được khôi phục.

Các nhà khảo cổ ngày nay cho rằng ban đầu, sau mỗi kỳ tế lễ người ta thường xem xương các con vật tế thần đã bị đốt để đoán xem việc cúng của mình có được chấp nhận hay không. Dần dà việc đi tìm điềm, triệu trở thành việc chính và việc riêng, không bắt buộc phải liên hệ đến cúng tế nữa. Các thầy vu phải chọn và sửa soạn xương, yếm để giúp cho những vết nứt được đồng dạng hầu tạo qui củ cho việc xét đoán. Họ phải cưa,

mài xương rồi đục những lỗ tròn nhỏ bằng hạt mơ (mận), chỉ để lại dưới đáy lỗ một chiều dày khoảng một mili-mét. Bên mặt kia vu-sĩ sẽ viết câu hỏi. Câu hỏi bao giờ cũng có hai phần, một làm một không làm. Thí dụ như hôm nay ông X muốn cúng, hỏi thần có chứng nhận không, nếu không cúng thì sao? Sau khi đã sửa soạn xong yếm rùa hay xương vai bò, cừu người ta mới lấy một cái dùi đầu đã cháy bóng dí vào các lỗ đã đục sẵn, gây ra hai vạch nứt chính cắt chéo thường thẳng góc nhau và một số đường rạn nhỏ hơn (xem hình). Dựa vào đó, viên quan thái bốc sẽ đưa ra lời đoán. Thời ấy bói toán là biệt quyền của vua chúa, quý tộc.

Đến đời nhà Chu người ta dần bỏ lối bói ấy (gọi là *bốc*), mà dùng cỏ thi (gọi là *phệ*). Theo Léon Vandermeersch, phệ chính là lối bốc giản-dị hóa, canh-tân hóa và phệ - ở đây không còn là giả thuyết nữa - chính là lối bói dịch ngày xưa. Phương pháp bói bằng cỏ thi còn được ghi lại ở *Hệ Từ truyện*. Lối bói này tuy giản dị hơn lối bốc nhưng vẫn khá rắc rối.

Đầu tiên người muốn bói phải có 50 thẻ bằng cỏ thi, 50 là số "đại diện", nhưng phải bỏ lại một thẻ không dùng đến. Vương Bật (3) bảo để đại diện cho thái cực. Sau đó chia số thẻ thành hai phần A và B: hệ từ tức đại truyện bảo để hình dung âm và dương. Rồi lấy một thẻ phần A, cài nó vào khe giữa ngón út và ngón áp út tay trái, tượng trưng cho tam tài: trời, đất,

người. Rồi đếm bốn que một số thẻ còn lại của A để hình dung bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Cuối cùng số thẻ còn lại sẽ là 1, 2, 3, hay 4 thẻ. Bỏ số thẻ còn dư này vào khe giữa ngón thứ ba và ngón áp út tay trái, gọi là tượng trưng cho tháng nhuận (1+1, 2, 3 hay 4 thẻ). Bây giờ ta lại đếm từng bốn que một phần B cho đến khi còn lại 1, 2, 3, hay 4 thẻ. Số thẻ này lại được tách riêng ra và sẽ được cộng với số thẻ đã giữ ở tay trái lúc nãy, để có số thẻ của bước thứ nhất (hoặc 5 hoặc 9 thẻ). Số thẻ còn lại, 40 hoặc 44 thẻ, được trộn lại thành một bó; từ đó lại chia đôi và lại đếm từng bốn que một như bước đầu (nhưng không lấy riêng ra một thẻ trước). Cuối cùng ta lại tách riêng ra một số thẻ (4 hoặc 8). Và lại tiếp tục bước thứ ba như bước thứ nhì để có thêm 4 hoặc 8 thẻ tách rời. Đến đây ta đã có một hào. Để biết hào đó âm hay dương, lão (có thể biến) hay thiếu (không biến) xin xem bảng dưới đây:

Số thẻ được giữ lại	Số điểm	Cộng	Hào	Tượng hình
5+4+4	3+3+3	9	Lão dương	—0—
9+8+8	2+2+2	6	Lão âm	—X—
9+8+4	2+2+3	7	Thiếu dương	—
9+4+8	2+3+2			
5+8+8	3+2+2	8	Thiếu âm	— —
5+8+4	3+2+3			
5+4+8	3+3+2			
9+4+4	2+3+3			

Chú:

. 5 hay 4 thẻ cho 3 điểm; 9 hay 8 thẻ cho 2 điểm (luật âm nhị dương tam);

. Khi biến, lão dương thành âm và lão âm thành dương.

Sau 6 lần ta sẽ có đủ 6 hào để lập quẻ, quẻ ấy gọi là quẻ thành (thành quái). Xin nhắc là hào đầu ở dưới cùng và hào chót ở trên hết.

Thí dụ:

—————	6 (thượng)
———	5
——— X ———	4
——— 0 ———	3
———	2
—————	hào 1 (sơ)

Để đoán quẻ - có lẽ từ đời Hán - người ta đọc lời quẻ (quái từ tức thoán từ) nếu không có hào nào biến cả. Nếu có một hào biến thì đọc hào-từ của hào đó mà đoán việc. Trong trường hợp của quẻ Kiền nếu tất cả 6 hào đều biến thì ta đọc “dung cửu” của Kiền, ở quẻ Khôn nếu sáu hào đều biến thì ta đọc “dung lục” của Khôn. Nhưng nếu có hai hoặc nhiều hơn hào biến thì người đoán gặp khó vì phải dung hợp nhiều hào-từ mà đôi khi có những ý nghĩa đối chọi. Giáo sư Cao Hanh đã tìm ra một phương pháp đọc quẻ mà ông cho là của thời Tiên Tần, vì thấy ứng hợp với các cuộc giải đoán thời Xuân Thu Chiến Quốc. Sau đây là phương pháp ấy:

- Sau khi đã có quẻ thành, người ta phải cộng lại số điểm của tất cả 6 hào vừa xin được. Số điểm tối đa là 54 (9 x 6), tối thiểu là 36 (6 x 6). Lúc ấy mới lấy con số của trời đất là 55 (do (1+3+5+7+9) số dương + (2+4+6+8+10) số âm = 55) trừ đi tổng số điểm đã có. Số sai biệt lúc đó sẽ từ 1 đến 19. Con số này gọi là “số biến”. Thực ra 1 là trường hợp “dung lục” và 19 là trường hợp “dung cửu”. Chỉ còn lại từ 2 đến 18. Để biết hào duy nhất có thể biến người ta đếm số biến: bắt đầu từ hào 6 rồi đi ngược lại nếu cần. Khi xong, nếu ta rơi vào một hào biến (có 6 hay 9 điểm) thì phải đọc hào-từ của hào đó. Nếu lại rơi vào một hào bất biến (7 hay 8 điểm) thì ta sẽ đọc thoán-từ của quẻ thành và / hoặc quẻ biến. Gôm lại ta thấy các trường hợp sau:

1. Khi tất cả các hào của quẻ thành đều bất biến (7 hay 8 điểm) thì quẻ không biến. Để đoán ta đọc thoán từ của quẻ thành ấy.

2. Nếu tất cả 6 hào của quẻ thành đều biến (6 lần lộn với 9) thì ta sẽ có một biến quái và để đoán ta đọc thoán-từ của quẻ biến.

3. Nếu tất cả 6 hào đều 9 điểm, ta đọc dung cửu.

4. Nếu tất cả 6 hào đều 6 điểm, ta đọc dung lục.

5. Nếu có 1 cho đến 5 hào biến: a/ nếu khi đếm số biến ta rơi vào một hào biến thì ta đọc hào-từ của hào

biến đó (thuộc quẻ thành);

b/ nếu khi đếm số biến ta rơi vào một hào không có biến thì ta sẽ đọc thoán-từ của quẻ thành nếu tổng số hào có thể biến của quẻ thành là 1 hay 2 (vì số hào biến động ít hơn số hào tĩnh). Ta sẽ đọc thoán-từ của quẻ biến nếu tổng số hào có thể biến của quẻ thành là 4 hay 5 (vì số hào biến động hơn số hào tĩnh) và ta sẽ đọc cả hai thoán-từ và dung hợp nếu số hào có thể biến là 3 (số hào tĩnh động ngang nhau). Quẻ biến có được bằng cách biến tất cả các hào có thể biến của quẻ thành.

Dưới đây là một trong những thí dụ lịch sử mà Cao Hanh (4) đã viện ra để minh-chứng cho phương-pháp của mình :

Vào năm thứ 9 Xiang công (- 64): “Trước khi sang đông cung, bà Mu Jiang (bà của Xiang công) bói cỏ thi và gặp 8 của quẻ thể (Thuần) Cấn. Thầy vu nói: đó gọi là Tùy, Cấn đến Tùy...”

Gặp 8 ở quẻ Cấn nghĩa là khi đếm số biến đã rơi vào một hào bất biến và đó là một hào âm (8 điểm). Cấn đến Tùy, nghĩa là năm hào đã biến trừ hào hai, những hào đã biến đều có 6 hoặc 9 điểm. Vậy tổng số điểm của quẻ thành Thuần cấn là 44 điểm (6+8+9+6+6+9). Vậy số biến là 55-44 = 11 điểm. Và như thế khi đếm số biến ta rơi đúng vào hào hai bất biến. Như vậy ta đọc thoán-từ của quẻ biến (Tùy).

Cuối cùng, để cung hiến các độc giả nghệ thuật của người xưa, chúng tôi xin giới thiệu vài thí dụ về môn Bát Tự Hà Lạc, một môn bói toán dựa trên năm, tháng, ngày, giờ sinh toán thành quẻ dịch (5).

Ông Ngô Đình Diệm có bát tự là giờ Giáp Ngọ, ngày Tân Ty, tháng Mậu Tí, năm Canh Tý. Quy ra quẻ Dịch thành: hào 4 quẻ Thái và hào 1 quẻ Vô vọng; tượng trưng cho cuộc đời và hành động của ông. Đúng sai nhiều ít xin dành cho các nhân chứng thời-đại và các sử-gia kết luận. Chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài niên kỷ của ông:

- Năm 1954, ông từ lưu vong được mời về chấp chính miền Nam. Lưu niên năm đó ở hào 2 quẻ Lý: “Đi đường bằng phẳng. Điềm tốt cho người cô quạnh”.

- Năm 1955, ông phải tranh đấu dữ dội để giữ vững chế-độ. Lưu niên năm đó nằm ở hào 3 quẻ Kiền. “Người quân tử suốt ngày bù đầu, đến tối vẫn lo nghĩ, nguy (nhưng) không lỗi”.

- Năm 1960, xảy ra cuộc đảo chính hụt, Lưu niên của ông nằm ở hào 3 quẻ Đồng nhân: “Giấu binh ở rừng, tiến lên gò cao, ba năm chẳng hưng (được).”

- Năm 1963, chế-độ bị lật đổ, ông mang họa. Lưu niên đến hào 6 quẻ Minh Di: “Ánh sáng không (còn) bị che nữa; mới đầu thì lên tận trời, sau lại sụp xuống đất”. Các sách giảng rằng hào 6 che ánh sáng, bị các hào khác lật đổ.

Ông Mao Trạch Đông có bát tự là Ất Mão, Mậu Tuất, Giáp Tí, Quý Ty, toán số qui ra hào 5 quẻ Lý và hào 2 quẻ Cách. Hào 5 quẻ Lý tượng là cọp dữ, nhà độc tài: “Quyết đập lên, điềm nguy”. Hào 2 quẻ Cách chỉ người có khả năng biến cải, sửa trị: “Hết ngày (cũ) rồi, liệu biến cách đi. Chính phục tốt, không lỗi”. Trong suốt thời gian từ 1944 đến chết (1976), lưu vận (mỗi 6 hay 9 năm) của họ Mao luôn nằm trong quẻ Cách, rất ứng với thái độ tranh chấp, cách mạng liên tục của ông ta.

Vài thí dụ vừa nêu chỉ là để cho lúc “trà dư tửu hậu” mà thôi. Xin nói ngay là bói toán không phải lúc nào cũng trúng như vậy đâu. Vả lại xét chuyện cũ so với toán số thì dễ, chứ xem bói mà đoán trước được tương lai mới khó. Về bói toán có tin thì cũng nên dè chừng, Nguyễn Tố Như ngày xưa đã chẳng từng nói: “Có trời mà cũng tại ta” đó sao? ●

Chú thích:

(1) Để lập quẻ ngày nay người ta dùng ba đồng tiền. Sau khi đã nhả câu hỏi trong đầu, người hỏi mới gieo ba đồng tiền xuống một lòng đĩa. Tất cả 6 lần, kết

quả ghi từ dưới lên trên. Nếu một sắp (+) hai ngửa (- -) thì là vạch thiếu dương (-) và sẽ không biến. Nếu một ngửa (-) hai sắp (++) là vạch thiếu âm (- -) và cũng không biến. Nếu cả ba đều sắp (+++) thì là vạch lão dương, có thể biến (—O—), nếu cả ba đều ngửa (- - -) thì là vạch lão âm, có thể biến (-X-). Cách khác là toán (tính) số, như Mai hoa Dịch số của Thiệu Khang Tiết đời Tống, dựa vào năm, tháng, ngày giờ xin quẻ, hoặc đếm số vật, theo tiếng nói, tiếng động, kích thước, theo lối chiết tự chữ Hán, theo nhân-thể: tuổi-tác, sắc phục, cảm xúc v.v... để tính số.

(2) Để đoán quẻ, việc rất rắc rối, xin trích Nguyễn Hiến Lê (*Kinh Dịch, Đạo Của Người Quân Tử* - Văn Nghệ) để trình bày sơ phép đoán (qui tắc) ngày nay: "Tùy từng quẻ người ta cho mỗi hào một ý nghĩa: hoặc là mình (Thế, tức người xin quẻ), người kia (Ứng, tức kẻ làm ăn với mình hay muốn xin mình, giúp mình, hại

mình...); hoặc là ý nghĩa cha mẹ, anh em, con cái, quan chức, tiền của, bệnh tật...)

"Lại cũng tùy từng quẻ người ta cho mỗi hào thuộc vào một hành nào trong ngũ hành (Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ), ngày tháng xin quẻ cũng vậy.

"Rồi cứ theo luật ngũ hành tương sinh tương khắc (mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc), xem hào nào sinh hay khắc hào nào, hào nào tốt, hào nào xấu. Điều mình xin có được như ý không, bao giờ việc sẽ xảy ra.

"Đôi khi người ta cũng dùng ý nghĩa của quẻ (như quẻ Thái, quẻ Tấn thì cho là tốt, quẻ Bĩ, quẻ Kiển thì cho là xấu), nhưng đó chỉ là phụ; không khi nào người ta dùng ý nghĩa của hào (hào-từ), mà rất chú trọng đến luật ngũ hành tương xung tương khắc kể trên".

(3) Vương Bột là đại triết gia đời Tam Quốc (226-249) đã để lại hai tác phẩm

chú giảng Dịch Kinh và Đạo Đức Kinh.

(4) Phương pháp và thí dụ của Cao Hanh đều dẫn theo Wang Dongliang - *Les Signes et les Mutations* - nxb l'Asiathèque, 1995

(5) Có thể xem thêm *Bát Tự Hà Lạc Lược Khảo* của Học Năng - nxb Phạm Quang Khai 1974, có in lại tại hải ngoại.

Sách tham khảo:

- Arts et Histoire de Chine (Flora Blanchon, Presses de l'Université, Paris Sorbonne, 1993).

- Yi King, Principes, Pratiques et Interprétations (J. P. Schlumberger, Dangles, 1987).

- Les Signes et les Mutations (Wang Dongliang, L'Asiathèque, 1995).

- Kinh Dịch, Đạo của Người Quân Tử (Nguyễn Hiến Lê, Văn Học, 1992).

- Bát Tự Hà Lạc Lược Khảo (Học Năng, Phạm Quang Khai, 1974).

phản chiến và miền nam việt nam hai mươi hai năm sau

Anh loạn thị mang kính màu huyết dụ
Em ngây thơ lý tưởng điểm trang hồng.
Toàn những tay kỳ hồ du thủ
Vì lợi danh bức tử tấm lòng.

Tiến dụng tự do thô bỉ
Xách động giảng đường, nhiễu loạn truyền thông.
Cấu kết nhau trối tay người dũng sĩ
Xuất xứ mưu toan tàn độc vô cùng.

Cưỡng chiếm danh xưng phép phù ngữ thuật
Tiếng nói lương tâm? Khát vọng hoà bình?
Chỉ riêng một Miền Nam ta thua, thiệt
Thống khổ đói nghèo phân tán điêu linh.

Chúng chiến thắng - Hoan ca loài ác diệu
Quạ, kên kên yến tiệc xác thây người
Xác vất vàng rừng, thây vùi đỏ biển
Chúc tụng lời nguyên cá béo cây tươi!

Nhưng nhân loại đã hồi sinh nước mắt
Một giọt buồn cho thành lũy điêu tàn
Sartre sám hối và Fonda tuyệt tích
Bởi lỗi lầm ô nhục trót đa mang.



Bất cứ tuyên ngôn nào - Phản chiến
Kể tội đồ cuối thế kỷ hai mươi
Đã ngăn chặn nhịp chân đời thăng tiến
Một Việt Nam đang khắc khoải làm người.

Hãy đứng trước bức tường gương lịch sử
Cúi mặt nhìn những chứng tích oan khiên
Cả hành tinh bước vào tân thế kỷ
Phần đất này dừng tại chỗ - y nguyên.

Ta chỉ là tay phàm phu tục tử
Trái tim thơ và giọt máu tang bồng
Đã đặt xuống một biên cương quá khứ
Có bất bình oán hận cũng bằng không.

Hai mươi hai năm sau lương tri nhân loại
Phát xét cuối cùng, tội ác biên niên
Là mai kia nhục thân này hủy hoại
Thư thái tâm hồn, cảnh giới bình yên.

cao hoàng nhân

Độc Cổ Văn

Tiểu Đẳng

Nền văn học cổ của chúng ta không được đồ sộ mấy. Số người trước tác không được nhiều, mà trong đó lại có những vị chỉ được ghi nhận là có viết, nhưng tác phẩm thì đã thất truyền. Bù lại, có một số tác phẩm không biết do ai viết, nhưng cũng không bao nhiêu. Kết quả là số tác phẩm còn lưu truyền cho đến ngày nay, so với số người được ghi nhận là có viết vẫn ít hơn. Còn so với số người có thể viết, thì chỉ là một tỉ lệ rất nhỏ.

Suy nghĩ theo nguyên tắc, thì những người đỗ đạt ngày xưa là những người giỏi văn chương, có thể trước tác. Nhưng trong thực tế, người giỏi văn chương cử tử, đôi khi lại không phải là người giỏi trước thuật. Đó là chưa kể có những vị khi ra làm quan, đã coi việc “giúp vua trị dân” là chính, còn việc viết lách chỉ là phù phiếm.

Ngoài ra, tuy không có bằng chứng cụ thể để kiểm kê, nhưng chúng ta có thể tin chắc có những công trình trước thuật của tiền nhân đã bị người phương Bắc thu đoạt hoặc hủy phá.

Chúng ta nhận xét như trên, không phải để trách cứ tiền nhân viết ít, cũng không phải để qui lỗi cho hoàn cảnh, mà chính là để nhận ra thực trạng: Người ta có nhiều, người ta có thể không quý. Chúng ta có quá ít, chúng ta nên trân trọng những gì còn giữ được.

Hôm nay, tôi sẽ giới thiệu với các bạn một số tác phẩm cổ văn, cụ thể

là những tập thơ quốc âm (chữ Nôm hoặc Quốc Ngữ).

Tôi sẽ không đề cập đến những bài thơ có nội dung riêng, dù đã được in chung thành tập. Tôi chỉ đề cập đến những tác phẩm văn vần dài, cả cuốn là một chủ đề.

Trong khi giới thiệu, tôi sẽ nói lướt qua về những tác phẩm lớn có tầm phổ biến rộng, đã được nhiều người nghiên cứu. Nhưng tôi sẽ nói kỹ hơn về những tác phẩm nhỏ, hoặc chưa được phổ biến rộng, vì nghĩ rằng đó mới chính là điều chúng ta cần biết.

A. Những Tác Phẩm Lớn Được Phổ Biến Rộng:

**Truyện Kiều* của Nguyễn Du (1765-1820), gồm 3254 câu lục bát, viết dựa theo tiểu thuyết *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Tên gọi đầu tiên là *Đoạn Trường Tân Thanh*; gọi *Truyện Kiều* là gọi theo thông dụng. Nguyễn Du viết tác phẩm này lúc nào, hiện chưa xác định được; chỉ có thể phỏng đoán vào khoảng đầu thế kỷ 17, trước hoặc sau khi Nguyễn Du đi sứ sang Trung Quốc (1813-14). Danh tác này có tầm phổ biến rộng hơn hết, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng (ngoài tiếng Pháp và tiếng Anh), và cũng đã được nghiên cứu nhiều nhất, so với các tác phẩm cổ văn khác.

**Chinh Phụ Ngâm Khúc* (diễn Nôm) của Đoàn Thị Điểm (1705-1748) gồm 412 câu song thất lục bát. Cũng có thuyết cho rằng bản dịch này

của Phan Huy Ích. Nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn (không rõ năm sinh năm mất, chỉ biết nhỏ tuổi hơn Đoàn Thị Điểm chút ít) gồm 483 câu trường đoản cú. Nhiều người cho rằng bản dịch hay hơn nguyên tác. Đây là nỗi lòng của một người vợ trẻ có chồng đi chinh chiến lâu ngày, than thở cho hoàn cảnh cô đơn, tâm sự có phảng phất một chút oán trách chiến tranh, nhưng vẫn nuôi hi vọng sum họp khi chồng trở về với chiến công.

**Cung Oán Ngâm Khúc* của Nguyễn Gia Thiều (1741-1798), gồm 356 câu song thất lục bát. Đây là nỗi lòng của một người đàn bà tài mao, được tuyển làm cung phi, lúc đầu được nhà vua sủng ái, nhưng về sau thất sủng. Nàng than thân trách phận đủ điều, nhưng chung qui vẫn không dám oán nhà vua, vì còn hi vọng một ngày nào đó nhà vua nghĩ lại.

**Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), gồm 2082 câu lục bát. Đây là một sáng tác phẩm, vì tuy lấy bối cảnh Trung Quốc, nhưng không phỏng theo một truyện có sẵn nào cả. Nhân vật trong truyện là những tấm gương chính diện và phản diện của trung hiếu tiết nghĩa. Cũng có thể nghĩ nhân vật chính Lục Vân Tiên là hình ảnh lý tưởng của tác giả. So về mặt giá trị văn chương, tác phẩm này kém *Truyện Kiều*. Nhưng so về tầm phổ biến, có lẽ hai tác phẩm bằng nhau: Nếu những câu *Kiều* được “ngâm, tập, lấy” nhiều ở miền Bắc, thì những câu *Lục Vân Tiên* cũng được “nói, kể” nhiều ở miền Nam. Đó là nói thời tiền chiến trở về trước. Về sau, vì *Lục Vân Tiên* dễ hiểu, không đòi hỏi nhiều nghiên cứu, nên *Truyện Kiều* được chú ý nhiều hơn.

Ở trên, là 4 tác phẩm được coi là quan trọng hơn cả trong số tác phẩm xưa, viết bằng văn vần. Hai “truyện” và hai “khúc”. Gọi là “truyện” vì nội dung kể lại một “câu chuyện”; gọi là “khúc” vì suốt bài thơ dài là một lời than thở, một tâm sự. Thường thì “khúc” ngắn hơn “truyện”.

Tiền nhân của chúng ta không có

thói quen ghi rõ ngày khởi viết, hoặc hoàn tất tác phẩm, cho nên ngày nay khó truy cứu để biết thời điểm hình thành của một tác phẩm. Chỉ có thể căn cứ vào khoảng sinh thời của tác giả, mà phỏng đoán đại khái.

Như vậy, *Truyện Kiều* được viết sau *Chinh Phụ* và *Cung Oán*, và *Lục Vân Tiên* sau *Truyện Kiều*.

Đọc các tác phẩm cổ văn, chúng ta dễ dàng nhận thấy hiện tượng tác phẩm sau chịu ảnh hưởng của tác phẩm trước. Cụ thể là sự mô phỏng, có khi chỉ phỏng phát, nhưng có khi cũng thật rõ. Riêng 4 tác phẩm trên, *Truyện Kiều* không chịu ảnh hưởng 2 tác phẩm có trước, nhưng *Lục Vân Tiên* có mô phỏng *Truyện Kiều*.

Ngày trước, khi tiếng Việt được chính thức dạy ở mọi cấp học đường, thì thơ cổ có thêm được một ngả đường phổ biến, ngoài ngả tự đọc, nghe ngâm, nghe kể, vẫn có từ trước. Qua học sinh, các truyện thơ, khúc thơ, dưới hình thức những bài học thuộc lòng, được truyền vào đại chúng. Chúng ta đã từng thấy những bà mẹ quê, bản thân không học hành, chữ Nho không biết, chữ Quốc Ngữ cũng không biết, nhưng lại thuộc được những câu thơ diễn sự như "*Bà Trưng quê ở châu Phong, giận người tham bạo thù chồng chẳng quên*"... Khi *Truyện Kiều* được trích đoạn dạy ở lớp "Đệ Tứ", và *Chinh Phụ*, *Cung Oán* ở lớp "Đệ Tam", các bậc phụ huynh trước kia xa lạ với 3 tác phẩm này, lại thuộc được những đoạn hay như đoạn "Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích", hoặc những câu "*Mỗi năm một nhặt mùi son phấn, trượng phu còn thơ thẩn miền khơi*", "*Giết nhau bằng cái Lưu Cầu, giết nhau bằng cái u sầu độc chưa!*"...

Với một ít khái niệm cơ bản đó, bây giờ chúng ta đi qua những tác phẩm khác, tuy giá trị phổ biến không bằng các tác phẩm vừa kể, nhưng cũng đã chiếm được một vị trí nào đó trong nền văn học của chúng ta.

B. Những Ngâm Khúc

Đây là những tác phẩm không

nặng về kể chuyện, mà chú trọng vào việc phô diễn tình cảm.

Tự Tình Khúc: của Cao Bá Nha. Cho đến nay, chưa có tài liệu nào ghi năm sinh năm mất của Cao Bá Nha, nhưng bằng vào tiểu sử của Cao Bá Quát, và chính *Tự Tình Khúc*, có thể phỏng đoán được.

Cao Bá Nha là con của Cao Bá Đạt, người anh song sinh của Cao Bá Quát. Đôi song sinh này chào đời năm 1808. Trong *Tự Tình Khúc*, đoạn nói về lúc đang lẩn trốn tại Mỹ Đức, có câu: "*Lần hồi trong tám chín niên*", cho biết khi cuộc nổi dậy Mỹ Lương do Cao Bá Quát cầm đầu bị thất bại (1855), gây ra họa diệt tộc, Cao Bá Nha còn sống được 8, 9 năm trước khi bị bắt giam, viết *Tự Tình Khúc*, rồi chết trong tù sau đó.

Vậy, có thể phỏng đoán *Tự Tình Khúc* được viết khoảng giữa thập niên 1860, lúc Cao Bá Nha được chừng 35 tuổi. Ngoài *Tự Tình Khúc*, Cao Bá Nha còn viết *Trần Tình Văn*, mục đích cũng là "tự minh oan", mong triều đình tha tội. *Trần Tình Văn* được viết bằng văn biên ngẫu.

Tự Tình Khúc gồm 608 câu song thất lục bát, toàn bộ không có câu nào gượng ép. Có dùng điển tích, nhưng không quá nhiều đến nặng nề. Không có câu nào mô phỏng những tác phẩm có trước. Hay như những câu trích dẫn sau đây không hiếm:

"*Thờ ơ thân thế phù trầm,*

"*Khi rong trước gió, khi nằm dưới trăng...*

"*Khuôn tạo hóa dấu răng phong sắc,*

"*Nợ phù sinh phó mặc bi hoan.*

"*Thôn cư riêng thú bàn hoàn,*

"*Đem thanh giải trọc, đem nhàn giải ưu.*

Khác với Nguyễn Gia Thiều khi viết *Cung Oán*, khác với Đặng Trần Côn khi viết *Chinh Phụ*, trường hợp Cao Bá Nha đúng là "hữu bệnh thân ngâm". Ông than khóc cho chính ông. Tôi cảm thương, riêng trích dẫn mấy câu. Xin các bạn bỏ qua cho cái lỗi tư vị.

Ai Tư Văn: Đây là bài thơ của Bác cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân, làm để khóc chồng là vua Quang Trung,

băng năm 1792.

Ngọc Hân (1770-1799) là con gái của vua Lê Hiển Tông, lúc về làm vợ Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, chỉ mới 16 tuổi. Ngọc Hân lúc nhỏ được học hành, bài thơ có giọng lưu loát, lâm li. Với 164 câu song thất lục bát, Ngọc Hân kể lại mối tình chồng vợ, nỗi buồn cô quạnh, và trách nhiệm nuôi dạy con thơ. Lời thơ cũng có đôi chỗ sáo, nhưng lắm khi rất thống thiết, đúng là "*Nỗi đoạn trường còn sống còn đau*".

Có tài liệu ghi nhận Ngọc Hân còn làm bài "văn tế vua Quang Trung", và nhiều thơ văn khác nữa. Nhưng không đủ chứng liệu khả tín. Cũng có ức thuyết cho rằng *Ai Tư Văn* là do Phan Huy Ích viết thay cho Ngọc Hân. Nhưng tôi nghĩ là không phải.

Lúc bấy giờ (khoảng trước sau năm 1792), Phan Huy Ích làm Thị Trung Ngự Sử tại triều Tây Sơn, việc ông viết một bài văn nào đó thay cho hoàng hậu, là việc rất có thể. Nhưng xét theo hoàn cảnh hình thành và văn phong của từng bài, nếu có sự "viết thay", thì có thể có đối với bài văn tế. Là vì, thứ nhất, "văn tế" phải có sớm; chồng mới vừa nằm xuống, vợ dù hay chữ cũng không còn tâm trí đâu để mà làm văn; còn "thơ văn" thì không cần phải làm ngay. Thứ hai, tuy bài *Ai Tư Văn* cũng hay, nhưng không hay và uyên bác giống như văn "đại bút" của họ Phan.

Sau *Ai Tư Văn* của Ngọc Hân 130 năm, có *Giọt Lệ Thu* của Tương Phố. Đây cũng là một bài văn khóc chồng, và thở than cho thân phận góa bụa. Tất nhiên, xét về mặt văn chương, bài có sau hay hơn. Nhưng trong nền văn chương không rậm rạp của nữ giới nước ta, mỗi khi nghĩ đến *Giọt Lệ Thu*, không khỏi nhớ đến *Ai Tư Văn*.

Bàn Nữ Thán: Khuyết danh. Gồm 216 câu song thất lục bát. Suốt khúc thơ là lời than thân trách phận của một cô gái có sắc, có tài, nhưng vì nghèo nên phải chịu cảnh "chưa ai đoái hoài".

Khúc thơ này chịu ảnh hưởng của *Cung Oán Ngâm Khúc* rất rõ; có nhiều câu giống y, hoặc giống một

phần. Lại có hai câu cho biết khúc thơ ra đời sau *Phan Trần* và *Truyện Kiều* (177-178: *Kim Kiều nọ ước nguyên mấy độ, Phan Trần kia gần bó bao lâu*). Nhưng đọc kỹ, không thấy câu nào giống hai tác phẩm này. Trái lại, có vài câu giống *Chinh Phụ Ngâm Khúc* (Nôm).

Lời thơ rất lưu loát. Có một số chỗ thất vận. Tôi nghĩ đây là lỗi của người phiên âm. Nhưng cho đến khi viết bài này, tôi vẫn chưa có bản Nôm nào trong tay, nên chưa thể xác định được vì sao bên cạnh những câu hay, lại có những câu lạc vận.

C. Những Tác Phẩm Diễn Ca Lịch Sử

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca: Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái, được xuất bản lần đầu năm 1870.

Nguyên thủy, đây là công trình của nhiều người. Về sau, Lê Ngô Cát sửa chữa phần đã có, viết thêm phần Lê-Trịnh, rồi Phạm Đình Toái viết thêm phần Chúa Nguyễn, Tây Sơn, và Triều Nguyễn, nhuận sắc lại toàn bộ. Không có tài liệu nào ghi rõ năm sinh năm mất của hai tác giả này, chỉ biết họ làm quan ở triều Thiệu Trị và Tự Đức.

Tác phẩm được viết bằng thơ lục bát, dài 2054 câu, kể lại những biến cố lịch sử của nước ta từ khi lập quốc cho đến Nguyễn triều. Bên cạnh những phần “kể chuyện” còn có những lời “khen chê”. Lời thơ rất trôi chảy, không có một câu nào non sót. Nhiều chỗ nghe hơi giống thơ của Trần Tuấn Khải về sau.

Ngày trước, học sinh cấp tiểu học những trường Pháp-Việt, ai cũng có học thuộc lòng một số đoạn tiêu biểu trong tác phẩm này.

Thuộc quận Ba thành phố Sài Gòn, có hai con đường nhỏ nằm sát cạnh nhau, mang tên Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái. Có lẽ khi đặt tên, người ta nhớ đến sự cộng tác của hai ông trong công trình “diễn ca” kia. Sau 1975, hai con đường này may mắn vẫn còn giữ được tên.

Hà Thành Chính Khí Ca: Khuyết danh. Gồm 140 câu thơ lục bát. Nội

dung kể lại vụ thành Hà Nội bị quân Pháp đánh chiếm lần thứ hai vào năm 1882.

Lời thơ không hay lắm, nhưng tác phẩm có giá trị tài liệu lịch sử: Cho thấy rõ nguyên nhân Hà Nội bị thất thủ: Trong khi Hoàng Diệu quyết tâm giữ thành, thành mất thì chết theo thành, thì bọn Hoàng Hữu Xứng, Tôn Thất Bá, Lê Trinh lại phản trắc và hèn nhát.

(Tác phẩm này và các tác phẩm kế tiếp chưa được phổ biến rộng).

Hà Thành Thất Thủ Ca: Khuyết danh. Gồm 262 câu song thất lục bát. Nội dung kể lại tình hình quân của triều đình nhà Nguyễn và quân Cờ Đen đánh với quân Pháp trên khắp miền Bắc, sau khi Hà Nội thất thủ.

Bên cạnh phần “kể chuyện” cũng có phần “phê phán”. Những nhân vật chính diện trong tác phẩm là Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Kế Viêm, Lưu Vĩnh Phúc...

Hoài Nam Ca Khúc: Được ghi nhận là của Hoàng Quang, người Thừa Thiên, viết khoảng cuối thế kỷ 18. Dài trên 800 câu, hầu hết là thơ lục bát, còn lại là thơ luật và phú.

Nội dung kể lại công nghiệp của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Thiên Nam Minh Giám: Khuyết danh. Có thể được viết vào cuối đời nhà Trịnh.

Gồm trên 900 câu song thất lục bát. Nội dung “thuật sử” từ thời lập quốc đến thời Lê-Trịnh.

Thiên Nam Ngữ Lục: Cũng khuyết danh. Có thể được viết vào thời Hậu Lê.

Gồm trên 8000 câu lục bát, và một số bài theo thể loại khác. Nội dung “thuật sử” từ thời lập quốc hết đời Hậu Lê. Đây là một bộ “diễn ca” rất đồ sộ, vừa có tính cách biên niên, vừa có tính cách thuật sự.

Hạnh Thục Ca: Tác giả là Nguyễn Nhược Thị (1830-1909), tên thật là Nguyễn Nhược Thị Bích, gốc người Ninh Thuận, được tuyển vào cung dưới triều Tự Đức, về sau được phong làm Lễ Tàn, coi việc văn thư cho thái hậu, hoàng hậu.

Gồm trên 1008 câu lục bát. Nội

dung thuật lại những biến cố xảy ra trong cung, tại kinh thành, trong thời kỳ Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường cầm quyền, chủ yếu kể chuyện vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở, nên lấy tựa “Hạnh Thục” (gợi lại tích Đường Minh Hoàng chạy vào đất Thục khi An Lộc Sơn khởi loạn).

Tác phẩm chỉ có giá trị sử liệu. Văn chương tầm thường, nhiều câu nghe như vè.

D. Những Truyện Thơ

Sau đây là những “truyện được kể bằng thơ”. Tác phẩm được nêu trước có mức phổ biến rộng hơn tác phẩm được nêu sau. Những tác phẩm viết bằng thơ lục bát dễ thuộc lòng, thường có mức phổ biến rộng hơn những tác phẩm viết bằng thể thơ khác.

Phan Trần: Khuyết danh. Gồm 940 câu lục bát. Nội dung phỏng theo một tác phẩm Trung Quốc, thuật lại câu chuyện tình của Phan Tấn Chánh và Trần Kiều Liên. *Phan Trần* là họ của hai nhân vật này.

Tất Chánh và Kiều Liên được cha mẹ đính ước từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Lớn lên, hai người vẫn chưa biết mặt nhau. Trên bước đường lưu lạc, ngẫu nhiên hai người lại gặp nhau tại một ngôi chùa (giống như trường hợp Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh trong *Tây Sương Ký*). Hai người yêu nhau, trước khi nhận ra là có đính ước với nhau.

Đây là một câu chuyện tình phóng túng, nếu đánh giá theo nho phong ngày trước. Một đặc điểm “phóng túng” cần để ý: Trong “*Tây Sương*”, Oanh Oanh chỉ tá túc ở chùa Phổ Cứu, nhưng ở đây, Kiều Liên đã phát nguyện, lấy pháp danh là Diệu Thường. Trong “*Tây Sương*”, người mối lái là tì nữ Hồng Nương, nhưng trong “*Phan Trần*”, người mối lái là ni cô Hương Công. Như vậy, nếu xét về mặt phóng túng, thì Phan Trần phóng túng hơn. Nhưng bù lại, cuối cùng Tất Chánh và Kiều Liên chính thức lấy nhau, còn Quân Thụy và Oanh Oanh thì bỏ nhau (theo truyện gốc của Nguyên Chấn).

Câu: “Đàn ông chớ kể Phan-Trần, đàn bà chớ kể Thúy Vân-Thúy Kiều” chứng tỏ Phan Trần ngày trước cũng khá phổ biến.

Văn chương không được hay, nhưng cũng không dở. Có nhiều chỗ mô phỏng *Truyện Kiều*.

Quan Âm Thị Kính: Theo sách vở của Miền Nam ngày trước, đây là một tác phẩm khuyết danh. Nhưng theo các nhà nghiên cứu văn học Miền Bắc gần đây, thì tác phẩm này là của Nguyễn Cáp, người Hà Nội, sống khoảng đầu thế kỷ 19.

Khi nói đến *Quan Âm Thị Kính*, nên để ý một điều là cốt truyện đại thể vẫn là một, nhưng có nhiều dị bản, không chỉ khác một số chữ, mà có khi còn khác cả chi tiết nữa. Vở chèo cổ cùng tên, đã biến câu chuyện bi kịch thành một câu chuyện trào lộng.

Tập thơ này gồm 788 câu lục bát, và một phụ lục là lá thơ của Thị Kính viết cho cha mẹ, trước khi từ trần, bằng văn biên ngẫu.

Truyện thơ kể: Mãng Thị Kính kết duyên cùng Sùng Thiện Sĩ. Hai người là một đôi vợ chồng trẻ xứng đôi và hòa hợp. Nhưng một hôm, tai biến xảy ra: Trong khi Thiện Sĩ nằm ngủ bên cạnh, Thị Kính trông thấy ở cằm chồng có sợi râu mọc ngược, liền lấy dao định cắt đi. Thiện Sĩ bỗng thức dậy, tưởng vợ muốn giết mình, liền hô hoán. Không có cách gì giải được nỗi oan, Thị Kính phải bỏ nhà, giả trai đến xin tu ở chùa Vân Tự, lấy pháp danh là Kính Tâm. Nỗi oan chưa dứt. Tiểu Kính Tâm lại bị dâm nữ Thị Mầu phải lòng. Đeo đuổi mãi không được, Thị Mầu dâm oán. Sau khi có thai với một tên đầy tớ, Thị Mầu đổ cho Kính Tâm. Kính Tâm phải ra ở cổng tam quan, rồi phải nuôi con cho Thị Mầu. Nỗi oan chỉ được giải, khi Kính Tâm từ trần, người ta khám liệm mới biết là gái. Thị Kính siêu thăng thành Phật Bà Quan Âm.

Tác phẩm này là một sáng tác phẩm, không phỏng theo một truyện nào có trước. Lời thơ tự nhiên; rất ít câu vụng; cả những chỗ “thuật sự” cũng như “diễn tình”, đều dung dị, trôi chảy.

Hoa Tiên: của Nguyễn Huy Tự (1743-1790), viết theo một truyện của Trung Quốc có tên là *Đệ Bát Tài Tử Hoa Tiên Ký*. Trong truyện, đôi trai gái vai chính viết lời nguyện ước trên giấy “hoa tiên”, nên truyện lấy tên như vậy.

Gồm 1826 câu lục bát. Nội dung thuật lại câu chuyện tình có nhiều trắc trở của Lương Phương Chân và Dương Dao Tiên. Kết thúc có hậu: Lương Sinh thi đậu làm quan, kết duyên với hai cô gái nhà quan Dương Dao Tiên, Lưu Ngọc Khanh, và cả hai cô từ nữ có công xây dựng cho mối tình “hoa tiên” ngay từ đầu, là Vân Hương, Bích Nguyệt.

Văn chương của *Hoa Tiên* không đều, có một số câu khá, nhưng cũng có rất nhiều câu dở. Điển tích có những chỗ dùng không được nhuần. Nhưng lạ lùng nhất, phải kể chỗ này: Để tả cảnh thuyền đi trên sông, người viết đã đưa đủ cả “Tiêu Tương Bát Cảnh” vào (câu 999-1016). Đọc *Chinh Phụ Ngâm Khúc*, đến chỗ nàng chinh phụ đứng mong chồng, thường có người nêu một câu hỏi rất có lý là: “Mong chồng thì chỉ nhìn về hướng chồng đang đánh giặc, chớ sao lại phải quay nhìn đủ cả đông tây nam bắc như thế?” (câu 273-288). Không biết khi đọc đến chỗ này của *Hoa Tiên*, họ thắc mắc như thế nào?

Đây không phải là bài biên khảo riêng về *Hoa Tiên*, nhưng tôi nói hơi kỹ như trên, chỉ vì có người cho rằng *Truyện Kiều* chịu ảnh hưởng của *Hoa Tiên*.

Đối chiếu hai tác phẩm, tôi nhận thấy có 7 câu giống nhau từng chữ. Ngoài ra, còn khoảng trên 40 chỗ, giống ý hoặc giống chữ dùng.

Trước hết, suy nghĩ theo thường tình, thì chỉ có người túng thiếu mới đi vay mượn của người dư dật. Ở đây, *Hoa Tiên* (HT) là người túng thiếu, *Truyện Kiều* (TK) là người dư dật. Công bằng nhận xét giá trị văn chương của hai tác phẩm, ai cũng có thể nhận ra điều này.

Sở dĩ có sự suy đoán ngược lại, chẳng qua chỉ vì trên danh nghĩa, TK có sau HT. Nguyễn Huy Tự mất năm

1790, HT phải được viết xong trước đó. TK được viết sau ít lâu. Như vậy, khi viết HT, Nguyễn Huy Tự không hề biết đến TK.

Nhưng đó là với HT chưa được nhuận sắc. Còn văn bản HT mà chúng ta có ngày nay, thì đã được đến ba người góp phần tu chỉnh. Mà cứ xét theo sinh thời, thì cả ba đều có thể đã đọc TK: - Nguyễn Thiện (1763-1818); - Cao Bá Quát (1808-1853); - Vũ Đãi Vần (không rõ năm sinh năm mất, nhưng có căn cứ để biết chắc còn sống sau khi TK ra đời khá lâu: Trong ấn bản đầu tiên của HT năm Minh Mạng thứ 10, tức năm 1829, người này có viết lời giới thiệu).

Ngọc Kiều Lê: của Lý Văn Phức (1785-1849), viết dựa theo một cuốn truyện khuyết danh cùng tên của Trung Quốc.

Gồm 2926 câu lục bát. Nội dung kể lại cuộc tình, cũng có nhiều trắc trở, giữa chàng trai tài Tô Hữu Bạch, và hai cô gái sắc Bạch Hồng Ngọc và Lưu Mộng Lê. Tất nhiên sau trắc trở, họ cũng lấy được nhau để sống yên vui hạnh phúc, như trong bao nhiêu truyện “giai nhân tài tử” khác. Nhưng điểm đặc biệt của tác phẩm này là “thuần văn”, tức là chỉ có thơ văn không thôi, không có chuyện “đánh giặc”; và cốt truyện có hơi hướng “trình thám”, hết vụ giả mạo này đến vụ giả mạo khác, khiến cho câu chuyện cũng có phần hấp dẫn. Có lẽ do điểm này, nguyên truyện ngày trước đã được dịch ra tiếng ngoại quốc khá nhiều.

Xét về giá trị văn chương, *Ngọc Kiều Lê* có vị trí trung bình. Đa phần các câu đều trôi chảy, nhưng cũng có những câu dở, vì dùng nguyên chữ Hán nghe hơi chướng, hoặc viết theo kiểu “thuận miệng” nghe ngô nghê.

Lý Văn Phức chịu ảnh hưởng Nguyễn Du khá rõ trong tác phẩm này, nhất là phép “điệp ngữ”. Nhưng *Ngọc Kiều Lê* chỉ có mấy câu giống hần những câu *Kiều*.

Nhị Độ Mai: Khuyết danh, viết dựa theo một cuốn tiểu thuyết Trung Quốc có tên “*Trung Hiếu Tiết Nghĩa Nhị Độ Mai*”, cũng khuyết danh.

Gồm 2816 câu lục bát. Nội dung đúng là một câu chuyện “trung hiếu tiết nghĩa” như nguyên truyện đã nói ở nhan đề. Trong truyện, cũng có những đôi trai tài gái sắc, sau bao nhiêu trở ngại mới lấy được nhau. Nhưng bên cạnh đó, còn có những tấm gương “trung nịnh” rất rõ nét, rất tiêu biểu. Tất nhiên, cuối cùng bao giờ trung cũng thắng nịnh, để cho những đôi uyên ương kia được nên duyên. Trong truyện, có một chi tiết giống ở *Lục Vân Tiên*: Trần Hạnh Nguyên cũng phải đi “cống hồ” như Kiều Nguyệt Nga.

Cái tên *Nhị Độ Mai* là đặt theo một chi tiết trong truyện: Thần linh chứng giám cho lời khấn của Hạnh Nguyên, đã cho hoa mai nở hai lần.

Đây là một truyện thơ có cốt truyện khá phức tạp về tình tiết. Văn chương vào hạng trung bình.

Phạm Công Cúc Hoa: Khuyết danh. Không dựa theo một truyện có sẵn nào cả. Nhan đề là tên hai nhân vật chính trong truyện.

Gồm 3934 câu lục bát, có xen mấy đoạn văn biên ngẫu. Không rõ được viết lúc nào, chỉ biết khoảng cuối thế kỷ trước, đã có những bản in cũ. Truyện thơ này thời tiền chiến đã được phổ biến rất rộng ở Nam Kỳ và Trung Kỳ. Hình thức là những tập sách mỏng, cỡ nhỏ, in nối nhau trên 10 tập mới hết. Được phổ biến đồng thời, còn có những truyện thơ khác như *Thạch Sanh Lý Thông*, *Thạch Sanh Chém Chăn*, *Tám Cám*, *Cô Thông Tầm*, *Mụ Đồi*, *Trần Minh Khố Chuối*, *Chàng Lúa*... Đây là những tác phẩm nhỏ, nặng tính chất bình dân hơn là văn chương. *Lục Vân Tiên* cũng được các nhà xuất bản Sài Gòn tung ra trong thời kỳ này.

Lúc bấy giờ, len lỏi trong sinh hoạt dân chúng ở các làng quê và thị trấn nhỏ, có những người đi “nói thơ”, hoặc “đọc vè”, để kiếm ăn. Tác phẩm thường được “thính giả” yêu cầu hơn hết là *Lục Vân Tiên*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Thạch Sanh*.

Phạm Công Cúc Hoa là một câu chuyện “ở hiền Trời Phật phù hộ” được lý tưởng hóa theo kiểu dân gian.

Dân gian nói chung có đầu óc hướng thiện, nghe chuyện nào cũng mong cho người thiện được sung sướng.

Phạm Công nhà nghèo, sớm mồ côi cha, có hiếu với mẹ, kết duyên với Cúc Hoa là con quan. Phạm Công đã ba lần thi đỗ trạng nguyên, ba lần bị ép lấy công chúa, nhưng đều từ chối được. Cúc Hoa hiền thực, đã chết nhưng lại được sống lại để sum họp cùng chồng con. Tào thị lang dâm và độc ác, nên đã bị sét đánh. Cuối cùng, Phạm Công được lên làm vua.

Phần thưởng cho người hiền, trong tác phẩm này, đã lên đến cùng cực.

Lời thơ mộc mạc, nhưng tình tiết có nhiều chỗ rất cảm động. Nhất là hình ảnh hai đứa bé mồ côi dắt nhau đi ăn xin, xin được bát cơm thì đem cúng mẹ, và nhường cơm cho nhau... Trước 1945, nếu ai hỏi các ông bà già nhà quê có biết hoàng đế Bảo Đại có mấy con, tên gì, thì phần chắc câu trả lời sẽ là không biết. Nhưng nếu hỏi về Phạm Công, thì họ sẽ đáp không cần suy nghĩ: “Có hai đứa, tên là Nghi Xuân, Tấn Lực”.

Thạch Sanh: Liên hệ đến nhân vật này, có nhiều tập truyện thơ khác nhau: *Thạch Sanh*, *Thạch Sanh Lý Thông*, và *Thạch Sanh Chém Chăn*.

Từ Điển Văn Học ghi rõ “truyện Thạch Sanh” có ấn bản năm 1912 hiện còn, gồm 1812 câu. Như vậy, có thể những cuốn kia là những bản trích chẳng?

Thạch Sanh là chuyện anh hùng dân gian pha thần thoại. Nhân vật Thạch Sanh vừa có sức mạnh phi thường, vừa có pháp thuật. Thạch Sanh hiền lành và cả tin, nên đã bị bạn là Lý Thông lừa phỉnh nhiều lần. Nhưng lần nào, Thạch Sanh cũng được tai qua nạn khỏi, giết được chằn tinh, giết được đại bàng, cứu được công chúa, dẹp được quân giặc...

Lời thơ trong những cuốn *Thạch Sanh* là những câu thuật sự, mộc mạc nhưng trôi chảy, không câu nệ vần điệu. Riêng cốt truyện thì rõ là “cổ tích”, nên có những sự kiện được giải quyết theo kiểu “thần thoại”. Đọc “Thạch Sanh”, chúng ta có thể nhận ra hai điều vẫn thường có trong

những câu chuyện cổ tích, dù là thành văn hay chỉ là truyền khẩu: Dân gian có óc tưởng tượng rất phong phú, và luôn luôn có lòng khuyến thiện. Trong “Thạch Sanh”, óc tưởng tượng ấy đã ban cho nhân vật người hùng cứu khổ phò nguy, sức mạnh và võ nghệ siêu quần, một cây đàn thần, và một nồi cơm ăn hoài không hết... Rồi lòng khuyến thiện lại đưa con người tốt bụng lên đến tột đỉnh vinh quang, lấy được công chúa và lên làm vua.

Truyện Thạch Sanh phổ biến rộng trong dân gian, đã để lại câu hát ru em: “*Đờn kêu tích tịch tình tang, ai đem công chúa lên thang mà về*”, và thành ngữ “nồi cơm Thạch Sanh” để chỉ những thứ gì tưởng ít mà lại hóa ra nhiều.

Về ảnh hưởng của truyện Thạch Sanh, tôi vẫn nhớ cảnh dân quê tụ tập nghe những người “đọc thơ” dạo. Khi nghe đến chỗ mẹ con Lý Thông phản phúc bị biến ra bọ hung, thì nói “đáng kiếp”; khi nghe đến chỗ Thạch Sanh chỉ đánh đàn mà lui được quân giặc, thì xuýt xoa mừng rỡ; khi nghe 18 đạo quân chư hầu ăn vẫn không hết nồi cơm nhỏ của Thạch Sanh, thì thích thú cười lên.

Ồi, tâm hồn của người dân quê thật đơn giản. Làm cho họ vui, nghĩ không khó lắm. Nhưng hình như chưa ai làm được cho trọn vẹn. Họa chỉ có Thạch Sanh!

Bích Câu Kỳ Ngộ: Theo bản do Đình Gia Thuyết đính chính và chú giải, nhà Tân Việt xuất bản (không đề năm), thì đây là một tác phẩm khuyết danh. Nhưng theo Nguyễn Phương Chi trong *Từ Điển Văn Học*, Hà Nội xuất bản năm 1983, thì tác giả truyện thơ này là Vũ Quốc Trân, người Hà Nội, sống khoảng giữa thế kỷ 19 (Xin ghi nhận điểm này để hiểu mối liên hệ với *Truyện Kiều*). Vũ Quốc Trân đã dựa theo cuốn tiểu thuyết viết bằng chữ Hán tên là “*Bích Câu Kỳ Ngộ Kỳ*”, được coi là do Đặng Trần Côn viết, nhưng cũng có thuyết cho là của Đoàn Thị Điểm.

Truyện gồm 648 câu lục bát (Nguyễn Phương Chi nói 678 câu). Nội dung thuật lại cuộc “gặp gỡ lạ

lòng ở đất Bích Câu” giữa nho sĩ Trần Tú Uyên và nàng tiên Giáng Kiều. Bối cảnh là vùng Thăng Long, vào đời Hậu Lê. “Bích Câu” nghĩa đen là “ngồi nước xanh biếc”. Có người nói đó chính là sông Tô Lịch, ngày nay đã bị lấp.

Câu chuyện có ý hướng thoát tục: Cuối cùng cả Tú Uyên, Giáng Kiều và đứa con trai tên Trần Nhi đều lên tiên. Trong truyện có nhiều chi tiết rất “nên thơ”, như chuyện Tú Uyên mua bức tranh tố nữ về treo, ngày ngày mơ tưởng chuyện cùng người đẹp ăn cơm, uống rượu, nói chuyện, ngâm thơ. Cho đến khi người trong tranh bước làm người thật...

Văn chương trung bình. Có khá nhiều câu giống *Truyện Kiều*.

Trê Cóc: Khuyết danh. Gồm 398 câu lục bát và mấy cái đơn kiện bằng chữ Hán.

Truyện có tính cách ngụ ngôn: Cóc đẻ trứng dưới nước, trứng nở ra thành nòng nọc, cá trê thấy giống mình, dẫn đem về làm con. Cóc đòi, cá trê không chịu trả. Hai bên đem nhau ra trước cửa công, nhờ quan trên phân xử. Nhưng trước khi nòng nọc rụng đuôi để cóc thắng kiện, vợ chồng cóc, và cả vợ chồng cá trê nữa, phải trải qua nhiều giai đoạn tranh chấp gay go, tốn công tốn của chạy thầy chạy thuốc, bên nào cũng có bị tù.

Về mặt tâm lý, truyện rõ ràng có ý châm biếm thói sính tụng của dân quê đã vô tình làm lợi cho bọn thầy cò thầy kiện sinh sự, tạo cơ hội cho bọn nha lại hạch sách, những nhiều.

Nhưng trong cuốn “*Truyện Trê Cóc*” do nhà Tân Việt xuất bản trước 1975 (không đề năm), nhà chú giải cổ văn Ưu Thiên Bùi Kỷ có nêu nghi vấn sau đây, xin dẫn lại để các bạn tham khảo: Ngày trước, Bùi Huy Bích (1744-1818) đọc “*Trê Cóc*”, cho là nội dung ám chỉ việc vua Thái Tông nhà Trần đoạt con của anh là Trần Liễu làm con mình. Lúc bấy giờ, Lý Phật Kim (tức Chiêu Thánh Hoàng Hậu, tức Lý Chiêu Hoàng) lấy Trần Cảnh (tức Thái Tông) đã 12 năm nhưng vẫn chưa có con. Trần Thủ Độ

buộc Thái Tông phải bỏ đi, để lấy người chị, lúc bấy giờ đã là vợ của Trần Liễu, và đang mang thai.

Theo tôi, nghi vấn này không có xác cứ về nội dung. Nó chỉ giúp chúng ta biết được “*Trê Cóc*” đã có trước thời Bùi Huy Bích.

Lời thơ tự nhiên, ít trau chuốt. Có một đặc điểm: Sử dụng những chữ, những cách nói thông dụng, trong những vụ kiện tụng ngày xưa.

Trình Thử: Theo Bùi Kỷ, thì người viết *Trình Thử* là Trần Triều Xứ Sĩ Hồ Huyền Qui. Nhưng theo Triều Dương trong *Từ Điển Văn Học*, thì tác phẩm này khuyết danh, viết dựa theo một tác phẩm tản văn chữ Hán nhan là “*Đông Thành Trình Thử Truyện*”, cũng không biết ai là tác giả, xuất hiện vào khoảng hạ bán thế kỷ 19. Có người lại gán truyện thơ “*Trình Thử*” cho Nguyễn Hàm Nghi, người Quảng Bình, sống khoảng giữa thế kỷ 19.

Theo Bùi Kỷ, chủ ý người viết *Trình Thử* là chê bọn người xu phụ Hồ

Quý Ly ngày trước. Nhưng những nhà nghiên cứu của Miền Bắc về sau này, nghĩ rằng tâm lý chính trị của câu chuyện muốn ám chỉ thời thế, lúc người Pháp bắt đầu xâm chiếm Việt Nam.

Xét kỹ, những điều nói trên đều là ước thuyết. Riêng cái danh xưng “*Trần Triều Xứ Sĩ Hồ Huyền Qui*” cũng mơ hồ. Không có tài liệu văn học sử nào giúp chúng ta biết đích xác là có người này, sống ở đâu, vào thời nào, hành trạng ra sao...

Trình Thử gồm 850 câu lục bát. Tình tiết không phức tạp. Nội dung là một câu chuyện ngụ ngôn, mượn lời loài vật để khen chê chuyện đời. Vai “chuột bạch” (tức trình thử) biểu hiện cho “trung trinh”, vai “chuột đực” cho “tà dục”, vai “chuột cái” cho “sân si”, vai “Hồ Sinh” cho “công đạo”. Cuối cùng, “trình thử” được minh oan, “công đạo” lại được duy trì.

Văn chương của *Trình Thử* là một kết hợp khá nhuần giữa những điển



dụ cổ văn với những ví von thông tục. Cũng có một số trường hợp giống *Truyện Kiều*.

Mai Đình Mộng Ký: của Nguyễn Huy Hồ (1783-1841). Người này là con của Nguyễn Huy Tự, tác giả *Hoa Tiên*, và là cháu ngoại của Nguyễn Khản. Theo vai vế trong dòng họ, Nguyễn Huy Hồ gọi Nguyễn Du bằng ông.

Mai Đình Mộng Ký là "ghi lại giấc mộng ở Mai Đình". Câu chuyện như vậy: Năm Kỷ Tị (1809, Gia Long thứ tám), nhà thơ đi thuyền trên sông Lam; ngủ, mơ thấy đi đến một tòa lâu đài, vào một cái đình tên là "Thượng Mai Đình", họa thơ của một cô gái, rồi nói chuyện với nữ chủ nhân, biết được cha và chồng bà ngày trước đã làm quan với nhà Lê, bây giờ lui về sống ẩn dật, để giữ lòng trung với tiền triều... Nhà thơ tỉnh dậy, ghi lại giấc mộng.

Câu chuyện chỉ là một giấc mơ, không có tình tiết. Tôi nói kỹ, ghi cả thời điểm sáng tác, để giúp các bạn nhận ra một điều: Khi nhà Nguyễn đã yên vị, vẫn còn có những người còn ôm tâm sự "hoài Lê".

Đây là một tập thơ ngắn, chỉ gồm 298 câu, phần nhiều là lục bát. Văn chương uyên bác, chứng tỏ tác giả có trình độ học vấn cao.

Tống Trân Cúc Hoa: Khuyết danh. Gồm 1689 câu lục bát.

Nội dung kể một câu chuyện tình chung thủy của một đôi trai gái. Trai nhà nghèo, học giỏi, cuối cùng thi đỗ trạng nguyên, bị vua ép lấy công chúa, nhưng một mực khước từ. Gái tốt bụng, lấy chồng thì suốt đời một dạ với chồng, bị hoàn cảnh bức bách bao nhiêu, cũng không thay đổi. Cuối cùng, họ được đền bù bằng cảnh đoàn viên trong hạnh phúc.

Truyện thơ này không chỉ giống *Phạm Công Cúc Hoa* ở cái tên, mà còn giống ở tình tiết: Phạm Công sớm mồ côi cha, nhà nghèo, phải dất mẹ đi xin, rồi gặp vợ hiền; Tống Trân cũng giống như vậy. Phạm Công 3 lần đỗ trạng nguyên; Tống Trân một lần đỗ trạng, một lần được phong trạng. Phạm Công cuối cùng lấy được

công chúa nước Trịnh; Tống Trân lấy được công chúa nước Tàu. Cả hai đều hai vợ, nhưng gia đạo yên vui.

Có người quả quyết *Tống Trân Cúc Hoa* là "tiền thân" của *Phạm Công Cúc Hoa*. Cũng có lý, là vì có những điểm giống nhau nói trên. Ngoài ra, về mặt tình tiết và văn chương, truyện "hậu thân" rõ ràng là hay hơn truyện có trước. Về mức phổ biến, *Phạm Công Cúc Hoa* cũng được nhiều người biết, nhiều người thuộc hơn.

Phạm Tải Ngọc Hoa: Khuyết danh. Gồm 934 câu lục bát. Tên hơi giống, và cốt truyện cũng có chút ít hơi hướng của *Phạm Công Cúc Hoa*.

Tình tiết rất đơn giản. Phạm Tải nhà nghèo, chăm học, được Ngọc Hoa là một cô gái nhà giàu, lại đẹp và thông minh, bằng lòng kết duyên. Có người không lấy được, vẽ chân dung Ngọc Hoa dâng vua. Vua bắt cả hai vợ chồng vào triều, dùng lợi danh và uy quyền dụ dỗ và đe dọa. Nhưng đôi vợ chồng trẻ không bị lung lạc. Cuối cùng chồng bị giết, và vợ phải tự tử. Nhưng họ kiện với Diêm Vương, và thắng kiện: Tên vua bạo ngược bị ném vạc dầu, còn đôi vợ chồng trẻ được tái sinh, chồng làm vua, vợ làm hoàng hậu.

Trong truyện này, phần thưởng của dân gian dành cho người hiền và có tình nghĩa, cũng đã lên đến cực điểm. Sự hào phóng đã bỏ quên cả ý "tôn quân", dám giết cả vua.

Song Tinh Bất Dạ: của Nguyễn Hữu Hào (mất năm 1713), có thể được viết khoảng 1704-1713.

Ấn bản Quốc Ngữ (nhan là "Truyện Song Tinh") của tác phẩm này được xuất bản lần đầu ở Miền Nam năm 1962, gồm 2216 câu lục bát.

"Song Tinh Bất Dạ" là tên của vai nam chính (Song Tinh là tên, Bất Dạ là tự). Trong truyện, Song Tinh cũng thi đỗ trạng nguyên, cũng bị ép duyên, không phải với công chúa mà với con của công chúa, cũng khước từ, rồi cũng bị đưa đi đánh giặc, nhưng cuối cùng cũng thắng được giặc. Ở nhà, người yêu là Nhụy Châu

cũng gặp khó khăn, nhưng rồi cũng qua được: Bị kẻ thế lực cầu hôn không được, mưu bắt tiên cung, nửa đường phải tự tử, nhưng được người cứu. Kết cuộc, Song Tinh và Nhụy Châu vẫn thành vợ chồng.

Cốt truyện không có gì đặc biệt, văn chương cũng tầm thường.

Sơ Kính Tân Trang: của Phạm Thái (1777-1813). Người này chính là nhân vật "Phạm Thái", trong cuốn tiểu thuyết lịch sử *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* của Khái Hưng, xuất bản thời tiền chiến. Phạm Thái nổi tiếng ngông, còn để lại mấy câu thơ "bất hủ": *Sống ở dương gian đánh chén nhè. Chết về âm phủ, cấp kè kè; Diêm Vương phán hỏi rằng: - Chi đó? - Be!*

Sơ Kính Tân Trang gồm 1482 câu, đa phần là lục bát, có xen song thất lục bát, cổ phong và thơ luật.

Đây là một cuốn tiểu thuyết tình viết bằng thơ, có đến một nửa là tự truyện.

Phần có thật: Phạm Thái và Trương Quỳnh Như yêu nhau, nhưng cuối cùng không lấy được nhau, Quỳnh Như tự tử, Phạm Thái thất tình, và thất chí (chống Tây Sơn không thành), bỏ đi xa rồi chết trẻ.

Chuyện kể lại: Hai gia đình họ Phạm và họ Trương đính ước hôn nhân, trao nhau "gương vàng" và "lược ngọc" làm tín vật. Hai trẻ là Phạm Kim và Trương Quỳnh Thư lớn lên, gặp nhau và yêu nhau. Khi cuộc tình gặp trắc trở không vượt qua được, Quỳnh Thư phải tự tử, và Phạm Kim bỏ đi tu. Nhưng tình duyên của họ chưa dứt: Họ Trương lại sinh được một gái, đặt tên Thụy Châu, lớn lên dung nhan kiều mị, nhưng tính tình phóng túng. Cô tu làm đạo sĩ, và trên đường vân du, lại gặp được Phạm Kim. Hai người yêu nhau, rồi nên vợ chồng. Nhờ tín vật, và chữ "Quỳnh Nương" trong lòng bàn tay của Thụy Châu, ai cũng biết đây là "người mới duyên xưa", nên câu chuyện được gọi là "*Sơ Kính Tân Trang*".

Đặc điểm: - Không hoàn toàn hư cấu; - Tính chất lãng mạn nổi bật, so với những truyện thơ cùng thời.

Về giá trị văn chương, cách dựng

chuyện có phần gương ép, nhưng lời thơ nhiều chỗ tài hoa.

Nữ Tú Tài: Khuyết danh. Viết dựa theo truyện "*Nữ Tú Tài Di Hoa Tiếp Mộc*" trong bộ "*Kim Cổ Kỳ Quan*" của Bão Ứng Lão Nhân đời nhà Minh tập soạn.

Gồm 914 câu lục bát. Truyện cũng có trai tài gái sắc, cũng có thi đỗ trạng nguyên, cũng có tự do luyện ái... Chỉ khác, trong truyện này có con gái giả trai đi thi (giống truyện Mạnh Lệ Quân), và có chuyện ngộ nhận trong việc ước định hôn nhân rồi sau phải sửa lại. Do đó, nguyên truyện có tên "*Tú tài nữ đem hoa nọ ghép vào cây kia*".

Văn chương tầm thường.

Lưu Nữ Tướng: Khuyết danh. Truyện thơ này là sáng tác, không có truyện gốc. Được in năm 1880.

Gồm trên 2000 câu lục bát. Nội dung kể chuyện một dòng họ kia bị vua ngờ oan mà tru di, chỉ có một người con gái là Lưu nữ may mắn được sống sót. Lưu nữ muốn trả thù nhà, qui tụ đồ đảng, dựng cờ lập trại, nên được kêu là "*Lưu nữ tướng*". Nhưng cuối cùng, Lưu nữ tướng đầu hàng triều đình, vì vị tân khoa trạng nguyên đến thuyết hàng lại chính là chàng thanh niên tài mao mà nàng đã thầm yêu. Hai người trở thành vợ chồng. Tính chất "*nữ thảo khấu anh hùng*" trong truyện được phỏng theo những nhân vật nữ trong truyện Tàu, như Phan Lê Hoa, Mỵ Quế Anh...

Lời thơ không hay.

Phù Dung Tân Truyện: của Trúc Lâm Cư Sĩ (không rõ tên thật và hành trạng). Viết theo truyện "*Thôi Tuấn Thần*" của Trung Quốc. Được xuất bản năm 1879.

Gồm 1120 câu lục bát. Nội dung kể lại chuyện Thôi Tuấn Thần (có tài vẽ) và vợ là Vương Thị, trên đường phó nhậm bị bọn cướp mưu hại, nên phải ly tán. Nhưng cuối cùng, nhờ bức tranh vẽ hoa phù dung, mà hai vợ chồng tìm lại được nhau, và bọn cướp phải đền tội. Đây là một cốt truyện hay về tình tiết, khéo về cách kể.

Lời thơ hay. Có chịu ảnh hưởng Phan Trần và *Truyện Kiều*.

Phương Hoa Truyện: Khuyết danh, nhưng chỉ là khuyết danh với ấn bản đầu tiên ra đời năm 1901, với 1160 câu lục bát. Về sau, truyện thơ này được nhiều người viết lại, và cũng được khắc in. Số câu càng ngày càng nhiều lên, nhưng cốt truyện vẫn giống nhau.

Tôi tôn trọng bản đầu tiên nên để là khuyết danh, và không nêu tên những người viết lại.

"*Phương Hoa*" là tên nhân vật nữ chính. Đây là một người con gái tài sắc vẹn toàn. Nàng đính hôn với Cảnh Yên, nhưng vì bị gian thần hãm hại, và vì rủi ro, hôn nhân hai người bị trở ngại, và gia đình hai bên cũng tan nát, vị hôn phu phải tù tội. Cuối cùng, nhờ tài trí, Phương Hoa đã minh oan được cho chồng, cho hai bên gia đình, trả thù được kẻ hãm hại trước kia, mà đặc biệt còn khiến cho chồng không thi mà cũng đỗ tiến sĩ.

Về mặt văn chương, những bản có tên tác giả ra đời sau hay hơn, nhưng bản gốc được nhiều người biết hơn.

Dương Từ Hà Mậu: của Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888). Đây là một cuốn truyện thơ dài, 3456 câu lục bát. Nội dung do tác giả hư cấu, không có truyện gốc.

Tên truyện là tên hai nhân vật chính: Dương Từ theo đạo Chúa; Hà Mậu theo đạo Phật. Bối cảnh là đời Hậu Tấn bên Trung Quốc. Nhưng tác giả muốn đề cập đến cảnh loạn lạc của nước nhà khi người Pháp mới đến. Trong truyện, có những chỗ hơi giống *La Divina Commedia* của nhà thơ Ý Dante (1265-1321), cũng tả cảnh địa ngục và thiên đường. Dương Từ cùng đi với Hà Mậu, lên thiên đường, không thấy Chúa và Phật ở đó; xuống địa ngục, thì thấy đủ hạng người, kể cả những người đồng đạo của họ. Tác phẩm nhảm bài xích đạo Chúa, đạo Phật, đề cao Nho giáo.

Thơ hay hơn *Lục Vân Tiên*, nhưng không được phổ biến, vì có khuynh hướng triết lý.

Tây Sương: của Lý Văn Phức, viết bằng thơ lục bát, dài 1744 câu. Nội dung dựa vào vở tuồng do Vương Thực Phủ đời Nguyễn soạn, tên đủ là

"*Thôi Oanh Oanh Đãi Nguyệt Tây Sương Kỳ*", thường được gọi tắt là *Tây Sương Kỳ*. "*Tây sương*" là "*mái tây*". Sở dĩ câu chuyện lấy tên này, là vì đôi nam nữ Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh hẹn hò nhau tại chái phía tây chùa Phổ Cứu.

Nguồn gốc của "*Tây Sương*" là truyện "*Hội Chân Kỳ*" (còn gọi là *Oanh Oanh Truyện*) do Nguyễn Chấn (779-831) đời Đường viết. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc gần đây khẳng định nhân vật Trương Cung trong truyện, chính là Nguyễn Chấn lúc thiếu thời. Từ "*Hội Chân Kỳ*", xuất sinh nhiều tác phẩm khác. Nhưng tựu trung, nổi tiếng hơn cả vẫn là vở tuồng (văn học Trung Quốc gọi là "*tập kịch*") của Vương Thực Phủ.

Có một điểm khác nhau cần biết giữa vở tập kịch của họ Vương và nguyên truyện của họ Nguyễn: Trong nguyên truyện, Quân Thụy và Oanh Oanh bỏ nhau; nhưng trong vở kịch, hai người lấy nhau làm vợ chồng. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết: "*Mái Tây để lạnh hương nguyên, cho duyên dằm thắm ra duyên bề bàng*", là viết theo "*Hội Chân Kỳ*".

Truyện thơ của Lý Văn Phức dựa theo vở kịch, kể cả phần kết thúc.

Về mặt văn chương, cũng như *Ngọc Kiều Lê*, *Tây Sương* có chịu ảnh hưởng của *Truyện Kiều*. Nhưng so giữa nhau, thì *Ngọc Kiều Lê* được nhiều người biết hơn.

Giai Nhân Kỳ Ngộ Diễn Ca: của Phan Châu Trinh (1872-1926). Toàn truyện dài trên 7000 câu, gồm phần lớn là lục bát, một số bài thơ luật, và những bài thể loại khác. Cốt truyện được viết dựa theo một cuốn truyện do Lương Khải Siêu dịch từ một tiểu thuyết Nhật. Nội dung cũng là một câu chuyện tình, nhưng dụng ý chính của tác phẩm là tố cáo chế độ thực dân ở khắp nơi trên thế giới.

Truyện thơ này đã được Lê Văn Siêu xếp đặt lại, cho xuất bản tại Sài Gòn năm 1959, với tựa *Giai Nhân Kỳ Ngộ Anh Hùng Ca*. Trước đó, năm 1926, sau ngày tác giả mất, Ngô Đức Kế đã cho in trọn tại Hà Nội, nhưng chưa kịp phát hành thì sách đã bị tịch

thu.

Truyện thơ này ít người biết, trước hết là vì cốt truyện không có gì đặc sắc; thứ nữa, nội dung tuyên truyền chính trị đã khiến những người chỉ thích thơ, trở nên “kiêng kỵ”.

Hương Miệt Hành: Khuyết danh. Theo Lê Quý Đôn, tác phẩm này được viết từ đời Trần. Gồm 102 câu thơ cổ phong. Tựa đề có chữ “hành”, là đặt theo những bài “hành” của Trung Quốc, thường dùng thể thơ cổ phong để kể chuyện.

Cốt truyện giản dị: Một chàng trai và một cô gái yêu nhau, một lần hẹn nhau trên cầu. Nhưng chàng trai gặp trở ngại, không tới đúng hẹn. Cô gái để lại chỗ hẹn một chiếc giày. Chàng trai tới sau, đau khổ, ôm chiếc giày mà chết. May có người tốt bụng, cầm chiếc giày đi dò hỏi, tìm ra được cô gái. Cô gái tới nơi, ôm xác người yêu mà khóc. Chàng trai sống lại, sau hai người thành vợ chồng.

Câu chuyện hơi giống “truyện Tấm Cám” của ta, và cũng hơi giống chuyện “Cô Bé Lọ Lem” của Tây Phương. Chi tiết “chết rồi sống lại” giống chuyện Thôi Hộ đời Đường.

Vương Tường: Khuyết danh. Có thể phỏng đoán được viết khoảng thế kỷ 16. Gồm 38 bài thất ngôn bát cú kể chuyện, và 11 bài thất ngôn tứ tuyệt phẩm bình.

Nội dung dựa theo truyện có trước của Trung Quốc, kể lại chuyện Vương Tường (tức Chiêu Quân), cung nữ của Hán Nguyên Đế, bị cống cho vua phiên.

Truyện “Vương Tường” của Trung Quốc có nhiều bản khác nhau. Có bản nói nàng đã sinh con với vua phiên; có bản nói nàng trầm mình trên đường đi cống; có bản nói nàng tự tử khi đến cung phiên. Truyện thơ nói đây dựa theo bản sau cùng.

Đến đời nhà Tấn, vì kiêng tên Tư Mã Chiêu, triều đình ra lệnh không gọi Vương Tường là Chiêu Quân nữa, mà gọi là “Minh Phi”, sau thành quen. Mộ của Chiêu Quân được gọi là “Thanh Trủng”, hiện còn tại Nội Mong. Trong *Truyện Kiều*, có câu: *Quá quan này khúc Chiêu Quân; nửa*

phần luyến chúa, nửa phần tư gia, ghi lại một chi tiết rất đẹp trong truyện “Chiêu Quân”: Khi đi ra cửa ải để sang đất Hồ, Chiêu Quân ngồi trên mình ngựa, lấy đàn ra đánh một bài giã biệt quê hương, và tạ tình với vua nhà Hán.

Tô Công Phụng Sứ: Khuyết danh. Gồm 24 bài thất ngôn bát cú.

Nội dung dựa theo chuyện Tô Vĩ, đời nhà Hán, đi sứ sang phiên, bị vua phiên bắt giữ, không cho trở về. Tô Vĩ đã phải chờ đợi 19 năm ở một nơi hoang vu. Sau, vua Hán được tin, can thiệp mãi, Tô Vĩ mới được thả về.

Truyện thơ này không được phổ biến rộng. Điển “Tô Vĩ” cũng ít khi được cổ văn nhắc tới, vì không có trường hợp tương tự để viện dẫn.

Lâm Tuyền Kỳ Ngộ: Khuyết danh. Gồm 146 bài thất ngôn bát cú, một bài tứ tuyệt và một bài hát nói.

Nội dung kể chuyện một tiên nữ bị đày xuống trần trong lột vượn trắng tên là Bạch Viên, đi tu, rồi biến thành một cô gái đẹp, lấy một thanh niên người trần tên là Tôn Khác, sinh được hai đứa con trai. Nửa chừng hết đọa, Bạch Viên lại phải trở lên cõi tiên. Tôn Khác đồ trạng nguyên, làm quan, nhưng phải một mình nuôi con. Cuối cùng, Bạch Viên được phép xuống trần, sum họp với chồng con.

Thời tiền chiến, ở Nam Kỳ và nam Trung Kỳ, có lưu hành một truyện thơ viết bằng lục bát, cũng kể đúng chuyện này, nhan đề là *Bạch Viên Tôn Các* (bản Quốc Ngữ viết như vậy). Tôi không còn nhớ tập thơ này dài bao nhiêu, chỉ nhớ chắc một điều là nó khá phổ biến, có lẽ cũng ngang với *Phạm Công Cúc Hoa*.

Lại có một sự kiện đặc biệt nữa: Tôi không chính mắt đọc, nhưng cứ theo lời “kể” của những người đi hát dạo tôi nghe hồi còn nhỏ, trong truyện “Bạch Viên”, còn có vụ chia con nghe rất thảm thiết. Chi tiết này tương tự với chuyện Tô Vĩ và con vượn trắng làm vợ ông trong lúc ông chờ đợi trên rừng, cũng sinh được một đứa con, khi Tô Vĩ về Hán, vượn trắng xé con ra chia với chồng. Những truyện thơ “truyện khẩu” này

không được ai nhớ đủ để ghi lại. Thật đáng tiếc.

Tôi cố ý chép truyện “Bạch Viên Tôn Các” liền sau truyện “Tô Vĩ”, là vì chi tiết vừa kể.

E. Những Tập Thơ Dạy Đời

Tất nhiên, không có tác giả nào lại thiếu khiêm tốn mà nói rõ dụng ý của mình là “dạy đời”. Nhưng nội dung của tác phẩm đã nói rõ như vậy. Và lại, dù làm thơ để kể chuyện xưa, những lời khen chê, nhận xét của tác giả, cũng đã có ý khuyên người đọc, người nghe, nên ăn ở như thế nào rồi.

Ngư Tiều Y Thuật Vấn Đáp: của Nguyễn Đình Chiểu. Bản với tên như vậy do nhà Tân Việt xuất bản năm 1952, gồm thơ lục bát, thơ luật, và những bài thuốc. Bản do Hà Nội xuất bản năm 1982, có tên là *Ngư Tiều Vấn Đáp Nho Y Điển Ca*.

Đây là một tác phẩm lớn, mang nặng tâm sự của tác giả. Trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu cũng có mượn lời của “ông câu” và “ông tiều”, để chính luận. Nhưng ở đây, hai nhân vật ngư tiều Mộng Thê Triền và Bào Tử Phược không chỉ tranh luận về y, về dược, mà còn về đủ mọi chuyện trên đời. Chấn ngán trước cảnh nước mất dân khổ, nhưng hai người không nỡ lánh đời, liền quyết tâm đi học thuốc để cứu đời. Và lại, cũng là để tự cứu: Thê Triền (vợ trời) lấy 5 vợ, chỉ còn sống 1; Tử Phược (con buộc) sinh được 10 con, chết 8 còn 2.

Trong *Lục Vân Tiên*, Vân Tiên khóc mẹ mà mù mắt, nhưng rồi mắt sáng trở lại, cuối cùng thi đỗ trạng, diệt giặc cứu nước, lấy Nguyệt Nga làm vợ, sống trong vinh hoa phú quý. Trong tác phẩm đang bàn, danh y Kỳ Nhân Sư không muốn nhìn thấy cảnh đau lòng, và để từ khước chức ngự y của địch, đã tự làm mù đôi mắt. Lục Vân Tiên là hoài bão của tác giả, khi đất nước còn có hi vọng; Kỳ Nhân Sư là thái độ của tác giả, khi thế cuộc hết cơ vận hồi.

Một đặc điểm hình thức của *Ngư Tiều* là tên các nhân vật đều được đặt

theo cách “biểu ý”. Theo kinh nghiệm đọc sách của tôi, điều này hoàn toàn không có lợi trong việc gây sự đồng cảm với độc giả. Tất nhiên, khi đọc bất cứ tác phẩm nào, người đọc cũng đã sẵn sàng chấp nhận chuyện hư cấu. Nhưng tác giả không nên nói rõ: “Chính tôi bày đặt ra đây”. Các truyện chương hồi của Trung Quốc rất ít khi dùng kiểu đặt tên “biểu ý”. Riêng *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, cốt truyện không có gì đặc sắc, cách đặt tên “biểu ý” lại giảm thêm cảm tình của người đọc, tác phẩm không được ái mộ cũng là phải. Trường hợp tác phẩm đang bàn của Nguyễn Đình Chiểu cũng không ngoại lệ.

Nhân Ảnh Vấn Đáp: Khuyết danh. Gồm 258 câu lục bát. Không có cốt truyện. Tác giả chỉ dựng ra một giấc mơ, trong đó, “người” nói chuyện với “bóng” của chính mình. Hai bên tỏ bày ý nghĩ cho nhau nghe, phân tích điều hay chuyện dở, đâu là chuyện nên làm, đâu là điều nên tránh...

Đây là một kiểu “ngư tiều vấn đáp” bỏ túi.

Lục Súc Tranh Công: Khuyết danh. Cũng không xác định được là ra đời lúc nào. Thể tuồng hát, dài 453 câu.

Gồm sáu vai vật là trâu, chó, ngựa, dê, gà, heo, và một vai người là ông chủ. Đúng như cái đề, sáu con vật tranh nhau kể công: “Chỉ có tôi là hữu ích, còn anh thì chẳng làm được gì cả”. Nhờ sự hòa giải của chủ, cuối cùng chúng hiểu ra rằng “mọi người đều có công”, và chúng sống đề huề.

Nhị Thập Tứ Hiếu: của Lý Văn Phúc, viết bằng thơ song thất lục bát. Gồm 24 truyện, mỗi truyện chừng 20 câu trở lại, một đoạn mở đầu, và một đoạn kết luận. Đây là tác phẩm “diễn ca” cuốn truyện cùng tên của Quách Thủ Chính, đời Nguyên. Tôi xếp tập thơ này vào đây, là vì chủ đích dạy luân lý của nó.

Thời tiền chiến, học trò sơ học, tiểu học, có lẽ ai cũng phải học thuộc lòng một vài đoạn hay. Riêng tôi, cho đến bây giờ vẫn còn thuộc một số câu. Và tôi còn nhớ hồi trong trại tù

cải tạo của CSVN, có một anh bạn tù văn hay đọc một câu trong truyện vua Thuấn, “cha là Cổ Tẩu người thì ương ương”, để giễu một người nào đó mà anh cho là có tính gàn. Đây là một vài sự kiện chứng tỏ tập thơ này đã có một thời được phổ biến rộng, qua ngã học đường.

Nghĩ cho cùng, các nhà văn nhà thơ của ta ngày trước, không phải là kém tài, nhưng phần đông có một nhược điểm chung là hay “nệ cổ”, “ỷ Trung Quốc”, không chịu tự mình nghĩ ra, cứ mượn cái có sẵn. Phải chỉ họ “tự lập” và cần trọng trong khi chọn truyện gốc hơn, thì chúng ta chắc đã có những tác phẩm đích thực là sáng tác. Hoặc giả, nếu phải “tập cổ”, thì nguyên truyện cũng là viên ngọc quý.

Bên cạnh đó, những người như Ngô Thì Hương (1774-1821) lại không được nhiều. Nhà văn này đã dám chê Quách Cự “chôn con nuôi mẹ được vàng trời cho” không phải là một người con hiếu gì hết, mà chỉ là một người ngu và bất nhân.

Về mặt văn chương, lời thơ của *Nhị Thập Tứ Hiếu* rất trôi chảy.

Gia Huấn Ca: Những tài liệu cũ gán tập thơ dạy luân lý này cho Nguyễn Trãi (1380-1442). Riêng Thi Nham Đình Gia Thuyết, trong ấn bản do nhà Tân Việt xuất bản, tuy ở bìa sách có ghi tác giả “*Gia Huấn Ca*” là Nguyễn Trãi, nhưng bên trong có nêu nghi vấn “có thể tác giả là một người khác”. Các nhà nghiên cứu gần đây khẳng định Nguyễn Trãi không viết tập thơ này.

Phần riêng, tôi cũng nghĩ tập thơ này là khuyết danh. Không biết là của ai, nhưng chắc chắn không phải là của Nguyễn Trãi. Do Nguyễn Trãi viết, tất phải hay hơn.

Dài non 800 câu, gồm lục bát và song thất lục bát. Nội dung khuyên mọi người ăn ở cho phải đạo làm người.

Lời thơ nói chung khá trôi chảy. Cũng có một số chỗ thất vận, nhưng không nhiều lắm.

Về tác dụng luân lý và mức phổ biến, qua ngã học đường ngày trước,

một số câu của *Gia Huấn Ca* đã trở thành những câu “phương ngôn” bình dân, nếu không có hẳn một tác dụng hướng dẫn, thì cũng có được một tác dụng khuyên bảo. Những câu: “*Thương người như thể thương thân*”, “*Miếng khi đói gói khi no*”, “*Lòng người yêu dấu là trời độ ta*”, nghe thật tâm thường không có gì cao siêu hết cả. Nhưng nghĩ cho cùng, các nhà đạo đức, các nhà tôn giáo, các nhà hoạt động xã hội, có lẽ cũng chỉ dám cầu mong cho con người cư xử với nhau được như thế mà thôi.

Kết Luận

Về số lượng, “bản kê” này chắc có sự thiếu sót. Sau nữa, sự đánh giá văn chương và tầm phổ biến, có lẽ không khỏi chủ quan.

Trước khi kết bài, tôi xin có vài nhận xét chung:

1. Người Việt chúng ta thích thơ, cho nên những tác phẩm cổ viết bằng thơ được phổ biến rộng hơn những tác phẩm khác. Một phần, cũng do thơ dễ truyền khẩu.

2. Sáng tác phẩm xưa của ta không được nhiều. Bù lại, hai thể thơ thuần túy dân tộc là lục bát và song thất lục bát đã trở thành thông dụng hơn những thể thơ gốc từ Trung Quốc.

3. Trong mọi tác phẩm cổ, không nhiều thì ít, sự mô phỏng tiền tác vẫn có. Trong khi có một số tác phẩm mạnh dạn đưa ý ngữ dân tộc vào đặt bên cạnh các điển cố, thì cũng có một số coi trọng sự uyên bác kinh điển hơn, có dùng đến ý đến lời của dân gian, thì cũng chỉ ở mức độ đề dặt. Về mặt này, tác phẩm nào biết dung hợp, và dung hợp nhuần nhuyễn, thì thành công. *Truyện Kiều* là một thí dụ.

4. Về nội dung, đa phần tác phẩm đều nặng về gia đình, trật tự xã hội, tinh thần trung quân ái quốc. Quyền lợi, tự do, tình yêu của cá nhân, được đặt thấp hơn. Những cái sau chỉ được trọn vẹn, khi nào những cái trước đã được chu toàn. Nhưng vì “có hậu” là khuynh hướng chung của đa phần tác gia cổ điển, nên rồi cuối cùng, chung riêng gì cũng được chiếu cố. ●

Ánh-Sáng Dưới Mặt Trời Đen

Phan Quân



Xã hội Pháp thời đầu thế kỷ 19. Louis Braille là con một, sinh trưởng trong một gia đình trung lưu. Ba cậu là thợ làm yên cương, mẹ cậu giữ việc nội trợ. Từ sơ sinh đến năm 3 tuổi, cậu bé lớn lên, được cha mẹ nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, tương lai mở ra đầy hứa hẹn.

Cho đến một ngày, mặt trời vẫn chiếu sáng nhưng với Louis Braille, không gian đã chỉ còn một màu đen thăm thẳm. Cái dùi, vật dụng hành nghề của Simon Braille, cha cậu, trong bàn tay non dại của Louis, đã gây thương tích cho một mắt cậu và khiến cậu mù hẳn hai mắt một năm sau đó. Cậu hỏi “Bao giờ trời sáng?” của Louis làm cha mẹ cậu vô cùng đau khổ, không biết phải trả lời con mình thế nào về khuyết tật cậu sẽ phải mang trọn đời ấy.

Không như ngày nay, trẻ em khiếm thị thời đó hầu như chẳng bao giờ được đi học. Tương lai là ngõ cụt, cuộc sống nghèo khổ là điều hứa hẹn và nếu không được gia đình đùm bọc thì chỉ còn cách đi ăn xin đầu đường xó chợ. Lúc bấy giờ, xã hội Pháp không thiếu gì những kẻ ăn xin dúi mù, áo quần rách rưới lang thang ở góc phố, ở các nẻo đường quê. Hè ngủ lộ thiên, đông ngủ mái hiên thánh đường.

Couprvray, quê hương của gia đình Braille, là một thị xã nhỏ cách thủ đô Pháp khoảng 40 cây số về hướng đông đông bắc (nay thuộc tỉnh hạt Seine-et-Marne, ngoại ô xa của Ba-

Lê). Thịnh thoảng có một lão ăn xin mù tạt qua. Hình ảnh đáng thương của người hành khất già đó là một ám ảnh đối với ông bà Braille khi nghĩ đến ngày mai của Louis. Càng thương con bao nhiêu, hai ông bà càng tìm cách huấn luyện cho con có một tinh thần tự lực tự túc tối thiểu để mai sau lo liệu lấy thân. Mặc dù Louis gặp khá nhiều khó khăn và đau đớn trong việc di chuyển vì cứ quờ quạng, đụng chạm, té lên té xuống nhưng ông bà phải kiên nhẫn để con tập được thói quen độc lập trong việc đi lại. Nuông chiều Louis không phải là việc khó khăn gì khi họ chỉ có một đứa con trai duy nhất lại tật nguyên. Thế nhưng, vì mong muốn Louis có thể sinh hoạt như mọi người bình thường được bao nhiêu hay bấy nhiêu nên ông bà cố gắng xử sự với con như đối với mọi đứa trẻ sáng mắt đến đâu hay đó.

Mù lòa nhưng Louis cũng phải làm khá nhiều công việc trong nhà. Nào là tiếp tay với cha trong việc làm yên cương bằng cách đánh bóng da. Không thấy, nhưng theo chỉ dẫn của cha, Louis cũng biết được độ bóng của da qua xúc giác. Nào là phụ giúp mẹ trong việc nội trợ như đặt bàn ăn, lấy nước ở giếng, làm giường ngủ cho mình. Thấy con quờ quạng đi rồi vấp ngã mãi, ông bố phải làm cho Louis một chiếc gậy, điều mà hai ông bà cứ đắn đo mãi vì muốn tránh né thực tế. Với cây gậy đó, Louis phát hiện được trước chướng ngại vật nằm trên đường đi để tránh né. Đôi khi, Louis

cũng chẳng cần đến gậy mà vẫn “thấy trước” đường đi nhờ tiếng hát của mình. Louis thường bảo: “Ca hát trong lúc di chuyển giúp tôi tránh né được đồ vật.” Chẳng qua là vô tình, Louis đã áp dụng đúng nguyên tắc di chuyển theo bản năng của loài dơi. Sinh vật này bay nhanh trong bóng đêm nhưng không bao giờ va chạm những vật cản đường vì âm thanh chúng phát ra, nếu gặp chướng ngại vật, sẽ dội lại báo cho dơi biết để đổi hướng.

Cậu bé lần hồi học hỏi thêm được nhiều điều do khuyết tật thúc đẩy và do nhu cầu sinh hoạt. Càng ngày Louis càng tự tin hơn. Tiếng gậy của cậu bắt đầu vang lên trên các nẻo đường cần đá của Couprvray. Đôi khi Louis lạc lối nhưng rồi cũng bắt đầu. Cậu bắt đầu nhận thức bằng bốn giác quan còn lại. Quan trọng nhất đối với Louis là âm thanh. Tiếng chuông nhà thờ, tiếng chó sủa, tiếng chim hót trên cành, tiếng nước róc rách của giòng sông, con rạch,... thảy thảy đều là tín hiệu cho Louis biết được những gì không trông thấy. Như một trò chơi, Louis thường ngồi trước cửa nhà, nhận diện những người qua đường căn cứ trên tiếng nói, giọng cười hay tiếng ho tiếng tăng háng của họ. Cậu bé ít khi lầm và nếu có ai hỏi tại sao thì Louis cho biết là chỉ cần để ý, vì tiếng ồn của một chiếc xe hai bánh khác với tiếng động của xe bốn bánh và tiếng vó ngựa không phải là tiếng móng bò khua trên đường.

Với thái độ cam phận, Louis không thích người ta tỏ ý thương hại mình. Louis muốn sống như mọi người dù càng lớn cậu càng thấy khó chịu vì sự thiệt thòi do khuyết tật của mình. Có khá nhiều chuyện Louis không làm được. Cậu không thể chạy nhảy nỏ đùa như chúng bạn, không thể chạy đến ôm chầm một bằng hữu thân thiết, không thể lang thang trên các nẻo đường rừng, trên các hương lộ như mong muốn. Là một cậu bé hay nói hay cười nhưng tháng này qua năm nọ, lần hồi Louis trở nên buồn bã và trầm lặng. Thấy con trầm tư suy nghĩ, cha mẹ Louis thắc mắc hỏi han thì cậu bé chỉ chối quanh là chẳng có điều gì hết.

Mãi cho đến năm Louis lên sáu thì làng Coupvray có một cha xứ mới. Vừa nhận nhiệm sở, linh mục Jacques Palluy đi thăm dân làng cho biết tình hình của giáo xứ. Nhận thấy trí thông minh của Louis, linh mục tỏ ý tiếc là một bộ óc như vậy mà không được học hỏi! Linh mục gợi ý ông bà Braille nên cho Louis đến nhà ông, mỗi tuần vài ba hôm chẳng hạn để ông dạy dỗ. Được vậy còn gì bằng! Thế là ngày ngày Louis lóc cóc quơ gậy đi đến nhà thờ ở đầu làng để học với cha xứ.

Dưới bóng thánh đường, Louis phát hiện ra lịch sử, khoa học và nhiều điều hữu ích khác nữa. Thường thì linh mục kể cho Louis những chuyện trong thánh kinh, chuyện kẻ hiền, người dữ, chuyện anh hùng, chuyện tiểu nhân, những chuyện mà Louis sẽ ghi nhớ suốt đời. Óc hiếu kỳ của cậu bé ngày một mở mang và đưa cậu đến chỗ càng lúc càng muốn khám phá thêm, đôi khi vượt quá khả năng sư phạm của cha xứ. Linh mục Palluy bèn đến tham khảo nhà giáo Antoine Bécheret và yêu cầu trường nhận Louis vào học. Đó là một trường hợp hoàn toàn mới lạ đối với nhà trường vốn xưa nay chưa từng dạy dỗ trẻ em mù lòa. Vả lại, người mù thì học để làm gì? Biết nhiều chỉ khổ thân vì sẽ mang nhiều tham vọng hão huyền. Do sự khẩn khoản của linh mục, ông giáo làng miễn cưỡng nhận

Louis vào trường. Thế là mỗi ngày, một cậu học sinh cạnh nhà dẫn Louis đến lớp. Trong khi học trò náo nhiệt, xầm xì to nhỏ, vui chơi trong lớp ngoài sân thì Louis cứ bình thản ngồi tại chỗ chăm chú lắng nghe lời giảng, một sự chăm chú gần như tuyệt đối. Louis coi đó là một cơ hội không nên lãng phí.

Vốn có trí nhớ đặc biệt, Louis được nhà trường rèn luyện thêm vì cậu không muốn quên những gì đã nhận vào khi cậu không có được khả năng nhìn sách hay tập ghi chép để đọc lại những điều ông giáo đã nói. Hàng mấy tháng sau, Louis vẫn còn nhớ những gì thầy đã dạy bảo. Bằng cách tính nhẩm, Louis giải đáp những bài toán thầy cho không thua gì các bạn cùng lớp tính trên giấy. Thế nhưng khi thầy bảo học sinh lấy sách ra thì Louis lòng buồn vô hạn! Cậu cứ sờ soạng trên các trang sách, những trang sách để ghét chuyên chở không biết bao nhiêu là tri thức hay lạ. Càng ám ức với những giòng chữ, Louis lại càng thương thân tủi phận vì biết rằng những tài nguyên bỏ ngổ ấy người mù lòa không bao giờ có được.

Trước lòng ham mê tri thức và với tuổi lên 10 của cậu bé, linh mục Palluy thấy trường làng Coupvray sẽ không còn thích hợp với Louis nữa. Ông nghĩ đến một trường cao cấp hơn và tìm cách dò hỏi. Sau cùng, ông biết được là ở thủ đô Ba-Lê có một Học Viện dành cho người khuyết thị (do Valentin Haüy thành lập năm 1786). Trường này dạy đủ các môn toán, văn phạm, địa lý, lịch sử, âm nhạc,... Trường cũng dạy nghề cho trẻ em mù để có thể kiếm sống sau này. Nhưng điều quan trọng hơn hết là ở đó người ta dạy cho trẻ em tập đọc. Thế là cha xứ Coupvray âm thầm vận động nhưng không tiết lộ điều gì cho gia đình Braille hết. Cha yêu cầu hầu tước Orvilliers, một nhân vật có tiền và có uy tín trong làng, can thiệp với Ba-Lê cho Louis. Linh mục nhấn mạnh ở trí thông minh đặc biệt và tính hiếu học cao độ của cậu bé. Chẳng bao lâu sau thì Ba-Lê có thư hồi âm

và Louis được nhận vào Học Viện.

Được tin, Louis reo mừng vì sắp được học đọc nhưng ông bà Braille thì nửa mừng nửa lo. Ông bà nghĩ rằng mù lòa và bé bỏng như Louis mà phải sống xa gia đình thì liệu có được sung sướng hay không? Ai sẽ săn sóc cho cậu bé? Nghe lời khuyên giải của cha xứ, ông bà cũng nhận ra rằng càng khôn lớn, Louis càng đòi hỏi những nhu cầu tri thức. Sau khi tìm hiểu thêm về Học Viện này, ông Braille yên tâm để cho con lên Ba-Lê.

Một ngày giá lạnh của tháng 2 năm 1819, Louis lên đường đi Ba-Lê. Coupvray cách thủ đô 40 cây số nên Louis chỉ về nhà trong những dịp nghỉ hè. Va chạm với thực tế, Louis thấy không phải như cậu đã nghĩ. Ngày nhập học đã trở thành một cơn ác mộng, đem lại cho cậu nỗi chán chường lớn lao.

Khác với trường làng Coupvray, ở đây quá đông người và quá ồn ào. Gần một trăm học trò mù sống trong Học Viện. Louis được giới thiệu với học sinh của trường nhưng bối rối không nhớ được tên ai với tên ai. Chưa bao giờ Louis có nhiều bạn học như thế nhưng cũng chưa bao giờ cậu cảm thấy cô đơn đến vậy. Buồn nhớ cha mẹ, thất vọng với môi trường mới, đêm về Louis thao thức mãi đến bật khóc. Từ giường bên cạnh, một lời khuyên nhủ dịu dàng, rồi một bàn tay vuốt ve:

- Tôi là Gabriel đây, Gabriel Gautier. Còn bạn tên gì?

- Tôi là Louis, Louis Braille.

- Này Louis, nỗi buồn của bạn cũng dễ hiểu thôi. Buổi đầu ai cũng vậy. Ngày trước tôi cũng thế.

- Bạn cũng vậy à?

- Ừ. Nhưng rồi sẽ qua. Bạn hãy ngủ đi, ngày mai sẽ thấy đỡ hơn. Chúc bạn ngon giấc.

Cảm thấy được an ủi, Louis chìm vào giấc ngủ lúc nào chẳng hay. Tỉnh bằng hữu này đã nâng đỡ Louis rất nhiều trong thời gian ở Học Viện. Là một đứa trẻ nông thôn, Louis lớn lên trong ánh mặt trời và bầu không khí trong lành. Ở đây, cậu cảm thấy từ

túng, chặt chội và dơ bẩn. Louis đã quen với sự sạch sẽ ở quê nhà, hè tắm sông, đông tắm nước ấm của mẹ nấu. Giờ đây ở trường, bao nhiêu học sinh mà chỉ một buồng tắm nên mỗi tháng chỉ được tắm một lần! Phòng ốc thì rộng thênh thang, hành lang ngang dọc, chẳng biết đâu mà lần nên Louis cứ lạc lối mãi. Điều tệ hại nhất là ẩm ướt. Trường ở gần một con sông nên không khí lạnh lẽo và ẩm ướt. Ngày mới nhập học, hai gò má Louis ửng đỏ nay trở nên xanh xao, gầy còm, ho hen.

Lúc nào Louis cũng nhớ về cha mẹ và căn nhà ở Coupvray. Thế nhưng dần theo thời gian, đau rồi cũng vào đấy. Louis dần hồi quen với nếp sống ở Học Viện, với cách sinh hoạt của người dân thành thị. Cậu đi lại trong trường dễ dàng thoải mái hơn và kết bạn với các học trò khác.

Louis học từ sáng đến tối. Sáng học ở lớp, chiều học ở xưởng. Môn nào Louis cũng đam mê. Cậu rất khéo tay, được phần thưởng về thêu thùa và làm giấy vải. Mới 10 tuổi đầu, Louis Braille là học trò nhỏ tuổi nhất trường và là học sinh giỏi nhất lớp. Phê điểm cho Louis, một giáo sư viết rằng: "Cậu bé này có nhiều ưu điểm. Không khi nào phải lặp lại lần thứ hai với Louis bất cứ điều gì".

Trong sinh hoạt buổi chiều, Louis thích nhất giờ âm nhạc. Học sinh nào của Học Viện cũng phải học sử dụng một nhạc cụ. Louis học nhiều nhạc khí nhưng thích nhất là dương cầm.

Càng ngày Louis càng say mê học. Nỗi ám ảnh lớn nhất của Louis là vấn đề đọc sách. Từ ngày học trường làng, cậu đã tiếc là không làm sao đọc được sách để biết được thêm nhiều điều hay lẽ phải. Năm 1820, chỉ có một phương pháp đọc duy nhất dành cho người khuyết thị là đọc bằng chữ nổi. Những vần trong bảng chữ cái đều làm nổi lên, người đọc dùng ngón tay mò mẫm từng chữ một để ráp lại mà đọc. Điều đó không đơn giản và mất nhiều thì giờ. Một vài chữ để nhận diện, trong khi một số chữ khác phải khó khăn lắm mới đọc được. Qua các ngón tay người mù,

chữ O giống như chữ Q hay chữ C, còn chữ I thì dễ lộn với chữ T và chữ R thì tưởng là chữ B! Kiên nhẫn lắm thì cũng đọc được nhưng mất rất nhiều thời gian. Mặc dù với trí thông minh vượt bậc, Louis cũng khá vất vả với môn tập đọc. Đọc đến đoạn cuối thì quên mất đoạn đầu, thế là phải bắt đầu lại. Phải mất hàng bao nhiêu tháng mới đọc hết một quyển sách. Louis than phiền với giáo sư:

- Thưa thầy, như vậy thì đâu gọi là đọc sách được. Chỉ là một cách giả vờ đọc.

- Chẳng có cách nào khác hơn! Nhiều năm rồi người ta thử tìm một phương thức khác nhưng đành chịu thua.

Thật vậy, người ta đã thử sáng chế ra loại mẫu tự chìm, chữ bằng đá, bằng dây nhợ, bằng kẽm, bằng sáp, bằng gỗ, bằng mũi kim nhọn, v.v.. Mỗi chữ cái phải có chiều cao tối thiểu là 7 phân thì ngón tay học sinh mù mới phân biệt được. Như vậy mỗi trang chỉ chứa được dăm ba câu. Vì những khó khăn đó nên toàn bộ thư viện nhà trường chỉ vồn vện có 14 quyển sách. Lý do là mỗi quyển sách như thế được làm bằng tay, thô kệch, nặng nề và khó sắp xếp.

Louis thấy cứ vậy thì chẳng có bao nhiêu sách cho người khuyết thị. Phải có một phương thức nào khác. Thắc mắc và ước mong, Louis cứ bàn tới tính lui vấn đề đó đến nỗi bạn bè cậu nghe mà ngán ngẩm.

Đến mùa xuân năm 1821, Đại úy Charles Barbier đến thăm Học Viện với mục đích giới thiệu phát minh của ông. Đại úy Barbier là người sáng chế ra phương pháp truyền tin trong bóng đêm cho quân đội, một phương pháp mà ông nghĩ rằng có thể hữu ích cho người khuyết thị. Căn bản của chữ viết ban đêm này là những dấu chấm nổi. Mỗi từ được chia ra thành nhiều âm thanh và mỗi âm thanh tương đương với một số chấm khác nhau được ghi vào một tờ giấy dày bằng một cây nhọn. Lật ngược tờ giấy lại, người ta sẽ có một loạt chấm nổi tiêu biểu cho những gì muốn truyền đạt lại người đọc.

Thoạt tiên, đó là một phát minh khá hấp dẫn nhưng khi áp dụng có rất nhiều trở ngại. Những chấm nổi chiếm quá nhiều chỗ trên trang giấy lại khó nhớ. Chữ viết ban đêm chỉ tiện lợi cho quân đội vì họ chỉ truyền đi những mệnh lệnh thô sơ qua một số từ nhất định chứ không đủ để chuyển ý của cả một quyển sách vốn chứa đựng rất nhiều từ. Đành rằng phương pháp này không thích hợp cho người mất ánh sáng nhưng nguyên tắc sử dụng những dấu chấm nổi chưa hẳn là vô dụng. Ý niệm này cứ đeo đuổi Louis quanh năm ngày tháng, thậm chí cả trong giấc ngủ. Cậu đi đến quyết định là phải dứt khoát tìm ra một phương pháp đọc sách cho người mù. Không những đọc mà còn viết nữa, và dĩ nhiên là với những dấu chấm nổi!

Bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu người ta cũng thấy Louis kẻ kẻ bên mình những dụng cụ cần thiết để tìm cách phát minh chữ cho người mù. Gần như là một đam mê. Ý nghĩ và mục đích của Louis rồi cũng đến tai Đại úy Barbier, thúc đẩy ông đến gặp người muốn hoàn chỉnh phương pháp của ông.

Louis rất hân hoan với ý nghĩ được trao đổi với Đại úy Barbier, nhưng ông ta thì không thích thú chút nào. Đại úy Barbier đinh ninh rằng ông sẽ tiếp xúc với một người lớn tuổi chứ đâu ngờ đó là một thằng nhóc 12 tuổi! Dĩ nhiên là Louis không thấy được nét mặt bức dọc của Đại úy Barbier nhưng cậu cũng cảm nhận được điều đó qua giọng nói lạnh lùng của ông. Theo yêu cầu của Barbier, Louis trình bày phương thức của mình. Nhưng càng giải thích, Louis càng cảm nhận rằng ông Barbier không mấy tin tưởng ở hiệu năng của phát minh này. Căn bản trong phương pháp của Louis là phải có tính nhất quán trong cách dùng những dấu chấm nổi để biểu hiện chữ viết. Như vậy mới đọc được sách và viết ra những gì mình nghĩ và có được nhiều sách cho người mù đọc.

Giống như nhiều người khác thời bấy giờ, Barbier thương xót người mù

thì có nhưng không chịu nghĩ rằng họ cũng thông minh như người sáng mắt. Theo Barbier, những người khuyết thị phải biết thỏa mãn với những gì đơn giản đủ để đọc văn thư, chỉ thị, chớ đòi hỏi đến chuyện đọc sách mà làm gì. Cho nên sau khi Louis trình bày xong, Barbier chỉ gợn gàng kết luận một cách chung chung:

- Nghe cũng có lý, nhưng để tôi xem lại đã.

Qua thái độ tự tôn tự đại và lạnh nhạt mà Louis gián tiếp cảm nhận từ Đại úy Barbier, cậu biết rằng ông ta sẽ chẳng giúp đỡ được gì. Louis nhất quyết sẽ đạt cho bằng được kết quả một thân một mình. Cậu dành hết thời gian và hy sinh tất cả cho công cuộc tìm tòi của mình, đôi khi quên cả ăn, ngủ. Trong lúc nghỉ hè ở quê nhà cũng như trong Học Viện, nỗi đam mê của Louis thường là mục tiêu châm chọc của bạn bè. Nhưng không vì thế mà cậu nản lòng bỏ cuộc.

Sau nhiều năm suy nghĩ, Louis thấy rằng phương pháp chữ ban đêm của Đại úy Barbier đặt cơ sở trên âm thanh, mà ngôn ngữ Pháp thì có không biết bao nhiêu là âm thanh, nhiều khi phải mất hàng trăm dấu chấm nổi mới biểu thị được một từ đơn giản. Như vậy sẽ có quá nhiều dấu chấm nổi, làm sao dùng ngón tay để đọc cho được! Vậy tại sao không chuyển chữ cái thành những dấu chấm nổi? Chỉ cần tạo ra 26 mẫu tự bằng dấu chấm nổi rồi từ đó ráp nối lại thành từ như chữ cho người sáng. Một phát hiện thực giản dị nhưng trước giờ không ai nghĩ đến.

Trước tiên, Louis làm 6 dấu chấm nổi trên giấy mà cậu gọi là một đơn vị, mỗi dấu được đánh số từ 1 đến 6, từ trên xuống dưới, cột trái xong đến cột phải. Dấu chấm số 1 là A, dấu chấm 1 và 2 là B, 1 và 4 là C, v.v...

	A	B	C
0 0	1 0 0 4	0 0	0 0
0 0	2 0 0 5	0 0	0 0
0 0	3 0 0 6	0 0	0 0

Louis đi từ A đến Z theo phương cách đó và cuối cùng cậu tìm được toàn bộ bảng mẫu tự cho người mù.

Ở tuổi 15, Louis Braille đã thực hiện ước mơ của mình đồng thời là một phát minh hữu ích cho những người có cùng hoàn cảnh với cậu. Toàn bộ 26 chữ cái của văn tiếng Pháp được biểu hiện bằng vòng vắn 6 dấu chấm nổi sắp xếp theo nhiều hình thức khác nhau! Thật là đơn giản nhưng vẫn cần có người nghĩ ra, như cách dựng đứng quả trứng của Christophe Colombe!

Louis kết thúc sự tìm tòi của mình trong những ngày hè ở Coupvray. Cậu nôn nóng mong đến ngày tựu trường để thăm dò phản ứng của bạn bè về hiệu năng của những chữ cái vừa tìm được. Phản ứng của các bạn khích lệ Louis rất nhiều. Mọi người vui vẻ và thích thú với phương cách Louis vừa tìm ra vì nó giản dị, dễ sử dụng, rất gọn, có thể dùng để viết, để ghi chép lời giảng của giáo sư và đọc lại. Nhất là với những mẫu tự đó, người mù sẽ có nhiều sách để đọc.

Phát minh của Louis làm cả Học Viện xôn xao bàn tán, đến tai ông hiệu trưởng Pignier. Ông gọi Louis lên để tìm hiểu. Trước tiên, Louis yêu cầu ông hiệu trưởng thử đọc lên một điều gì đó cho Louis ghi lại bằng những chữ văn vừa được phát minh. Sau khi ông hiệu trưởng dứt lời, Louis lật ngược tờ giấy, lấy ngón tay mò mẫm rồi đọc lại. Rất đỗi ngạc nhiên và càng ngạc nhiên gấp bội khi ông biết rằng Louis mới có 15 tuổi!

Louis rất hãnh diện trước phản ứng của thầy hiệu trưởng nhưng không khỏi thất vọng khi được bảo cho biết, với tuổi còn quá trẻ, phát minh của Louis không dễ gì được chấp nhận nhanh chóng để áp dụng vào việc in sách như cậu muốn. Học Viện là một cơ quan hiện hữu nhờ lòng từ thiện của bá tánh thì làm gì có đủ tiền làm sách cho học sinh mù! Ông hứa sẽ can thiệp với những nhà hảo tâm nhưng cũng khuyên Louis là không nên kỳ vọng quá nhiều. Nhất là đừng nôn nóng vì mọi việc đều đòi hỏi thời gian.

Thời gian trôi qua, phát minh của Louis vẫn phải chờ đợi trong khi Louis và bạn học của cậu hàng ngày đã chứng minh công dụng của loại chữ mới này qua thực tế. Ba năm sau ngày phát minh và với số tuổi 19 tuổi, Louis mãn khóa học thật xuất sắc và được giữ lại Học Viện để dạy học. Louis tiếp nhận nhiệm sở với nhiều thích thú vì đây là cơ hội để cậu thực hiện ước mơ của mình là đưa những chữ cái bằng dấu chấm nổi vào thực dụng.

Là một giáo sư tận tâm và nhiều tình cảm, Louis hết lòng dạy dỗ không nề hà công sức và thời gian. Ngoài ra, Louis còn say mê dương cầm, sau đó là đàn ống. Năm 1833, Louis được bổ nhiệm làm nhạc sĩ đàn ống giáo đường Thánh Nicolas-des-Champs của thành phố Ba-Lê, một trong những nhà thờ lớn của thủ đô. Louis có thể nổi danh nếu chỉ chuyên chú vào âm nhạc nhưng không vì thế mà Louis quên đi điều quan trọng nhất là những mẫu tự bằng dấu chấm nổi. Cậu đẩy mạnh phát minh của mình sang việc ghi các nốt nhạc và số. Louis dành nhiều thời gian vào việc chuyển một số sách trong thư viện nhà trường sang loại chữ mà Louis đã phát minh.

Vừa dạy học, vừa đánh đàn cho nhà thờ lại còn "in sách" cho học sinh mù nên chẳng bao lâu sau Louis mắc phải chứng bệnh nan y thời bấy giờ: bệnh lao phổi! Năm đó Louis 26 tuổi. Có nghị lực từ tám bé, Louis quyết tâm phấn đấu chống lại căn bệnh ngặt nghèo. Lần hồi Louis cũng lướt qua được dù rằng cơn bệnh không bao giờ dứt hẳn. Louis nghĩ rằng nếu có chết đi nữa thì những mẫu tự bằng dấu chấm nổi cũng phải được phổ biến vì đó là một phát minh thực dụng.

Sau những lần khuyên nhủ hoài công, ông hiệu trưởng bắt đầu hợp tác với Louis. Với tiền dành dụm được, ông Pignier cho in quyển sách trình bày phương pháp ghi lời nói, âm nhạc dành cho người khuyết thị bằng chữ văn của Louis. Quyển sách được gửi tặng nhiều nhân vật quan trọng và giàu có với hy vọng là sẽ được nâng

đỡ. Thế nhưng, đáp lại chỉ là những lời cảm ơn chiếu lệ! Louis không nản chí. Vốn là người kín đáo, không thích chuyện gẫu nhưng trong những năm đó, Louis không quản ngại đem các chữ bằng dấu chữ nổi ra trình bày để mong được bảo trợ hay tiếp tay phổ biến.

Đến năm 1841, một sự việc không may xảy đến cho Louis. Ông hiệu trưởng Pignier, người tán đồng phương pháp của Louis, phải rời nhiệm sở, nhường chỗ cho ông Dufau, một hiệu trưởng rất bảo thủ, không thích những gì mới và khác biệt. Rồi bệnh của Louis lại tái phát trầm trọng khiến anh phải về quê tĩnh dưỡng. Sáu tháng sau trở lại trường thì ông hiệu trưởng Dufau đã lợi dụng sự vắng mặt của Louis, cấm tiệt việc dùng chữ chấm nổi ở bất cứ nơi nào trong Học Viện. Sách do Louis chuyển sang hệ thống chữ viết của mình đều bị thiêu hủy toàn bộ! Nghe được, Louis thất vọng vô cùng. Thế nhưng, bạn bè Louis vẫn lén lút sử dụng mẫu tự đó. Đêm đêm trong phòng ngủ, phương pháp viết chữ của Louis được học sinh cũ truyền bá cho học sinh mới.

Một số lớn các giáo sư sáng mắt cũng kết bè với ông hiệu trưởng để tẩy chay phương pháp của Louis vì họ đọc được chữ thường và lười học loại chữ mới. Họ sợ một ngày kia, khi phương pháp chữ mới được phổ biến rộng rãi thì sẽ có những giáo sư mù và do đó họ sẽ mất việc!

Một ngày kia, Joseph Gaudet, một giáo sư mới, về giảng dạy ở Học Viện. Thức thời và cởi mở hơn, Gaudet góp ý với ông hiệu trưởng:

- Ông cấm học sinh sử dụng chữ đó thì đâu có gì khó khăn trong lúc này. Nhưng rồi ông sẽ thấy, một ngày nào đó toàn thể những người mù sẽ sử dụng loại mẫu tự của Louis Braille nhờ tiện dụng. Nếu ông tạo điều kiện cho chữ này được phổ biến rộng rãi thì nhất định là ông cũng sẽ được tiếng.

Nghe lọt tai và cũng quá mệt mỏi với việc bài trừ không thành công,

ông hiệu trưởng Dufau đổi ý, cho phép học sinh sử dụng trở lại chữ Louis Braille.

Nhân dịp lễ khánh thành ngôi trường mới, có sự tham dự của đông đảo quan khách và thân hào nhân sĩ, ông hiệu trưởng giới thiệu luôn hệ thống chữ Louis Braille. Kèm theo là chứng minh công dụng của hệ thống chữ này. Ông hiệu trưởng đọc cho một bé gái mù ghi bằng chữ Braille. Sau đó, dùng ngón tay mò mẫm, bé gái đọc lại những gì vừa ghi. Trong sự tán thưởng của khán giả có pha chút hoài nghi, cho rằng màn trình diễn đã được ngụy tạo. Ông hiệu trưởng lại gọi hai học sinh mù khác lên, một ngồi tại chỗ và một lách mặt vào hậu trường. Ông mời bất cứ một người nào lên chọn bất cứ quyển sách nào đó đọc cho học sinh kia ghi. Sau đó ông hiệu trưởng gọi học sinh mù từ hậu trường ra và đọc lại những gì đã được ghi. Kết quả không còn gì đáng nghi ngờ nữa. Cuộc chiến đấu của Louis Braille đã kết thúc một cách thắng lợi.

Nhưng cuộc chiến đấu của Louis chống lại bệnh lao lại trên đà đi xuống! Năm 1884, ở tuổi 35, Louis già từ bực giảng ở Học Viện để dưỡng bệnh. Quá trình kế tiếp của hệ thống chữ Louis Braille được những người khác đảm nhận, trong đó có cả những người quyền thế. Học Viện càng ngày càng nhận được nhiều thư yêu cầu cho biết những chi tiết về văn viết bằng dấu chấm nổi. Người ta bắt đầu gọi đó là "Mẫu tự Braille". Một số giáo sư cho áp dụng mẫu tự này tại những trường học khác dành cho người mù. Năm 1847, người ta làm ra chiếc máy in "Mẫu tự Braille" đầu tiên. Từ đó, việc in sách bằng chữ dấu chấm nổi được thực hiện một cách công nghiệp. Trên giường bệnh, Louis vẫn tiếp tục làm việc hữu ích cho những người mù đến ngày cuối cùng.

Louis Braille từ trần ngày 6 tháng Giêng năm 1852. Lúc đương thời chẳng bao nhiêu người biết Louis Braille nên khi ông rời trần thế chẳng có tờ báo nào đề cập. Nhưng ngày

nay, tên tuổi ông được toàn thể thế giới biết đến. Là một nhà giáo nghèo nhưng ông đã tặng cho những người khuyết thị trên địa cầu một món quà quý giá. "Mẫu tự Braille" tiến bước trên toàn thế giới, ban đầu e dè nhưng càng về sau càng mạnh mẽ. Vô số sách đã được xuất bản với "Mẫu tự Braille", một loại văn được áp dụng trong nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau, thậm chí cho cả tiếng Trung Hoa nữa.

Sau ngày chết của Louis Braille 6 năm, trường học đầu tiên dành cho người mù ở Hoa kỳ bắt đầu áp dụng những chữ cái của ông. Trong 30 năm sau đó, hầu hết các trường mù Âu châu đều sử dụng "Mẫu tự Braille".

Ngày nay "Mẫu tự Braille" đã trở thành một công cụ hữu ích cho người khuyết thị. Với 63 cách kết hợp những dấu chấm nổi, người mù không thấy thua kém người sáng bao nhiêu trong sinh hoạt trí óc. Tốc độ "đọc" bằng ngón tay của người mù có thể lên đến 150 từ trong 1 phút. Ngày nay, với máy vi tính, người ta có thể viết cho người mù đọc mà không cần biết văn Braille. Nhờ những tiến bộ của điện tử mà người ta có thể chuyển những bản văn chữ in hay chữ đánh máy thành chữ Braille một cách dễ dàng (máy đọc "Delta"). Và còn rất nhiều sưu tầm đang hứa hẹn cho những người khuyết thị trên căn bản của văn Braille.

Năm 1887, dân chúng Coupvray dựng một tượng đài kỷ niệm Louis Braille tại một công viên của thị xã. Trên một mặt của tượng đài bằng đá hoa có ghi giòng chữ: "Người khuyết thị ghi ơn Braille". Mặt bên kia là tượng chạm nổi cảnh Braille hướng dẫn một em bé đọc bằng ngón tay. Và công trường có tượng đài, nơi Louis vui chơi thuở ấu thơ, mang tên ông.

Nhân lễ kỷ niệm một trăm năm ngày Braille qua đời, ngày 22 tháng 6 năm 1952, di hài của Louis Braille được long trọng chuyển đến điện Panthéon của Ba-Lê, nơi yên nghỉ của những danh nhân nước Pháp. Một công nhận dù muộn màng nhưng có còn hơn không. ●

Ừ Thôi, Kiếp Sau

Hoàng Nga

*Ừ thôi kiếp sau em nhỏ,
Hẹn về đón bụi mưa bay*
(Phan Các Chiêu Hằng)



- Chị tin có kiếp sau không?
- Chắc không quá... Bộ Hùng tin là có à?

Hùng im một hồi:

- Đúng ra là không. Nhưng đành phải tin để đỡ thấy buồn.

Tôi ngồi im, hướng mắt nhìn ra con đường trước doanh trại của Hùng. Con đường tro troi không hề có một bóng cây và vắng lặng như chưa bao giờ có bước chân người qua lại. Nắng gắt gay, cháy bỏng, dữ dội đổ xuống những vạt cỏ vàng úa, rập lá ngả nghiêng, xơ xác trên cánh đồng hoang vu trước mặt. Đây đó chỉ còn

chơ vơ những nhánh bông cỏ gầy guộc đang độ khô hạt, cố vươn mình lên trời, như để chờ những cơn gió về thổi đi xa. Hùng bảo ở đây chiều nào cũng có gió.

- Chỉ có gió, gió lộng.

Gương mặt Hùng khi nói câu ấy, bỗng trở nên đăm chiêu như đã biến đổi sang một người nào đó khác, khiến tôi phải cố giả giọng bông đùa:

- "Đường lộng gió thênh thang năm cửa ô", hay "một chiều rừng gió lộng một chiều rừng" hả Hùng?

Hùng cười. Ở một cái lán nào đó, phía sau lưng chỗ chúng tôi ngồi,

cũng bập bùng tiếng đàn guitare và giọng hát sâu đời của một anh chàng bộ đội mới vừa hết võ tiếng, đang vang vọng tới những lời tình ca trách cứ náo nức. Lần trước đi thăm Hùng, tôi trêu:

- Bộ đội cụ Hồ gì mà lại hát toàn những bài của lính Việt Nam Cộng Hòa.

Lần đó Hùng đóng ở Long Giao, trong một cái doanh trại buồn tênh, vắng vẻ, chung quanh chỉ có những cánh rừng cao su bạt ngàn, và bụi đỏ mù bay. Sáng tôi xuống sớm, sương mù còn giăng trên những chòm lá chum đầu thành vòng cung phía trên cao. Và ở dưới những con đường đất ngăn chia rừng cao su thành nhiều lô, vẫn còn chập choạng trong một màn khói mỏng, lạnh lạnh. Hai bên đường ngập cỏ xanh và lá bọ xít hắc mùi. Thỉnh thoảng một bầy muỗi dạn hơi người bay ra tán công tới tấp, rồi đột ngột lùi lại phía sau.

Tôi đã không thể nào tưởng tượng được Hùng có thể chịu đựng nổi sáu tháng ở quân trường Tân Vạn, nên càng không thể tưởng tượng Hùng sẽ trải qua những ngày dài buồn bã hiu quạnh ở Long Giao. Buổi trưa theo Hùng ra cái quán nước lụp xụp bên vệ đường, tôi lặng người ngồi nhìn ly nước chanh có màu vàng khè, mà không biết vì pha bằng cái thứ đường màu nâu xỉn cô chủ quán đựng trong cái keo thủy tinh luôn luôn có vài ba con ruồi xanh bu trên nắp; hay bởi vì cái thứ nước giềng kẹo quánh đất đỏ nơi ấy. Hùng kể cho tôi nghe, những hôm được nghỉ, không biết làm gì và giải trí bằng cách nào, cả bọn chỉ còn biết tụ ra ngoài ghẹo cô chủ quán, và phụ với cô hứng đám bụi mù do những chiếc xe than ỳ ạch chạy qua làm tung lên.

Mấy người bạn của Hùng đùa với tôi, gọi đó là miền đất vĩnh hằng, nơi mà buồn vui đau khổ sung sướng đều bị bắt buộc phải có giá trị ngang nhau để không thể so bì hơn thiệt, và để đỡ tủi thân. Người nào cũng than cô đơn, và nhớ nhà. Người nào cũng bảo chắc sẽ trốn về thành phố... Vậy mà khi nhận được thư Hùng từ một nơi có cái

hòm thư lạ hoắc, nghe Hùng nói những trạm dừng chân trước đây hoàn toàn chẳng thấm thía gì so với nơi mới tới, tôi ngẩn người. Hùng viết, "rừng núi Đồng Nai chỉ dọa được những người dân đi phu thời Pháp thuộc, nhưng rừng núi ở nơi đây mới giết chết được tất cả mọi người, kể cả những con người dám vỗ ngực xưng mình dũng cảm". Tôi viết thư cho Hùng bảo sẽ đi thăm Hùng một lần cho biết, nhưng Hùng cản, bảo đừng.

Hùng bảo đừng, bởi vì nơi Hùng đóng quân lần này, chỉ cần vài ba cái chớp mắt là tới biên giới. Tới biên giới. Tới núi rừng bưng biền lạnh lẽo, tới một nơi tiếp giáp với cái xứ sở có những địa danh không còn lạ tai với người phía bên này, nhưng luôn luôn làm gây xương sống, lạnh cả vai khi có người nhắc đến. Những Bát Tam Bang, Xiêm Rệp...; những chum, những sóc vô danh trên bản đồ, đầy đầy những ông thần chết lúc nào cũng hoan hỉ giơ lưỡi hái đứng đợi; những con đường mòn giăng đầy các quả bom bi nhãn hiệu Trung Quốc, sẵn sàng nổ tung, cắt cụt đôi chân người nào đó vô tình dẫm qua. Lúc ngồi trên xe, mới chỉ bắt đầu thấy những cây thốt nốt cao vút xuất hiện ngoài khung cửa sổ, bắt đầu nghe đến những cái tên đất vốn rất hiền hòa, như Trảng Bàng, Gò Dầu, Tây Ninh, Bà Đen... văng vẳng bên tai, mà tôi đã cảm nhận ra cái bất an, lo lắng đang rờn rợn đưa lên khắp nơi trên người.

Hùng ngồi im, nhìn ra ngoài cổng doanh trại với tôi một lát, rồi nhỏ giọng hỏi:

- Thành phố có gì lạ không chị?

Tôi không quay lại nhìn Hùng, không muốn trả lời một câu buồn bã, nên lại tiếp tục cái giọng bông đùa của mình:

- Nghe Hùng hỏi mà có cảm tưởng như ông Nguyễn Sa đang hỏi Paris có gì lạ không.

Tiếng cười Hùng ngập ngừng vỡ ra, rồi một giọng nói quen thuộc, ấm cúng nhưng lúc nào cũng như có chút trúc trắc vang lên bên tai tôi:

- Hùng nhớ ông Nguyễn Sa hỏi đúng văn phạm, viết hết câu, và có túc từ đằng hoàng nữa chị Nghi à.

Tôi bật cười. Cười cái giọng vui gượng kéo mà, rồi lại làm thinh vì không biết sẽ trả lời Hùng như thế nào cho khỏi có cảm tưởng mình giống một con thú vừa bị sập bẫy. Tôi băng quơ rời mắt khỏi cổng doanh trại, ngó loanh quanh một hồi. Cái không gian ở nơi nào Hùng bị chuyển đến cũng đều hiu, tẻ ngắt như nhau. Cũng chỉ những rừng cây cao su bạt ngàn đây đó, cũng chỉ những con đường đất đỏ bụi mù, cũng chỉ những cơn mưa tầm tã và những ngày nắng hạn gắt gay. Những Long Giao, Xuyên Mộc, Phương Lâm... Và rồi, nơi đây, Trảng Lớn, Dầu Tiếng, Dương Minh Châu...

Tôi nuốt nước bọt, cố trở lại chuyện cũ, bằng một giọng hết sức bình thường:

- Sài Gòn, có gì mà lạ hả Hùng? Thì vẫn những chộn rộn trong cái chộn rộn có thể. Vẫn những yên ắng trong cái yên ắng bất buộc.

Hùng so vai ngồi im. Tôi đùa:

- Hay là Hùng muốn hỏi người ta có còn bị gọi đi nghĩa vụ nữa hay không?

Hùng cười không ra tiếng, rút điều thuốc lá, trở phía đầu lọc, gõ gõ lên mặt bàn, nhưng mãi, vẫn không có ý đốt lên. Lát sau Hùng đột ngột nói, giọng đều đều:

- Hôm nọ nghe bài "xa thành phố yêu dấu" trên đài FM, tự dưng không muốn mà Hùng vẫn thấy buồn làm sao đâu.

Tôi hỏi:

- Bài hát hay không?

Hùng lắc đầu:

- Cũng thường. Nhạc tuyên truyền mà, nhưng câu mở đầu, nghe ngậm ngùi, *xa thành phố yêu dấu, trái tim tôi không chia là...*

Tôi nhớ hồi Hùng còn ở Tân Vạn, có lần tiễn tôi xuống bến đò về Biên Hòa, Hùng có nói với tôi, nếu chẳng may, mai kia phải nằm xuống ở một nơi nào đó, đầu quê hay tỉnh, thành phố hay bưng biền, đối với Hùng, cũng chẳng có gì khác biệt, cũng đều giống hệt như nhau. Hùng nói:

- Trong tư thế của tụi Hùng hiện giờ, là nằm chờ người ta đẩy mình đến gần với cái chết. Là không biết khi nào người ta sẽ "nổ húng" thì mình như thì một con xe, con pháo trên bàn cờ trong khi mình hoàn toàn chẳng có cách gì để cưỡng lại được. Trốn, chị biết đó, bản thân tụi Hùng, nếu có khổ thì chắc cũng không khổ hơn lúc ở quân trường. Cũng không thể nào khổ hơn ở đây. Vậy mà trốn, có nghĩa là thân nhân mình cũng có "cơ hội" lao vào cái "cuộc nhân gian" lao đao, khốn đốn với mình.

Hùng cười buồn. Giọng đứt quãng. Người nhà... Tôi tình gì... Khổ nhiều đó... Đủ rồi chứ... Hả chị? Tôi làm thinh không trả lời. Hùng thả mắt xuống giòng nước sông Đồng Nai nhờ nhờ đục, lẫn lẫn những con sóng nhỏ quanh bờ:

- Đối với những thằng lính bất đắc dĩ như tụi Hùng, tất cả những cái chết sẽ đến khi tại ngũ như thế này, thì dầu có quàn quai, đau đớn, hay suôn sẻ, nhẹ nhàng đi nữa, cũng đều là những cái chết lãng nhách, vô giá trị. Đã chẳng bảo vệ được ai, mà cũng chẳng mệnh danh được điều gì. Vì thế, chết bằng cách nào, chết ở đâu, cũng vậy thôi, chị Nghi à. Tụi Hùng vẫn hay đùa với nhau, rớt cuộc lại, chỉ còn một điều đáng để quan tâm khi phải nằm xuống vĩnh viễn vào lúc này, là cái thằng người chết ấy đã biết yêu hay chưa, và trái tim nó có chỗ nào để chôn hay không mà thôi.

Hôm ấy tôi đã không dám nói với Hùng câu nào. Chỉ lặng yên bước xuống đò. Cũng không dám quay đầu vẫy tay chào Hùng. Suốt trên đường về, lòng tôi bồi hồi, xốn xang một cách khó chịu. Tôi biết thật rõ mình cũng thiết tha muốn náu con tim xuống, chôn ở một nơi thật đáng chôn, nhưng chắc chẳng bao giờ tôi dám làm điều đó.

Chiều, tự dưng Hùng đổi ý, bảo tôi không nên ngủ lại ở cái nhà khách lạnh lẽo của doanh trại mình, rồi lên văn phòng xin phép A trưởng đưa tôi ra Tây Ninh. Hùng bảo:

- Hùng đổi một ngày phép, lấy

một buổi tối.

Tôi hơi hoảng hốt không biết Hùng sẽ đưa tôi đi đâu nhưng không dám hỏi. Mãi đến lúc ngồi sau lưng Hùng, trên chiếc xe Honda 67 xấp xe Hùng mượn được của ai đó, chạy được một quãng, tôi mới e dè hỏi nhỏ:

- Hùng có nhà người quen ngoài Tây Ninh không?

Hùng cười, câu trả lời bật trong tiếng gió:

- Hùng có bắt chị ngủ bờ ngủ bụi đâu mà lo.

Trời ơi. Tôi đâu có lo cái bờ cái bụi ấy. Mà tôi chỉ sợ một chỗ trú đằng hoàng! Tôi nhìn lên cái gáy tóc ngắn cùn của người con trai đằng trước mặt, loay hoay tìm một lời để diễn tả những suy nghĩ của mình mà không làm cho người ấy giận, nhưng mãi vẫn không được. Mấy năm nay, Hùng thường hay nói, chỉ cần một chiều trong quán nước, một buổi tối đi coi xi nê, hay văn nghệ văn gừng gì đó với tôi, là đủ. Vừa đủ.

Mấy năm liền, vẫn chỉ là như thế, giữa tôi với Hùng. Cái quan hệ thăm thiết vừa đủ, ân cần vừa đủ, và xót xa cũng vừa đủ. Có nhiều lần day dứt, tôi đã quyết chí sẽ không bao giờ gặp

Hùng nữa. Quyết chí để cái quan hệ giữa mình và người con trai ấy tàn lụi đi. Nhưng rồi lần nào sau đó cũng có những cơ duyên, những run rủ, để tôi và Hùng lại gặp gỡ nhau. Lần trước, tôi ốm nặng. Và lần này, Hùng bị gọi đi bộ đội. Cái cố, thật tròn trịa, dẫu chua xót. Cái cố, thật xác đáng, dẫu đắng cay.

Chiếc xe chạy vượt qua những rẫy mía, rồi xuống hục, lên dốc trồng trà. Trước khi nổ máy, Hùng có bảo tôi phải ngồi thật cẩn thận, nhưng lúc con ngựa già vận mình rú lên những tiếng diếc tai, là tôi vẫn phải ngã chúi về phía người con trai. Tôi đặt cả hai tay lên vai Hùng, để mặt tôi sẽ úp vào đó khi xuống dốc. Lúc đã vượt được một đoạn khá xa, và con đường đã bớt hục hang, Hùng nghiêng đầu lại phía tôi, nói:

- Khuất núi rồi đấy nhé!

Tôi không hiểu nên hỏi lại:

- Hùng nói cái gì?

Hùng phì cười:

- Ở đây tụi nó hay giễu, ra tới Tây Ninh là có thể tuyên bố vợ hoặc người yêu mình đã khuất núi.

Tôi bật cười theo Hùng:

- Khuất núi Bà Đen hả?

Hùng gật đầu. Tôi quay lại, nhìn những rẫy chuối bạt ngàn xanh ngắt nằm trên sườn núi ở phía sau, bỗng dưng vài ý nghĩ vẩn vơ lại hiện ra. Ngày mai tôi về Sài Gòn, còn Hùng về lại doanh trại, thì giữa tôi và Hùng, không biết ai sẽ là người khuất núi...

Chạy ra đến Long Hoa, Hùng mới bảo sẽ đưa tôi đến một nhà người quen, rồi sau đó sẽ đưa tôi đi thăm Tòa Thánh cho biết. Tôi ậm ừ. Lơ mơ tưởng tượng đến những khuôn mặt người sắp được gặp, và sự quan hệ giữa Hùng với họ. Một lát, tôi bỗng đâm ra lo thăm trong bụng vì không biết mình sẽ xưng hô và cư xử với họ như thế nào cho thích hợp. Thưa anh, thưa chị, thưa chú, thưa bác... Không biết Hùng sẽ giới thiệu tôi là gì của Hùng. Bà chị. Chị của thằng bạn. Hay người quen ở Sài Gòn? Và như thế, không biết rồi sẽ có ai trong số những người ấy thắc mắc vì sao cái bà chị, chị của thằng bạn hay một người quen nào đấy, mà lại chịu khó lặn lội đi thăm Hùng ở tận nơi này?

Nhưng khi ra đến nơi, tôi mới vỡ lẽ, ngôi nhà Hùng đưa tôi đến, chỉ có một bà cụ già. Và khác hẳn với điều tôi đã tưởng tượng, bà cụ chẳng thắc mắc, cũng chẳng tò mò hỏi tôi là ai. Ngược lại, cả hai người đã làm tôi ngạc nhiên vô kể khi xưng hô má, con với nhau. Tôi chưa bao giờ nghe Hùng nhắc đến bà cụ. Cũng chẳng hiểu vì sao Hùng có được cái quan hệ này. Mãi khi ra khỏi nhà, Hùng mới kể cho tôi nghe, Hùng biết bà cụ trong một chuyến xe lười từ bến xe Tây Ninh về Long Hoa. Giọng Hùng buồn buồn:

- Bà cụ cứ nhìn Hùng mãi, rồi bảo Hùng có cái dáng y hệt người con trai của mình. Lúc đầu, nghe, Hùng chỉ cười, vì nghĩ câu chuyện nào của các bà cụ cũng giống nhau. Nhưng đến khi xuống xe rồi, dợm chia tay, lại nghe bà cụ nhắc một lần nữa. Rồi lại thấy bà cụ khuôn vác nặng, mà không có cái anh con trai nào đó giống hệt mình giúp một tay, Hùng hỏi ra, mới biết bà cụ chẳng còn ai.

Hùng thở dài:

- Hôm đó Hùng vác hộ mấy ký

một thoáng đời qua

Mỗi năm nhớ lại ngày quân lực
Chiến sĩ già, thêm tiếng thở dài.
Bạn hỏi sao mình không giữ được
Quê hương, phát phối ngọn cờ bay?

Đã nhập chung đoàn quân thuở ấy
Trong ngày Quân Lực diễn hành xưa
Giờ đây nhìn lại ta ngày trước
Sao thấy ánh mờ như có mưa!

Rầm rập hợp đoàn vào phi tiễn
Nhảy dù, thủy, lục, pháo... thân thương.
Ngờ đâu thoáng chốc thành hư ảo
Bạn hỏi về đâu những nẻo đường?

Bạn hỏi mỗi năm mòn nước mắt
"Cho người nằm xuống" xót xa đau
"Người mang tên Quốc" vào quân sử
Một cuộc bể dâu chín nổi sầu.



Ta đã tiếc vì thêm chút máu
Cho người bạn cũ chiến trường xa
Gio Linh, Quảng Trị, đồn Tân Cảnh
Để đón đau hơn lúc đứt lìa.

Nếu có cách chi làm lại được,
Vẫn là chiến sĩ của ngày xưa
Không thù không oán không hờn trách,
Giữ vững quê hương dưới bóng cờ!

t.t mây trên ngàn

gạo về nhà cho bà cụ. Vài hôm sau được nghỉ, tự đứng lại muốn ra thăm, để xem bà cụ có cần giúp đỡ gì không, mới thấy hoàn cảnh của bà cụ thật tội nghiệp. Bà cụ bảo nhận Hùng làm con nuôi, nhưng Hùng không biết là Hùng đang thế chỗ cho người con nào, trong số hai người chết trận trên hai chiến tuyến khác nhau trước 75 ấy. Hay là thế chỗ cho người cháu nội mới vừa tử thương ở chiến trường Cam Pu Chia cách đây vài tháng.

Người tôi gây gây lạnh. Một tấm bằng tổ quốc ghi công. Hai tấm bằng liệt sĩ. Nhà bà má nuôi của Hùng tro tro một gian, nền gạch đỏ ứa, nham nhở những vết nứt trên tường. Phía trước chỉ có một bàn thờ nhỏ, một tấm phản gỗ cũ, và ở phía sau chái, một chiếc giường tre ọp ẹp, dăm ba cái khạp nhỏ xúu đựng gạo, đựng mắm. Mấy cái gióng đan bằng mây, treo toong teng trả cá kho, nồi cơm nguội để tránh những chú mèo hoang đi ăn vụng. Tự đứng tôi nghe buồn đến nẫu ruột nẫu gan. Thảo nào Hùng đã không muốn tôi đến nơi này thăm Hùng. Tôi nói với Hùng lúc đi dưới những con đường thẳng tắp, sạch sẽ và mát rượi bóng cây trong khuôn viên Tòa Thánh:

- Con người, sống là phải chiến đấu với mọi gian nan thử thách của cuộc sống, là phải chịu đựng những cam go khổ ải của cuộc đời, đến nỗi có nhiều lúc chỉ muốn trút hết mọi sự xuống cho rãnh nợ, vậy mà khi nhắc đến cái chết, đối diện với cái chết, hầu như người nào cũng thấy run sợ như nhau.

Hùng bật cười, ngược mặt lên nhìn vòm cây cao trên đầu. Lát sau Hùng quay sang tôi:

- Chị nghĩ thế nào, nếu nghe câu trả lời như thế này, sở dĩ người ta sợ cái chết, là vì người ta còn mong mỏi, còn muốn đi tìm một cái gì đó đang hiện hữu trên trần gian, mà nếu chết đi, thì vĩnh viễn chẳng bao giờ còn cơ hội để nắm bắt nữa?

Tôi hỏi lại:

- Vậy Hùng nghĩ thế nào về những người chẳng đi tìm, chẳng mong mỏi điều gì ở trần gian này mà vẫn sợ cái

chết?

Hùng nhấp nháy mắt:

- Mỗi người có một lý do riêng để sợ tử thần. Cũng có người chẳng có lý do gì hết mà vẫn sợ, cứ như thấy người khác sợ mà mình không sợ thì không... chắc ăn!

Tôi phì cười. Hùng tiếp, như trêu tôi:

- Sống, luôn luôn có nhiều hứa hẹn chị Nghi ạ. Trong khi đó, chết, thì chỉ trừ Kinh Thánh của chị hứa hẹn một thiên đường hoa mộng, còn lại, chả thấy ai nói đến những thứ hấp dẫn ở bên kia cuộc đời, mà chỉ nói, chết là hết, là mất trọn. Hơn nữa, nếu không có ý định quyên sinh, thì cái chết thường xảy ra rất đột ngột, và bất ngờ, cũng như không ai có thể nào đoán biết được thời gian, không gian và phương cách cho lần ra đi vĩnh viễn của mình như thế nào, cho nên người ta sợ là phải thôi chứ chị.

Tôi định hỏi Hùng có sợ không, nhưng dừng lại kịp thời. Chúng tôi lại im lặng đi bên nhau dưới con đường rợp bóng mát và thẳng tắp như hình vẽ. Mặt trời dường như đã bị đẩy lùi đi rất xa, để cái nắng gắt gay chỉ còn sót lại vài đốm nhỏ thấp thoáng trên mặt đường, xuyên qua những tàn lá lác lác, chao động phía trên cao. Gió bắt đầu dịu xuống, hiền hòa mơn man trên cánh tay tôi như muốn gọi cho tôi cái cảm giác thanh bình, nhàn nhã. Nhưng đầu óc tôi chỉ lẩn quẩn cái hình ảnh đìu hiu, cô quạnh của vùng rừng núi chỗ Hùng đóng quân. Tôi thở dài, cố nhớ đến những con đường tôi và Hùng đã đi, nhớ đến những quán cà phê chúng tôi vẫn thường ngồi, để lấn áp cái cảm giác buồn bã, âu sầu đang hiện diện, mà cứ nghe lòng nặng trĩu, tối ám.

Lúc này Hùng hỏi tôi thành phố có gì lạ. Cái thành phố, nơi tôi sống qua nhiều năm với nhiều kỷ niệm, nhưng cũng là nơi tôi đang chờ ngày rời khỏi, lìa xa. Cái thành phố, có gì lạ hay không, tôi có để ý tới bao giờ. Mà chỉ thấy ở đó những sáng những chiều buồn thảm, những nhịp sống hối hả không bình thường mỗi mẹt đang trôi qua. Vẫn chỉ là những sợ hãi, lo lắng

và bất an từng giờ. Vẫn chỉ qua được một ngày là mừng rỡ một ngày. Vẫn những oan khiên con người đang gánh chịu và những nhọc nhằn trĩu nặng trên đôi vai. Cái thành phố, thật sự nếu muốn nói có gì lạ, với tôi lúc này, chắc chỉ là sự vắng mặt của Hùng. Lạ, nếu có gì lạ, chỉ là nỗi ngậm ngùi ở trong tôi mỗi lúc một nhiều.

Đi gần hết con đường thẳng, chúng tôi đi vòng trở lại để không vượt quá xa chỗ để xe. Tôi khẽ liếc nhìn dáng Hùng to lớn đi bên cạnh. Nhìn đôi bàn chân với những ngón thon dài bị chần dưới quai dép cao su đen mà tự dung bỗng muốn thở dài. Hùng có vẻ phong sương đi nhiều so với những ngày ở Sài Gòn đã đành, mà cả với những ngày mới vào quân trường, hay mới về những đơn vị ở gần thành phố. Sáng nay lúc Hùng xuất hiện ở ngưỡng cửa nhà khách, với nước da đen bóng như một anh chàng người Thượng, tôi cứ sững sờ đứng ngó mà không nói được lời nào. Mãi sau cùng, khi Hùng làm một cử chỉ nghịch ngợm trêu tôi, tôi mới bật ra được một tràng cười. Hùng mặc một bộ quân phục màu xanh lá bạc phếch, luộm thuộm, đầu đội một cái nón kết nhỏ xíu, chặt cứng ngất, bó sát lấy mái tóc cắt ngắn cùn cốn với một miếng lưới trai trước trán cũng "hep hời" một cách tội nghiệp. Trông Hùng giống hệt như một anh chàng bất cần đời. Hùng bảo không ngờ người khách là tôi nên đã không thêm... xiêm y thay đổi. Hùng nói:

- Tụi nó chỉ báo là có khách, chả nói nam nữ gì cả.

Tôi nheo mắt:

- Bảo là "Hùng thi sĩ có người đến thăm" hả?

Hùng bật cười. Tôi kể cho Hùng nghe lúc tôi nói tên Hùng, anh chàng gác cổng đã hỏi tôi muốn thăm Hùng nào, Hùng nhí hay Hùng thi sĩ làm tôi phải ngẩn ngơ đi cả mấy phút. Hùng hỏi:

- Rồi chị trả lời với anh chàng đó như thế nào?

Tôi rụt vai:

- Hùng to con quá, chắc chẳng thể

là Hùng nhí được rồi, nên dĩ nhiên phải là Hùng thi sĩ!

Hùng lại cười, kể:

- Chiều, buồn, Hùng hay ra ngồi sau doanh trại, viết thư, đọc sách báo, cũng có khi ngồi yên một mình, trong lúc tụi nó đánh bài ÿ xèo, hoặc hát hò ồm tồm. Lúc đầu thì chỉ có một thằng gọi Hùng như vậy, sau cả doanh trại đều gọi theo.

Tôi tò mò:

- Bộ cái anh chàng Hùng kia còn quàng khăn đỏ hay sao mà lại có biệt danh Hùng nhí?

Hùng gật đầu:

- Thằng bé vừa nhỏ con vừa nhỏ tuổi. Mới đúng mười tám là đã bị tóm ngay vào đây.

Tôi ngồi im, mừng tượng ra khuôn mặt non nớt của người bạn đồng đội của Hùng, nhớ đến những ứng xử thật ngây ngô con nít của đám bạn trai mình thời còn đi học. Tôi chép miệng:

- Con trai, tuổi đó là vẫn còn nhỏ thật. Xa nhà, xa cha mẹ, chắc tội lắm Hùng nhí?

Hùng làm thinh. Lát sau Hùng kể:

- Hồi mới vào quân trường, Hùng bị chia nằm cạnh mấy thằng như vậy, tối nào cũng nghe có đứa thút thít khóc. Ăn uống, làm việc theo giờ giấc quy định, rồi học tập chính trị, sinh hoạt văn nghệ, nhất nhất đều phải do cấp trên chỉ định; cái gì cũng khác với ở nhà, cái gì cũng phải quán triệt đường lối và chính sách, khiến mấy thằng già đầu như Hùng mà còn chịu không muốn nổi thì huống gì tụi nó. Nhất là những tuần lễ đầu, vừa nhớ nhà lại vừa phải đi làm những công tác chưa bao giờ làm, như cày xới và gõ mìn ở những khu vực quân sự trước 75. Ngày nào cũng có đứa vì sợ quá mà tự làm mình bị thương, rách chân, rách tay lung tung... Nhưng Hùng nhớ nhất là cái thằng bé ở chung tiểu đội với Hùng. Tội nghiệp, nó đâm phải một que sắt nhọn, thủng một lỗ sâu hoắm ở bàn chân, máu chảy ra nhiều đến nỗi không cầm được, phải đưa đi nhà thương điều trị. Được vài tuần, nó xuất viện trở về giữa lúc tụi Hùng đã chuyển sang học

quân sự, nên cũng phải ra bãi tập mặc đầu chân vẫn còn đi cà nhấc. Tối lui chưa đầy bảy ngày, cái bàn chân nó lại sưng húp lên vì bị nhiễm trùng. Thế là lại phải chờ vào viện lần nữa. Đến lần này thì cu cậu được đi hơi lâu. Mãi cho đến hôm làm lễ ra trường mới thấy thằng bé cầm giấy phép của bệnh viện về trình diện với A trưởng. Tụi Hùng, đứa nào cũng tưởng nó sẽ được ở lại quân trường học thêm vài tháng vì thằng bé chưa biết tháo mở một khẩu súng cho ra hồn. Có đứa còn ganh tị và tự trách mình ngu, đã không bắt chước kẻ hoãn binh của thằng này...

Hùng bước chậm lại đôi giây, nhìn về phía cuối đường. Lát sau Hùng kể tiếp:

- Thế mà chị biết không, khi nghe đọc danh sách những thằng bị đưa đi biên giới, và đi Miên, tụi Hùng đã phải giật bắn người vì thằng bé này là một trong những đứa có tên gọi đầu tiên... Nhiều khi suy gẫm đến cái chết và cuộc sống như chị và Hùng vừa mới nói với nhau, Hùng vẫn tự hỏi, cái thằng bé mười tám tuổi, chỉ thoáng thấy con gái là đã vội đỏ mặt, mang tiếng ở quân trường sáu tháng nhưng không biết tháo kíp một quả lựu đạn, không biết sử dụng cây súng mình mang trên người như thế nào, giờ này có còn sống hay đã hóa thành người thiên cổ? Và nếu còn sống, thì không biết nó đã chịu đựng cuộc sống khùng khiếp ở bên ấy như thế nào, không biết nó có sợ chết đến điếng người như lần đầu tiên Hùng nghe một quả bom nổ gần ở chung quanh mình hay không?

Tôi lặng thinh. Câu chuyện kể của Hùng làm cái không khí chung quanh tôi và Hùng bỗng như nghẹn lại. Hùng vòng một tay ngang trước bụng, tay kia tựa lên trên, bàn tay áp vào má. Đôi mắt Hùng chùng xuống trên mặt đường trải nhựa phẳng phiu. Một vài chiếc lá úa vàng, nằm cong queo đây đó u buồn. Tôi không muốn hình dung, không muốn tưởng tượng, cũng không muốn nghĩ ngợi điều gì, nhưng trái tim tôi thắt chặt lại, tê tái khi nghĩ đến đời sống của những

người lính trẻ như Hùng thật chẳng khác gì những thân lá tàn tạ đang chờ ngày mục rữa. Tôi liếc khẽ nhìn Hùng, lòng quặn lên nỗi đau.

Chúng tôi trở lại chỗ để xe. Chiều đã tắt hẳn nắng. Bầu trời chỉ còn lại thứ ánh sáng trong vắt, thuần nhất một màu vàng óng ả. Tôi nghĩ đến chuyện mai một đây khi tôi bỏ cái thành phố đầy kỷ niệm ấy mà đi, như cái thứ ánh sáng tuyệt diệu của đất trời này bắt buộc phải lịm tắt, nhường chỗ cho bóng đêm đi về, thì Hùng sẽ có mặt ở nơi nào trên cái cõi đời này? Hùng sẽ còn hiện hữu, còn thở những hơi dài, hay sẽ tan vỡ, rã dần đi dưới một nắm đất buồn rầu nào đó trong rừng, bên kia biên giới mà chẳng chống thì chầy, người ta sẽ tàn nhẫn đẩy Hùng bước vào?

Buổi tối hôm ấy tôi ở lại với bà cụ trong căn nhà nhỏ một mình. Hùng về lại doanh trại sau khi đi ăn tối với tôi. Suốt một đêm, nằm trên tấm phản gỗ cũ kỹ, vắt tay lên trán nhìn lên đỉnh mùng tôi cố không nghĩ đến Hùng nhưng không được. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy mình bơ vơ tro trọi. Lần đầu tiên trong đời, tôi liên tưởng đến một cái kiếp sau nào đó như Hùng đã cố tin. Tôi thầm cảm ơn sự tế nhị của Hùng. Nhưng đồng thời tôi cũng nhận ra, Hùng đã biết chắc tôi không có đủ can đảm để cùng với Hùng nhảy xuống giòng Tiền Đường, cùng vượt qua chiếc cầu đoạn trường trầm luân khổ ải của kiếp này...

Tôi nghĩ đến sáng ngày mai giã từ Tây Ninh, Hùng sẽ đứng tro trọi một mình trên bến vắng, vẫy tay chào. Và tôi sẽ ngồi tro trọi trên chuyến xe đò về Sài Gòn. Lòng tôi héo quắt. Cái thành phố nơi tôi sắp về ấy, có lẽ sẽ chẳng có gì lạ. Tôi chắc cũng chẳng có gì lạ. Chắc sẽ cứ rưng rưng nước mắt mỗi bận nghĩ đến Hùng. Cứ mỗi mệt, khốn khó, lê lét từng ngày trong cái cõi nhân gian buồn chán này. Và rồi cũng cứ ao ước không ngừng một thứ hạnh phúc gụi găn, nhỏ bé, nhưng mãi mãi, sẽ chẳng bao giờ dám thốt nên một câu hò hẹn với Hùng, dù chỉ là câu, ừ thôi, kiếp sau em nhỏ... ●

Thuận cần nhân vợ:

- Em mặc chiếc áo gì trông giống như quả chuối biết đi.

Hiên quay lưng bước hấp tấp lên lầu, sau khi lúng túng nói:

- Anh không thích thì em lên thay chiếc áo khác.

Tôi nói vớ:

- Không. Tôi trông chị giống như một đóa hoa hướng dương của Van Gogh.

Đang lưng chừng ở cầu thang. Hiên quay lại nhìn tôi với ánh mắt dịu dàng, đầy thiện cảm. Tôi nói với Thuận khi Hiên khuất bóng sau bức tranh trừu tượng đầy màu nóng, treo lệch nơi vách tường. Bức tranh mà mỗi lần đến nhà Thuận tôi đều ghé mắt vào đó.

- Sao lúc nào cũng thấy ông chê vợ sát rạt vậy?

- Bà ấy chỉ thích những màu thật chói chang, tôi không chịu được. Đó, ông thấy không - Thuận đưa tay chỉ ngay bức tranh vừa nuốt đi bóng Hiên, giọng hậm hực - tôi chả hiểu ông họa sĩ ấy muốn nói cái gì cả, vậy mà vợ tôi lại thích nó mới lạ chứ. Bà ấy cố ý treo lệch như vậy để diễn tả cái cảm giác chông chênh gì đó của bà.

Tôi cười:

- Ông thay đổi rồi. Ngày xưa ông đâu có vậy.

- Ngày xưa mình mười chín, hai mươi. Khác chứ!

- Nhưng chị ấy vẫn không có gì thay đổi cả.

Thuận cau:

- Nói vậy có nghĩa là ông chê tôi già chứ gì?

Tôi cười thành tiếng:

- Không phải ông vừa xác nhận hay sao?

Hiên lại bước xuống thang lầu. Thuận bật lên tiếng thảng thốt:

- Chứa tôi. Cây Nô-en của ai mà chạy loạn trong nhà thế này? Còn nửa năm nữa mới tới lễ Giáng sinh mà em.

Tôi nhìn lên. Hiên mặc chiếc soiree dạ hội màu xanh lá cây. Chiếc áo kim tuyến lấp lánh dưới ánh đèn. Tôi không nhịn cười được vì lời nói của Thuận:

Bức Tranh Màu Nóng

Viết Phương



- Ông khát khe thế? Cứ điệu này sáng mai chúng ta mới được ra khỏi nhà.

Hiên quay sang nhìn tôi bằng đôi mắt ướt:

- Sao? Anh cũng thấy không được à?

Tôi khép miệng cười, nghiêm trang:

- Trông chị đẹp lắm. Giống... ca sĩ...

Thuận cướp lời:

- Tôi thì thấy giống ca-kỹ nhiều hơn.

Hiên bật khóc chạy rần rạt lên lầu:

- Thôi em không đi nữa đâu. Máy anh đi với nhau được rồi.

Thuận gắt:

- Sao lại không đi. Không có em, mấy cô cứ tưởng anh còn độc thân thì em biết khổ.

Tôi nói nhỏ vào tai Thuận:

- Ông tưởng ông còn ngon lắm. Ông lên dỗ ngọt chị ấy vài lời đi.

Thuận hứ:

- Dở gì. Ông không tin là năm phút sau bà ấy sẽ thay áo khác trở xuống cho coi.

Chưa tới năm phút. Hiên lại xuất hiện. Lần này Thuận la lên thất thanh

làm tôi hết hồn:

- Ối! Ối! Em giống như quả ớt đỏ.

Hiên cãi:

- Không có cái áo nào em mặc anh lại vừa lòng. Sao mọi lần rủ anh đi shopping anh đều kiếm cớ từ chối hết? Bất quá tam. Lần này anh chịu hay không, em cũng mặc. Anh mặc com-lê đen, thắt cà-vạt đỏ, em mặc áo đỏ là đúng lắm rồi.

Thuận gắt:

- Thế em có tính luôn cái quần lót đỏ em mua cho anh mặc không?

Hiên lườm chồng. Lần này tôi thấy khuôn mặt nàng chín đỏ như quả gấc:

- Anh giữ lời giữ tiếng một chút.

Đang có khách.

Thuận vỗ vai tôi:

- Giời! Thân quá mà.

Tôi cười khò lấp:

- Hai vợ chồng ông vui quá.

Thuận xua tay:

- Ông lấy vợ đi để biết "từ ngày có em về, nhà mình tràn tiếng cười thề".

Hiên cau mặt. Tôi thấy khuôn mặt Hiên lại dần ra cố lấp đi nét chịu đựng. Hiên cặp tay chồng:

- Đi thôi anh. Trễ giờ rồi.

Chúng tôi bước ra khỏi nhà. Trời đêm mơn man lạnh. Hiền nép sát vào người chồng hơn. Đến chỗ đậu xe, Thuận đưa chìa khóa cho Hiền:

- Em lái xe, anh và anh Lập ngồi sau nói chuyện nhé.

Tôi cự:

- Ông kỳ quá. Sao lại bắt chị lái xe. Để tôi làm tài xế cho hai ông bà ngồi sau... tha hồ.

Thuận cười thành tiếng:

- Ông làm tôi nhớ lại những ngày đầu mới cặp bồ.

Hiền nói như muốn chặn lại sự giận dữ trong cổ họng:

- Hình như vai nữ chính lúc đó không phải là em.

Thuận phớt tỉnh:

- Đạo còn đi học, quen được cô nào trong trường là muốn... đớp cô ấy ngay.

Tôi lắc đầu. Thuận lúc nào cũng tính phớt bỏ. Nói toang toác những gì mình muốn, mặc kệ cảm giác của người khác.

Đến dạ tiệc, tôi nhường đường cho hai vợ chồng Thuận bước vào trước. Thuận bấm chuông. Người ra mở cửa là Thanh. Thanh mặc vest đỏ, áo sơ mi trắng, làm nổi chiếc cà vạt hình kỷ hà đủ màu. Thuận quay lại nói nhỏ với tôi: "Lại thêm một quả ớt đỏ." Rồi quay sang Thanh:

- Ông nhìn như trai "hăm mĩ".

Thanh mặt mày hớn hờ:

- Trời ơi! Thiệt sao? Đợi ông bà muốn nghet thở luôn. Lập đâu rồi?

Tôi ló đầu vào. Thanh xấn tới tôi, cười ồn ào:

- Đêm nay tha hồ cho ông lựa chọn. Trong bọn chỉ có mình ông còn cu-ki, ai cũng tội cho ông hết.

Chúng tôi cùng Thanh bước vào nhà. Căn nhà được Thanh mở tất cả các công tắc cho nên đèn chiếu chói chang. Bên kia khung kính, mọi người đang cười nói cạnh hồ tắm được mắc đèn như sao đêm. Hôm nay là ngày kỷ niệm 10 năm kết hôn của vợ chồng Thanh.

Mọi người đều quay lại phía chúng tôi khi Thanh nhảy lên sân khấu gõ làm chìa ra trên mặt hồ:

- Xin giới thiệu cùng các bạn vợ

chồng người bạn thân của chúng tôi là anh chị Thuận vừa mới đến. Bên cạnh là anh Lập, một người kén nhất, đến bây giờ vẫn chưa có người nào để "trăm năm đục khoét"... Ô, xin lỗi "trăm năm hạnh phúc" cả.

Mọi người cùng vỗ tay, cười xôn xao. Tôi bối rối nhìn quanh, bắt gặp đôi mắt viền đen nhìn tôi từ góc vườn, cạnh hòn non bộ có sương khói giả phun ra từ những ngách đá. Thanh bước đến kéo tay tôi.

- Ông đến đây với tôi, tôi giới thiệu "của ngon" cho ông.

Tôi khoát tay:

- Để tôi đi chào bà xã ông một tiếng đã.

Thanh lôi tôi đi.

- Thân quá mà. Chúng tôi chia nhau tiếp đãi bạn bè.

Đột nhiên Thanh dừng lại:

- Ông uống gì. Một chút X.O. cho ấm bụng nhé?

Nói xong, Thanh búng tay kêu người hầu rượu tới. Tôi cười:

- Ông tổ chức còn lớn hơn hồi đám cưới của ông.

- Hồi đó chưa có tiền. Bây giờ có tiền thì khác chứ.

Tôi mỉm cười cầm ly rượu trên khay người bồi mang tới. Thanh níu tay tôi đi về hướng người con gái có đôi mắt viền đen rõ nét. Vừa đi, Thanh vừa nói:

- Tôi giới thiệu ông rất kỹ với cô ta, đừng làm tổn công của vợ chồng tôi nghe.

Thấy tôi nhìn chăm chú vào đôi mắt xam đen lộ liễu kia. Cô gái nheo mắt chìa bàn tay ra. Tôi nắm lấy bàn tay mềm mại, cúi xuống ghé môi hôn. Đèn trong vườn mờ hắt. Nhạc bắt đầu thổi. Cô gái tên Nhung kề má gần mặt tôi:

- Anh có muốn nhảy với em một bản không?

Tôi nghe mùi nước hoa đất tiền thoang thoảng len vào khứu giác. Tôi đặt ly rượu xuống chiếc bàn đá bên cạnh, cười:

- Rất hân hạnh.

Đó là bản nhạc theo điệu Paso. Đôi chân Nhung xoay rộng lờ ra khỏi chiếc áo xường xám may khéo,

được xẻ rất cao. Tôi để ý thấy dấu rách trên chiếc váy ny-lông của cô. Tôi thường không có thiện cảm với đàn bà, con gái áo quần thật đẹp nhưng đôi váy ny-lông lại bị rách. Theo tôi, những người đẹp đó chỉ che đậy cái cấu thả của mình thôi.

Nhảy xong bản nhạc. Tôi thật không hứng thú gì để tiếp tục nói chuyện với Nhung - mà Thanh xếp vào "nhân vật số một" cho tôi chọn đêm nay. Tôi nói thêm đôi điều nữa rồi cáo từ. Lúc tôi đứng dựa lưng vào tường gạch vừa hút thuốc vừa nghe cô ca sĩ uốn éo trên sân khấu, chợt thấy Hiền đang đứng nói chuyện vui vẻ với Nhung. Một lúc sau Hiền đi về phía tôi, hất cằm hỏi:

- Sao? Anh vừa ý cô Nhung không?

Tôi thả khói thuốc lên trời:

- Chị cũng có phần *set up* việc này à?

Hiền bắt thần lay cánh tay tôi:

- Anh đừng đánh trống lảng.

Tôi đáp xã giao:

- Cô ta trông cũng hấp dẫn.

Hiền cười:

- Thảo nào cô ấy bảo cặp mắt của anh cho cô cái cảm tưởng khuôn mặt của cô đang mọc ở trên móng.

Tôi đỏ mặt, may mà đèn không sáng để Hiền nhìn thấy:

- Khiếp. Sao cô ấy lại nói thế? Cặp mắt của tôi đâm đáng lắm sao?

Hiền cười:

- Anh muốn nói là cô ấy vu oan cho anh?

- Chứ không phải sao?

Hiền đùa dai:

- Thế lúc nãy anh nhìn "kiểu nào" khiến người ta nghĩ là anh muốn lột trần trường người ta ra thế?

Tôi nhún vai:

- Tôi không hiểu.

Chợt nghĩ tới chiếc váy ny-lông của Nhung, tôi bật cười. Hiền nheo mắt nhìn tôi:

- Thăm ý rồi phải không? Theo kinh nghiệm của tôi, là cô ấy nghĩ anh thấy cô ta sexy. Anh được điểm rồi đấy. Đàn bà ai lại không muốn mình được sexy, được hấp dẫn dưới mắt đàn ông?

Tôi nhìn thẳng vào mắt Hiên, đối đề tài:

- Tôi muốn mời chị nhảy bản này, được không?

Hiên hớn hờ:

- Được. Dĩ nhiên được.

Chúng tôi cầm tay nhau bước ra. Ban nhạc đã bắt đầu đổi điệu Boston. Tôi đặt tay lên chiếc eo chưa một lần sinh nở của Hiên, lòng chùng xuống. Tiếng người ca sĩ cất lên một bài. *"Ta nghiêng vai soi lại cuộc đời, thì hãi hùng hoàng hôn trời tối..."*. Bỗng dưng, tôi hoảng hốt ôm Hiên sát hơn, kề môi vào tai Hiên:

- Nhiều lần định hỏi chị về bức tranh treo lệch trên lối lên lầu nhà chị nhưng chưa có dịp.

- À anh nói bức tranh tôi mua ở tiệm tranh bên Las Vegas năm rồi chứ gì? Cũng may. Lúc ấy, ông Thuận thua bài quá. Tôi chán, đi lang thang gặp bức tranh này tôi quyết định mua liền. Nếu không, ông Thuận cũng nướng cả cho sòng bài.

- Nhưng tại sao chị lại thích nó chứ?

- Tôi thích, thứ nhất vì tác giả là người Việt Nam.

- Sao chị biết?

- Dễ hiểu quá mà. Tôi thấy chữ ký là Andy Nguyễn.

- Chị quen với tác giả?

- Không. Nhưng tôi thích lối sử dụng màu của ông ấy. Tôi thấy trong tranh của ông bày tỏ sự thất lạc. Thất lạc ngay chính trong những gì mình chiếm hữu. Lạ lắm, tôi tìm mua thêm vài bức của Andy, nhưng người bán hàng ở đó nói họ chỉ có của ông ta một tấm duy nhất. Họa sĩ Việt Nam thì tôi nghe nhiều, nhưng theo tôi, Andy chắc chỉ là họa sĩ tài tử.

- Sao chị lại cố ý treo lệch bức tranh đó như vậy?

- Ồ, những bức khác thì phải treo ngay hàng thẳng lối. Không hiểu sao tôi lại thấy bức tranh này phải treo một góc dựng đứng lên mới thấy được sự chông chênh của nó. Anh không thấy nếu treo như vậy, màu sáng của bức tranh được chú ý đặc biệt sao? Bức tranh như có ý nói về vòng nhân sinh. Nếu chiếc vòng được kết thúc và

lại khởi đầu ở một điểm sáng dịu dàng trên cao thì trông lạc quan hơn. Anh đồng ý không? Tôi thử treo bức tranh ấy theo chiều ngang thì điểm sáng ấy lại nằm ngay cuối góc tranh. Mờ nhạt lắm. U ám lắm. Tôi không thích thế.

Tôi cười nhẹ:

- Nghe chị giải thích, tôi nghĩ chị rành về tranh lắm.

- Rắc tiếc, tôi không biết vẽ.

- Những người thích đọc sách có phải ai cũng là nhà văn cả đâu. Nhưng nếu chị học vẽ, chị sẽ là một họa sĩ tài ba.

- Anh chỉ quá khen thôi.

- Chị treo bức tranh như vậy là đúng ý của tác giả đó.

Hiên ngạc nhiên:

- Sao anh biết?

Tôi cười lớn:

- Tôi... đoán thế. Tôi nhìn thấy tác giả cố tình ký xéo ở góc dưới bức tranh.

- Nhưng tôi lại thấy họ trưng bày trong tiệm bình thường như những bức tranh khác. Chính tôi sửa dây lại.

Tôi nhún vai:

- Như vậy thì tôi đành chịu.

Hiên bấm vào vai tôi:

- Anh có vẽ thích bức tranh đó, phải không?

- Thấy lạ, bức tranh như một vòng lửa. Tôi thích lửa. Giống như chiếc áo chị đang mặc đây?

Hiên bối rối:

- Không phải anh xem tôi giống quả ớt đỏ?

Nói rồi, Hiên thở dài:

- Ngày xưa ông Thuận cũng mê tranh ảnh lắm. Không hiểu sao lấy nhau xong, chẳng thấy ông ấy có chút cảm giác nào với nghệ thuật cả?

- Con người sẽ thay đổi mà.

Nhạc dứt. Chúng tôi chia tay. Tôi muốn đi kiếm thêm cho mình một ly rượu nữa.

Chúng tôi quen nhau từ lúc còn mài quần lớp học. Trong trường, sinh viên Việt Nam dạo ấy không nhiều lắm. Gặp nhau, dù không nói chuyện cũng biết nhìn mặt nhau. Thuận là đứa "đẹp trai, dặt dào" nhất. Hiên rực

rỡ như một đóa hoa mà ai cũng muốn chiếm hữu, mang về nhà mình chưng ở nơi trang trọng nhất. Thanh thì tính tình vui vẻ, giao tế khéo cuối cùng lấy được Trân rất giỏi thương mại. Trân không có cùng kỷ niệm đi học với chúng tôi, nên tôi thích đến nhà Thuận nhiều hơn, vì kỷ niệm của tôi và kỷ niệm của vợ chồng Thuận hình như gắn liền nhau. Hơn nữa, sau này gia đình Thanh "ăn nên làm ra", tập tành thói "trưởng giả học làm sang", không thích hợp với tôi lắm. Tuy nhiên, không vì thế mà tình bạn giữa chúng tôi có những thay đổi. Chúng tôi thường tổ chức những buổi đi chơi chung, hoặc ăn uống ở nhà nhau mỗi cuối tuần.

Tôi yêu Hiên trong âm thầm. Khi Thuận tuyên bố sẽ theo đuổi Hiên, tôi cũng đau khổ trong âm thầm. Những cuộc chơi. Những party đều có mặt tôi để chia sẻ tình yêu của Thuận và Hiên tiến triển với con tim mình tan nát; hoặc để chứng tỏ là tôi "không có ý gì với Hiên" cả. Tôi tham dự vào cuộc chinh phục Hiên của Thuận bằng những góp ý cho Thuận. Bởi, hơn ai hết tôi hiểu mẫu người Hiên. Và, tôi hiểu Hiên muốn gì. Những lần đi chơi riêng rẽ với Hiên về, Thuận đều tỉ mỉ thuật lại cho tôi nghe. Ngay cả lúc hôn nhau lần đầu, Hiên lén quỳnh cần vào môi Thuận đến chảy máu. Thuận không biết con tim tôi cũng "chảy máu" lúc ấy. Ai cũng bảo Thuận và Hiên thật "xứng đôi vừa lứa". Chính tôi cũng thấy thế, vì tôi biết tôi không đẹp trai như Thuận.

Tôi tập trung lao mình vào việc học hành rồi ra trường, đi làm. Công việc đòi hỏi tôi phải đi xa hoài. Tôi cũng thích thế. Tôi đọc thân, đi đây đi đó nhiều để thỏa mãn ước mơ thiếu thời của mình là một việc tôi rất mừng. Thế nhưng, đi đâu tôi cũng mang theo hình bóng Hiên. Tôi lại đau khổ khi thấy Hiên bị Thuận "ăn hiếp". Có lần Hiên đã khóc với tôi sau bữa cơm tại nhà tôi. Lúc ấy Hiên phụ tôi rửa bát ở bếp. Thuận và đám bạn đang ồn ào hát karaoke trong phòng gia đình.

Lúc ấy, Hiên đứng bên tôi trắng

giùm những chiếc đĩa sứ. Tôi tưởng tượng ra chúng tôi là đôi vợ chồng trẻ đang đứng bên nhau, thật gần, thật sát. Hiên mắt đỏ hoe, nhưng miệng lại cười ngay sau đó:

- Anh nên kiếm một bà về rửa chén bát cho anh là vừa. Kén quá.

Tôi cười:

- Tôi chỉ vào bếp những lúc có bạn bè đến chơi. Ngoài ra tôi là loại người "cơm hàng cháo chợ", không cần người rửa bát đâu. Tôi đã bảo chị rồi, cứ thả vào máy rửa bát. Chị cứ bắt kỳ cọ từng chiếc, rồi than.

- Ở cái anh này. Tôi có than thở gì đâu. Ý tôi chỉ muốn nói là anh già đến nơi rồi đó.

- Nhưng con tim tôi không biết già. Không hề già. Chị tin không?

Hiên cười thành tiếng:

- Tôi tin. Vì tôi cũng nghĩ thế. Tôi không chấp nhận mình già.

- Thôi chị lên trên với ông Thuận đi. Ông ấy réo chị rồi đó.

Hiên lau tay vào chiếc tạp dề:

- Ông ấy chỉ khéo đóng kịch.

Nói xong, Hiên cởi tạp dề ra khỏi đầu. Vài lọn tóc vương nơi sợi dây. Tôi thấy gáy của Hiên như ngó sen. Tôi giúp Hiên gỡ tạp dề, vô tình ngón tay tôi chạm đến vành tai Hiên. Hiên rùng mình. Tôi thấy được những tia máu chạy trên ngấn cổ trắng ngần. Máu trên đầu ngón tay của tôi cũng muốn bật thoát ra nơi đó. Hiên quay vội bước đi. Tôi vò mạnh mảnh tạp dề trong nắm tay, che giấu sự bối rối của mình. Tôi dựa mình bên chậu rửa chén, nhìn xa xăm ngoài khung cửa kính. Bầu trời hình như tối lại bên ngoài. Không hiểu sao tôi thấy vòng lửa nơi bức tranh nhà Hiên chợt lặn xuống đất, rớt theo tôi rất vội. Vòng lửa cứ to dần. To dần. Tôi chạy. Cứ thế. Tôi cảm đầu chạy. Càng lúc tôi càng thấy mình thật nhỏ nhoi.

Tôi tránh mặt Hiên với lý do đi nghỉ phép ở Âu Châu. Thời gian đó. Tôi lại thấp thoáng thấy vòng lửa phía sau, lúc ẩn lúc hiện. Có lần, soi bóng mình trên dòng sông một hôm dừng lại. Tôi thấy rõ ràng bóng lửa chập chờn trong làn nước màu rêu lọn cợn.

"...Ta khổ đau một đời, để chết trong tình cờ. Ta tìm nhau một thời, để mất nhau vài giờ...". Bản nhạc Boston mà tôi và Hiên đã nhảy với nhau trong buổi dạ tiệc chúc mừng 10 năm đám cưới của vợ chồng Thanh. Hôm đó, Hiên mặc áo đỏ. Tôi nhớ rõ lắm. Tôi ôm xiết vòng lửa trong tay. Lúc ấy, hình như tôi bị lửa thiêu tôi từ tâm. Thế mà tôi cứ nghĩ là rượu làm lòng tôi rạo rực, sôi sục lên.

Tôi trở về nhà với vòng lửa như chiếc vòng gai Chúa chịu nạn trên đầu. Càng trốn tránh, vòng lửa càng hiển hiện. Tôi đau đớn như Tôn Ngộ Không bị Đường Tam Tạng niệm kinh thấu vòng Kim Cang. Tôi bị kinh tình yêu làm điên đảo tâm trí. Nếu tôi thấy được Hiên hạnh phúc, chắc tôi sẽ không đau đớn như bây giờ. Nhưng mãi mãi tôi vẫn là người trốn chạy. Tôi trốn chạy trong lúc thấy mình như muốn bị thiêu đốt. Tôi càng trốn chạy. Tôi càng nhìn rõ trái tim mình: không ai có thể thay thế được Hiên.

Khi chiếc taxi trở tới cửa nhà. Tôi thấy Hiên ngồi đó.

Hiên ngồi trên chiếc vali, và bức tranh "lửa" bên cạnh. Hiên nhào tới ôm tôi lúc tôi vừa bước xuống xe. Hiên nói, giọng sưng nước:

- Hiên muốn ly dị Thuận. Hiên biết chính anh là tác giả bức tranh này.

Tôi lạnh lùng gỡ tay Hiên ra:

- Chị bình tĩnh. Vào nhà rồi tính sau.

Hiên ngồi xuống ghế, run tay đỡ ly nước lọc tôi giao cho nàng:

- Tại sao anh không cho Hiên biết anh chính là Andy?

Tôi cười buồn:

- Để làm gì?

Hiên nhìn vào mắt tôi:

- Anh dám thề là anh không hề yêu Hiên?

- Tại sao phải thề?

- Tại Hiên không muốn cả anh và Hiên đau khổ nữa.

- Vậy tại sao ngày xưa chị lấy Thuận?

- Anh ấy làm Hiên cảm động bởi

những tấm thiệp anh ấy nắn nót vẽ tặng Hiên vào mỗi dịp lễ.

- Tại sao bây giờ...?

Hiên hơi lớn tiếng:

- Anh còn hỏi. Bây giờ Hiên mới khám phá ra những tấm thiệp và cả những lời chúc trong đó anh đều làm cho Thuận - Hiên gần gũi - Phải không?

Tôi cười buồn:

- Chuyện xưa lắm rồi...

Hiên đứng dậy, chồm người tát vào mặt tôi:

- Anh hèn lắm, yêu mà không dám nói.

Tôi tức:

- Phải! Suốt đời. Tôi sẽ không nói. Suốt đời.

Hiên ngồi phịch xuống ghế. Một lúc sau, chờ cho sự giận dữ lắng xuống. Hiên cất giọng mệt mỏi:

- Hiên muốn biết anh vẽ bức tranh này lúc nào. Tại sao nó lại ở Las Vegas?

- Ngày xưa, tranh tôi được chọn triển lãm ở trong trường. Một người nào đó mua được, tôi không nhớ - tôi nhỏ giọng - nhưng sau này tôi lại tiếc.

Hiên ngạc nhiên:

- Ngày xưa Hiên đâu biết anh có học vẽ?

- Tôi lấy một "cua" cho vui và chỉ vẽ một bức tranh duy nhất. Rồi thôi.

Hiên tròn mắt:

- Một bức?

- Thật ra còn mấy bức vẽ để "nộp bài". Tôi không biết nó "lưu lạc phương nào". Chắc là trong mấy thùng rác nhà trường dạo ấy.

Cả hai cùng im lặng. Rất lâu. Tôi nghĩ thế, vì tôi thấy thời gian ngừng trôi. Tôi xua tay trong không khí, như muốn làm thời gian chạy bình thường trở lại:

- Để tôi gọi điện thoại cho Thuận, bảo đến rước chị.

Hiên đứng bật dậy:

- Không cần. Tôi về nhà bố mẹ tôi.

Nói xong, Hiên vùng chạy ra khỏi nhà. Không biết vô tình hay cố ý nàng đá bức tranh nằm sóng xoài trên nền đá xám. Bức tranh xoay nhanh như gập trốt. Tôi thấy điểm sáng trong bức tranh bị nhoè đi, rồi tối thẫm dần.●

Sau hai, mười ba năm xa cách, tôi “gặp” lại chàng trên *net*. Vẫn là Thăng lười lỉnh của thuở nào. Vẫn là những câu viết không chủ từ, túc từ ngắn gọn. Lâu dần thì những giọng chữ ngại ngùng ban đầu thưa dần. Chữ nhớ, chữ yêu và chữ anh, chữ em được chàng viết thường xuyên hơn. Ước gì ngày xưa chàng nói được chữ yêu mà tôi chờ đợi! Ngày chàng hai mươi sáu tuổi, mọi thứ đều đẹp, đều lý tưởng để khởi sự cho một cuộc tình, sao chàng chẳng bận tâm về tôi? Bây giờ chàng bốn mươi chín tuổi,

một vợ, một con, chàng lại bắt đầu nói nhớ thương tôi là nghĩa làm sao? Một trong hai người, ai sẽ là kẻ đâm đơn ly dị trước để chạy đến với nhau? Cái khó chính là sợi chỉ hồng treo ngoe giữa hai cuộc nhân trong khi chúng tôi cần có nhau, không một trở ngại nào nằm xen ở giữa.

Cuộc tình thơ đại tướng đã ngủ yên, bây giờ nó thức dậy và đòi được đền bù. Tôi không muốn đến với chàng trên *net* nữa. Tôi muốn có mặt trong đời sống chàng, muốn làm người vợ hàng ngày chờ chồng về ăn

chung bữa cơm chiều đầm ấm, muốn nắm tay nhau đi khắp phố phường trong những buổi cuối tuần, những ngày lễ lạc. Chính Thăng cũng có chung một ước muốn như thế.

Tôi không tưởng tượng được có ngày nghe giọng Bắc kỳ êm ngọt của chàng qua đường dây điện thoại viễn liên:

- Em bỏ hết để qua với anh nghe? Anh không thể nào sống thiếu em được nữa. Anh muốn gặp lại em và làm chủ em cho đến hết cuộc đời.

Tôi các có:

- Tại sao anh không bỏ hết để qua với em? Tại sao em phải là người chạy lại?

Trước khi chàng kịp trả lời câu hỏi hóc búa của tôi, tôi cười to trong máy:

- Mà muốn làm chủ em thì phải mua chứ không có *pour rien* đâu nghe!

Dù chỉ qua giọng nói nhưng tôi cũng tưởng tượng ra gương mặt thiếu não của chàng:

- Mua em thì chắc anh có cây mãn đời cũng không mua nổi!

Cái ý định làm chủ một bông hoa không thuộc về mình của chàng làm tôi băng khuâng. Có thật là chàng muốn làm chủ mình, muốn bứng nguyên gốc ngọn một cụm hoa đem về trồng trong vườn nhà? Suốt bao năm tôi đã cố gắng tìm hình ảnh Thăng xuống tận đáy lòng để nhấn



Đời Buồn Hơn Thơ

Hoàng Du Thụy

Đọc thơ mới biết thơ buồn

Nhìn đời mới biết đời buồn hơn thơ.

(BG)

nại làm vợ kẻ khác. Đêm nay, khi tôi vừa chìm trong giấc ngủ mệt mề sau một ngày lao động, Thắng lại hiện đến. Không phải một Thắng bốn mươi chín tuổi mà là Thắng hai mươi sáu tuổi tràn trề sức sống, bộ ngực nở nang, đôi vai rộng, chiếc quần tằm hoa sắc sỡ bó sát cặp đùi chắc nịch. Tôi thấy tôi mặc bộ áo tằm hai mảnh màu đỏ, đang đứng trên cầu nhảy, nắm chặt tay Thắng. Cả hai cùng đếm một, hai, ba rồi lao mình xuống vùng nước xanh trong mát. Hai đứa cứ nắm chặt tay nhau từ từ chìm xuống đáy hồ hạnh phúc. Cái hạnh phúc thật đơn giản và vô cùng bình dị. Trong cơn vui tràn ngập đó, tôi nghe như bàn tay Thắng đang ve vuốt khắp người mình. Tôi bật gọi Thắng ơi, Thắng ơi...

Thay vì siết chặt vòng ôm hơn, cái bàn tay đang ve vuốt bỗng dừng hẳn lại. Cảm giác được mơn trớn không còn nữa mà thay bằng cảm giác đau rát hai bên má. Cái đau đến đột ngột làm tôi bừng tỉnh. Trước mắt tôi là Hiệp với nét mặt hung hãn, đôi mắt đỏ ngầu vì ghen và vì dục vọng chưa được thỏa mãn. Tiếng gọi Thắng trong cơn mê ngủ của tôi đã làm Hiệp điên lên. Vừa tát, Hiệp vừa rít qua kẽ răng:

- Đồ lăng loàn! Ngủ với chồng mà còn gọi tên tình nhân!

Cái đau trên má cộng thêm câu mắng làm tôi ra khỏi hẳn cơn mê. Tôi ngồi bật dậy nhìn Hiệp, trả lời rành rọt:

- Tôi ngủ với anh hay là anh hiệp tôi lúc tôi đang ngủ? Tôi đã giao hẹn một năm anh chỉ được gần tôi hai lần thôi mà! Rồi anh sẽ biết cái giá anh phải trả cho danh từ "lăng loàn" mà anh vừa gán cho tôi. Ngay từ lúc lấy anh, tôi đã nghĩ đến người khác, đã ngoại tình trong tư tưởng rồi. Nhưng nói cho cùng thì tôi có yêu anh bao giờ đâu mà đặt vấn đề lăng loàn hay không, ngoại tình hay nội tình?

Hiệp tiếp tục gầm gừ:

- Hai mươi mấy năm rồi mà vẫn chưa quên cái thằng ấy à? Còn tưởng nhớ nó sao không khăn gói theo nó đi?

Tôi cười khẩy:

- Anh khỏi thách thức tôi. Nếu không khăn gói theo thằng đó thì tôi cũng theo thằng khác thôi. Tôi chán anh tới óc rồi!

Sáu tháng sau cuộc cãi vã đó, tôi lo xong cái *working visa* để dọn sang tiểu bang của Thắng. Tôi đến tìm Thắng theo địa chỉ vẫn liên lạc thư từ với anh từ mấy năm nay. Tiểu bang Georgia đang xôn xao chuẩn bị cho kỳ Thế Vận 1996. Sinh hoạt rộn ràng ở khắp mọi nơi, không như cái tỉnh lỵ buồn tẻ của tôi, nhìn đâu cũng thấy một màu buồn thảm, lạnh lẽo.

Tôi vẫn tất giải thích với Thắng sự có mặt đột ngột của tôi nơi này:

- Em đã ly dị.

Thắng nhìn tôi nghi ngờ. Chưa bao giờ tôi nói với anh mình sẽ ly dị. Dùng một cái, tôi chặt đứt mọi dây nhợ, khăn gói sang đây. Không chờ Thắng hỏi, tôi từ tốn nói cho anh biết:

- Chẳng có gì lớn lao ngoài hai chữ ghen tuông. Em vô tình gọi tên anh trong giấc ngủ, ông ấy bèn làm to chuyện. Em quyết định ly dị để đi theo tiếng gọi của lòng mình, vì nếu tiếp tục sống với ông ấy, em sẽ là người lang chạ, lằng lộn!

Thắng ôm chầm lấy tôi, thương xót. Anh nói như chính mình là người gây ra đổ vỡ:

- Dù muốn dù không, anh cũng có phần nào trách nhiệm. Em đã vì anh mà sang đây, anh hứa sẽ lo cho em chu đáo.

Tôi cười buồn:

- Em sang đây vì ý muốn của anh. Anh đã từng bảo muốn có em suốt cuộc đời. Tuy nhiên em không muốn là gánh nặng của ai. Em có thể tự lo cho em được. Em đã có việc làm và chỗ ở ổn định nên mới đến gặp anh.

Đoán biết trong đầu Thắng đang bật ra những con số, mấy bài toán về tiền ăn, tiền ở cho tôi, tôi trấn an:

- Anh đừng bận tâm về em. Chính phủ Canada đại độ lắm! Họ cứ bỏ tiền ra huấn luyện, đào tạo nhân tài để Mỹ qua hút về. Vừa rồi, một phái đoàn Mỹ tới tuyển người, em nộp đơn, được nhận. Em tạo mọi cơ hội để gặp lại anh. Kể từ bây giờ, em là

của anh.

Tôi chấm câu bằng một nụ hôn ngọt ngào và một vòng ôm quăn chặt lấy Thắng. Tôi hiểu từ phút này cuộc đời mình vừa bước vào một ngã rẽ quan trọng. Chuyện ly dị là điều tất đến giữa hai người không đồng cảm nên không để lại cho tôi vết đau nào. Cuộc sống này, với một người tôi yêu từ ngày trẻ dại mới là điều tôi mơ ước. Dù phía sau cái hạnh phúc lấp lánh có thể là những đắng cay chờ đợi, tôi cũng không màng. Suốt hơn hai thập niên kiếm tìm hạnh phúc, giờ đã gặp được thì tôi phải giữ...

Thắng thực hiện ước muốn làm chủ tôi bằng cách mua một căn nhà hai phòng ngủ nhỏ, bắt tôi trả căn apartment đang muốn để dọn vào đó. Tôi sống với chàng như một thứ gái bao, dù thật ra Thắng chẳng "bao" gì tôi! Tôi tưởng mình sẽ có chàng mọi nơi, mọi lúc nhưng thực tế là Thắng chỉ đến với tôi khi nào chàng có thể. Tôi hơi thất vọng nhưng lại tự an ủi, chính tôi cũng cần có thời giờ cho riêng mình, cần những lúc cô đơn để nghĩ về tình yêu và hạnh phúc một đời người. Tôi đi làm để tự nuôi sống nên không lệ thuộc tài chánh vào Thắng. Cái tôi cần nơi anh chỉ là tình yêu và sự chăm sóc cho một tâm hồn đã quá mệt mề vì săn đuổi, kiếm tìm. Tình cảm tuy thoả mãn nhưng mặc cảm làm lẽ cứ đè nặng tâm tư tôi khiến nhiều khi tôi trở nên bực dọc, cau có với chàng.

Thắng kiên nhẫn, dịu dàng chịu đựng những cơn tam bành của tôi. Chàng nhỏ nhẹ:

- Em muốn hành hạ anh thế nào cũng được. Anh đang trả món nợ mà anh đã vay em từ hai mươi mấy năm về trước. Anh mới đụng tới phần lãi thôi, còn phần vốn là chưa tính tới. Ngày nào còn có em là ngày đó anh còn hạnh phúc.

Nghe Thắng nói, tôi thương chàng vô cùng; nhưng những lúc không có chàng thì tôi lại tội nghiệp mình. Tôi tủi thân, thấy mình thật đáng thương dù thực tế thì Thắng khổ sở hơn tôi. Chàng phải đối vợ nhiều hơn để có thể đến với tôi. Chàng phải tránh mặt

nhiều người để dừng đổ bể ra chuyện chàng có vợ bé là tôi. Cái tổ ấm của hai đứa chỉ có Dũng, người bạn nói khổ của chàng, biết mà thôi. Tôi cũng thích cuộc sống khép kín như thế, càng ít người biết càng tốt.

Ngoài giờ làm việc ở sở ra, về đến nhà là tôi co người trong vòng ôm của Thắng những khi anh ghé thăm, nấu cho anh những món ăn quê hương mà người vợ bản xứ của anh không thể nấu, hoặc cùng nhau nhắc chuyện ngày xưa về những người bạn cũ, về nắng gió bãi dâu, hàng dương bãi trước, sóng cuộn bãi sau... Không có anh, tôi đọc sách, đi bơi, chạy bộ và chăm sóc cái dung nhan bắt đầu về

chiều của mình, mong làm chậm những bước chân gấp gáp của tuổi già đang bỏ nhào về phía mình.

Sáng nay thứ bảy, sau khi chạy bộ hết một vòng đồi phía sau nhà, tôi thong thả đếm từng bước trở về. Thoáng thấy chiếc xe trắng của Dũng đậu dưới đường, tôi hiểu Thắng đã nhờ Dũng kéo ra khỏi nhà để có dịp đến thăm tôi. Thường thì hai đứa giao ước với nhau, thứ bảy là ngày của riêng Thắng và gia đình, tôi không chen vào. Tôi vòng ra ngõ sau, dùng cửa nhà xe thông vào phòng ăn để vào nhà. Nếu không có Dũng là tôi đã nhào gọn vào lòng Thắng, mặc kệ bộ đồ đang mặc ướt đầm mồ hôi. Có

khách, tôi phải thay đổi y phục cho thơm mát hơn. Tôi nhanh tay trút bỏ bộ đồ chạy bộ, khoác lên người chiếc áo đầm mùa hè xanh dương đậm điểm hoa trắng. Với vóc người vừa phải, nước da trắng, chiếc áo đầm màu này làm tăng thêm vẻ thanh thoát của tôi và che bớt đi những lớp mỡ bắt đầu tụ lại phần bụng của tuổi bốn mươi.

Khi tôi tạm hài lòng với mình và chuẩn bị bước ra phòng khách thì chợt nghe tiếng Dũng nhẹ nhàng trách Thắng:

- Mày liều quá! Một mình làm sao gánh nổi hai cái nhà? Tao thấy lúc này mày xuống sắc lắm đó nghe. Lo quá phải không?

Thắng cười:

- Mày thử có hai bà như tao xem có xuống sắc hay không cho biết! Nhưng mà khổ cỡ nào tao cũng phải cố gắng. Tao không thể bỏ Ngọc được. Tại tao mà Ngọc bỏ chồng. Tại tao mà Ngọc hy sinh hết tự ái cá nhân để đến với tao. Cho dù có phải mua cho nàng cái nhà lớn hơn thế này nữa, tao cũng không cho là quá đáng...

Dũng khẽ thở dài:

- Mày biết tao thương mày và quý Ngọc. Nhưng mà cái cảnh của mày, tao không hiểu mày chịu được đến bao lâu. Thấy mày khổ mà không giúp gì được, tao áy náy...

Thắng ngắt lời bạn, giọng tra vấn:

- Ngày xưa mày cũng thương Ngọc mà, phải không? Nói thật đi, mày lo cho tao hay mày thương Ngọc, sợ Ngọc khổ?

Dũng to tiếng:

- Mày định giở giọng ghen tương để che lấp cái lỗi mày làm khổ đời Ngọc phải không? Ngày xưa bọn mình bốn đứa đã hết ba đứa để ý Ngọc rồi. Chỉ có mày là thằng vô tâm vô tình nhất mà lại may mắn nằm chình ình giữa trái tim Ngọc nên có đứa nào lọt vô được đâu! Tao nói cho mày biết, nếu mày không lo được cho Ngọc tới nơi tới chốn, tao sẽ nói hết sự thật với bà xã mày.

Chấm dứt câu nói đó là tiếng cánh cửa đóng sầm lại. Tôi trở lại phòng ngủ, đầu óc vô cùng bối rối. Tôi mơ hồ biết Dũng thương tôi thuở đó

đôi lời tâm sự

Khi tôi chết,

xin đừng nhốt tôi vùng cộng sản

vì tôi đã sống với họ quá lâu rồi!

Xin đặt tôi ở khoảng lưng chừng

nơi tôi sẽ gặp linh hồn bạn bè lang thang trong mù mịt

đi tìm thân xác mình vui chôn nơi xó rừng góc núi.

Ôi! những cái chết tức tưởi oan khiên

giữa tuổi xuân bừng bừng nhựa sống.

Bạn có tội vì dám nói sự thật,

vì trái tim không chịu nổi bất công!

Bạn ơi, đời chúng ta còn có nghĩa gì đâu

khi tất cả bị bỏ rơi bên lề cuộc sống.

Tôi còn sống chính bởi vì hèn nhất

vì không dám đối mặt với bạo quyền.

Thật ra chúng ta đã chết từ cái ngày buông súng

để tái sinh thành kiếp ngựa trâu.

Ngày qua ngày lặng lẽ u sầu

Năm qua năm mới mòn trong tù ngục.

Bạn ơi, nếu chết là giải thoát

có lẽ bạn hạnh phúc hơn tôi.

Tôi sẽ kể cho bạn nghe những tháng năm còn lại

Bằng ký ức hỗn độn

Bằng trái tim khao khát tự do.

Đời quá hẹp trong bốn bức rào che

Lòng người hẹp trong bản năng đối khát

Bạo lực được thay hình đổi dạng...

Làm sao tôi nói hết!

Tôi đã nhìn, đã sống trong câm nín

kể từ ngày không dám chết cho tự do!



đông vũ

nhưng có bao giờ Dũng hé môi đâu. Còn người bạn kia của Thắng có lối tỏ tình mạnh bạo quá, tôi không thích và anh ta cũng lặng lẽ rút lui. Thời gian hơn hai mươi năm đã xoá trôi hết mọi mộng mơ, chỉ có mối tình với Thắng là lớn mãi. Mẫu đối thoại nghe được làm tôi bất mãn. Tôi hôn Thắng đã đem tôi đặt trên một bàn cân. Tôi ghét bị so đo. Tình yêu không thể cân đo, đong đếm. Tình yêu đứng một mình một cõi. Vững vàng. Không lệch. Không chênh. Tại sao lại so sánh tình yêu của tôi với giá trị căn nhà chàng bỏ tiền ra mua, mà nào tôi đã nhận? Tôi tủi thân nhìn mình trong gương đầm đìa nước mắt.

Bước nhanh tới khoá trái cửa phòng lại, mặc Thắng đập cửa, van xin, năn nỉ, tôi vẫn im lặng. Tôi biết Thắng không thể ngồi lì ở đây mãi chờ tôi người con giận. Tôi lặng lẽ thu xếp quần áo vào chiếc va-ly nhỏ. Tôi sẽ rời bỏ chốn này ngay ngày hôm nay. Tôi đâu đã trắng tay mà phải nương nhờ vào Thắng! Số tiền bán căn nhà ở Canada dù đã chia đôi với Hiệp vẫn còn đủ cho tôi đặt trước để mua một căn nhà khang trang hơn căn nhà này. Tôi ở với Thắng đâu phải vì căn nhà. Tôi ở với Thắng vì giấc mộng xây đắp suốt hai mươi ba năm. Bây giờ mộng đã tàn, tôi phải đi. Nếu có cơ may, cuối đời trước khi nhắm mắt có gặp lại nhau, tôi sẽ cho Thắng biết lý do. Tôi bỏ anh nhưng lòng vẫn còn yêu anh vô kể.

Tường Linh là cái tên tôi thường bắt gặp trong tờ báo *Điện tin* trong màn lưới Internet. Tường Linh chủ trương tờ báo được hơn năm nay và định sẽ ra ấn bản đầu tiên gửi đến độc giả, nhất là những độc giả nặng lòng với máy điện toán. Quen nhau trên lưới qua những bài viết, tôi mến Linh vì sự chân thật của anh. Năm mươi tuổi, Linh thừa kinh nghiệm để biết đàn bà cỡ tôi khó mà còn độc thân. Vậy mà Linh vẫn phớt lờ, vẫn đối trao những lời tán tỉnh lãng mạn, tha thiết. Mãi đến khi đồng ý gặp nhau, Linh mới biết tôi đã có một đời chồng và một đời tình lận đận. Chàng trao cho

tôi một đoá hồng ngay buổi đầu gặp gỡ:

- Anh chẳng có gì làm quà tao ngộ, chỉ có đoá hồng này để nói lên tấm lòng của một người biết giá trị của một nhành hoa. Em là cánh hoa vô giá anh mong ước được đem về cắm trong chiếc cốc bình của anh. Bao nhiêu năm kiếm tìm, trời không phụ lòng để anh được gặp em. Anh tôn thờ chủ nghĩa độc thân vì không muốn hy sinh tự do cá nhân. Nay vì em, anh đem hết mọi thứ tự do đặt dưới chân em.

Tôi cười:

- Không biết anh đặt mọi thứ tự do dưới chân em hay anh sẽ dẫm lên mọi thứ tự do của em! Anh diễn tuồng hay lắm, còn tuồng nào hay hơn nữa không?

- Thì em cứ lấy anh đi rồi sẽ thấy. Anh còn nhiều lớp tuồng nữa. Tuồng nào cũng hay hết. Nhất là anh sẽ không dẫm lên thứ gì của em cả. Lấy anh đi, em sẽ không ân hận đâu!

Không biết vì yêu Tường Linh hay vì tò mò muốn biết những lớp tuồng mà chàng sẽ diễn, tôi bỏ Georgia để về New York với chàng. Chỉ cần một đám cưới đơn giản với sự tham dự của vài người bạn thân của chàng là tôi trở thành bà Vũ Tường Linh. Tôi không phải lén lút như khi sống với Thắng. Quả thật, Linh để cho tôi tự do. Tự do buồn. Tự do cô đơn vì ở tiểu bang xa lạ này tôi chẳng có một người bạn. Chàng thì suốt ngày vui đầu ở sở. Nếu tôi có than buồn thì chàng chỉ cái computer với vô số chuyện trên lưới để tìm hiểu. Những vở tuồng chàng diễn cho tôi xem không thú vị như chàng đã quảng cáo. Tôi đã bỏ nghề của mình, cả ngày quanh quẩn trong nhà chỉ để nấu cơm, giặt giũ, chăm sóc cho chàng khi đau ốm cũng như khi khoẻ mạnh, không hề biết đến cuộc sống bên ngoài. Đôi lúc đề cập đến chuyện đi làm thì chàng gạt đi:

- Em đi làm bao nhiêu năm đó đủ rồi. Lương của anh đủ cho em sống cuộc đời nhàn nhã, tại sao phải bận tâm đến việc đi làm cho vất vả? Anh không muốn thấy em bị chủ da trắng đì đùng rồi về nhà cau có, quạu quọ

với anh.

Tôi cay đắng:

- Vậy chắc anh thích thấy em bị chủ da vàng đì đùng mà không biết nói với ai?

Chàng nhắc bóng tôi lên, dùng chiến thuật duy nhất để xoa dịu cơn giận sắp bùng lên của tôi:

- Chủ da vàng này có đì đùng em bao giờ! Chủ da vàng này lúc nào cũng cứng em như một cành hoa...

Dìm tôi xuống những trận cuồng phong, chàng lại ở yên vị trí của kẻ chiến thắng. Tôi bại trận trong một nỗi bùi ngùi không tỏ được với ai. Cái giá trị của cành hoa trong mắt chàng chỉ là cái đẹp của một cành hoa giả. Hoa tuy có đẹp, có thoảng mùi hương nhân tạo nhưng không có sinh khí. Nó không thể vươn mình ra nắng, ra gió, chào đón buổi mai. Cái đẹp giả tạo không thay đổi của nó làm mệt mắt người nhìn. Tôi đã đọc thấy sự mệt mỏi đó trong mắt chàng những hôm chàng đi làm về muộn, những sáng thứ bảy phải chạy vào sở sửa các thảo chương sai cho kịp thứ hai để mọi người có thể dùng. Để bù vào sự góp mặt ít ỏi của chàng trong đời sống tôi, những tối cuối tuần Tường Linh đem cành hoa giả đó đặt trước một bàn sang trọng, nến thấp lung linh. Tôi lặng lẽ làm vừa lòng chàng bằng cách ăn những món ăn không hợp khẩu vị mình. Dù muốn dù không, tôi thấy mình bắt đầu là cái gánh nặng trên đôi vai đã bắt đầu còm xuống của chàng. Tôi mệt mỏi và thất vọng nhưng đành buông xuôi. Con chim bắt gió đâu còn đủ sức dang rộng cánh bay xa. Giờ thì tôi chỉ cần một người bạn đồng hành để chia sẻ những tháng ngày già sắp tới mà chàng thì chưa thể.

Mỗi ngày Tường Linh đi làm, tôi thui thủi ra vào một mình, âm thầm nhìn mình qua những tấm gương đời rạn nứt. Ba tấm gương đứng chực trước mặt là Hiệp, là Thắng, là Tường Linh chỉ hắt ra một bóng hình tôi tội nghiệp. Trong những lúc nhìn đời như thế tôi mới nhận ra cuộc đời mình buồn hơn cả những giòng thơ buồn nhất của cuộc đời... ●

Lùi xe ra khỏi ga-ra, Bình bước xuống mở cửa cho ông Vĩnh ngồi vào băng trước. Sau đó chàng đi vòng lại hiên nhà nơi Minh - vợ chàng đang vẫy tay chào tiễn khách. Mặt chàng có vẻ xanh xao không biết vì lo nghĩ hay vì giận. Cặp mắt chàng có quầng thâm chứng tỏ đã nhiều đêm mất ngủ. Minh cảm thấy mình cũng xanh xao, mệt mỏi không kém chồng. Bình ôm hai cánh tay vợ siết chặt, thủ thủ:

- Để chén bát đó mai anh rửa cho, em đi ngủ ngay đi cho khoẻ... Tội nghiệp! Cực cho em quá!

Chàng hôn lên trán vợ trước khi quay trở lại xe có ông khách đang ngồi chờ. Gớm, chàng làm như đi đâu xa lắm không bằng, chỉ chở ông Vĩnh đến trạm xe buýt gần đây thôi mà. Minh thầm nghĩ.

Đóng cửa đi vào phòng khách, thả người trên ghế sa lông, Minh nghe tứ chi rã rời. Chiếc đồng hồ treo ở phòng ăn kể bên với tiếng tích tắc như một điệu nhạc buồn. Đã hơn mười giờ rồi. Thế mà hồi nãy nàng giả bộ cảm khách - ông xếp của chồng nàng - ở lại chơi thêm chút nữa. May mà ông Vĩnh từ chối. Ông nói ngủ sớm, dậy sớm làm cho con người mình mạnh và khoẻ mạnh với giọng tự hào như chính ông là kẻ đầu tiên tìm ra nguyên lý đó. Miệng nhà giàu có khác! Nhưng Minh thầm nghĩ mình mạnh và khoẻ mạnh kiểu gì mà nước da ông bung xì.

Trong đời, nàng chưa thấy người nào ăn khoẻ như cái nhà ông Vĩnh này. Bao nhiêu sườn nướng, bò hầm nàng đã bóp bụng mua sắm, nấu nướng cho bữa tiệc được thơm tất. Minh dự định thức ăn còn lại nàng sẽ để dành cho bữa sau. Vậy mà mọi thứ đều hết sạch sành sanh. Ông Vĩnh tận tình chiêu cố tất cả các món với vẻ thích thú. Mới nghe Bình, nhân viên của ông, ngỏ ý muốn mượn một số tiền rồi trừ dần vào lương, ông Vĩnh đã quyết định từ chối nhưng vẫn gấp lia những miếng thịt to nhất, ngon nhất bỏ vào chén.

Ông Vĩnh đã tạo dựng cơ nghiệp từ hai bàn tay trắng nên đồng tiền chính là máu huyết của ông chứ

Ngủ Đi Em

Tống Minh Long Quân



không chỉ là những cái bánh xe như người ta vẫn nói về những kẻ bủn xỉn. Ai cười ông biển lận, kẻ họ. Đừng mong đụng đến tiền của ông!

Bình phải nuốt mất hỏi vay ông Vĩnh vì gặp cảnh không may. Chàng đã lỡ đầu tư hết vốn liếng dành dụm của vợ chồng trong thị trường chứng khoán và thất bại. Bình đã cố hết sức dụ dỗ, khéo léo ca bài con cá nó sống nhờ nước nhưng ông Vĩnh thần nhiên trả lời: "Thời buổi này làm ăn gì cũng phải tính trước chớ. Tôi cũng muốn giúp lắm nhưng...".

Để tránh cảnh ngượng ngập cho chồng khi phải mở miệng năn nỉ xin vay, Minh lấy cớ đỡ con ngủ, bỏ lên lầu và nán lại thật lâu với con. Nàng cố lắng nghe câu chuyện dưới nhà nhưng chỉ nghe được tiếng rừ rừ khi nhỏ khi to. Đến khi bé Sơn đã ngủ say, Minh buộc lòng xuống nhà tiếp khách. Chỉ cần nhìn nét mặt chồng là Minh đã đoán được câu trả lời của ông Vĩnh. Thật ra số tiền Bình xin vay có nhiều nhòì gì cho cam, chỉ đủ cho vợ chồng nàng đóng tiền nhà

tháng này, đóng tiền bảo hiểm đã hết hạn và tiền thuế lợi tức còn thiếu mà thôi. Số tiền này đối với ông Vĩnh như một hạt cát trong sa mạc, hơn nữa Bình là nhân viên lâu năm của ông thì làm sao mà mất được. Đúng là kẻ bủn xỉn.

Có tiếng động trên lầu. Minh ngẩng đầu lên nghe ngóng. Có lẽ cậu bé ngủ say đập tay đập chân vào thành giường. Nàng uể oải đứng dậy đi lên, ghé mắt nhìn vào căn phòng đứa con trai một tuổi đang ngủ say sưa, gương mặt như thiên thần. Nàng nhớ lại tối hôm trước Bình vào phòng nựng con, chàng đã thì thầm: "Vì con, cha có thể làm bất cứ chuyện gì, con biết không..." Nghĩ đến đây tự dưng bụng nàng thắt lại vì thương chồng. Nàng thở dài nhẹ nhàng và nhón gót đi ra khỏi phòng.

Minh đi xuống phòng khách chờ chồng về rồi đi ngủ luôn một thể. Gần mười một giờ. Quái, trạm xe buýt đầu đường gần đây, cả đi cả về chưa tới mười phút... Hay là Bình ở lại chờ xe

với ông xếp, sẵn dịp cố năn nỉ thêm coi ông ta có đổi ý mà cho mượn tiền chăng? Nàng nhìn ra cửa sổ. Đêm nay trời không sao, bầu trời u ám với sương mù dày đặc.

Minh ngồi chờ chồng, đếm từng phút. Mười một giờ mười lăm. Nàng nghe tiếng xe Bình chạy vào garage. Chàng mở cửa nhẹ nhàng bước vào cố tình không gây tiếng động. Chàng giật mình ngạc nhiên khi thấy vợ đang ngồi ở sa lông.

- Ủa, anh tưởng em ngủ rồi chứ?

- Em chờ anh về rồi cùng đi ngủ.

Bình cười nhẹ nhàng:

- Em muốn chờ tin cuối cùng xem chúng mình có mượn được tiền lão già hay không chứ gì? Còn lâu, lão cóc già này thật bủn xỉn...

Chàng đi vào phòng ăn vừa hỏi vợ:

- Minh còn dư rượu pha trái cây hồi nãy không hả em? Anh muốn kiếm chút gì uống cho quên cơn nhức đầu.

- Còn trong tủ lạnh đó anh.

Bình bước về phía tủ lạnh. Minh nhìn đằng sau lưng chồng với hai vai rộng. Mái tóc dợn sóng của chàng có vẻ ướt vì sương đêm. Bình cầm ly rượu trở ra phòng khách. Minh tò mò hỏi:

- Bộ xe buýt đến trễ hả anh? Anh ngồi chờ xe với ông Vĩnh chứ gì?

Bình cười trong cổ họng:

- Chờ xe với lão ta? Đồi nào! Dù lão có lợi bộ về nhà anh cũng mặc kệ. Anh chỉ bỏ ông ta xuống băng ghế chờ rồi đi liền.

Có lẽ như đoán được ý nghĩ của vợ, Bình giải thích:

- Tại xe trục trặc tắt máy lúc lên dốc nên anh phải ở lại sửa.

Chàng vừa nhấp nháp rượu, vừa nheo mắt nhìn vợ:

- Chúng mình phải tìm cách khác...

- Dĩ nhiên rồi. Hay là anh hỏi vay tiền anh Thông...

Nói đến đây Minh im bặt. Nàng biết mình lỡ lời. Thông là nhân vật thứ nhì sau ông Vĩnh trong công ty của Bình. Chính Thông đã giới thiệu Bình vào làm việc ở công ty. Hơn

nữa, Thông lại là người yêu cũ của nàng, đáng lý ra hai người đã làm đám cưới trước khi nàng quen Bình nhưng vì chuyện hiểu lầm không đáng mà hai người xa nhau. Bình biết điều này và tránh đề cập đến dĩ vãng của vợ.

Bình mỉm chặt môi, đôi mày cau lại. Minh thầm so sánh chồng và Thông. Thông có vẻ già dặn chớ không trẻ con như Bình, hờ chút là ghen tương giận dữ. Nàng nhẹ nhàng nói:

- Thôi mình quên chuyện này đi. Khuya rồi mình đi ngủ...

- Không. Chúng mình nên thảo luận vấn đề này ngay bây giờ để em khỏi hối hận về sau... G i ọ n g chàng có vẻ hơi say.

- Anh Bình, đừng có vô lý nữa... Chúng mình ...

Nói đến đây Minh ngưng lại vì nàng vừa thấy đèn pha của một chiếc xe hơi quẹo vào cổng nhà nàng, sau đó có tiếng đóng cửa xe và tiếng chân bước lên thềm nhà. Bình không để ý vẫn tiếp tục nói:

- Thông vẫn còn độc thân đó. Anh ta vẫn chờ em để nối lại duyên xưa. Em nên trở lại với hắn để sống sung sướng hơn là phải chịu cực khổ với thằng chồng bất tài này. Em và bé Sơn...

Minh ngất ngang:

- Anh Bình, có ai đến kìa!

Vừa lúc đó tiếng chuông gọi cửa vang lên. Minh vội vàng đứng dậy đi ra hé cửa nhìn. Chẳng ai khác hơn là anh chàng Ninh, người lối xóm ở cách nhà vợ chồng nàng hai căn, vừa là bạn đồng nghiệp của Bình trong công ty.

Cửa vừa mở ra, Ninh tuôn vào như cơn gió lốc, giọng hót hải:

- Tôi đi ngang thấy nhà anh chị còn đèn nên ghé ngang để báo cho anh chị một tin....

Bình giơ ly rượu lên ngắt lời:

- Chuyện gì vậy? Bộ nhà bị cúp điện hả?

Ninh bước những bước nặng nhọc, gương mặt đỏ hồng bực bội theo từng bước chân của một người bị bệnh béo phì. Hai bàn tay thọc sâu vào túi áo khoác. Chừng như nhớ đến chiếc

mũ dạ vẫn còn đội trên đầu, anh ta lấy mũ xuống để lộ chiếc đầu hói gần như trọc:

- Cúp điện thì nói làm gì! Không, vụ ông Vĩnh kìa! Ông ta vừa bị cướp. Tụi du côn giựt tiền rồi xô ông té xuống lề đường.

Hai vợ chồng Minh buột miệng cùng một lúc:

- Trời ơi, ông Vĩnh!

Bình chậm rãi đặt ly rượu xuống bàn, nhìn chăm bắm vào khuôn mặt trở nên xanh mét của Ninh.

- Ở đâu? Hồi nào?

Ninh hất đầu về phía cửa:

- Ở trạm xe bus. Lúc tôi lái xe ngang thấy mấy xe cảnh sát nên dừng lại xem, té ra là ông Vĩnh... Ông ta chết rồi!

- Ông Vĩnh chết?

Bình như nói với chính mình.

- Phải! Chắc là tên cướp xô ông té xuống đường rồi lấy đá đập lên đầu ông.

Cặp mắt của Ninh nhìn về ly rượu của Bình, vẻ thêm thương. Anh ta liếm môi và hỏi:

- Không biết có phiền anh chị không nếu tôi xin anh chị một ly rượu, ngồi một lúc để lấy bình tĩnh. Chuyện ông Vĩnh làm tôi mất tinh thần.

Minh mỉm cười đứng dậy đi rót rượu cho khách. Ninh cởi áo khoác đi lại tủ máng gần cửa ra vào. Chiếc tủ nhỏ đầy những áo treo trong đó. Áo của Ninh rơi xuống trong lúc Bình loay hoay kiếm một móc áo. Ninh giơ tay cản:

- Kệ nó anh Bình, anh để dưới đất cũng được, áo cũ rồi. N h u n g Bình vẫn cố tìm chỗ máng. Minh trở ra, trao ly rượu cho Ninh, anh ta nhận lấy và cảm ơn rồi rút. Minh ngồi xuống đối diện Ninh trong lúc Bình vẫn đứng, tay thọc vào túi quần, Chàng nói:

- Hồi nãy ông Vĩnh đến đây ăn cơm tối với chúng tôi. Chính tôi đã lái xe đưa ông ta đến trạm xe buýt.

Ninh cầm ly rượu ực một hơi, nhú mày lại, hỏi:

- Thật vậy sao? Và anh không ở lại chờ xe với ông ta à? -Nhưng rồi

Ninh cười nhẹ - Hỏi thế tôi chứ đâu phải việc của tôi!

Minh liếc nhìn chồng, tim đập mạnh. Ánh mắt chàng có vẻ xa vắng như bận suy nghĩ điều gì.

Ninh tiếp tục nói:

- Tôi hy vọng cảnh sát không điều tra làm khó dễ anh. Chuyện cướp giật xảy ra như cơm bữa, nhất là trong thời buổi kinh tế khó khăn bây giờ. Tội du đãng đâu có từ việc gì! Ông Vĩnh lại mang nhiều tiền mặt trong người. Hồi chiều trong công ty tôi thấy ông ta lấy tiền từ trong két sắt ra, tôi nghĩ ông chưa có giờ vào nhà băng để gửi đâu.

Minh lo lắng nói:

- Chắc thế nào cảnh sát cũng biết là ông Vĩnh ăn cơm tối với chúng tôi!

Bình cười:

- Anh thích lối suy nghĩ lô- gích của em đó Minh. Cảnh sát biết là cái chắc.

Ninh gật gù tán thành:

- Chị Bình thật thà quá! Có gì mà phải lo sợ! Chuyện ăn tối với nhau là thường!

Minh im lặng. Lý do vợ chồng nàng mời ông ta ăn để mượn tiền anh chàng Ninh này đâu có biết. Nàng liếc nhanh nhìn chồng. Tại sao đêm nay xe chàng lại hư bất tử như vậy? Hay có chuyện gì mờ ám mà chàng cố tình giấu? Chàng nói xe hư lúc lên đồi. Mới tháng trước chàng đã mang xe vào ga-ra để sửa tốn gần ngàn bạc rồi mà! Nhưng cũng có thể tại tối nay trời ẩm và nhiều sương mù.

Bình xoay người lại nhìn thẳng Minh, giọng xa vắng:

- Bây giờ thì anh Thông sẽ lên làm xếp lớn. Anh không nghĩ là trên trung ương kiếm một người bên ngoài vào thay thế ông Vĩnh đâu!

Ninh nói chen vào:

- Đúng ra đây là dịp tốt cho tất cả mọi người, ai cũng sẽ lên chức. Chỉ chắc chưa biết sự keo kiệt bủn xỉn của ông Vĩnh phải không?

Bình cười, vẻ bí mật:

- Bà biết chứ!

Bỗng nhiên Minh nghe hai vai mình đau thối như có ai vừa bóp mạnh cùng một luồng ớn lạnh ở xương sống. Nàng bực bội nói:

- Chuyện ông chết chẳng liên quan gì đến tôi nhưng giết người như vậy tôi thấy tàn nhẫn quá.

Ninh đặt ly rượu cạn xuống bàn, đứng dậy vừa đi ra cửa vừa nói:

- Cũng không phải là giết người. Chỉ là cướp giật bất cẩn gây ngộ sát mà thôi.

Họ từ giã nhau. Ninh vừa ra khỏi nhà thì vợ chồng Minh cũng lên lầu ngủ, không ai nói với ai câu nào. Nằm trong bóng đêm, quay lưng về phía chồng nhưng Minh vẫn mở mắt thao láo. Hình ảnh ông Vĩnh cứ ám ảnh tâm trí nàng. Và hình ảnh của Bình hôm nào vừa hôn con vừa thủ thỉ "...vì con trai cưng của ba mà không việc gì mà ba không dám làm...". Nàng nghe đồng hồ dưới nhà đổ một tiếng ngắc. Nàng biết Bình cũng chưa ngủ nhưng cố nằm im. Nàng quay lại hỏi nhỏ chồng:

- Hồi chiều xe hư gì vậy anh?

Bình trả lời làm như ngái ngủ:

- Ô... Bình hơi hay gì đó ai mà biết được.

Thế là Minh nằm im không hỏi han gì nữa. Nàng thức trắng đêm đó.

Sáng hôm sau Minh thức dậy, mắt cay xè. Trong lúc nàng đang cho bé Sơn ăn dưới bếp thì nghe tiếng chuông gọi cửa. Bình đang ở trong nhà tắm trên lầu với tiếng máy cạo râu nên có lẽ không nghe chuông. Minh buộc lòng chạy vội ra mở cửa. Nhìn qua cửa sổ nàng thấy chiếc xe cảnh sát với hai bóng người bên ngoài. Nàng bối rối đứng lại và gọi to lên lầu:

- Anh Bình ơi!

Không có tiếng trả lời ngoại trừ tiếng máy cạo râu xè xè. Minh đành mím môi thu hết can đảm khi nắm chốt cửa kéo ra.

- Dạ chào các ông!

Nàng nghe giọng mình reo lên như thể nàng mời họ đến nhà ăn sáng không bằng.

Một người lên tiếng hỏi:

- Xin lỗi bà, chắc chúng tôi không phá giấc ngủ sáng của bà?

Minh mỉm cười gượng gạo:

- Dạ không đâu, tôi có con nhỏ nên quen dậy sớm.

Nàng mời hai người vào nhà. Người trẻ mặc đồng phục cảnh sát, còn người kia có vẻ là thám tử, lớn tuổi hơn mặc bộ com-lê xám. Khuôn mặt ông ta đầy những vết nhăn, mái tóc bạc lốm đốm. Tiếng bé Sơn trong bếp bập bẹ gọi mẹ: "Mẹ... ăn... ăn".

Người lớn tuổi lên tiếng:

- Bà cứ tự nhiên vào lo cho cháu đi. Chúng tôi chỉ muốn gặp ông Bình để hỏi chút chuyện mà thôi.

Nàng mỉm cười ra dấu biết ơn. Hai người khách ngồi xuống ghế. Nàng bước lại cầu thang, gọi vọng lên lầu:

- Anh Bình ơi, có hai ông khách đến kiếm anh kìa.

Trên lầu lặng chang, Minh không còn nghe tiếng máy cạo râu nữa. Bình xuất hiện ở đầu cầu thang. Gương mặt chàng tỉnh táo như vừa có một giấc ngủ ngon. Minh đi vội vào bếp lấy cho con ly sữa, sau đó nàng nép vào cửa bếp để nghe lén câu chuyện trên nhà. Nàng nghe chồng nói chuyện trơn tru:

- Ông Vĩnh sống cuộc đời hoàn toàn cô độc, không vợ con nên nhiều khi vợ chồng tôi mời ông ấy đến nhà để ăn những bữa cơm thân mật trong gia đình.

Ông thám tử hỏi với giọng nghề nghiệp:

- Thì ra vậy. Thế ông Vĩnh rời nhà ông bà lúc mấy giờ?

- Tôi nghĩ vào khoảng mười giờ hai mươi lăm hay hai mươi tám phút gì đó. Chính tôi lái xe đưa ông ấy đến trạm xe bus vì tôi không thể lái xe đưa ông ấy về tận nhà được.

- Thế tại sao ông không ở lại chờ xe bus với ông ấy?

Bình trả lời như đã dự trù sẵn câu hỏi này:

- Dạ không. Dù tôi có muốn ở lại ông cũng không chịu. Tánh ông ta sợ làm phiền người khác lắm.

- Ông Vĩnh là cấp trên của ông phải vậy không ông Bình?

- Dạ thưa phải. Tôi để ông Vĩnh ngồi chờ xe ở ghế đá với sung mù dày đặc thật tình tôi cũng áy náy lắm nhưng ông ấy cứ giục tôi đi ngay, hơn nữa mấy ngày nay con tôi cũng ốm đau nên tôi muốn về để giúp vợ tôi

một tay.

Minh nghe như có ai bóp mạnh trái tim nàng một cái. Bình đã nói dối. Chàng không dám nói thẳng là vợ chồng nàng mời ông Vĩnh lại ăn cơm với ý định mượn tiền. Nhất định là chàng biết rõ những gì chàng khai với nhà chức trách sẽ liên quan ít nhiều đến bản thân chàng.

Nàng nghe người thám tử nói, giọng đều đều:

- Thì ra thế! Tội nghiệp cho ông Vĩnh chết thảm. Thế mấy giờ ông về đến nhà?

Bình có vẻ ngập ngừng:

- Vào khoảng mười một giờ. Tại về gần đến nhà thì xe tôi bị xì bánh.

Bánh xe xì? Có thật vậy không? Hết bình hơi hư lại xì bánh xe. Trời ơi, anh đã làm gì hử Bình? Tại sao anh lại phải nói dối như vậy? Anh đã làm gì mà về trễ đến mười lăm phút đồng hồ?

Minh đứng núp sau cánh cửa bếp. Nàng lấy tay bịt miệng vì sợ hãi, môi cắn chặt đến rướm máu. Nàng nghe Bình tiễn khách ra cửa. Nàng loáng thoáng nghe ông thám tử nói đang chờ kết quả khám nghiệm y khoa xác định ông Vĩnh chết lúc mấy giờ, sau đó là tiếng cảm ơn và chào từ giã. Minh nghe tiếng cửa đóng lại và sau đó hoàn toàn im lặng. Một lát sau Bình đi xuống bếp, chàng nhìn vợ, cười gượng gạo:

- Xong rồi...

Chàng đi lại véo nhẹ tai nựng bé Sơn. Bé Sơn cười hăng hắc, bập bẹ nói "Ba..ba.. xấu lắm". Bình cười, giỡn với con:

- Sơn xấu nè... Sơn làm đổ hết sữa xuống nhà rồi xấu quá! Nói xong chàng đi kiểm cây lau nhà để lau chỗ sữa bé Sơn làm đổ. Chàng nói mà không nhìn vợ:

- Em pha cho anh ly cà phê đủ rồi. Sáng nay anh không ăn sáng đâu. Nếu hôm nay em không cần xe để đi chợ thì anh sẽ đem xe đi sửa.

Minh im lặng đi pha cà phê mà không nói tiếng nào. Bất giác nàng lên tiếng hỏi chồng, giọng khô khan, không quay lại:

- Tại sao anh phải nói dối là xe hư?

Nàng nghe chồng cười khàng khặc trong cổ họng:

- Té ra em cũng cũng nghe lén câu chuyện. Tại sao? Chỉ tại anh không muốn em lo lắng về mấy bánh xe thế thôi. Đang lúc chúng mình kẹt tiền mà lại phải thay hay vá bánh xe thì cũng tốn tiền vậy!

Minh nghe tức nghẹn họng. Đáng lý ra chàng phải biết những lời khai láo ảnh hưởng nghiêm trọng thế nào chứ, nhất là là một cuộc điều tra án mạng. Lúc này mà Bình còn cười được hay sao? Minh im lặng không nói gì thêm, bỏ đi lên phòng khách. Mấy phút sau nàng nghe tiếng đóng cửa nhà xe. Bình đã đi làm. Minh ẩm con ra ngoài để chờ ông phát thư. Căn nhà hai vợ chồng nàng tọa lạc trên một ngọn đồi, đứng ngoài sân nàng có thể nhìn xe cộ chạy bên dưới. Bất giác nàng giật mình đánh thót khi thấy xe của Bình đang đậu bên vệ đường dưới dốc và chàng đang cúi húi thay bánh xe! Trời ơi, chàng đang tạo dựng một vở kịch cho phù hợp với lời khai cảnh sát, nhỡ trong trường hợp họ đòi khám xe! Nàng tin chắc tối hôm qua không có hư bình hơi hay xì bánh xe gì cả. Tại sao Bình phải nói láo? Chàng đã làm gì trong cái chết ông Vĩnh? Chàng đã dối gạt nàng lần cảnh sát.

Tối hôm đó Bình về hơi muộn hơn thường lệ. Chàng bước vào cửa, trên đầu vẫn còn đội chiếc mũ dạ. Bé Sơn ngày nào cũng chờ cha về để lon ton chạy lại giật chiếc nón xuống và giỡn với tóc cha. Bình ẩm con hôn hít một hồi rồi thả nó xuống, mỉm cười nhìn vợ. Nhìn nét mặt lạnh băng của Minh, chàng hơi cau mày hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

Minh lắc đầu:

- Không có chuyện gì cả. Em đã cho bé Sơn ăn xong rồi và đang chờ anh về ăn cơm đây.

- Em trông có vẻ bơ phờ hơn thường ngày. Chị Lan có điện thoại cho em không?

Lan là bạn thân của Minh, cũng làm chung một công ty với Bình. Thấy Minh lắc đầu, Bình vừa cởi áo ngoài vừa chậm rãi kể:

- Người ta đã bắt được người tình nghi rồi. Anh tưởng đâu chị Lan đã điện thoại kể tin sốt dẻo cho em biết chứ?

- Ai vậy? Có phải anh chàng Ninh không?

- Không. Chính anh Thông!

Minh giật mình. Nàng cắn chặt môi cho khỏi run. Nàng lão đảo đứng không vững, tay bấu chặt vào thành ghế. Bình đứng yên quan sát vợ. Minh thấy chồng mỉm cười mà lúc này đây, nụ cười đó trông đều giả và độc ác làm sao! Bình xoay lưng đi về phía tủ để máng áo. Giọng chàng cất lên như từ chốn xa xăm nào vậy:

- Anh không ngờ tin anh Thông bị bắt làm em hết hoảng đến thế!

Lúc này Minh mới thấy giọng của chồng thật là đáng ghét. Nàng nói không ra hơi:

- Không phải vậy đâu anh Bình... Anh không hiểu gì cả...

Bé Sơn như hiểu được không khí căng thẳng của cha mẹ, nó hết nhìn người này đến người kia rồi chạy lại ôm chân mẹ nhưng nó vấp phải con gấu bông nên té xuống thảm. Minh chạy vội lại bế con. Nàng nghe giọng chồng vẫn lải nhải từ tủ quần áo:

- Anh hiểu em nhiều lắm chứ!

Nói xong chàng đi thẳng lên lầu để thay quần áo. Ôm con trong lòng, Minh ngồi chết lặng một hồi lâu. Nàng buồn khi thấy chồng lúc nào cũng ngờ vực, ghen tương nàng còn tình ý với Thông. Nàng thấy tủi thân khi chồng không hiểu được tình cảm của nàng dành cho chàng thâm sâu đến thế nào. Chuyện gì xảy ra cho anh chàng Thông thì việc quái gì nàng phải lo cuống cuống như vậy? Nàng lo là vụ sát nhân mà không biết Bình có liên quan đến không, về việc chàng đã về trễ tối qua mà cố tình nói láo là xe hư. Nếu chàng không có gian ý thì tại sao sáng nay chàng phải lái xe xuống dưới đồi để thay bánh trong khi thật sự vỏ xe không hề hấn gì? Bình cứ lo ghen tương hão hớ không biết tâm trạng của vợ đang lo sợ muốn chết được vì ngờ vực chồng là kẻ sát nhân!

Tối hôm đó Minh cũng không thể

nào chớp mắt được mặc dù nàng đã quá mệt mỏi. Nàng biết chồng mình cũng đang lo nghĩ, bằng có là chàng cứ trần trọc khác với lệ thường mỗi khi lên giường là chàng đánh giấc ngon lành. Đầu óc nàng lúc nào cũng vang vang lên câu nói: "Anh ấy đã giết ông Vĩnh! Anh ấy mới là kẻ sát nhân!" Minh nghĩ có lẽ vì nàng và bé Sơn nên chàng đã làm liều, nhúng tay vào tội ác để có tiền lo cho vợ con. Trời ơi anh Bình! Tại sao anh phải làm vậy chứ? Tại sao? Tại sao? Cùng lúc ấy, một ý nghĩ khác xâm chiếm tâm hồn nàng. Tội nghiệp người đàn ông nằm bên cạnh nàng đây đã vì mẹ con nàng mà phạm tội tày trời, nàng muốn ôm hôn chồng với tình cảm dâng đầy, nhưng đồng thời nàng cũng có cảm giác lợm giọng buồn nôn khi nghĩ đến mình đang nằm cạnh người đàn ông đã vì tiền mà nhúng tay vào máu. Trời ơi, nàng đang nằm cạnh kẻ sát nhân. Hồi đó đến giờ nàng chỉ thấy kẻ sát nhân qua báo chí, giờ đây là một hình ảnh cụ thể có thể sờ mó được. Nàng lấy gối cổ tình ngăn giữa hai vợ chồng nàng. Nàng phải cắn chặt môi để khỏi khóc.

Minh sống trong tình trạng bán tín bán nghi cho đến hai ngày sau thì mối nghi hoặc của nàng càng rõ ràng hơn. Thứ nhất là tờ biên nhận bảo hiểm chứng tỏ Bình đã đóng tiền thanh toán tháng này rồi. Vậy thì chàng kiếm tiền ở đâu ra? Xưa giờ hề mượn tiền ai chàng đều nói cho vợ biết mà? Hơn nữa, chị Lan đã điện thoại kể cho nàng nghe. Nàng im lặng nghe giọng nói đều đều của chị ấy:

- ... Mấy thằng cha đàn ông làm việc thấy tức cười. Mới mấy hôm trước thằng cha Ninh cứ than thở là làm việc nhiều quá, ốm đờm không xuể, tui có nói nếu văn phòng trung ương không tuyển thêm người phụ thì anh nên đi kiếm việc khác để khỏi than hoài. Thế mà bây giờ vắng cả hai người, ông Vĩnh và ông Thông, thằng cha Ninh xử lý thường vụ, ốm đờm hết mọi công việc mà vẫn vui vẻ không phàn nàn một tiếng. Trời ơi tui nghĩ nếu hồi đó bỏ lấy ông Thông thì

không biết bây giờ bỏ ra sao? Dĩ nhiên ai cũng đoán kẻ tội phạm phải là người trong công ty vì lúc ông Vĩnh mở két sắt trong sổ, ôm một số tiền lớn ra định đem gửi ngân hàng có vài người thấy. Nếu không thấy ông ta ôm tiền thì đi ngoài đường bố bảo ai biết ông ấy có tiền, trông đáng ông luộm thuộm chán thấy mồ! Bỏ có biết nhiều khi ông đi làm với cái áo sờn vai, đôi giày há mồm, đến nỗi nhân viên phải nói lên là đồ Salvation Army coi còn bảnh hơn những bộ đồ ông mặc. Xếp với xiếc gì kỳ vậy không biết!

Minh hỏi bạn, giọng hơi run:

- Thế người ta có tìm lại được số tiền không?

- Dĩ nhiên, nhưng chỉ một phần thôi. Cảnh sát xét thấy trên người của ông Thông.

Minh nghe tim mình thất chặt. Một phần thôi. Một phần chắc nằm trong những hóa đơn thanh toán tiền bảo hiểm, tiền nhà, tiền thuế của Bình chứ gì?

Lan vẫn sôi nổi kể tiếp:

- Chắc anh chàng Thông cờ bạc hay đem tiền nuôi gái chó làm gì mà phải cần tiền như vậy. Lương anh ta cũng khá cao mà. Để mai một anh ta ra tòa thì mới rõ trắng đen. Bắt được tiền trong người không phải là lý do chính để buộc tội mà chính vì những sợi tóc...

- Sợi tóc?

- Phải! Ừa, chó bộ Bình không kể cho bồ nghe sao? Họ kiếm thấy những sợi tóc màu hung trong tay ông Vĩnh trong lúc ông giăng cò với tên cướp. Tóc cùng loại với ông Thông. Tui đã đùa với thằng cha Ninh là người hói đầu như thằng chả là yên chí lớn, khỏi ai nghi được...

Minh nghe ù ở tai. Đủ rồi, nàng không muốn nghe bạn kể thêm nữa nên lấy cớ là con khóc để cúp điện thoại. Tim nàng đập thình thịch như muốn vỡ lồng ngực. Nàng nghe khó thở như có gì chặn ngang cổ họng. Nàng vội chạy vào phòng ngủ của nàng để nằm nghỉ - căn phòng ngủ của nàng và chàng - một kẻ sát nhân! Nàng nhớ lại buổi sáng đầu tiên sau

vụ án mạng, nàng thấy nơi đầu giường phía bên Bình có cây lược lạ mà lúc đó nàng không để ý gì cho lắm, chỉ lấy bỏ vào học tủ. Minh chỗi dậy, lết người qua bên kia giường, tay run run kéo học tủ ra để tìm cây lược. Nó đã biến mất! Nàng nhớ ngày xưa khi còn yêu Thông, nàng ghét anh ta có tật thỉnh thoảng cứ lấy lược ra chải lại mái tóc bông bênh. Nàng không thích đàn ông điệu quá, và lạnh mình khi nhớ là Thông cũng có một cây lược màu đen giống như cây lược mà nàng trong nhà nàng vài hôm trước!

Bây giờ nàng biết rõ sự thật. Bình đã giết người. Bình đã giết ông Vĩnh. Chàng đàn cảnh từ chiếc lược để đổ tội cho Thông chẳng qua vì chàng ghen với dĩ vãng của vợ.

Minh ngồi chết trân trên giường, miệng lẩm bẩm: "Bình ơi, sao anh lại giết người?"

Chiều hôm đó đi làm về Bình có vẻ thờ thối yêu đời như không có chuyện gì xảy ra. Có thật là chàng thờ thối hay là cố tình làm tỉnh để mọi người khỏi nghi ngờ? Nàng ngăm quan sát mọi cử chỉ của chồng, xem Bình đóng kịch giỏi đến mức nào, trong lòng dấy lên một chút khinh bỉ! Té ra người đàn ông mà ai cũng khen có khuôn mặt thật thà lại là kẻ giết người không mảy may rung động.

Sau bữa ăn tối, hai vợ chồng đang ngồi uống trà thì tiếng chuông điện thoại reo vang. Hai vợ chồng đứng dậy cùng một lúc. Bình hấp tấp chạy lại bàn điện thoại. Vừa bịt đầu máy chàng vừa nói với Minh:

- Anh nghe hình như có tiếng con khóc trên lầu, em thử chạy lên xem không thôi nó bỏ xuống thang lầu té bể đầu.

Minh không nghe tiếng bé Sơn khóc. Nó đang ngủ ngon trên lầu nhưng có lẽ Bình không muốn nàng có mặt khi chàng nghe điện thoại. Nàng giả vờ chạy vào phòng con nhưng thật ra nàng nép sau cánh cửa để nghe lén cuộc điện đàm bên dưới. Nàng nghe Bình thì thầm qua ống nghe: "Tối nay... Ở đời dốt... Hai chục ngàn chẵn..."

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, Minh

chạy vào phòng bé Sơn, gục đầu vào thành giường con mà thổn thức. Trời ơi! Chồng tôi là kẻ sát nhân! Minh muốn hét to lên cho đỡ tức. Vợ chồng nàng sang đây gần mười năm trời, tuy không giàu có hơn ai nhưng sống tương đối thoải mái. Họ mua được căn nhà nhỏ ấm cúng, không hề học thói đua đòi. Bỗng dưng Bình nghe lời bạn bè, đem tiền đầu tư vào thị trường chứng khoán nên mới ra nông nỗi này. Bé Sơn còn quá nhỏ chứ Minh cũng đã có ý định đi làm phụ giúp thêm tài chánh trong nhà nhưng Bình cứ ngăn cản, sợ bỏ bé Sơn cho người khác giữ không được yên chí bằng. Minh không trách chồng một tiếng vì nàng biết chồng chỉ muốn làm giàu nhanh chóng cho mẹ con nàng sung sướng mà thôi. Nhưng nàng không chấp nhận chồng nhúng tay vào tội lỗi, nếu mai kia họ khám phá ra, chàng đi tù, bé Sơn sẽ nghĩ sao khi cha nó là kẻ sát nhân?

Minh nghe hai chân mình rũ ra như không còn chút sinh lực nào. Chính Bình đã vào phòng kịp lúc đỡ nàng khỏi té xuống đất. Chàng âu yếm ôm nàng trong vòng tay nhưng Minh gồng mình cố thoát ra khỏi tay chàng. Nhưng nàng càng cố sức thì hai cánh tay chàng như hai gọng kềm ôm sát nàng hơn. Minh không ngờ hai cánh tay chàng mạnh đến như vậy. Hèn chi! Có vậy mới có đủ sức mà giết người chớ?

Bình thì thầm nói qua tai nàng:

- Tội nghiệp cưng quá. Anh không ngờ chuyện của anh Thông mà làm em đau khổ đến như vậy.

Minh im lặng không thèm trả lời vì nàng biết nếu mở miệng ra, nàng sẽ hét to vào mặt chồng và nói anh mới chính là kẻ giết người, kẻ nham hiểm ném đá giấu tay.

Bình vẫn dịu dàng:

- Em nên đi ngủ sớm cho khỏe. Anh thấy từ vụ ông Vĩnh chết, em không ngủ được. Em lên giường nằm để anh xuống bếp pha ly sữa nóng với chút rượu Rhum cho em dễ ngủ. Hồi mới sanh bé Sơn em cũng mất ngủ một thời gian, anh phải làm cách này cho em ngủ đó, nhớ không?

Minh gật gật đầu ra vẻ đồng ý và vào giường nằm. Nàng cố tình không thay đồ ngủ, kéo mền lên tận cổ để Bình khỏi nghi ngờ. Bình muốn nàng đi ngủ để thi hành kế hoạch gì đây? Biết đâu Bình sẽ chẳng lấy thuốc ngủ bỏ vào ly sữa để nàng ngủ như chết để chàng dễ thi hành một kế hoạch nào đó. Nếu Bình nghi ngờ nàng đã khám phá ra chàng là kẻ sát nhân, biết đâu chàng chẳng bỏ vào bốn năm viên thuốc ngủ để không bao giờ nàng còn tỉnh dậy được nữa. Nghĩ đến đây Minh thấy lạnh toát ở sống lưng.

Khi Bình bung ly sữa vào phòng, Minh thản nhiên cầm bằng hai tay, không lộ chút cảm xúc nào, đưa ly sữa lên miệng làm như đang uống.

Bình nhìn nàng âu yếm:

- Ngon không?

- Nóng quá, để một lát em uống.

Minh đưa mắt nhìn thái độ chàng xem có nghi ngờ nàng chùi nào không. Bình vươn vai ngáp không cần che miệng vừa nói:

- Nóng hay lạnh gì em cũng phải uống hết để ngủ cho khỏe.

Minh biết chồng giả bộ buồn ngủ chứ hồi nãy chàng nói chuyện điện thoại hẹn ai đó tối nay ở đời kia mà.

Minh giục chồng tắt hết đèn cho nàng dễ ngủ. Trong bóng đêm, nàng bung ly sữa lên môi cho vành ly đụng vào răng, làm bộ như đang uống ngon lành, sau đó nàng nhẹ nhàng để ly sữa đây xuống gầm giường.

Bình hỏi, không xoay lưng lại:

- Ngon không em?

- Dạ ngon, cảm ơn anh. Mới uống mà em đã thấy đầu quay mòng mòng rồi đó.

Bình ngáp to lên rồi nhắm mắt nằm im, không nói thêm gì nữa. Minh cũng nằm thờ đều đều ra vẻ mình bắt đầu vào mộng. Nàng nằm nghe tiếng đồng hồ gõ trong đêm. Đã một giờ rưỡi sáng rồi.

Bỗng có tiếng trở mình nhẹ của Bình và chàng ngồi dậy. Bình đi chân không lại chỗ máng quần áo. Minh nghe đầu sợi dây nịt khua nhẹ trong đêm. Bình nhón chân lại bên cạnh nàng, cúi đầu xuống nghe ngóng. Minh lo sợ Bình sẽ nghe tiếng tim đập

thình thịch trong lồng ngực nàng nhưng nàng vẫn nhắm mắt làm như ngủ say. Bình nhẹ nhàng nhón chân đi ra khỏi phòng.

Minh nằm im cho đến khi nghe tiếng cửa chính đóng nhẹ chứng tỏ Bình đã đi ra ngoài. Nàng vội vàng nhảy phóc ra khỏi giường chạy lại cửa sổ nhìn xuống sân cỏ, thấy chồng hấp tấp đi về hướng ngọn đồi.

Nàng lần mò trong bóng đêm lấy áo khoác và đôi giày để thấp hấp tấp xỏ vào để đuổi theo xem Bình âm mưu gì. Quay lại nhìn bé Sơn đang ngủ say trên giường, Minh thì thầm:

- Con cưng của mẹ hãy ngủ ngoan đừng thức giấc.

Nói xong nàng chạy biến xuống nhà, mở cửa lao ra ngoài. Gió đêm lạnh lạnh khiến nàng run mình. Minh nhất quyết phải khám phá xem chồng mình làm gì mờ ám. Nhất định nàng sẽ can thiệp không cho Bình phạm tội nữa. Giết một mạng người, như vậy chưa đủ sao?

Nàng chạy băng qua đường, núp mình sau chiếc cổng bằng đá của công viên. Trời tối đen như mực. Nàng thận trọng lần từng bước đuổi theo bóng đen trước mặt đang đi lần đến bờ sông. Minh đứng dừng lại, tim đập thình thịch khi thấy hai bóng đen đang đối diện nhau. Nàng nghe rõ tiếng bạc giấy xoàn xoạt trong đêm hòa với tiếng côn trùng rí rả. Thì ra bọn họ đang chia chác tiền bạc. Bình đã bị một ai đó tống tiền. Một kẻ thứ hai biết hành động sát nhân của chàng ngoài nàng ra.

Minh xoay người lại định tìm chỗ trốn để quan sát kỹ hơn nhưng chiếc áo choàng của nàng bị vướng vào băng ghế picnic. Nàng bậm môi cố giật ra nhưng chiếc áo vẫn kẹt cứng. Cố hết sức giật mạnh, chiếc áo nàng bị rách tét với tiếng soạt ê răng nghe rõ mồn một trong bóng đêm. Một giọng khàn khàn cất lên:

- Chuyện gì vậy?

Không còn vướng bận với cái áo nữa, Minh xoay người chạy, để lại nửa vạt áo trên thân ghế. Vừa lúc đó có tiếng còi tu húy nổi lên. Minh sợ hãi cầm đầu chạy thục mạng về

hướng nhà mình, tiếng chân thành thích đuổi theo sau lưng. Nàng sợ hãi muốn khụy xuống nhưng nghĩ đến bé Sơn. Không! nàng phải sống, không thể để kẻ gian phạm đến tính mệnh nàng. Tiếng thở hồng hộc của kẻ đuổi theo càng lúc càng gần đến bên nàng, kế đó một bàn tay chụp vào cổ áo Minh khiến nàng loạng choạng muốn ngã. Một bàn tay to lớn bịt miệng nàng lại. Nàng vùng vẫy, la hét, cung tay đâm đá loạn xạ vào kẻ đã giữ nàng lại:

- Buông tôi ra! Đừng đụng đến người tôi. Anh là kẻ sát nhân ghê tởm!

- Bình tĩnh lại. Mọi việc đã được giải quyết rồi.

Vừa lúc đó ánh sáng một ngọn đèn pin chiếu ra chói lòa trong đêm. Ánh sáng rọi về bóng một người đàn ông đang chạy trốn. Lúc đó bàn tay bịt miệng nàng vừa buông lỏng ra đồng thời có tiếng la lớn:

- Nằm xuống đất ngay, bà Bình! Coi chừng hấn có súng!

Vừa lúc đó, hai cánh tay khác chồm lên vai nàng và kéo nàng ngã sấp xuống bãi cỏ ướt sương. Thân hình người đó phủ lên người nàng đồng thời một tiếng súng nổ khô khan vang lên. Sau đó lại hoàn toàn yên lặng. Một giọng nói lạ vang lên:

- Xong rồi! Bà Bình không sao chứ?

- Kia, sao em không trả lời Trung úy Can. Em không hề hấn gì phải không?

Đó là giọng nói quen thuộc của chồng nàng. Của kẻ đang nằm phục trên người nàng để che cho nàng khỏi trúng đạn. Ánh sáng ngọn đèn pin từ tay Trung úy Can soi nửa khuôn mặt thanh tú của Bình với đôi mắt lo âu nhìn nàng. Minh ngẩng đầu nhìn khuôn mặt viên thám tử với mái tóc muối tiêu đã đến nhà nàng một lần mà ngỡ ngàng không hiểu gì cả. Xa hơn một chút là một thân hình đang nằm bất động trên bãi cỏ, máu đỏ thấm ướt chiếc quần hần đang mặc. Hần thở hồng hộc và rên xiết có vẻ đau đớn lắm. Khi viên thám tử tiến lại và móc còng sắt ra, Minh mới thấy rõ khuôn

mặt tròn bành bành quen thuộc. Đó là khuôn mặt của anh chàng Ninh!

Một lát sau khi hai vợ chồng Minh trở về nhà, Bình âu yếm lấy khăn lau mặt vợ vừa tùm tùm cười, nói:

- Anh biết sau đêm thằng cha Ninh giết ông Vĩnh, anh là kẻ đáng cho em nghi ngờ nhất. Bởi vì cũng chính đêm đó, anh suýt làm một việc kinh khủng...

Ngừng lại một giây để lấy can đảm, Bình tiếp tục nói:

- Sau khi bỏ ông Vĩnh xuống ghế đá chờ xe, anh buồn kinh khủng, lái xe chạy lên đỉnh đồi và đậu lại bên đường ngồi suy nghĩ trong vòng mười lăm phút cho thần kinh bớt căng thẳng. Anh tính trong lúc bảo hiểm nhân thọ của anh còn hiệu lực đến ngày hôm sau, nếu anh lái xe lao đầu xuống hồ nước bên dưới làm như một tai nạn bình thường, thì bảo hiểm sẽ đền cho em một số tiền để em nuôi bé Sơn ăn học thành tài. Anh sẵn sàng hy sinh tính mạng để vợ con khỏi nheo nhóc. Nhưng không hiểu sao nhìn mặt nước đen thẫm bên dưới, anh lại không đủ can đảm. Anh thấy thương em và con sẽ bơ vơ khi không có anh bên cạnh nên anh đổi ý và lái xe về. Dĩ nhiên là anh đâu dám nói sự thật này cho em biết nên anh phải nói là xe hư. Đến khi cảnh sát điều tra, anh nghĩ nếu nói máy trục trặc thì họ kiểm chứng dễ dàng nên anh phải trốn đi là xì lốp xe....

Minh gật đầu có vẻ hiểu, nàng tiếp lời chồng:

- Vì vậy anh dàn cảnh thay lốp xe để lỡ cảnh sát có kiểm chứng thì đúng sự thật.

- Đúng vậy! Anh còn một tội khác đáng để em nghi là cái đêm anh chàng Ninh lại nhà mình báo tin cái chết của ông Vĩnh, lúc anh lấy áo máng vào tủ tình cờ cái lược trong túi Ninh rớt ra. Anh ngạc nhiên khi thấy hần ta sói đầu mà mang theo lược trong túi làm gì. Anh lấy cái lược cất vào túi anh mà không cho hần biết. Anh ngồi im nghe Ninh kể về cái chết của ông Vĩnh mà đoán là hần ta đang đạo diễn một việc gì đó. Hần biết nếu

ông Vĩnh chết và anh Thông đi tù thì dĩ nhiên hần sẽ là nhân vật thứ ba lên thay thế. Còn không thì sớm hay muộn gì ông Vĩnh cũng kiếm người thay thế hần vì tội ưa phần nản, lánh nặng tìm nhẹ của hần. Hần thấy ông Vĩnh lấy tiền trong tủ sắt ra chiều hôm đó nên lên ăn cắp cái lược của anh Thông thường để trên bàn để thi hành việc ném đá giấu tay. Anh chàng Ninh sau khi giết ông Vĩnh, hấp tấp thế nào mà quên bỏ cây lược vào người ông Vĩnh để nhân viên công lực có bằng cớ buộc tội anh Thông. Anh đã âm thầm đến bắt cảnh sát kể hết mọi việc và đưa chiếc lược làm tang chứng, bởi vậy cảnh sát mới bàn với anh tạo màn kịch tối nay. Anh làm như đã có bằng chứng và muốn tống tiền chàng Ninh nên hẹn hần ra công viên bên đồi, có cảnh sát bao vây để làm bằng chứng lúc hần trao tiền cho anh là họ sẽ chụp lấy với tang vật rành rành, ai dè đâu em xuất hiện khiến kế hoạch hơi đảo lộn một chút và tên Ninh phải lẩn đạn vào đùi.

Minh ứng hồng đôi má, nàng ngập ngừng nói:

- Chắc cảnh sát sẽ trả tự do cho anh Thông chứ?

- Dĩ nhiên. Họ không may may nghi ngờ anh ấy trong vụ sát nhân này. Có nghi là họ nghi cho anh và chàng Ninh là nhiều nhất cho nên họ dựng lên màn kịch bắt giữ anh Thông với số tiền trong người, còn bỏ vài sợi tóc của anh Thông vào tay ông Vĩnh làm như bằng chứng để buộc tội. Lúc đó tên Ninh tưởng hần đã thoát nạn nên khi bị anh giả vờ tống tiền thì hần lo mua chuộc anh để mọi chuyện êm xuôi.

Như nhớ ra điều gì, Minh hấp tấp hỏi:

- Thế anh lấy tiền đâu để đóng bảo hiểm và đóng tiền nhà tháng này?

Bình nhìn nàng với nét mặt ngượng ngập, ngập ngừng đáp:

- Cái này thì anh lại có tội giấu em, lén lấy cái máy phóng ảnh đem bán rồi. Bây giờ chúng mình có muốn xem hình bé Sơn cũng không có. Anh sẽ để dành, khi nào có tiền sẽ mua lại cho em và con nhé!

xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia sẻ và giữ gìn những kỷ niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa soạn mở mục "Xóm cũ" để chào đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy viết chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Sài-Gòn, Quán Cà-Phê và Tuổi Lang Thang

Nguyễn Mạnh An Dân



Anh em nào có ở Đại học xá Minh Mạng những năm 66-67; đã từng lê la ngồi ngắm đất trời ở ngã sáu Chợ Lớn, chỗ cái quán cóc ngay góc đường Minh Mạng - Nguyễn Tri Phương; từng ít nhiều là thân chủ có ký sổ dài hạn với chú Tàu con phỉ lữ, xin nhận một lời nhắn: "Hồi đời đời mấy anh tú tán muôn phương hết, ba bốn cuốn sổ đầy gập những con số em

không lấy được đồng nào nhưng em không buồn; nhớ lại những ngày vui cũ mà rầu rầu ruột. Ước gì có được không khí hồi đó, con người hồi đó, mấy anh đi ra đi vào, hớn hỏ kể chuyện tán đào, rầu rĩ ôm gối thất tình, nồng nhiệt tính chuyện lấp biển đời sông, bàn tán tính đường trốn lính, cái gì cũng ồn ào bực trực, thoải mái tự nhiên, không màu mè rào đón,

không kiểu cách đóng trò gì cả, sống đã thiệt, vui kiểu đó em bán cà-phê cho mấy anh ký sổ hoài cũng được".

Đầu năm 1980, giữa rừng già Bình Long tôi đã tình cờ gặp lại người chủ, người bạn nhỏ này, tôi là tù cải tạo, bạn khổ sai kinh tế mới, cả hai đều thăm nhau nhưng đều có chút rợn rùng nhíp thở khi nhắc lại những chuyện mới đó nhưng như đã lâu rồi. Người bạn nhỏ đã nói với tôi những lời ấm áp, không nguyên văn thì cũng đúng ý như đã ghi ở trên và tôi muốn gởi những lời này đến các bạn như một kỷ niệm chung và tôi cũng muốn mượn dịp này để nói về Cà-phê Sài Gòn, ngày đó.

Bạn đã uống cà-phê nhiều, bạn biết mà, muốn pha một ly cà-phê tuyệt cú mèo đâu có khó: Cà-phê Sê loãng nước nhưng đậm mùi thơm, cà-phê Mít đặc quánh mà vô vị, hãy chọn một tỷ lệ pha trộn thích hợp là đi được bảy mươi phần trăm đoạn đường rồi; muốn kẹo thêm nữa hả? Muốn hưởng cái cảm giác chát chát, tê tê đầu lưỡi phải không? Để mà, thêm vào chút xác cau khô là xong ngay. Bạn muốn có vị Rhum, thì Rhum; bạn thích cái béo béo, thơm thơm của bơ, cứ bỏ chút Britain vào. Bạn hỏi tôi nước mắm nhĩ để làm gì à? Chà, khó quá đi, nói làm sao cho chính xác đây! Thì để cho nó đậm đà. Đậm làm sao? Tôi không biết, không tả được, mời bạn hãy thử và tự cảm lấy. Bạn đòi phải có tách sứ, thìa bạc; bạn nói phải nghe nhạc tiền chiến, phải hút Capstan mới đã đời, thú vị phải không? Thì đó, bạn đã có đủ hết những gì bạn cần sao không tự pha ra mà uống, lại cứ đòi đi uống cà-phê tiệm, dị hợm không?

Nói vậy chứ tôi biết, tôi không trách bạn đâu. Cà-phê ngon chỉ mới được một nửa, nhưng chúng ta đâu chỉ cần uống cà-phê, chúng ta còn ghiền "uống" con người cà-phê; "uống" không khí và cảnh sắc cà-phê; "uống" câu chuyện quanh bàn cà-phê và nhiều thứ nữa. Vậy thì mời bạn đi với tôi, quanh quanh Sài Gòn làm vài ly chơi; dĩ nhiên là tưởng tượng, cả bạn và tôi đều biết, đã xa

rời, biên biệt lắm rồi, ngày đó.

Tôi xin bắt đầu từ giữa thập niên 60, những năm đầu tôi sống ở Sài Gòn và cũng là giai đoạn đất nước thực sự có những trở mình to tát; những cơn lốc kinh hồn; những bùng vỡ vượt mọi giới hạn; những xô đẩy, mời gọi đầy lôi cuốn và cũng nhiều cam bẫy.

Niềm vui và nỗi hy vọng về một vận hội mới sau biến cố 1963 qua nhanh theo với sự yếu tử tất yếu của những người đã nhân danh một cuộc cách mạng, nhưng là thứ cách mạng nửa vời; có khả năng đả phá những kẻ thiếu bản lãnh và tâm lực để xây dựng, kiến tạo; rồi chỉnh lý; tái chỉnh lý; chính quyền quân nhân; chính quyền dân sự; Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc ở Huế và các tỉnh miền Trung; Phong Trào Nhân Dân Tự Quyết ở Đà Nẵng; Phật giáo đưa bàn thờ xuống đường; Thiên Chúa giáo biểu dương lực lượng ở chỗ này chỗ khác; người Mỹ đổ bộ càng lúc càng đông, theo với nó là Snack Bar, gái làm tiền và sự phá sản nghiêm trọng của nhiều giá trị luân lý và đạo đức. Chiến trường càng lúc càng khốc liệt, càng áp gần và đã trở thành một nỗi ám ảnh dai dẳng; một cơn ác mộng thường trực. Dù thứ chiêu bài, dù thứ lý thuyết mới mẻ và lôi cuốn được nhân danh, được nhắc đến...

Như vậy đó, Miền Nam Việt Nam những năm giữa thập niên 60; như vậy đó, tuổi trẻ Việt Nam lột xác: phải biết lớn ra, phải tự già đi trước tuổi của mình. Những "lưu bút ngày xanh" đành gấp lại; những mơ mộng hoa bướm tự nó đã thành lỗi nhịp, vô duyên. Tiếng cười dường như ít đi, kém trong trẻo hồn nhiên; khuôn mặt, dáng vẻ dường như tư lự, trầm lắng hơn và đầu óc không còn, cũng không thể vô tư nhớn nhác được nữa. Những điều thuộc đầu tiên trong đời được đốt lên; những ly cà-phê đắng đầu tiên trong đời được nhấp vào và dù muốn hay không, tuổi trẻ đã thực sự bị chi phối, và phải thường xuyên đối diện với những bất hạnh của dân tộc mình; những thảm kịch của thân phận mình và quán cà-phê trở thành cái nơi chốn hẹn hò để dần trải tâm tư, để

trầm lắng suy gẫm. Có một chút bức thiết, thật lòng; có một chút làm dáng, thời thượng. Thông cảm giùm đi, tập làm người lớn mà.

Những ngày mới vào Thủ đô, tôi ở Đại học xá Minh Mạng. Đối với một thanh niên tỉnh lẻ mới mẻ và bỡ ngỡ, Sài Gòn lớn lắm, phồn vinh và náo nhiệt lắm. Trong suốt nhiều tuần lễ đầu tiên tôi đã dè dặt khi đi lại và lúc nào cũng lầm nhảm câu "thần chú" bạn bè mớm cho: Phan Thanh Giản đi xuống, Phan Đình Phùng đi lên và mừng tượng ra một "lá bùa" như một thứ kim chỉ nam khả dụng. Hai con đường một chiều và ngược nhau như cái xương sống xuyên dọc trung tâm thành phố giúp định hướng, tạo dễ dàng cho việc di chuyển. Dĩ nhiên nếu tính từ Đại học xá, Phan Thanh Giản được hiểu như bao gồm cả khúc Minh Mạng nối từ Ngã Bảy đến Ngã Sáu Chợ Lớn và Phan Đình Phùng phải cộng thêm khúc Lý Thái Tổ rẽ phải đến Ngã Bảy hoặc rẽ trái đến Trần Hoàng Quân để về Ngã Sáu.

Về sau, khi đã khá quen quen, lá bùa được vẽ lớn thêm ra: Từ Phan Thanh Giản, rẽ phải theo Lê Văn Duyệt sẽ đến phố chính Lê Lợi, nhà sách Khai Trí, chợ Bến Thành, rẽ trái lên Hòa Hưng, Bảy Hiền; từ Phan Thanh Giản rẽ phải ở Hai Bà Trưng sẽ đến bến Bạch Đằng, rẽ trái sẽ qua cầu Kiệu, Ngã Tư Phú Nhuận; cũng từ Phan Thanh Giản rẽ trái ở Đinh Tiên Hoàng sẽ đến rạp Casino Dakao, qua Lăng Ông Bà Chiểu và hướng ngược lại là trường Văn Khoa. Cứ như thế, cái xe Gobel hai số cọc cạch, nổ bành bịch như máy xay lúa, trung thành như một người bạn thân thiết tha tôi đi khắp Sài Sơn, Chợ Lớn, Gia Định.

Những ngày này tôi là khách thường trực của quán Cà-phê Thu Hương đường Hai Bà Trưng. Quán nằm ở một vị trí đẹp, chiếm ba lô đất ngó chéo qua phía trại hòm Tobia, nơi đây có một căn phòng hẹp vừa đặt quầy thu tiền, vừa là chỗ ngồi cho những ai thích nghe nhạc với âm thanh lớn, phần còn lại là một sân

gạch rộng, có mái che nhưng không ngăn vách, từ trong có thể nhìn rõ ra đường qua những song sắt nhỏ sơn xanh với một giàn hoa giấy phủ rợp. Ngồi đây có thể nghe được văng vẳng tiếng nhạc vọng ra từ bên trong; cảm được chút riêng tư cách biệt, nhưng đồng thời cũng có thể nhận ra được sức sống bùng lên mỗi sáng, dáng vẻ mệt mỏi u ám mỗi chiều đang lặng lẽ chảy qua trên đường phía ngoài.

Chủ quán ở đây là một người đặc biệt: Khó chịu một cách dễ thương. Hình như với ông, bán cà-phê chỉ như một cách tiêu khiển và pha cà-phê là một nghệ thuật kỳ thú. Ông hãnh diện với tên tuổi của Thu Hương và muốn bảo vệ nó. Bạn là khách uống cà-phê phải không? Xin cứ ngồi yên đó, việc của bạn là uống vậy thì đừng táy máy đụng vào làm hư cà-phê của tôi. Cà-phê được bung tới, ông chủ sẽ ngồi đầu đó quan sát và chờ. Yên tâm đi, đừng nôn nóng gì cả, bạn sẽ có cà-phê ngon để uống mà, ông chủ sẽ xuất hiện đúng lúc cạn phin, sẽ bỏ đường cho bạn, khuấy đều cho bạn và sẽ lịch sự "xin mời" khi mọi việc hoàn tất. Ly cà-phê như vậy mới là Cà-phê Thu Hương, đó là cung cách Thu Hương, đặc điểm của Thu Hương. Nhiều người mới đến lần đầu không biết, cà-phê bung tới là tự lo liệu cho mình đều bị chỉnh ngay: Ông nôn nóng mở phin lỏng như vậy nước chảy ào ào còn gì là Thu Hương! Ông bỏ đường ngọt như ăn chè vậy còn gì là Thu Hương! Ông khuấy cộp cộp kiểu đó cà-phê sẽ chua lét là ông giết Thu Hương rồi! "Thằng cha" này rắc rối thật nhưng là sự rắc rối có thể hiểu được, thông cảm được miễn là cà-phê ngon, mà cà-phê Thu Hương ngon thiệt, ngon lắm.

Trong lãnh vực kinh doanh quán cà-phê, có người dùng âm thanh; có người dùng ánh sáng và cảnh trí; có người nhờ sự duyên dáng của tiếp viên; có người dùng phẩm chất của cà-phê để hấp dẫn khách. Ông chủ Thu Hương đã chọn cách cuối cùng, cách khó nhất và ông đã thành công.

Khách đến với Thu Hương là ai? Nhiều lắm, có thể họ từ bên trường

Luật qua, từ dưới Văn Khoa, Dược, Nông Lâm Súc lên; từ Trung Tâm Văn Hóa Pháp, Hội Việt Mỹ lại; Từ Huỳnh Thị Ngà, Nguyễn Công Trứ, Vương Gia Căn, Võ Trường Toàn, Thư viện Quốc Gia tới, quanh quanh khu Tân Định, Dakao cả mà; cũng có người từ xa hẹn đến nhưng dù từ đâu

dấu xưa

Cái thuở ta còn làm tên lính trận
Cũng say xưa, ngồi mơ mộng một mình.
Cái thuở em còn tay ôm cặp sách
Buồn vu vơ, che giấu những thư tình.

Ngày ấy bên cầu ta thường đứng đợi
Tà áo bay che khuất một khung trời
Ta điếng hồn, nhìn em đi rất vội
Đuổi theo sau, không nói được nên lời.

Trong bình lửa ta chưa hề nao núng
Gươm vung lên, đầu giặc rớt giữa rừng
Bỗng nhiên gặp em, chân ta quỵ xuống
Đôi mắt em chọc thủng trái tim hồng.

Ta mang vết thương làm người si dại
Những tình thư ta viết thật điên cuồng
Em đón nhận với tấm lòng ái ngại
Những lộc lửa toan tính chuyện yêu đương.

Em tập cho ta trò chơi cút bắt
Nhào lộn. Đu dây. Bịt mắt người mù.
Cạm bẫy bủa giăng, làm sao tránh được
Sa chân vào, rơi xuống chốn âm u.

Ta ngụp lặn trong bể tình lầy lội
Em đứng nhìn, thoả mãn thú tiêu dao.
Trò chơi ấy cũng đến hồi kết cuộc
Em vụt bay xa, chẳng biết nơi nào.

Hơn hai mươi năm, ngồi đây nhớ lại
Em của một thời lộng lẫy kiêu sa.
Vết thương cũ đã bao lần nhức nhối
Đã bao lần thốn thức trái tim ta.

Những mùa xuân qua chưa về quê cũ
Thăm chiếc cầu một thuở đứng chờ em
Để sống lại trong ta thời quá khứ
Nhìn dòng sông con nước chảy êm đềm.

phan xuân sinh

họ đều có điểm giống nhau là tất cả đều trẻ và đều có vẻ "chữ nghĩa" lắm, "ông" nào, "bà" nào cũng tha tập cours quần tay cộng với nào là *Hổ Thảm Tư Tưởng* của Phạm Công Thiện; *Cho Cây Rừng Còn Xanh Lá* của Nguyễn Ngọc Lan; *Nói Với Tuổi Hai Mươi* của Nhất Hạnh và vân vân...

Ở Thu Hương, dĩ nhiên là có thể "uống ly chanh đường uống môi em ngọt" hay nhiều thức giải khát khác; tuy nhiên, phần lớn là nhâm nhi ly cà phê. Thu Hương nổi tiếng như vậy; ông chủ điệu như vậy, dù rành hay không cũng phải rán tỏ ra sành điệu với người ta chứ! Lại còn phải cố bậm

môi kéo Basto xanh cho có vẻ phong trần. Cứ như thế mà trầm ngâm suy tư, rì rào tâm sự; đốt bao tử, đốt phổi và đốt thời gian. Nghĩ lại thật phí phạm và đáng tiếc nhưng hồi đó thì không thấy như thế. Phải như vậy chứ sao! Thời chiến mà, buổi nhiều nhưng mà!

Ngày đó tôi thường ngồi Thu Hương với VCT, một người bạn đang học năm cuối ở trường Y Khoa, anh là người rất mê giáo sư Trần Ngọc Ninh, coi ông là một nghệ sĩ tài hoa, một tay dao bạc thầy trong khoa giải phẫu và vẫn thường say sưa kể việc thầy Ninh có thể cầm lưỡi dao lam

6/49

thứ bảy đến, anh đưa em đi "shop"
như mọi lần, em cứ việc dạo chơi
còn phần anh, sẽ tìm mua vé số
biết đâu không thành triệu phú khời khời!

con số đầu, anh không cần suy nghĩ
chọn ngày em cất tiếng khóc chào đời
số thứ hai, xin phần anh một tí
nên chọn ngày anh nhập cuộc trần ai

số thứ ba là ngày mình quen biết
số thứ tư: ngày hai đứa yêu nhau
số thứ năm: ngày anh theo bố mẹ
đến nhà em thưa thốt chuyện mai sau

số thứ sáu đã là con số cuối
còn gì hơn ngày đám cưới chúng mình
sáu con số như sáu điều mơ ước...
hy vọng nào không điểm lệ, lung linh!

em cứ việc sắm, mua cho thỏa thích
có cần chi lui, tới kiểm đồ "sale"
thẻ tín dụng, cứ việc "chà" kỳ hết
chốc lát thôi...mình sẽ thoát kiếp nghèo!

em đừng ngại lỡ anh không trúng số
sống nghĩa là phải hy vọng triền miên
dấu phá sản, anh vẫn còn lời chán
bởi trên đời này... anh đã có em!

nguyễn bá dĩnh



nổi bóng

Mang thơ lên bán
thiên đường
Vẳng nghe tiếng cuộc
thở than giữa trời
Về thôi với mảnh trăng côi
Nửa hồn thơ
nửa hồn đời
cưu mang!

nguyễn văn cường

khẽ vào tập giấy quần thuốc và cho biết trước là sẽ rách đúng mấy tờ. Bạn tôi đúng là người trời sinh ra để làm thầy thuốc, anh muốn xoa dịu mọi khổ đau và không chịu được những điều tàn nhẫn, thô bạo. Hồi sinh viên LKSN té lâu chết ở trường Y Khoa, báo đăng nói là tai nạn nhưng không biết từ đâu bạn tôi khẳng định đây là một vụ ám sát, thanh toán lẫn nhau và anh đau đớn, tức giận lắm. Người với người, chả lẽ không còn cách nào để có thể đối với nhau phải chăng hơn hay sao? Câu hỏi này theo anh rất lâu: anh ra trường, làm y sĩ tiền tuyến, dựng bao cát để mở lấy đầu đạn 79 cho đồng đội; ở lại với thương bệnh binh ngày thành phố di tản và vào tù. Đến lúc này anh đã có câu trả lời cho điều ám ảnh nhiều năm trước: Không phải không có cách mà là dường như người ta không cần và cũng không muốn phải chăng với nhau. Đau thật, nỗi đau quặn thắt tim gan.

Bạn thường ăn phở gà Hiền vương, phở Pasteur; bạn thường đi qua đi lại liếc liếc mấy bộ đồ cưới đẹp ở nhà may Thiết Lập, vậy bạn có biết cà-phê Hồng ở đâu không? Thì đó chứ đâu, gần nhà may Thiết Lập, cách vài căn về phía đường Nguyễn Đình Chiểu, ngó chéo qua mấy cây cổ thụ ở bờ rào Trung Tâm Thực Nghiệm Y Khoa (Viện Pasteur). Tôi phải hỏi vì tôi biết có thể bạn không để ý, quán nhỏ xíu hà, với lại cái tên Hồng không biết do ai đặt, gọi riết thành quen chứ thực sự dường như quán không có bằng hiệu, và tiền diện của nó trông ừ ờ cũ kỹ lắm chứ không sơn phết hoa hòe, đèn treo hoa kết gì cả. Từ ngoài nhìn vào, quán như mọi ngôi nhà bình thường khác, với một cái cửa sổ lúc nào cũng đóng và một cách cửa ra vào nhỏ, loại sắt cuộn kéo qua kéo lại. Quán hẹp và sâu, với một cái quầy cong cong, đánh verni màu nâu sậm, trên mặt có để một ngọn đèn ngủ chân thấp, với cái chụp to có vẽ hình hai thiếu nữ đội nón lá, một bình hoa tươi, một con thỏ nhồi bông và một cái cắm viết bằng thủy tinh màu tím than. Phía sau, lúc nào cũng thấp

thoáng một mái tóc dài, đen tuyền, óng ả; vừa như lãng mạn phôi bày vừa như thẹn thùng, che giấu.

Cà-phê Hồng, về ngoại dáng, thực ra không có gì đáng nói ngoài cái vẻ xuề xòa, bình dị, tạo cảm giác ấm cúng thân tình và gần gũi; tuy nhiên, nếu ngồi lâu ở đó bạn sẽ cảm được, sẽ nhận ra những nét rất riêng, rất đặc biệt khiến bạn sẽ ghiền đến và thích trở lại. Hồi đó, nhạc Trịnh Công Sơn, đặc biệt là loại nhạc “mệt mỏi” cỡ “đại bác đêm đêm...” hay “đàn bò vào thành phố...” đã trở thành một cái “mốt”, một cơn dịch truyền lan khắp nơi, đậu lại trên môi mọi người, đọng lại trong lòng mỗi người. Cà-phê Hồng đã tận dụng tối đa, nói rõ ra là chỉ hát loại nhạc này và những người khách đến quán - những thanh niên xốc xếch một chút, râu ria một chút, có vẻ mệt mỏi một chút, “bụi” một chút - đã vừa uống cà-phê vừa uống cái rã rời trong giọng hát của Khánh Ly.

Đến Hồng không chỉ có nghe nhạc về quê hương, chiến tranh và thân phận; ở đây còn có thể đọc về những điều đó. Không hiểu do sáng kiến của các cô chủ, muốn tạo cho quán một không khí văn nghệ, một bộ mặt trí thức hay do tình thân và sự quen biết với các tác giả mà ở Cà-phê Hồng lâu lâu lại có giới thiệu và bày bán các sách mới xuất bản, phần lớn là của hai nhà Trình Bày, Thái Độ và của các tác giả được coi là dân thân, cấp tiến.

Hồi Nguyễn Đăng Trừng chuẩn bị ứng cử vào Tổng Hội Sinh Viên, bạn tham mưu của anh ta thường gặp nhau ở cà-phê Hồng và khi Trừng thành chủ tịch, Đặng Tấn Tới, phụ trách tờ Nội San Sinh Viên, mặc dù lúc đó đã có trụ sở ở số 4 Duy Tân, rất nhiều anh em cũng vẫn thường kéo nhau đến Cà-phê Hồng. Những ai hồi đó nhĩ? Đông lắm và vui lắm; vui và có ý nghĩa vì dường như tất cả đều muốn làm một điều gì. Tôi nói dường như bởi vì, nhiều năm sau thực tế đã chứng minh là không phải chỉ có những người đến với phong trào Sinh viên vì nhiệt huyết và lý tưởng, muốn một Miền Nam tốt hơn, muốn bảo vệ

hữu hiệu và xây dựng đất nước hoàn hảo hơn mà còn một số khác, dù không nhiều, đến với chủ tâm lợi dụng, coi phong trào như một cơ hội để phục vụ cho cái mà họ theo đuổi.

Sau này, khi đã đắc thời, người cộng sản vẫn thường hãnh diện nhắc đến phong trào sinh viên, coi đó như sản phẩm của họ. Ai cũng biết là không phải vậy; thật tội nghiệp cho những người cứ phải giả vờ như không biết; cứ phải ra rả như một cái máy lặp đi lặp lại những điều mà chính họ cũng biết là không có thật.

Tôi đã đi quá xa rồi phải không? Xin lỗi, cho tôi được mượn cơ hội này để nói về tuổi trẻ của chúng ta một chút, tôi đang trở lại với cà-phê Hồng đây. Hồng là ai? Tôi không biết, quán có ba cô chủ, ba chị em; người lớn nhất trên hai mươi và người nhỏ nhất mười lăm, mười sáu gì đó. Nói thật lòng, cả ba cô đều chung chung, không khuynh quốc khuynh thành gì nhưng tất cả cùng có những đặc điểm rất dễ nhói tim: Cả ba đều có mái tóc rất dài, bàn tay rất đẹp và đều ít nói, ít cười; cái kiểu ít nói ít cười làm chết người ta. Còn cái dáng đi nữa, bạn còn nhớ không, làm ơn nhắc giùm để tôi tả cho chính xác đi, khó quá. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có những lời hát khó giải thích nhưng dễ cảm nhận như “vết lằn, vết lằn trầm” hay “vết chim di” gì đó có lẽ có thể mượn để hình dung ra dáng đi của mấy cô chủ cà-phê Hồng; nó nhẹ lấm, êm ái thướt tha lấm và cũng lặng lờ khép kín lấm. Chính cái vẻ lặng lờ vừa như nhu lệ thẹn thùng, vừa như kèn kiêu kiêu sa, vừa lãng đãng liêu trai đó đã làm khổ nhiều trái tim trai trẻ lắm, rất nhiều!

Giữa những năm 80, sau nhiều năm bầm dập ở nhiều trại giam khác nhau, tôi về lại Sài Gòn và có nhiều lần đi qua đi lại ở đường Pasteur. Cà-phê Hồng không còn, dãy phố nhỏ buồn thiu, im lìm và trống vắng như nét ảm đạm chung của toàn thành phố một thời rộn rã của chúng ta. Đối diện nơi quán cũ, gần cuối bờ thành viện Pasteur là một bãi rác khổng lồ, ruồi nhặng đen gập và mùi hôi thối nồng

nặc, trùm toả; ở đó, hàng trăm ông lão bà cụ; hàng trăm trẻ em trai gái tranh nhau giành giật, đào móc từng chút sắt vụn, từng mảnh nhỏ nylon. Tôi đã thường đứng lại rất lâu, nhìn cảnh náo lòng này và tự hỏi: Những người đã có thời ngồi đây mơ ước và hy vọng giờ đâu cả rồi? Anh em ta có bao giờ tự thấy là dường như mình đã đắc tội, đã phụ lòng, đã không làm hết, đã không cố gắng đủ để bảo vệ cho những gì cần bảo vệ, giữ gìn hay không? Và những người bên kia, có bao giờ nghĩ lại và tự hỏi họ đã nỗ lực để đạt đến điều gì? Có xứng đáng và cần thiết không? Còn chị em cô Hồng; những nhỏ nhẹ tiểu thư; những thon thả tay ngà, những uyển chuyển "chim di" giờ mờ mịt phương nào? Ai có thể trả lời được về số phận tan tác của cả một dân tộc!

Viện Đại Học Vạn Hạnh mở cửa muộn màng nhưng ngay từ những năm đầu tiên nó đã thừa hưởng được những thuận lợi to lớn về tâm lý: Hào quang của phong trào Phật giáo đấu tranh từ nhiều năm dồn lại, cùng với những tên tuổi chính trị Trí Quang, Thiện Minh, Huyền Quang, Hộ Giác..., những cổ thụ văn hóa Minh Châu, Mãn Giác, Tuệ Sĩ, Trí Siêu, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Tôn Thất Thiện... đã giúp cho Đại Học Vạn Hạnh được nhìn vừa như một cơ sở giáo dục khả tín vừa như một tập hợp của những thành phần trẻ tuổi ý thức và dấn thân nhất.

Ở Sài Gòn, ngoài viện Đại Học Vạn Hạnh và các trường Bồ Đề, Tổng Vụ Thanh Niên thuộc Giáo Hội Phật Giáo, còn nhiều cơ sở trực thuộc khác như cư xá Quảng Đức ở đường Công Lý, trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội ở chùa Ân Quang..., nói chung là dân Vạn Hạnh có nhiều chỗ để lui tới, để "dụng võ" lắm; tuy nhiên, dường như "tổng đàn" của Vạn Hạnh không nằm ở những nơi chốn "thâm nghiêm" này, nó đặt tại một tiệm cà-phê: Quán Năng Mới ở góc cầu ngó chéo về phía chợ Trương Minh Giảng.

Quán Năng Mới có nhiều ưu thế để trở thành đất nhà của dân Vạn

Hạnh, trước nhất vì gần gũi, kế đến là khung cảnh đẹp, nhạc chọn lọc và cuối cùng, có lẽ quan trọng nhất là sự thấp thoáng của những bóng hồng, có vẻ tha thướt, có vẻ chữ nghĩa. Chừng đó là quá đủ, quá đạt để phe ta tụ lại: Các anh chị em thuộc khối Văn Thể Mỹ của thầy Phạm Thế Mỹ tấp vào nói chuyện văn nghệ; nhóm làm thơ trẻ Nguyễn Lương Vỹ, Võ Chân Cửu - lúc đó đang lên và đang chiếm đều đặn nhiều cột thơ trên báo *Khởi Hành* - ngồi đồng từ sáng đến tối để làm thơ; những "chuyên viên xuống đường trong sáng" chụm đầu lại để bàn kế hoạch; những "chuyên viên lợi dụng xuống đường" cũng chụm đầu lại để bàn quỷ kế và đông hơn cả, ăm ắp hơn cả là những nhóm hai người, một tóc dài một tóc ngắn chờ vào lớp, chờ tan trường và chờ nhau ở Năng Mới.

Đại học Vạn Hạnh có một phân khoa mới mà bên Văn khoa không có: Phân khoa báo chí. Vạn Hạnh còn có một lợi thế như là một sự ưu đãi đặc biệt vì nhu cầu giáo dục là phân khoa sư phạm thi tuyển và được tăng một tuổi theo luật động viên; vì lẽ đó anh em đến với Vạn Hạnh đông lắm, không khí ở Vạn Hạnh hào hứng và sôi nổi lắm. Mỗi lần có đợt tranh đấu, xuống đường, ngày Vạn Hạnh chạy rạo; đêm Quảng Đức không ngủ; sáng Năng Mới không có chỗ ngồi. Vạn Hạnh như một lò lửa, một điểm nóng, một trung tâm. Tiếc thay đằng sau những nhiệt tình trong sáng; những lý tưởng vô cầu là những bóng đen rình rập, những nanh vuốt hờm sẵn.

Hình như Năng Mới đã sống với Vạn Hạnh, sống theo Vạn Hạnh cho đến ngày cuối cùng, nó chứng kiến cảnh Nguyễn Tổng cởi áo thầy tu, đi tiếp thu một trường Trung học; Nguyễn Lương Vỹ bỏ bộ mặt hiền thi sĩ đóng vai mặt lạnh ở phòng giáo dục Phú Nhuận; Võ Như Lan xông xáo từ Thành Đoàn qua báo *Tuổi Trẻ*; Trần Bá Phương làm chúa trại giam gọi đẹp đẽ là hiệu trưởng trường giáo dục lao động và còn nhiều lắm; kẻ thù mai phục và bạn bè bạc bẽo trở cờ;

tất cả thành một bày kên kên nhón nhờ trên nỗi khổ của anh em, nỗi đau của cả dân tộc.

Ngày tôi về lại Sài Gòn sau nhiều năm phải xa, cà-phê Năng Mới không còn; Đại học Vạn Hạnh biến thành một cư xá sinh viên, áo thun quần lót treo la liệt từ trên xuống dưới, quang cảnh vừa đìu hiu vừa bát nháo nhìn thấy mà đứt ruột. Nghe nói núi sách của thư viện bị lấy hết, đốt sạch. Thầy Minh Châu dời lên một Phật học viện nhỏ trên đường Võ Di Nguy gần Trung tâm Tiếp huyết; thầy Quảng Độ bị quản thúc đâu đó tuốt ngoài Bắc; thi sĩ, thầy Bùi Giáng lang thang ngao đời ở đầu phố cuối chợ; không lâu sau đó Đại đức Tuệ Sĩ, Trí Siêu lần lượt bị bắt, Vạn Hạnh không còn gì, thật sự không còn gì, những con người cũ tứ tán muôn phương. Cái nơi chốn đầy sức sống và niềm tin ngày nào giờ tiêu điều buồn bã như giòng kinh nước đen uể oải dưới chân cầu Trương Minh Giảng

Mấy năm trước đây tôi có được đọc một bài báo, nội dung của nó cũng thường thường không có gì đặc biệt lắm; tuy nhiên bài báo có nhắc đến một chi tiết làm tôi耿耿 nhiều ngày. Tác giả đã nói về một quán cà-phê thân quen: Quán chị Chi ở Dakao.

Thật ra đây không phải là quán cà-phê mà là quán trà; mà thật ra có lẽ cũng không thể gọi là quán trà mà chỉ có thể nói là chỗ uống trà ở nhà chị Chi mới hoàn toàn đúng. Bạn hãy tưởng tượng giùm tôi cái khu gia cư xưa cũ, rất yên tĩnh và rất dễ thương, nằm phía sau rạp hát Văn Hoa Dakao, ở đó có những con đường rất nhỏ, những ngôi nhà mái ngói phủ đầy rêu xanh, những hàng bông giấy che kín vỉa hè; ở đó không có cái ồn ào náo nhiệt như ngoài Trần Quang Khải, khúc đổ về Tân Định, cũng không có cái tấp nập mấp cửi của đoạn Lê văn Duyệt hướng về Lăng Ông; nó trầm lắng cô liêu và im ả tách biệt lắm. Nhà nào cũng nhỏ, cất cao hơn mặt đường mấy bậc tam cấp xi măng, mở cửa ra là có thể nghe người bên trái

nói, thấy người bên phải cười và có cảm tưởng như có thể đưa tay ra bắt được với người đối diện bên kia đường. Quán chị Chi ở một trong những ngôi nhà này. Làm sao để nhận ra? Không biết, tôi đã nói là không phải quán xá gì cả mà, chỉ là tới nhà bà chị uống trà chơi vậy thôi và đã là nhà bà chị thì phải tự biết chứ, cần gì hỏi.

Phòng khách - được gọi là quán - chị Chi nhỏ lắm, chắc độ chín mười thước vuông gì đó, chỉ đủ chỗ để đặt ba bốn chiếc bàn nhỏ. Nhà không có nhạc, không trưng bày trang trí gì cả ngoại trừ một bức tranh độc nhất treo trên vách, bức tranh đen trắng, cỡ khổ tạp chí, có lẽ được cắt ra từ một tờ báo Pháp. Tranh chụp để thấy một bàn tay, dặt một em bé trai kháu khỉnh, vai đeo cặp sách, miệng phụng phịu làm nũng, hai mắt mở to nhưng nước mắt đang chảy dài theo má; phía dưới có hàng chữ nhỏ: "Hôm qua con đã đi học rồi mà".

Giang sơn của chị Chi chỉ có vậy và chị mở "tiệm"; khách đến với chị Chi không phải coi bảng hiệu mà vào, cũng không phải nghe quảng cáo trên đài địa phương hay đọc giới thiệu trên báo chợ báo bán gì cả, mà hoàn toàn do thân hữu truyền miệng cho nhau mà đến, nhiều lần thành quen, từ quen hóa thân mà quyến luyến trở lại. Chị Chi có bán cà-phê nhưng tuyệt chiêu của chị là trà; loại trà mạn sen, nước xanh, vị chát nhưng có hậu ngọt và mùi thơm nức mũi. Trà được pha chế công phu trong những chiếc ấm gan gà nhỏ nhắn, xinh xinh. Ấm màu vàng đất, thân tròn đều, láng mịn, vôi và quai mảnh mai, cân đối. Mỗi bộ ấm có kèm theo những chiếc tách cùng màu, to bằng ngón tay cái của một người mập, vừa đủ cho vài hớp

nước nhỏ. Ấm có ba loại, được gọi tên ra vẻ "trà đạo" lắm: độc ấm, song ấm và quần ấm nhưng hồi đó chúng tôi thường "diễn nôm" theo kiểu "tiếng Việt trong sáng" thành ấm chiếc, ấm đôi và ấm bự.

Trà được uống kèm với bánh đậu xanh - loại bánh đặc biệt của chị Chi

cối riêng

Chừng như mộng vẫn chưa đầy
Đêm vang nổi nhớ hình hài gọi tên
Chiều qua phố cũ một mình
Tim rung rung nín hờn xanh xao gầy
Bâng khuâng hứng giọt sương phai
Làm dòng lệ vỡ mềm vai áo người.
Xin chia nhau tiếng thở dài
Biết đâu cũng ấm mảnh đời tiêu hoang
Mưa ta từ đỉnh thiên đàng
Mưa người từ cõi lệ tràn thiên thu.

phan các chiêu hằng

- nhỏ, màu vàng óng và mùi thơm vô cùng. Nhấp một ngụm trà, khế một tí bánh, cà kê đủ chuyện trên trời dưới đất trông cũng có vẻ phong lưu nhàn tản và thanh cao thoát tục lắm

Đến với chị Chi có cái thú vị là được hưởng một không khí thân mật, thoải mái như đang ngồi trong nhà của mình; điều thích nữa là không bao giờ phải bận tâm đến chuyện tiền bạc gì cả; muốn đến lúc nào cứ việc đến, không có tiền thì chỉ cần ngồi cười cười, chị Chi sẽ nói giùm cho bạn điều bạn khó nói: "Cuối tháng chưa lãnh măng-da phải không? Uống gì nói chị lấy"; chưa hết đâu, khi đã thân, đã thành "bạn của chị Chi", hai lần mỗi năm vào khoảng trước Giáng Sinh và hăm ba ông táo về trời bạn sẽ được chị Chi kêu "đến chị chơi"; đến chị chơi có nghĩa là đến uống trà mà không phải trả tiền và nếu gặp lúc chị Chi vui và khoẻ, "chơi" còn có nghĩa là có bánh bèo tôm cháy hay bánh hời thịt nướng kèm thêm nữa.

Khách của chị Chi không đông, giá nước ở chị Chi không đắt vì vậy chắc chắn chị Chi không sống bằng "cửa tiệm", chị bán cho vui, bán mà như kêu anh em góp chút tiền cho chị để chị nấu giùm chút nước uống cho vui. Mà quả tình ở chỗ chị Chi vui thật, vui vì những đậm đà tình nghĩa.

Hồi đó chị Chi đã khá lớn tuổi, bây giờ sợ chị đã lìa xa chúng ta hoặc nếu chưa thì cũng không còn đủ sức

để nấu nước giùm cho ai được nữa. Quán chị Chi chắc không còn nhưng dù sao cũng xin cảm ơn chị và xin đại diện cho những anh chị em đã từng ngồi quán chị Chi bày tỏ lòng tiếc nhớ đến chị và đến những ngày khó quên cũ - Tôi nghĩ anh chị em cũng không hẹp lòng gì mà không cho tôi nói lời đại diện này - Cuộc đời chúng ta đẹp vì những niềm vui nho nhỏ không tên; Sài Gòn của chúng ta đáng nhớ vì những dễ thương nho nhỏ không tên. Chị Chi, chị đã cho chúng tôi những niềm vui ấy; chị đã góp cho Sài Gòn một phần của cái dễ thương ấy; cảm ơn chị.

Những năm cuối thập niên 60 Sài Gòn có mở thêm nhiều quán cà-phê mới, những quán sau này thường được trang hoàng công phu hơn, có hệ thống âm thanh tối tân hơn và nhất là quán nào cũng chọn một cái tên rất đẹp - phần lớn là dựa theo tên những bản nhạc nổi tiếng - Cà-phê Hạ Trắng, Lệ Đá, Diễm Xưa, Hương Xưa, Hoàng Thị, Biển Nhớ, Hoài Cảm, Da Vàng... Tuy nhiên, ở một con đường nhỏ - Hình như là Đào Duy Từ - gần sân vận động Cộng Hoà có một quán cà-phê không theo khuôn mẫu này, nó mang một cái tên rất lạ: Quán Đa La.

Đa La là Đa Lạt, quán của chị em cô sinh viên Chính Trị Kinh Doanh, có lẽ vừa từ già thác Cam Ly, hồ Than



2/71

Thở để về Sài Gòn học năm cuối tại nhà sách Xuân Thu hay sao đó, mở ra.

Trường kinh doanh quả là khéo đào tạo ra những môn sinh giỏi kinh doanh: Tin mấy cô sinh viên mở quán thật tình là không được chính thức loan báo ở đâu cả; tuy nhiên, cứ úp úp mở mở như vậy mà tốt, nó được phóng lớn, lan xa, tạo ấn tượng mạnh và quán được chờ đón với những trân trọng đặc biệt, những náo nức đặc biệt. Những cô chủ chắc có máu văn nghệ, đã cố gắng mang cái hơi hướng của núi rừng Đà Lạt về Sài Gòn: Những giỏ lan, những giỏ gùi sơn nữ, những cung tên chiến sĩ đã tạo cho quán một dáng vẻ ngộ ngộ, dễ thương; rồi những đôn ghế, những thớt bàn được cưa từ những cây cổ thụ u nần, mang về rừng núi, cổ sơ đã giúp cho Đa La mang sắc thái rất ...Đa La.

Ngày khai trương, Đa La đã mời được Linh Mục Viện trưởng Viện Đại học Đà Lạt đến dự và đã chuẩn bị một chương trình văn nghệ hết sức rôm rả với những bản nhạc "nhức nhối" của Lê Uyên Phương, Nguyễn Trung Cang, Lê Hữu Hà... Chũng đó là đủ chết người ta rồi, dân Đại Học Xá kéo qua, dưới Sư Phạm, Khoa Học lên; Y Khoa; Phú Thọ xuống; cả Petrus Ký, Chu Văn An nữa là đủ bộ, quanh quanh khu Ngã Sáu chấm Đa La và đồn tới.

Những ngày đó Đa La đông vui lắm, nó trở thành một chốn tụ tập hết sức văn nghệ; nó đã chứng kiến sự nở hoa của nhiều mối tình và cũng chia xẻ sự héo tàn của nhiều mối tình khác, nó có thể tiếp tục buồn vui với những người bạn trẻ như thế nếu như đất nước không có những đợt biến to tát: Biến cố tết Mậu Thân với cảnh nhà cháy người chết ngay tại thủ đô Sài Gòn; rồi tổng công kích đợt hai; rồi tổng động viên lần thứ nhất năm 1968; quân sự học đường; tổng động viên lần thứ hai 1972; tất cả những điều đó đã làm thay đổi rất nhiều nhịp sống chung và tác động sâu xa đến suy nghĩ và hành động của từng con người.

Đa La vắng dần những người khách cũ, thưa thớt có thêm những người mới với dáng vẻ ủ dột trầm ngâm hơn, lác đác những bộ đồ vàng quân sự học đường, những bộ đồ phép Thủ Đức, những bộ đồ lính thú thiết của nhiều quân binh chủng vội vã đến, vội vã đi. Đa La lần lượt nhận được tin tức về nhiều người bạn cũ không bao giờ còn trở về; Đa La tiếp tục có thêm nhiều buổi cà-phê cuối cùng để tiễn những người đến lượt ra đi. Đa La không vui và những người bạn của Đa La cũng không vui bởi vì cả đất nước không vui, cả dân tộc đang muộn phiền.

Đa La còn đến lúc nào? Đóng cửa bao giờ tôi không biết, có điều là đã có thời Đa La giống như một tri kỷ của nhiều người, nó cũng buồn, cũng vui, cũng hy vọng, cũng rã rời, cũng phẫn chấn, cũng mệt mỏi, cũng khóc, cũng cười, cũng muốn ngoan ngoãn xây dựng, cũng thích tung trời phá phách, cũng tỉnh, cũng điên, nói chung là nó chung chịu với bạn bè những tháng ngày nhiều chuyện, dễ thương lắm và đáng nhớ lắm, một

chút Sài Gòn.

Hồi đã vào Thủ Đức, tôi còn rất nhiều dịp để ngồi cà-phê Hân, đường Đinh Tiên Hoàng. Thật ra phải nói tôi bị bắt buộc phải ngồi ở đó vì thời gian trong quân trường tôi thuộc loại con bà phước; gia đình ở xa, người yêu thì mặc dù đã quen từ thời còn ở tỉnh nhỏ quê nghèo nhưng cũng vẫn chưa qua được giai đoạn mặt ngoài còn e, cuối cùng tôi chỉ còn bạn bè. Hồi đó mỗi lần đi phép, xe quân trường sẽ thả xuống và đón về ở khu Mạc Đĩnh Chi, gần Hội Việt Mỹ; tuy nhiên dạo đó tình hình sôi động lắm, quân trường lúc cấm trại, lúc xả phép, không chắc lúc nào có thể về được vì vậy tôi chỉ có thể nhún chung chung là "đón tao ở Hân", phòng hờ có trục trặc gì thì bạn bè kể như đi uống cà-phê chơi với nhau, đỡ sốt ruột. Tôi thật sự vui mừng và cảm động, chưa bao giờ tôi đến Hân mà không có người chờ, cũng chưa bao giờ tôi chờ ở Hân mà không có người đến. Bạn bè! Biết nói sao cho đủ cái nghĩa đặc biệt của hai chữ ấy.

Hân là quán cà-phê thuộc loại sang trọng, khách phần lớn ở lớp trung niên và đa số thuộc thành phần trung lưu, trí thức. Bàn ghế ở đây đều cao, tạo cho khách một tư thế ngồi ngay ngắn, nghiêm chỉnh và bàn nào cũng có đặt sẵn những tạp chí Pháp

bài gửi thuần

*Thuần ạ, tháng chín, mưa về biển
Vàng bay một góc trời em ngồi.
Con én nhỏ, ven bờ cánh rũ
Đôi mắt nhìn ghềnh đá xa xôi.*

*Thuần chắc không về lối mưa bay
Cho em tưởng tượng chiều hôm này
Bờ vai rộng, ngực tràn nhựa sống
Chờ che em, vốc hạc thân gầy.*

*Em vẫn nghĩ chắc Thuần chưa quên
Ngày đôi ta ướm nụ hôn mềm
Nên em vẫn trở về với biển
Như một chiều, ngày xưa thân quen.*

*Nên em vẫn gọi Thuần tha thiết
Trong cơn mưa xuống lạnh lưng trời.
Tim toé máu, mắt trào huyết lệ
Dấu ngàn trùng, Thuần sẽ không ơi...*

hoàng nga



ngữ số phát hành mới nhất. Câu chuyện ở Hân chắc là quan trọng lắm, lớn lắm; nhìn cái cách người ta ăn mặc; trông cái vẻ người ta thể hiện là biết ngay chứ gì; có lẽ cả thời sự chính trị, kinh tế tài chánh, văn chương triết học đều có cả ở đây. Một chỗ như vậy tốt lắm, đáng trân trọng lắm chứ; tuy nhiên, dường như có một chút gì rất xa, rất lạ với một người lính.

Thật tình tôi chỉ là một người lính bất đắc dĩ, lệnh tổng động viên giới hạn tuổi ở đại học, ông tướng Đạm không ký giấy hoãn dịch nữa thì trình diện; tôi rời Sài Gòn cũng chưa được bao lâu, ở Thủ Đức thì cũng chỉ mới là lính tập sự, lính sữa; đã có tối nào nhìn toán tiền đồn lầm lũi đi vào đất địch để phục kích, để lấy tin đầu mà hiểu được nỗi cô đơn; đã có đêm nào trùm poncho ghìim súng ngồi dưới mưa giữa vòng vây quân địch đầu mà biết được cái cảm giác trống vắng, khiếp hãi; đã bao giờ ôm thân thể thung nát của một đồng đội rạp người dưới làn đạn thù, nhìn máu chảy cho đến hết đầu mà hiểu được nỗi bi uất, tuyệt vọng; vậy mà tôi đã tự nhân danh là một người lính để cảm thấy xa lạ lạc lõng với Hân, với Sài Gòn. Kỳ cục không?

Cảm giác của tôi lúc ấy lạ lắm, khó nói lắm; nhưng tôi không có thì giờ để suy nghĩ, để phân tích điều gì, tôi đang đi phép mà, cho tôi nghỉ một chút, chơi một chút dù cả lúc chơi, lúc nghỉ tôi đều bị cái cảm giác lạ lạ, khó nói kia ám ảnh.

Sau này, nhà văn Thế Uyên có viết một quyển tạp bút tựa là *Mười ngày phép của một người lính*, tôi đọc và thấy nhẹ nhàng thơ thới lắm. Đại khái tác giả đã nhân danh một người lính mà đặt vấn đề với những con người, những cách sống, nói chung là với một hậu phương mà ông cho là bất xứng. Tôi nhẹ nhõm vì Thế Uyên đã nói giùm tôi cái mà tôi gọi là cảm giác khó nói ở trên.

(Đoạn sau đây lẽ ra không có trong bài viết này, nhưng tôi vừa nhắc đến nhà văn Thế Uyên với một cách nói được hiểu như là một sự mền mọ vì vậy nên tôi xin phép nói thêm vài

điều trong cái ngoặc đóng này. Đúng, có một thời gian rất dài tôi mền mọ Thế Uyên. Tôi mê Thế Uyên từ truyện ngắn *Những kẻ thuộc bài*. Đại khái chuyện muốn nói là mỗi chúng ta đều học được từ sách vở, học đường, tôn giáo và nhiều nguồn giáo dục khác những điều tốt đẹp. Thật đáng buồn, thực tế không giống như những gì ta được dạy. Trong cuộc đời có quá nhiều kẻ không thuộc bài, có quá nhiều những ngụy quân tử, nói rất đúng bài vở nhưng chính họ lại làm khác và Thế Uyên nhân danh một người thuộc bài, phê phán về điều đó.

Tôi đã từng có lúc bạo gan nghĩ là mình cũng thuộc loại thuộc bài nên hết sức thông cảm và chia xẻ nỗi buồn của Thế Uyên, ủng hộ Thế Uyên. Về sau Thế Uyên lập nhà xuất bản Thái Độ. Lại đúng nữa, xã hội của chúng ta quả là có nhiều vấn đề cần tỏ thái độ và tôi lại tiếp tục ủng hộ Thế Uyên dù tôi chưa bao giờ gặp gỡ hay quen biết gì với ông. Tôi giữ một tình cảm rất đặc biệt về Thế Uyên cho đến năm 1979. Hồi đó các trại tù đã được thăm nuôi và tôi được bạn bè lén lút gởi cho tờ báo *Đúng Đây* hay *Đối Diện* gì đó của nhóm Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan. Trong tờ báo này có một bài viết của Thế Uyên, anh ta kể về một cái Tết ở trại giam Kàtum. Nhà văn lớn có khác, tả Tết thì đúng là Tết, có thịt cá bánh trái ề ề, có cà-phê thuốc lá vui vẻ, có giọng nói tiếng cười "hồ hởi phấn khởi", có những khuôn mặt rạng rỡ tin yêu, có các cán bộ khoan hoà nhân ái như những nhà tu; đặc biệt là cảm tưởng sung sướng xúc động của tác giả khi được đứng nghiêm chào lá cờ máu trong ngày đầu năm. Tôi đọc bài báo mà buồn lắm, buồn ghê gớm lắm. Tôi biết là trong hàng ngũ những kẻ không thuộc bài đã có thêm một người và tôi tự buộc mình phải quên hai chữ Thế Uyên đi, thật đau lòng nhưng phải quên, nhất định.)

Tôi xin trở lại với cà-phê Hân và xin làm ơn bỏ qua một bên cái cảm giác xa lạ của riêng tôi. Hân vốn tự nó là một nơi chốn hết sức đáng yêu

và chắc chắn là một nơi chốn rất đáng nhớ của nhiều người. Về sau, ở đối diện với Hân người ta mở thêm quán cà-phê Duyên Anh (không biết nơi này có liên quan gì với nhà văn Duyên Anh hay chỉ là tên đặt bởi một người chủ ái mộ nhà văn này). Hai tiệm cà-phê, một sang trọng chừng chạc, một trẻ trung sinh động, cả hai đã trở thành một điểm hẹn, một đích tới mà khi nhắc đến chắc nhiều anh chị em ở trường Văn Khoa, trường Dược, trường Nông Lâm Súc ngay góc Thống Nhất - Cường Để và các anh em bên khu Đài Phát Thanh, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị hướng Phan đình Phùng, Nguyễn Bình Khiêm sẽ mỉm cười và sẽ thấy rất gần gũi, rất thân thiết.

*

* *

Tôi vừa mời các bạn đi thăm một vòng mấy quán cà-phê mà chắc nhiều anh em trong chúng ta từng quen biết, từng có những gắn bó thế này hay thế khác. Tôi xin ngừng ở đây nhưng anh em có thể tiếp tục đến những nơi chốn kỷ niệm khác của riêng mình; tôi biết anh chị em đều là những người có lòng và mỗi hẻm nhỏ, mỗi góc phố, mỗi hàng cây, mỗi cổng trường đều thấp thoáng hình bóng của tuổi nhỏ, của quê xưa.

Tôi xin nhắc thêm là anh em nào muốn gặp các nhà văn nhà thơ, muốn nhìn họ ngậm ống vó, đeo kiềng cạp nói chuyện văn chương thì mời đến quán Cái Chừa, anh em nào muốn có không khí trẻ trung đầm ấm mời đến Hâm Gió; anh em nào muốn có chỗ riêng tư tâm sự thì cứ theo đường Nguyễn văn Học chạy tuốt lên Gò Vấp, vào quán Hương Xưa, ở đó có vườn cây đẹp, các cô chủ đẹp và cái cách người ta đối với nhau cũng rất đẹp.

Tất cả những gì tôi nhắc tới là một chút ngày cũ, một chút cảnh xưa, một phần hơi thở và nhịp sống của Sài Gòn trong trí nhớ. Xin tặng anh, tặng chị, tặng em, tặng tất cả những ai còn có lúc bỗng bàng hoàng nhận thấy, dường như một nửa trái tim mình bay lơ lửng ở đâu đó, nơi quê nhà. ●

Những Con Đường Sài Gòn

Diên Khánh

Tôi là người miền Trung, nhưng từ ngày lập gia đình, đã sống tại Sài Gòn một thời gian dài, nên nếu xưng là người Sài Gòn, thì cũng không sai mấy.

Từ sau biến cố tháng 4.1975 cho đến ngày xuất ngoại, gia đình tôi cư trú tại quận ba Sài Gòn. Trong khoảng thời gian trên 15 năm đó, tôi đã có dịp đi gần khắp những con đường của Sài Gòn, Chợ Lớn và Gia Định. Phương tiện di chuyển duy nhất của tôi hồi ấy là xích-lô. Lý do là tính tôi nhát, không dám đi xe đạp, hoặc xe gắn máy, trên những con đường tấp nập. Sau nhiều năm quen đi xích-lô, tôi nghiệm ra cái lợi mà những người đi xe nhà hoặc tắc-xi ngày trước không có. Đó là sự mau nhò đường, mau thạo đường. Ngồi trên xe hơi, xe chạy vùn vụt, khó mà nhận ra đường. Chỉ có di chuyển chậm như đi xích-lô, thì mới ghi nhớ được từng lối rẽ, từng căn phố.

Đi xích-lô lại còn hai điều tiện lợi là không quá chậm như đi bộ, mà lại có bên cạnh một người rành đường, rành khu vực sắp đến, để hỏi thăm. Trừ trường hợp những người mới vào nghề, đôi khi còn phải nhờ khách chỉ đường mới đưa được khách đến nơi muốn đến, những phu xích-lô chuyên nghiệp thường rất rành đường, rành cả những chuyện khách cần biết. Bà muốn mua đồ hộp đi thăm nuôi? Tôi sẽ đưa bà tới đường Nguyễn Thông. Bà cần mua vải may đồ tây xuất

ngoại? Tôi sẽ đưa bà đến chợ vải Soái Kinh Lâm. Còn nhiều thứ khác nữa, mà khách phải nhờ người đạp xích-lô, mới biết được là đang ở chỗ nào.

Tôi là một người đi xích-lô phải nhờ nhiều đến "kiến thức" của những người đạp xích-lô. Nhưng có một khoảng thời gian, tôi thường vẫn phải kêu một người xích-lô, mà tôi ít khi nhờ được vào việc chỉ dẫn. Lý do là ông tuy thạo đường, nhưng còn biết ít hơn tôi về những thứ tôi cần tìm. Nhưng tôi vẫn phải đi xe ông, vì thấy tội nghiệp. Khoảng ấy (87-88), có lẽ ông đã ngoài sáu mươi. Ông rất ốm, và tóc bạc gần hết. Nhưng khác với những người phu xe còn trẻ, lúc nào quần áo ông cũng lành lặn. Có lần, tôi hỏi ông sao đã già mà còn đạp xích-lô, ông nói không làm thì cả nhà đói. Về sau, tôi biết gia đình ông còn có bà vợ luôn luôn đau ốm, và một đứa cháu nội trai hơn mười tuổi hằng ngày đi bán vé số. Ba nó ngày trước là sĩ quan cảnh sát đã chết trong trại cải tạo, còn mẹ nó thì bỏ nhà đi đâu không ai biết. Còn ông nguyên là giáo sư dạy sử ở mấy trường trung học tư.

Hôm ấy, ngay khi sắp bước lên xe, tôi thấy một người thanh niên đi xe đạp đến, trao cho ông một số tiền, nói: "Số sách thầy gởi, con chỉ bán được chừng này". Ông chờ người học trò đi rồi, nói với tôi: "Ngày trước, người ta nói cha làm thầy con bán sách. Ngày nay, ai làm thầy thì nấy

bán sách". Ông thở dài, trèo lên yên xe đạp đi.

Ông già đạp yếu, nên ít người muốn kêu. Nhưng mỗi khi thấy tôi bước tới bên, thì ông đứng dậy chờ. Tôi thực tâm cũng không vui khi ngồi lên xe cho một ông già đầu bạc đạp. Mà không nhờ ông, thì ông mất đi một số tiền nuôi gia đình. Nhưng một hôm, nếu ông không nài nỉ, thì tôi không đi. Vì hôm ấy tôi đi xa. Tôi nói:

- Lần này, tôi không đi xe của ông được. Tôi đi tận đường Tôn Thất Thuyết bên quận tư, ông đạp sao nổi.

Ông nói:

- Hồi mai tới giờ, tôi chỉ được một cước ngắn lên Cổng Xe Lửa số 6. Chưa đủ mua một bữa gạo. Đi giùm cho tôi đi cô. Tôi sẽ đạp luôn cho cô qua cầu, cô khỏi phải xuống.

Ông rành đường, biết trước trên lộ trình sẽ phải qua nhiều cầu, nên đem chuyện "khỏi xuống xe khi qua cầu" dụ tôi. Sự thật, mỗi khi đi xe lên dốc cầu Trương Minh Giảng, chính tôi vẫn yêu cầu ông cho tôi xuống. Thấy ông ỉ ạch đạp, tôi không yên tâm ngồi trên xe.

Nghe nói "chưa đủ mua gạo", tôi mềm lòng. Tôi lên xe, còn dặn ông sang đến nơi, vào nhà con gái tôi ngồi chờ, để đưa tôi trở về. Ông lộ vẻ mừng, gia sức đạp nhanh hơn. Tôi thầm nghĩ, không khỏi buồn cho thời thế: Một ông già trên sáu mươi tuổi, nguyên giáo sư trung học, bây giờ đi đạp xích-lô, vui mừng khi bắt được một cước xe dài.

Khi đến nơi, tôi mời ông vào nhà con tôi ngồi nghỉ. Con tôi rót nước trà mời ông, ông uống rất tự nhiên, không để lộ chút mặc cảm thua kém nào.

Chuyến về, để cho lộ trình ngắn bớt, ông cho xe chạy qua một con đường nhỏ, mặt đường lồi lõm, xe chạy rất xóc. Tôi nhìn lên những tấm bảng hiệu, thấy tên đường là Đoàn Văn Bơ. Một cái tên nghe lạ hoắc! Ông già xích-lô hỏi tôi:

- Cô có nhớ đường này ngày trước tên gì không?... Tên cũ là Đỗ Thanh Nhơn đấy.

Đáp một đoạn nữa, ông lại hỏi:

- Cô có đọc *Gia Long Tàu Quốc* không? Đỗ Thanh Nhơn là trung quân của chúa Nguyễn Ánh. Bây giờ, họ cho mấy ông tướng xưa ăn. Mỗi ông ăn một thứ. Trung quân ăn bơ, hữu quân ăn bánh.

Tôi không hiểu, tính hỏi. Nhưng nghe ông vừa nói vừa thở, nên thôi. Về nhà nhớ lại, tôi đem chuyện hỏi nhà tôi, nhà tôi nói:

- "Trung quân" của chúa Nguyễn Ánh là Đỗ Thanh Nhơn. Còn "hữu quân" là Huỳnh Đức. Huỳnh Đức sau được gọi là Nguyễn Huỳnh Đức. Em còn nhớ không, hồi trước gia đình mình cũng có ở đường này. Hồi nào có dịp đi qua đường cũ, em để ý coi tên mới có chữ gì liên hệ đến "bánh" không.

Lời ông già đáp xích-lô vẫn làm tôi thắc mắc. Ngay chiều hôm ấy, tôi bảo một đứa con đi băng đường Trương Minh Giảng theo hẻm Phú Sơn Tự sang đường Nguyễn Huỳnh Đức, và để ý coi tên đường mới là gì. Sự thật, từ sau biến cố 30.4, gia đình dời từ ngoài Trung vào sống tại quận ba Sài Gòn, tôi cũng đã có lần đi ngang con đường cũ, nhưng lại không bao giờ để ý đến cái tên. Nó còn giữ cái tên cũ hay không, tôi cũng không biết.

Con tôi trở về cho biết tên đường là "Huỳnh Văn Bánh".

Ông già đáp xích-lô nói đúng: *Trung quân ăn bơ, hữu quân ăn bánh*. Lời của ông hàm ý châm biếm. Chắc chắn là ông không tán thành sự đổi tên hai con đường ấy, từ Đỗ Thanh Nhơn ra Đoàn Văn Bơ, từ Nguyễn Huỳnh Đức ra Huỳnh Văn Bánh. Phần tôi, bỏ ngoài vấn đề hai nhân vật mới có xứng đáng được đặt tên đường hơn hai nhân vật cũ hay không, tôi còn thấy chữ "bơ" và chữ "bánh" nghe sao kỳ kỳ.

Còn trong thực dụng, cho tới trước khi gia đình tôi xuất ngoại (khoảng 1992), tôi vẫn nghe nhiều người gọi đường "Nguyễn Huỳnh Đức", ít người gọi đường "Huỳnh Văn Bánh". Đường "Đỗ Thanh Nhơn" ở xa, tôi không biết chắc ra sao. Tôi nghĩ chuyện

"vẫn gọi theo tên cũ" có thể là theo thói quen, mà cũng có thể là do ý thức. Cũng đại để như có người cho đến bây giờ vẫn chưa một lần gọi Sài Gòn là thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy ở Sài Gòn tính cả trước sau cũng gần hai chục năm, nhưng tôi chỉ thật sự quen với hai con đường. Đường Trương Minh Giảng (sau 1975, đổi thành Nguyễn Văn Trỗi, rồi Lê Văn Sĩ) và đường Nguyễn Huỳnh Đức. Đường Trương Minh Giảng ở lâu hơn, nhưng lại ít kỷ niệm hơn. Có lẽ là vì Nguyễn Huỳnh Đức là con đường nhỏ, hồi gia đình tôi ở đó, khung cảnh giống như ở ngoại ô hoặc thị trấn nhỏ, những người ở gần nhau có tình láng giềng với nhau hơn.

Gia đình tôi dọn từ miền Trung vào ở đường Nguyễn Huỳnh Đức khoảng giữa tháng năm 1962. Lúc bấy giờ, gia đình tôi còn "nhẹ nhàng" lắm, hai vợ chồng với một đứa con vừa giáp tôi và một đứa tớ gái 15 tuổi. Đồ đạc đếm món cũng chưa đủ hai bàn tay, chất lên một chiếc xe vận tải loại nhỏ, vẫn còn nhiều chỗ trống. Nhà tôi tính lựa những món xấu bỏ lại, nhưng ông anh bảo: "Chú thím cứ chở theo hết đi, vào trong đó có sẵn mà dùng. Sắm cái mới tốn lắm". Khi đồ đạc được chở đến chỗ ở mới, chúng tôi chưa kịp đi tìm phu khuân vác, thì người xung quanh đã xúm lại khiêng giúp vào nhà. Tôi chợt nhận ra lời phê bình "người Sài Gòn ở cạnh nhau cả năm vẫn chưa quen" cũng có trường hợp không đúng. Nhưng chính sự ân cần đôi khi cũng gây cho người chịu ơn một ít bối rối.

Khi mấy người đàn ông láng giềng trèo lên xe để đưa cái garde-manger xuống, ai cũng kêu lên: "*Cái này không lớn mà sao nặng quá*". Bà cụ chủ cho thuê nhà ra vẻ thành thạo: "*Ngoài Trung là chỗ nhiều rừng. Đồ gỗ nào cũng đóng bằng danh mộc*". Sự thật thì cái garde-manger ấy cũng chỉ đóng bằng gỗ tạp, nhưng nặng là vì bà chị nhà tôi đã bỏ đầy than vào trong ấy, để "*vào trong ấy thím khỏi phải đi mua liền*".

Ôi, những con người của ngày cũ!

Chỗ ở hồi ấy của gia đình tôi là một căn nhà vách ván mái lợp ngói móc. Căn của chúng tôi là căn đầu dãy, tiếp theo còn mấy căn nữa. Từ chỗ này đi ra Cổng Xe Lửa số 6 chưa đến một trăm thước. Ngay trước căn của gia đình tôi, có một cái cổng chung, một bên có bụi trúc khá lớn. Những khi có gió, ngồi trong nhà, tôi nghe tiếng xạc xào giống như đang sống ở miền quê ngày còn nhỏ.

Dưới bóng bụi trúc này, ngày ngày có một người Tàu già bán bò khô nộm đủ đủ, và một bà người Bắc bán xôi cũng già, đem hàng tới bày bán. Có lẽ cả hai đều ngại đẩy xe và bưng thúng đi bán rong, nên lấy nơi đây làm "cửa tiệm". Có một khoảng, người ta sửa chữa ngôi nhà gạch bên kia đường. Mỗi lần có xe chở cát đến đổ, cả ông Tàu và bà Bắc đều đưa hàng vào hiên nhà tôi để tránh bụi. Tại đây, ông Tàu vẫn xấp kéo cách cách, và bà Bắc vẫn cất tiếng rao "xôi đậu đây, xôi đậu đây", âm lượng chẳng giảm chút nào. Thằng con tôi mon men ra làm quen với họ. Đến khi họ dọn trở ra bụi trúc, nó cũng đi theo tận nơi, để thích thú nhìn những đứa trẻ lớn hơn chạy tới mua quà.

Trước khi xuất ngoại, tôi có trở lại chỗ cũ thăm một người bạn. Bụi trúc đã mất, và dãy nhà vách ván ngày xưa đã nhường chỗ cho một dãy nhà đúc hai tầng, nghe nói cất đầu từ trước năm 1975 khá lâu.

Nhà cửa hai bên đường khác với ngày xưa nhiều, nhưng con đường Nguyễn Huỳnh Đức vẫn vậy. Vẫn rất hẹp và cong qua quẹo lại. Tôi lại liên tưởng tới con đường Nguyễn Công Trứ ở Tuy Hòa, mà gia đình tôi đã ở trước khi dời vào Sài Gòn. Nó cũng hẹp và cong qua quẹo lại như con đường Nguyễn Huỳnh Đức này.

Bây giờ, đường vẫn còn nhưng tên không còn. Người dân muốn gọi gì thì gọi, nhưng trên bảng tên đường rõ ràng là ba chữ Huỳnh Văn Bánh.

Tôi không biết trên thế giới có nơi nào mà những con đường bị đổi tên nhiều lần như ở Sài Gòn không. Thời thuộc Pháp khác, thời hết thuộc Pháp

nhưng còn dính líu khác, thời Quốc Gia khác, thời Cộng Sản khác. Lý do chính để đổi tên là cái tên mới hợp lý hơn, xứng đáng hơn cái tên cũ. Tất nhiên là theo quan niệm của người có quyền quyết định đổi. Chẳng hạn như sau tháng 4.1975, nhà cầm quyền Cộng Sản đổi tên con đường chạy từ lăng Cha Cả đến đường Trần Quý Cáp, từ Trương Minh Ký và Trương Minh Giảng ra Nguyễn Văn Trỗi, là đã cố tình muốn cho mọi người nghĩ rằng Nguyễn Văn Trỗi xứng đáng hơn hai vị kia. Còn như nhân dân có biết ông Trương Minh Giảng là một danh tướng ngày trước đã có công đánh dẹp giặc Xiêm, biết ông Trương Minh Ký là một học giả đã có công phát triển chữ Quốc Ngữ ở buổi đầu, biết anh thanh niên Nguyễn Văn Trỗi chỉ vì khờ khạo mà nhầm mất đi đặt mình câu Công Lý, thì mặc kệ nhân dân. Họ cần tưởng thưởng cho những ai có công với họ, để chiêu dụ người mới. Chuyện đổi tên đường Hiền Vương ra Võ Thị Sáu, đường Trần Quý Cáp ra Võ Văn Tần, cũng đại loại như vậy. Đây là chỉ nhân tiện nhắc tới vài con đường gần đường Trương Minh Giảng mà thôi.

nỗi niềm

*Về đâu
ngày tháng có người
Mưa khuya
lạnh,
mái hiên đời
khắc khe.
Tiếng buồn
môi, mắt khô se
Chong đèn,
khao khát
sẻ chia ngọt bùi.
Chao ơi
đêm lạnh một đời,
Trách chi thiếu phụ
đứng, ngồi không yên!*

hoàng chính

Nhưng nghĩ cho cùng, ngày trước, khi người Pháp còn có quyền quyết định việc đặt tên đường ở Sài Gòn, cũng có chuyện tương tự. Những Bonard, Charner, những Đỗ Hữu Phương, Đỗ Hữu Vị, thì công trạng gì với dân ta nước ta, mà được đặt tên đường?

Xét kỹ hơn nữa, có vài ông vua triều Nguyễn cũng không xứng đáng. Còn nếu nghĩ dù gì họ cũng là vua, thì còn nhiều ông vua khác của triều Lý, triều Trần, và triều Hậu Lê, tên cũng chưa bao giờ được dùng. Chẳng lẽ vua của triều đại gần đây hơn, có nhiều hậu duệ có chân trong bộ máy chính quyền, thì được ưu tiên hay sao?

Trong việc đổi tên đường của nhà cầm quyền Cộng Sản liền sau khi họ chiếm được Sài Gòn, cũng có vài điểm lạ. Chẳng hạn như hai con đường mang tên Trần Văn Văn và Trần Hoàng Quân còn được giữ tên cũ nhiều năm, sau mới bị đổi. Có lẽ họ tưởng hai ông họ Trần này là tướng lãnh triều Trần. Họ không biết ngày trước hai ông đã chống họ.

Còn điểm sau đây, không lạ lắm, nhưng đã khiến tôi liên hệ với chuyện có trước: Chắc các bạn biết trước biến cố 4.1975, con đường mang tên Phan Đình Phùng là một trong những con đường lớn nhất của Sài Gòn. Đường này được đổi tên thành Nguyễn Đình Chiểu. Ý muốn làm vui lòng người Nam lộ rõ. Nhưng họ cần nhắc thế nào mà cho ông Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng hơn ông Phan Đình Phùng, đẩy ông Phan Đình Phùng tới đường Võ Di Nguy cũ, thì tôi không được biết.

Đúng là khi thái quá, hồi bất cập. Trước tháng 4.1975, Nguyễn Đình Chiểu là một con đường rất nhỏ nối vào chỗ bôn cở ngã tư Trương Minh Giảng-Hiền Vương. Vị danh sĩ miền Nam được chuyển từ con đường nhỏ này đến con đường Phan Đình Phùng cũ, cũng giống như ngày trước làm quan mà được đột nhiên thăng từ tri huyện lên đến thượng thư vậy. Nếu thượng thư không quá lớn, thì tri

huyện là quá nhỏ.

Nhưng các bạn còn ở lại Sài Gòn sau biến cố 30.4, có nhớ con đường nhỏ vừa nói được đổi tên thành đường gì không? Đường Trần Quốc Toản đấy. Vị tướng nhà Trần này được chuyển đến đây, từ một con đường rất lớn, rất dài: Đường Trần Quốc Toản cũ chạy từ ngã sáu Lê Văn Duyệt ra Mũi Tàu Phú Lâm, nối vào quốc lộ số 4 dẫn về miền Tây. Nói cho công bằng, Trần Quốc Toản nổi tiếng trong lịch sử là do chuyện “tuổi còn nhỏ không được vào họp bàn chuyện quốc sự tại hội nghị Bình Than, tức giận bóp nát trái cam”, chứ không phải vì có nhiều chiến công. So công trạng, Trần Quốc Toản không thể bằng các tướng nhà Trần khác, như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khát Chân. Thế sao tên ba vị sau chỉ được dùng đặt cho những con đường nhỏ trong thời Quốc Gia?

Nhưng không phải chỉ có các danh nhân quốc nội “ba chìm bảy nổi” với những con đường được Cách Mạng săn sóc đâu. Danh nhân quốc ngoại cũng cùng số phận. Trong khi Calmette và Yersin vẫn giữ nguyên vị, thì Pasteur lại bị họ phế truất. Đường Pasteur cũ sau 1975, thành đường Nguyễn Thị Minh Khai. Nhưng rồi “bĩ cực thái lai”, khi bang giao giữa Pháp và CSVN được cải thiện, Pasteur lại được phục vị, đẩy Nguyễn Thị Minh Khai chạy ra đường Hồng Thập Tự cũ, giành lại một đoạn của Xô-Viết Nghệ-Tĩnh.

Cuối bài, xin có đôi lời về những con đường có tên bị viết sai, đọc sai. Đúng ra, sai lầm là do cách viết trên bảng tên đường có từ thời Quốc Gia. Dân chúng cứ theo đó gọi, lâu thành quen miệng, quen tai. Ai biết là sai, đọc lại cho đúng, có thể bị người ta chê là “đọc trật”. Tôi chỉ nhớ 3 trường hợp sau đây:

- Sương Nguyệt Anh làm ra Sương Nguyệt Ánh;
- Trương Quốc Dung làm ra Trương Quốc Dưng;
- Trần Khát Chân làm ra Trần Khắc Chân.

Về Bài Báo “Co Cãi Loanh Quanh” của Ông Trần Thanh Hiệp

Sơn Tùng

Một vài tờ báo ở Hoa-kỳ trong tháng qua đăng bài của ông Trần Thanh Hiệp, tựa đề “Co cãi loanh quanh và bạo hành bằng lời nói”, mục đích như tác giả cho biết là, để trả lời một bài viết của tôi trên tạp chí *Thế Kỷ 21* trước đây, mà tôi đã (nguyên văn lời ông Hiệp) “đấu tố Ủy Ban đặc Cử Tái Thống Nhất Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (UBĐC), hăm he chôn sống cơ cấu này, nhất là người chủ tịch của nó”.

Ngay từ những lời mở đầu này, người đọc đã có thể đánh giá được văn phong và tư cách của người viết. Nghe nói ông Trần Thanh Hiệp là một luật sư, mà dân gian thường gọi là “thầy cãi”, tức là sinh sống bằng nghề đi cãi, lại còn là một “nhà văn”, từng làm chủ tịch Văn Bút VNNH, mà khi tôi lên tiếng sửa lại những điều sai sự thật trong bài viết của ông, ông không chấp nhận quyền phát-biểu của người khác, và cũng không chấp nhận cho người khác giống lên “tiếng chuông thứ hai” trên mặt báo của một xã hội tự do, lại hằn học gọi đó là “co cãi”, và viết thêm hơn hai trang báo lớn chỉ để dả kích cá nhân, trong khi không biện minh được điều gì mà tôi đã nêu ra trước đây.

Để khỏi dài dòng làm mất thì giờ mọi người, tôi xin trả lời ông Trần Thanh Hiệp về 3 điểm ông nêu ra:

1) Ủy Ban Đặc Cử:

Do văn thư đề ngày 9.4.1996, với chữ ký của ông Ronald Harwood (chủ tịch VBQT) và ông Alexandre Blokh (Tổng thư ký), chúng tôi được thông báo nguyên văn như sau: “In view of the difficulties which have arisen between the two groups in your P.E.N.

Centre, we have decided to ask Mr. Tran Thanh Hiep to set up and preside over a committee composed of previous presidents of the Vietnamese Writers Abroad P.E.N. Centre with the purpose of bringing the two sides together and making a report to us on the results before the Assembly of Delegates in Guadalajara”.

Trên đây là nguyên văn nội dung lá thư. Không hề có những chữ “ad hoc”, “investigation”, “arbitrage” và “recommendations” như được ông Trần Thanh Hiệp nêu ra.

Sau đó, trong văn thư đề ngày 24.1.97, ông Alexandre Blokh đã dùng chữ “mediator” (trung gian) khi đề cập ông Trần Thanh Hiệp.

Chữ “Ủy Ban Đặc Cử” đã do chính ông Trần Thanh Hiệp đặt ra trong thư gửi chúng tôi đề ngày 17.4.96 với những nhiệm vụ, qua chính lời ông Hiệp như sau: “Ủy Ban mà Văn Bút Quốc Tế ủy nhiệm tôi thành lập là một ủy ban đặc cử (ad hoc) của tổ-chức này. Về mặt lý, nó không nằm ở bất cứ vị trí nào trong cơ cấu của VBVNHN nên nó không thể có nhiều quyền hạn hơn Văn Bút Quốc Tế đối với VBVNHN. Nhưng về mặt tình, đặc tính của các thành phần cấu tạo ủy ban “5 cựu chủ tịch của VBVNHN” đã giúp cho nó dễ dàng thấu triệt được bề sâu của vấn đề để cùng hai bên hữu quan tham cứu sự kiện (fact-finding), tự do trao đổi ý kiến về các giải pháp có thể quan niệm và chọn giải pháp tối hảo mà cả hai bên chấp nhận, nếu tìm thấy. Nhưng, cần xác định ngay là Ủy Ban không tự cho mình thẩm quyền tài phán.”

Ai biết đọc và có trình độ hiểu biết trung bình đều thấy rõ qua những văn từ trên đây:

a. Ủy ban của ông Trần Thanh Hiệp chỉ đóng vai trò “trung gian hoà giải”, nặng về tình cảm, và không có quyền tài phán.

b. Ủy ban ấy có thời hạn nhất định (Đại Hội VBQT 11/96). (Sau tháng 11/96, vì ông Hiệp không hoàn thành nhiệm vụ giao phó, VBQT phải làm một văn thư gia hạn, đề ngày 24.1.1997).

Vì hai đặc tính trên đây mà chúng tôi đã hợp tác đầy thiện chí với ông Trần Thanh Hiệp ngay từ lúc đầu.

Thật đáng buồn, nhưng không kinh ngạc, khi ông Trần Thanh Hiệp, một luật sư, đã đặt bút viết như sau: “Ông Sơn Tùng trình bày sai về UBĐC vì ông không biết rõ về UBĐC. Sai về nhiệm vụ của ủy ban này mà ông xác quyết rằng chỉ có tính cách ‘tình cảm’ và ‘ngắn hạn’.”

Không cần phải là một luật sư cũng biết rằng một trung gian hòa giải (mediator) rất khác với một trọng tài (arbitrator).

Một người chỉ có thể đóng vai trọng tài khi được cả hai bên yêu cầu và chấp thuận tôn trọng sự phân xử của trọng tài. Chúng tôi chưa bao giờ nhờ ông Trần Thanh Hiệp làm trọng tài, và cũng chưa bao giờ được VBQT yêu cầu chấp nhận ông Trần Thanh Hiệp trong vai trò trọng tài. Chúng tôi đã nói rõ điều này trong văn thư gửi VBQT ngày 30.3.97.

Ông Hiệp đã thóa mạ tôi như sau: “Điều tôi muốn lưu ý độc giả là ông Sơn Tùng đã trình bày sai sự thật vì ông hiểu sai cũng có, không đủ sức hiểu các vấn đề cũng có”.

Tôi tin rằng người đọc có trình độ cao hơn là ông Hiệp nghĩ. Họ hiểu sự thật nằm ở đâu sau khi đọc những lời

"co cãi loanh quanh" của ông Hiệp và sự trình bày minh bạch của tôi. Cái lối thóa mạ mà ông Hiệp sử dụng chỉ là đòn thấp (cheap shot) của kẻ mang hai chứng bệnh cùng một lúc: tự ti và tự tôn, nhưng không tự tin.

Ông Hiệp có làm việc tùy tiện độc đoán hay không, mọi người đều biết, nhất là ba vị từng ở trong ủy ban của ông Hiệp. Bà Minh Đức Hoài Trinh, người sáng lập VBVNHN đã gặp ông Blokh ở Guadalajara, sau đó đã viết cho ông ta hai lá thư. Chúng tôi không biết bà viết những gì, nhưng tôi tin đó là tâm trạng xót xa của một người cảm bút chân chính trước hành động bất lương của vài kẻ mang danh nhà văn, trí thức. Qua những lần trao đổi ý-kiến, tôi kính trọng tâm hồn cao thượng của nhà văn Minh Đức Hoài Trinh khi bà không muốn phơi bày tâm-sự thật lên mặt báo. Nhưng, bà nói với một số người, trong đó có tôi, mà tôi không muốn nhắc lại ở đây, vì tôn trọng bà và cũng không muốn "nói giùm người khác".

Ông Hiệp muốn công luận hiểu sai sự thật rằng ủy ban của ông không "vỡ làm đôi", và vặn hỏi: "*Vậy đâu là chuyện 'vỡ làm đôi' mà ông Sơn Tùng khẳng định?*"

Đây là bằng cớ: Giấy viết thư của cái gọi là "ủy ban đặc cử" trước kia in tên bốn người, nay chỉ còn hai: Trần Thanh Hiệp và Trang Châu!

Bà Minh Đức Hoài Trinh chẳng những đã rút ra khỏi ủy ban của ông Hiệp, còn tán thành giải pháp bầu cử bằng thư mà ông Hiệp tìm mọi cách xuyên tạc và ngăn cản.

2) Ai trình bày sai và che giấu sự thật về cuộc tranh chấp?

Đọc những lời "co cãi loanh quanh" của ông Trần Thanh Hiệp, người đọc càng không hiểu gì cả, và ông ta đã cố tình bỏ qua sự kiện quan trọng số một mà tôi đã nêu ra trong bài viết trước: đoạn 3 trong thư đề ngày 31.8.96 của ông Hiệp với những sự thay trắng đổi đen, lập luận điêu xảo về những sự việc xảy ra trong ngày 26.11.95. Trong văn thư ngày 14.9.96, chúng tôi đã phản bác lập luận ác ý của ông Hiệp dùng làm nền tảng cho những áp đặt của ông ta sau này. Bản dịch văn thư này đã được gửi cho VBQT, và cho

đến nay, ông Trần Thanh Hiệp không hề trả lời nổi để gỡ gạc mưu gian đã bị vạch mặt, lập luận đã bị sụp đổ.

Mặc dầu bác bỏ lập luận của ông Hiệp, chúng tôi đã vì thiện chí thiết tha muốn sớm chấm dứt cơn khủng hoảng mà bằng lòng dẹp bỏ các cuộc tranh cãi qua một bên, chấp nhận trên nguyên tắc đề nghị của ông Hiệp trở lại tình trạng trước ngày 26.11.95 để bầu lại Ban Chấp Hành với sự tham dự của 8 Trung tâm chính thức của VBVNHN, chỉ yêu cầu bầu bằng thư để tránh tốn kém và tiết kiệm thì giờ cho các đại biểu ở rải rác trên nhiều nước.

Ông Trần Thanh Hiệp đã bất chấp sự thật, dùng mọi cơ hội để xuyên tạc đề nghị bỏ phiếu bằng thư.

Đây không phải là ý kiến của riêng tôi để có "*bảo vệ chức chủ tịch đã giành được*" (?) như lời vu cáo của ông Hiệp, mà là đề nghị chung của 6 Trung tâm và chấp nhận cho mọi người có đủ điều kiện ra ứng cử. Đề nghị hợp lý này thực tế này đã được chính VBQT nhiệt liệt tán thành nhiều lần, bằng miệng tại Guadalajara, bằng thư ngày 11.1.96 gửi tiến sĩ Nguyễn Văn Hường (nhà thơ Hoài Việt): "*J'étais sensible aux difficultés de convoquer une fois de plus une union de toutes les Sections de votre Centre réparties dans le monde entier et que je partage votre point de vue sur la nécessité de procéder à un vote par correspondance*" (Tôi rất thông cảm sự khó khăn trong việc triệu tập một lần nữa một cuộc họp các chi bộ của quý Trung tâm hiện nằm rải rác trên khắp thế giới và đồng quan điểm với ông về sự cần thiết tổ chức một cuộc bỏ phiếu bằng thư).

Trong thư gửi tôi đề ngày 24.1.97, ông Blokh tái xác nhận một cuộc bỏ phiếu bằng thư là "*perfectly acceptable to us*".

Nhưng, cho đến nay ý kiến của đại đa số các Trung tâm với sự tán thành của VBQT vẫn không thực hiện được vì hai lý do:

- Ông Trần Thanh Hiệp trình bày sai sự thật với VBQT để ngăn cản cuộc bỏ phiếu bằng thư.

- Ông Trần Thanh Hiệp ngấm xúi giục và đứng đằng sau cuộc họp "Đại hội đồng" bất hợp lệ của ông Viên

Linh.

Để thực hiện cuộc họp này, ông Hiệp cố gài bẫy các Trung tâm đồng ý trở lại tình trạng trước ngày 26.11.95 để ông ta tự quyền ban cho ông Viên Linh chức "xử lý thường vụ" bất hợp pháp.

Đây là một sự cưỡng đặt trắng trợn nhằm cướp quyền của các Trung tâm và của Đại Hội đồng VBVNHN. Nhiệm kỳ chủ tịch 93-95 của ông Viên Linh đã mãn ngày 26.11.95, ông Trần Thanh Hiệp không thể lấy bất cứ quyền gì, dựa vào luật nào (trừ luật rừng), giao cho ông Viên Linh chức "xử lý thường vụ" không hề có trong Điều Lệ, mà cũng không hề được các trung tâm chấp nhận.

Tôi cũng không hề "cam kết" điều gì tương tự như lời ông Hiệp viết ra. Trái lại, trong mọi văn thư gửi ông Trần Thanh Hiệp, tôi đều nhắc đi nhắc lại nhiệm kỳ ông Viên Linh đã chấm dứt, và ông ta chỉ có quyền ra ứng cử, nếu muốn. Còn bầu bằng thư hay họp Đại Hội đồng và do Trung tâm nào tổ chức là do quyết định của đa số các Trung tâm, tôi không có quyền gì để "áp đặt" giải pháp nào cả, như lời vu cáo của ông Hiệp, bất chấp sự thật vừa được trình bày ở trên.

Những sự thật trên đây thiết nghĩ cũng đủ cho những ai còn giữ được lương tri đi đến kết luận "UBĐC", hay đúng hơn là cá nhân ông Trần Thanh Hiệp, có phải là thủ phạm của tình trạng khủng hoảng kéo dài hiện nay không. Và cũng xin dùng chính câu viết của ông Trần Thanh Hiệp để ông tự phán xét về những hành động của mình: "*Bằng không, chỉ là những trò đầu voi đuôi chuột, hay mặt của mướp đắng lừa nhau giữa chợ*".

3) Về Hội Nghị Guadalajara:

Chúng tôi đã trình bày mọi việc trong bài viết trước đây, và miễn bàn về những "co cãi loanh quanh" của ông Trần Thanh Hiệp. Chỉ xin phép được nhắc lại một câu viết của ông, nguyên văn: "*Tưởng cũng cần nói thêm rằng không phải chỉ ở Guadalajara mới tranh đấu được cho các văn nghệ sĩ. Nhiều người được ông Sơn Tùng nêu tên thì đều là những người mà trước đó đã được khắp nơi cứu trợ*".

Quan điểm của ông Trần Thanh Hiệp đã quá rõ: không cần có mặt, không cần phản đối hay lên án bạo quyền Hà-nội, và không cần nêu cao chính nghĩa của người Việt tự do. Văn nghệ sĩ chỉ cần ...cứu trợ cho khỏi đói mà thôi!

Vậy thì cần gì duy trì sự có mặt của VBVNHN, cần gì phải làm bản dự thảo nghị quyết, và cần gì đi họp Hội Nghị Quốc Tế để lên tiếng tố cáo Việt Cộng?

Xin độc giả và công luận hãy nhìn cho rõ chân tướng ông Trần Thanh Hiệp. Trong khuôn khổ bài này, tôi xin miễn nêu ra những hoạt động cầu hàng của ông Hiệp trong những năm qua mà tôi nghĩ mọi người đã biết.

Kết luận:

Ông Trần Thanh Hiệp kết luận rằng bài lên tiếng của tôi trước đây là "một thảm họa" cho tôi. Vì "văn phong là người, nhờ bài viết ấy mà giờ phút của sự thật đã điểm, bắt đầu từ Hoa-thịnh-đốn, đất đầy nghiệp của ông Sơn Tùng để mọi người nhận diện ông Sơn Tùng."

"Thảm họa" cho tôi hay "thảm họa" cho ai, xin ông Trần Thanh Hiệp hãy để quyền ấy cho người đọc phán xét. Ông có vẻ cay cú, hằn học, hận thù tôi, trong khi tôi không hề thù ghét hay ăn thua với ông, trái lại còn thương ông nữa là khác. Tôi chỉ vì trách nhiệm và vì chân lý mà bất đắc dĩ phải lên tiếng, không hề nhằm mục đích gây "thảm họa" cho ông, và tôi cũng không sợ cái "thảm họa" mà ông vui mừng báo tin cho tôi. Có thảm họa nào bằng thảm họa 30 tháng 4? Và tôi chỉ có một kẻ thù duy nhất: cộng sản. Nếu cần ăn thua, tôi chỉ ăn thua với kẻ thù ấy. Tôi thương hại những người mồm hô hào "hoà hợp hòa giải" và "xóa bỏ hận thù" với Việt Cộng, sẵn sàng đi châu-chực Việt Cộng (như vụ Nguyễn Đắc Xuân mới đây) nhưng lại sôi sục hận thù, ăn thua đủ với "anh em" chỉ vì chút hư danh.

Còn văn phong thì ai cũng biết "văn là người", và con người của ông đã hiện rõ trong văn phong bài "co cãi loanh quanh" của ông. Cũng như văn phong của một "văn hữu" thân tín của ông đang "phất cờ cách mạng" ở vùng Hoa Thịnh đốn mà ông ám chỉ, kẻ đã

từng đặt bút mại lị những đại biểu của Đại Hội đồng VBVNHN là "núp váy một người đàn bà". Cũng như một "văn hữu" khác của ông ở Âu Châu sắp sửa được ông nâng lên làm "chủ tịch VBVNHN hệ phái Viên Linh" mà văn phong đã làm mọi người phải lợm giọng. Đồng minh của ông chỉ có thể có những con người cùng một văn phong với nhau như vậy.

Ông dùng ba chữ "đất đầy nghiệp" để chỉ liên hệ giữa vùng Hoa Thịnh Đốn với tôi làm tôi thật hổ thẹn. Tôi chỉ là một người Việt Nam lưu vong, hội viên của một hội tư, được tín nhiệm và được giao phó một trách vụ trong một thời gian ngắn. Tôi phải chu toàn nhiệm vụ trong thời gian đó, dù gặp sóng gió. Ông có coi cái "chức chủ tịch" (VBVNHN, hay UBĐC) là lớn thì cũng không nên xúc phạm đến những Lê Lợi, Quang Trung. Dùng chữ bừa bãi như vậy cũng là một "văn phong" nên tránh.

Ngay ở tựa đề, ông Hiệp kết tội bài lên tiếng của tôi trước đây là "bạo hành bằng lời nói". Ông thường dùng những danh từ pháp lý có chua thêm tiếng Tây để thiên hạ ...sợ. Vậy xin ông Trần Thanh Hiệp, luật sư tòa thượng thẩm Paris, chua thêm tiếng Pháp vào tội "bạo hành bằng lời nói" và kê ra cho người đọc mà ông khinh miệt biết những yếu tố cấu thành tội danh này để độc giả có thể xét xem bài viết "co cãi loanh quanh" của ông có làm ông phải ra tòa về tội "bạo hành bằng lời nói" không.

Trở lại vấn đề VBVNHN. Tôi vừa nhận được văn thư đề ngày 1.5.97 của VBQT, nhắc lại một giải pháp được VBQT nhìn nhận là một thỏa hiệp do chính các hội viên VNVNHN đạt được. Và chính ông Hiệp cũng viết: "UBĐC có thể ra khỏi vị trí quan sát viên để góp sức một cách hợp lệ, vì UBĐC là một cơ cấu quốc tế không thẩm quyền đối với nội trị của VBVNHN, nếu có sự yêu cầu minh thị của các bên hữu quan".

Nếu ông cứ tiếp tục giữ thái độ thù nghịch công khai với "một bên hữu quan" thì làm sao ông có thể "góp sức một cách hợp lệ" được?

Nếu vô tư thì ông cần gì phải "đặc biệt chú ý" để theo dõi việc ông Viên Linh "triệu tập Đại Hội đồng"?

Xin hỏi ông Trần Thanh Hiệp:

- Ai có quyền giao cho ông Viên Linh chức "xử lý thường vụ" và tổ chức đại hội đồng, trừ khi được sự ủy nhiệm đồng thuận của đa số trong 8 Trung tâm VBVNHN?

- Hiện nay, ít nhất là 6 trên 8 Trung tâm đã chính thức phản đối và không tham dự "Đại Hội đồng" do ông Viên Linh triệu tập, sao ông Hiệp còn viết mập mờ: "UBĐC đặc biệt chú ý xem ông Viên Linh có thực sự tôn trọng bản Điều Lệ 1989-1993 hay không và có vượt quyền một người xử lý thường vụ hay không"?

Chúng tôi đã làm tất cả mọi điều có thể làm để tìm một giải pháp hợp lý giải quyết mau chóng cơn khủng hoảng, nhưng đều vô ích. Một số người cho rằng ông Hiệp thù tôi vì một bài tôi chỉ-trích ông qua cuộc phỏng vấn của đài RFI hai năm trước đây. Tôi không nghĩ như vậy, không phải vì tin ông là người quân tử, nhưng lúc ấy ông Viên Linh cũng chỉ trích ông trên báo là "xưng xuất" (?) vậy mà nay ông đã làm mọi cách để nâng cá-nhân ông Viên Linh lên ngang hàng với cả Đại Hội đồng VBVNHN. Hành động của ông phải có một mục đích khác. Mục đích ấy là gì, những ai chưa nhìn thấy ngày hôm nay thì sẽ nhìn thấy trong những ngày sắp tới. Những hỏa mù được tung ra sẽ có lúc tan để sự thật phơi bày.

Riêng tôi, sẽ cố làm nhiệm vụ được giao phó và tôi tin rằng chân lý sẽ toàn thắng. Chúng tôi cũng tin rằng Văn Bút Quốc Tế vẫn còn là một tổ chức tranh đấu cho quyền tự do phát biểu, nơi chính nghĩa được đề cao, và không phải là nơi cho những chính-khách hoạt đầu, cơ hội chủ nghĩa thả câu.

Để kết thúc bài này, tôi xin nhắc lại câu tôi đã viết cho ông Trần Thanh Hiệp trong lá thư đề ngày 27.8.96: "Đây là cơ hội để văn hữu và các văn hữu tiền nhiệm khác chứng tỏ sự sáng suốt, thẳng thắn và can đảm hầu có thể trình bày Sự Thật với Văn Bút Quốc Tế, trước công luận, và nêu cao tinh thần trách nhiệm của người cầm bút Việt Nam. Nếu chẳng may điều trên đây không xảy ra thì phải chăng số phận dân tộc ta vẫn chưa hết đen tối? Nhưng, sử sách sẽ không bao giờ bỏ quên. Sự thật sẽ mãi mãi là sự thật."●

đua với lửa

Tổng Minh
Long Quân
(phóng-tác)



(tiếp theo)

Chương 18

- Chúng ta đã tổ chức party ở khắp tiểu bang để vận động gây quỹ. Hết các hãng truyền hình bật đèn báo hiệu là chúng ta làm ngay. Adam, cháu có nghe gì không?

Adam giật mình nhìn lên ông cậu vợ Needham và ba người khách trong phòng họp - họ đều là những nhân vật cao cấp của ngành thông tin. Chàng đang bận tâm suy nghĩ đến chuyện khác, về Jennifer. Phải chi nàng có mặt ngay đây, bên cạnh chàng, chia sẻ những hào hứng của cuộc vận động tranh cử, chia sẻ thời gian, chia sẻ cả cuộc đời chàng.

Adam đã nhiều lần muốn bày tỏ hoàn cảnh mình, nhờ ông Needham giải quyết giùm, nhưng lần nào hết chàng xa gần đề cập đến là ông ta lại lấy cớ thoái thác đi chỗ khác.

Adam ngồi đó, thầm so sánh Jennifer và Mary Beth. Chàng thấy không nên có sự so sánh đó nhưng không cưỡng lại được.

Jennifer khiến chàng hứng khởi. Nàng có vẻ thích thú về mọi vấn đề của chàng khiến Adam cảm thấy yêu đời và trẻ lại. Mary Beth thì chỉ sống trong thế giới nhỏ bé của riêng nàng mà thôi.

Jennifer và chàng có nhiều điểm giống nhau. Mary Beth và chàng hoàn toàn khác cá tính nhau nhưng có chung một bản hân thú.

Chàng yêu tính hài hước của Jennifer. Nàng biết tự trào. Còn Mary Beth lúc nào cũng nghiêm nghị và khô khan.

Jennifer tự lập. Mary Beth tựa vào chàng và cần chàng hướng dẫn.

Bốn điểm quan trọng khác nhau giữa người chàng yêu và vợ chàng.

Bốn lý do tại sao chàng không thể bỏ Mary Beth một cách dễ dàng.

Chương 19

Buổi sáng tháng 8 đó là ngày ra toà của vụ Connie Garrett kiện hãng vận tải Lục Địa.

Patrick Maguire ngồi ở ghế bị cáo. Ông có vẻ bình thản như một thí sinh làm xong bài khá hoàn hảo và chỉ chờ kết quả. Ông biết chắc Connie sẽ không xuất hiện trước toà. Hình ảnh một cô gái trẻ đẹp bị cụt hết tay chân có sức rất mạnh đánh vào lòng từ tâm của bồi thẩm đoàn trong việc quyết định số tiền bồi thường. Nhưng không có cô gái là không có chất xúc tác. "Phen này Jennifer sẽ bị bề mặt cho ném mùi đời", Maguire thầm nghĩ.

Phiên toà diễn ra bình thường. Maguire mở đầu bằng một bài diễn văn ngắn rất hay. Ông thuật lại tai nạn và nói đến tình cảnh đáng thương của cô gái nạn nhân.

- Bên nguyên cáo đòi bồi thường 5 triệu đồng, thưa quý vị... - Ông lắc đầu tỏ vẻ khó tin - Quý vị có bao giờ thấy người ta đòi một số tiền lớn như

thế vì một tai nạn xe cô không?

Maguire thấy hiệu quả của lời nói mình trong ánh mắt ngạc nhiên của bồi thẩm đoàn. Ông tiếp tục:

- Trước khi đi sâu vào vấn đề, chúng tôi sẽ chứng minh cho quý vị thấy là hãng vận tải của chúng tôi không có trách nhiệm gì trong tai nạn này, vốn xảy ra do sự bất cẩn của nạn nhân. Tôi cũng xin nhấn mạnh một điểm: nhân vật chính của vụ kiện, cô Connie Garrett, không có mặt ngày hôm nay. Luật sư đại diện cho cô ta đã trình với Chánh án Silverman là cô ta sẽ không bao giờ ra hầu toà, điều mà đáng lẽ cô ta phải làm để giúp công lý sáng tỏ. Ngay lúc này đây, lúc tôi đang đứng nói chuyện với quý vị đây, thì có lẽ cô gái đó đang ngồi nhà để chờ đếm số tiền bồi thường vĩ đại mà cô mong lắt được từ hầu bao người khác. Quý vị hẳn đã biết thói đời, bất cứ chuyện gì có dính lúu đến một đại công ty, dù trực tiếp hay gián tiếp, người ta cũng vội nghĩ đến việc kiện tụng cho rằng công ty đó giàu, đòi hỏi càng nhiều càng tốt...

Maguire dừng một lúc rồi tiếp:

- Connie Garrett không có mặt ở toà hôm nay vì cô ta ngại phải đối diện với quý vị, vì biết việc thưa kiện như vậy là vô lý. Được, chúng ta sẽ cho cô ta một bài học và để cảnh cáo những người khác trông tương lai trước khi thưa kiện là phải ý thức rõ hành động của mình. Tôi xin dứt lời.

Jennifer đứng dậy, tiến đến bồi thẩm đoàn. Nàng nhìn mặt từng vị một để đo lường ảnh hưởng lời nói của Maguire.

- Ông bạn đồng nghiệp đã cho biết thân chủ của tôi, cô Connie Garrett, sẽ không bao giờ có mặt ở toà. Điều đó đúng. - Nàng đưa tay chỉ vào chiếc ghế trống trên hàng ghế nguyên cáo - Chỗ ngồi đó đáng lý ra là của thân chủ tôi. Đáng tiếc là thân chủ tôi không ngồi được bình thường như chúng ta mà ngồi trên một chiếc xe lăn đặc biệt, chiếc ghế mà cô sẽ dính liền vào đó suốt cuộc đời. Connie Garrett không có mặt trước toà nhưng lắt nữa đây, quý vị sẽ được biết mặt cô gái và hiểu cô ta như tôi đã hiểu.

Maguire có vẻ bối rối. Ông chồm người về phía trước và thì thào nói gì đó với người phụ tá.

Jennifer hùng hồn:

- Qua những điều ông bạn Maguire vừa trình bày, thật tình tôi cũng rất động lòng, xót xa cho mấy triệu đồng mà có thể công ty Lục Địa sẽ phải chi ra để bồi thường cho cô gái 24 tuổi mất hết tay chân. Cô gái này, theo như lời ông Maguire mô tả, đang ngồi nhà chờ cú phôn cho biết cô ấy sắp thành triệu phú.

Giọng Jennifer trầm xuống, ngậm ngùi:

- Giàu làm gì hở quý vị? Để mua những chiếc nhẫn hột xoàn mà cô ta không còn tay để đeo? Để mua những đôi giày mắc tiền mà cô ta không còn chân để xỏ? Mua những bộ quần áo đẹp mà cô ta không thể tự mặc được? Mua xe Rolls Royce để đi dự những đám tiệc mà cô ta sẽ không bao giờ được mời? Quý vị có nghĩ đến sự khôi hài chua chát là cô ta sẽ làm gì với số tiền này không?..

Jennifer nhỏ nhẹ, thành thật bày tỏ:

- Ông Maguire chưa bao giờ thấy số tiền năm triệu bạc một lúc. Tôi cũng vậy. Nhưng nếu tôi nói với quý vị đây, tôi sẽ đưa năm triệu để đổi lấy đôi tay và cặp chân của một trong quý vị thì chắc không ai chịu... Luật pháp trong vụ này thật rõ ràng. Trong vụ xử năm xưa, nguyên cáo đã thua kiện vì người ta không để ý đến vấn đề cái thắng của xe vận tải bị khuyết điểm. Theo sự thăm dò mới đây của chính quyền, phần đông tai nạn do các xe vận tải gây ra là ở bánh xe, thắng và bánh lái. Nếu quý vị theo dõi các con số...

Patrick Maguire thấy ngay là Jennifer non tay nghề. Những con số thống kê thuộc về kỹ thuật, để làm bồi thẩm đoàn chán nản và quên lãng trọng tâm của vấn đề là sự đáng thương của cô gái nạn nhân. "Cô ta cũng chẳng thông minh gì mấy như thiên hạ đồn", ông thầm nghĩ và vững tâm hơn, ngồi dựa ngửa ra ghế cách thoải mái.

Jennifer tiến đến băng ghế:

- Xin ngài Chánh án cho phép tôi được trưng bày...

- Trưng bày cái gì? Chánh án hỏi.

- Ngay từ đầu phiên xử, tôi đã hứa với các vị bồi thẩm là các vị ấy sẽ được biết Connie Garrett. Nhưng vì Connie không thể có mặt tại đây nên tôi xin phép được trưng bày vài hình ảnh của cô ấy.

Chánh án Silverman trả lời:

- Tôi không thấy có trở ngại gì.

Ông ta quay sang phía Maguire:

- Luật sư của bên bị cáo có chống đối gì không?

Patrick Maguire đứng dậy, vừa đi chậm chậm vừa suy nghĩ: "Nhưng hình ảnh gì?"

Maguire không thích trưng bày hình ảnh cô gái tàn tật, nhưng mặt khác, cô gái tàn tật trên chiếc xe lăn trong hình coi đỡ thể thảm hơn là sự hiện diện của cô ta. Ông cũng phải cân nhắc, nếu ông chống đối việc trưng bày hình ảnh, bồi thẩm đoàn có thể nghĩ ông là người không tim. Ông ta bình thản trả lời:

- Bằng mọi cách, cô cứ việc trưng bày.

Jennifer quay về hướng Dan Martin và gật đầu. Hai người đàn ông ở hàng ghế sau vội di chuyển một màn ảnh và máy chiếu phim để chuẩn bị.

Maguire hết sức ngạc nhiên, đứng bật lên:

- Chờ một chút! Cái này là cái gì?

Jennifer trả lời, giọng ngây thơ cụ:

- Thì mấy cái hình ông vừa cho phép tôi đó!

Maguire đứng chết trân. Jennifer đã không nói gì đến hình ảnh sống động. Nhưng đã quá trễ để phản đối. Ông đành gật nhẹ đầu và ngồi xuống.

Jennifer cho tắt bớt đèn trong phòng để mọi người có thể nhìn rõ. Trong vòng ba mươi phút, cả phòng yên lặng theo dõi những hình ảnh thương tâm. Jennifer đã mượn một nhà quay phim chuyên làm quảng cáo. Ông ta quay cảnh một cô gái trẻ đẹp buổi sáng được tắm ra khỏi giường như thế nào, được bông vào làm vệ sinh, được tắm rửa như đứa bé sơ sinh, được đút từng muỗng thức

ăn... Mặc dù Jennifer đã xem cuốn phim này hàng chục lần, vậy mà nàng còn thấy ghen ở cổ và mắt ứa nước. Nàng biết cử tọa cũng đang có cảm tưởng như nàng.

Bồi thẩm đoàn ra ngoài họp đã hơn mười tiếng đồng hồ. Cứ mỗi giờ qua đi là tinh thần Jennifer lại xuống thêm một chút. Nếu cuốn phim gây được xúc động thì họ đã không họp lâu như vậy.

Khi bồi thẩm đoàn họp, Patrick Maguire ngồi chờ mà lòng như lửa đốt. Ông biết chắc ông thua bởi vì ông đã coi thường Jennifer. Nhưng thời gian trôi qua mà bồi thẩm đoàn chưa trở lại thì tinh thần ông càng lên. Ông bắt đầu hy vọng. Họ bàn cãi càng lâu thì cảm xúc nhất thời càng nguôi đi.

Gần đến nửa đêm, nhân viên toà án đến trình lên Chánh án một mẫu giấy nhỏ theo thủ tục. Chánh án đọc qua và ngẩng lên:

- Yêu cầu hai bên luật sư nguyên và bị cáo đứng lên.

Khi Jennifer và Maguire cùng đứng đối diện Chánh án, ông ta chậm rãi nói:

- Tôi cho hai vị biết: Bồi thẩm đoàn quyết định xin phép được tăng số tiền bồi thường cho Connie Garrett hơn con số năm triệu đồng mà bên nguyên cáo đòi hỏi.

Jennifer cảm thấy chóng mặt. Tim nàng như muốn vỡ ra. Nàng nhìn sang Maguire. Mặt ông ta trắng bạch như tờ giấy.

Chánh án Silverman tiếp tục:

- Tôi sẽ cho biết số tiền tối đa mà tiểu bang ấn định là bao nhiêu để bồi thẩm đoàn quyết định.

Ba mươi phút sau, bồi thẩm đoàn trở vào phòng xử. Số tiền bồi thường cho Connie Garrett được ấn định là sáu triệu đồng. Đây là số tiền bồi thường về tai nạn lớn nhất trong lịch sử pháp lý của tiểu bang Nữ Ước.

Chương 20

Sáng hôm sau Jennifer bước vào văn phòng đã thấy hàng xấp báo với tên và hình nàng trên trang nhất. Có

ba bó hoa hồng gửi đến. Jennifer mỉm cười. Thế nào cũng có một bó của Adam. Nàng mở một tấm thiệp ra: "Chúc mừng cô. Michael Moretti".

Cynthia cho biết Adam đang chờ nàng ở đầu giây điện thoại. Jennifer nhắc vội ống nghe, cố giữ giọng bình tĩnh:

- Chào cưng.
- Em lại thắng nữa.
- Em chỉ may mắn thôi.
- Khách hàng của em thật may mắn được có em làm luật sư đại diện. Chắc em vui lắm phải không cưng? Anh có chuyện quan trọng cần gặp em chiều nay.

Tim Jennifer bắt đầu đập mạnh. Chuyện gì vậy ngoài chuyện Adam báo cho nàng biết là chàng không thể nào gặp nàng nữa? Nàng nôn nóng mong đến giờ hẹn.

Adam chờ nàng ở tiệm ăn. Jennifer tự nhủ lòng dù bất cứ chuyện gì nàng cũng không thêm khóc. Nhất là trước mặt Adam. Nàng dự định sẽ nói thẳng với chàng là nàng cũng chán cuộc tình lén lút này lắm rồi, nàng sẽ rút lui để chàng khỏi phải khó xử.

Jennifer vừa ngồi xuống, Adam nắm lấy tay nàng và nói ngay:

- Mary Beth đồng ý ly dị.

Nghe nói, Jennifer há hốc miệng nhìn Adam trân trối, không nói được lời nào.

Chuyện ly dị là do Mary Beth khơi ra. Hôm ấy, bữa ăn tối để vận động gây quỹ bầu cử thật vui. Bài diễn thuyết của Adam cũng rất thành công. Nhưng trên đường về Mary Beth im lặng không nói gì nhiều. Adam gợi chuyện:

- Em thấy tối nay vui đấy chứ?
- Vâng.

Sau đó suốt đoạn đường không ai nói thêm với nhau lời nào. Khi vào nhà, Adam hỏi vợ:

- Em đi nghỉ cho khoẻ đi.
- Cảm ơn anh. Em nghĩ chúng ta cần nói chuyện một chút.
- Chuyện gì?
- Chuyện anh và Jennifer Parker. Adam có cảm tưởng trái bom vừa

nổ. Chàng ngần ngừ không biết trả lời sao. Mary Beth tiếp tục:

- Em biết sự vụng trộm của anh từ lâu nhưng em chưa nói bởi vì em muốn cân nhắc thật kỹ trước khi quyết định.

- Mary Beth, anh...

- Để cho em nói... Em biết giữa anh và em tình cảm không sâu đậm như chúng ta mong muốn. Có thể em không là người vợ hoàn toàn...

- Em không có lỗi gì cả, Mary. Anh...

- Để em nói... Thật là khó cho em khi phải quyết định. Em không muốn ngăn cản bước đường anh đi...

Adam nhìn nàng như không tin:

- Anh...

- Em yêu anh rất nhiều nên không muốn làm tổn thương đến tình cảm chúng mình. Anh có một tương lai chính trị xán lạn. Em không mang lại hạnh phúc cho anh. Nếu cô Jennifer làm anh vui thì em sẵn sàng nhường anh cho cô ấy.

Adam tưởng mình đang mơ. Chàng không thể tin những gì vừa nghe từ miệng Mary Beth.

- Thế phần em thì sao?

Mary Beth mỉm cười:

- Đừng lo cho em, Adam. Em có con đường em đi.

- Anh... thật anh không biết nói gì...

- Anh không phải nói nhiều. Em nói ra vì ích lợi cho cả hai chúng ta. Nếu em cầm chân anh để anh khổ sở thì em cũng chẳng vui gì, có phải không? Em chắc chắn rằng Jennifer đáng yêu và anh sẽ hạnh phúc hơn với cô ấy. Như vậy là mọi người đều vui, có phải không?

- Em thật là rộng lượng.

- Cảm ơn anh. - Mary đưa tay vuốt ve khuôn mặt chồng, mỉm cười - Anh yêu dấu. Em lúc nào cũng là bạn anh. Mỗi mãi.

Nàng đến gần và dựa cằm vào vai chồng, dịu dàng thủ thỉ:

- Đã từ lâu anh không ôm em, Adam. Anh không phải nói yêu em, nhưng xin anh ôm em lần chót và làm tình với em để kỷ niệm, nghe anh!

Adam nói với Jennifer:

- Ly dị là ý của Mary Beth.

Chàng còn nói nhiều nữa nhưng Jennifer chẳng nghe được gì ngoài tiếng nhạc êm dịu. Nàng ngất ngây như muốn bay bổng vì sung sướng. Tiếng Adam loáng thoáng bên tai:

- Mary Beth thật là phi thường và cao cả. Nàng thật sự mừng cho hạnh phúc chúng mình.

- Thật là khó tin!

- Em không hiểu, Jennifer. Tại anh sống với nhau như là anh em. Anh không muốn nói chuyện này nhưng... - Adam ngần ngại chọn chữ

- Mary có vẻ lãnh cảm.

- À ra thế.

- Mary Beth muốn gặp em.

Jennifer vẫn cảm thấy làm sao đó, không thoải mái lắm với cái tin vui Adam vừa cho biết. Nàng nói thật với chàng:

- Sao em vẫn thấy có gì không ổn, em không thể...

- Tin anh đi!

Buổi sáng hôm sau, Jennifer lái xe một mình đến nhà vợ chồng Adam. Trời thật đẹp, Jennifer vận nhạc vừa đủ nghe để đỡ cảm thấy căng thẳng vì cuộc hội kiến này, phải đối diện với vợ của người yêu.

Nhà riêng của vợ chồng Warner thật sang trọng lịch sự với lối vào trái sồi và kiến trúc theo kiểu Âu châu. Jennifer dừng xe trước cửa và bấm chuông. Một người đàn bà đáng đáp sang trọng, lịch sự bước ra mở cửa. Bà ta nắm tay Jennifer thân thiện:

- Tôi là Mary Beth. Mời cô vào.

Vợ Adam mặc chiếc váy màu kem trông mềm mại với chiếc sơ-mi lụa hở cổ vừa phải khoe bộ ngực no tròn hấp dẫn. Mái tóc vàng ôm thật khéo khuôn mặt trái xoan với đôi mắt xanh biếc. Bà ta có dáng sang trọng quý phái của các bà mệnh phụ thời xưa.

Phòng khách trang trí thật thanh nhã với những bức họa và lọ cổ. Một gia nhân bưng trà ra mời với những tách chén bằng bạc.

Mary Beth mở đầu câu chuyện:

- Chắc cô yêu Adam lắm nhỉ? Jennifer máy móc trả lời:

- Tôi mong bà Warner hiểu cho. Chúng tôi không cố tình...

Mary Beth để tay lên vai Jennifer:

- Cô không phải phân giải... Tôi không biết Adam đã nói gì nhưng cuộc chung sống của chúng tôi chỉ là thể diện. Chúng tôi quen nhau từ nhỏ. Tôi nghĩ tôi yêu Adam ngay từ lần đầu tôi gặp anh ấy. Chúng tôi đi dự tiệc chung, có bạn bè chung và khi lớn lên chúng tôi lấy nhau là chuyện hiển nhiên. Đừng hiểu lầm tôi. Tôi vẫn kính trọng chàng và Adam đối với tôi cũng vậy. Nhưng cuộc đời đã thay đổi, có phải vậy không?

- Thưa vâng.

Jennifer nhìn Mary với cặp mắt thán phục và biết ơn. Chuyện tình vụng trộm tưởng đâu vỡ lở ra một cách đáng xấu hổ chứ ai dè lại kết thúc thật tuyệt diệu. Adam nói đúng. Mary thật là phi thường.

- Tôi thật mang ơn bà. Jennifer nói.

Mary trả lời bằng giọng hơi ngưỡng ngùng:

- Tôi mới cần cảm ơn cô. Cô thấy không, tôi kính trọng anh ấy nhưng bây giờ tôi đang yêu. Tôi định ly dị ngay nhưng nghĩ lại, chờ anh ấy xong việc bầu cử cái đã.

Jennifer bận rộn với bao cảm xúc nên quên hẳn chuyện ứng cử của Adam. Mary nhắc lại, giọng đều đều:

- Phen này ai cũng tin là Adam sẽ đắc cử. Nếu chuyện ly dị vỡ lở ra thì chàng sẽ chịu tổn hại lớn. Chỉ còn có sáu tháng nữa cho nên tôi nghĩ tốt hơn mình nên hoãn lại chuyện này.

Bà ta nhìn thẳng vào mắt Jennifer:

- Chuyện hoãn lại có khiến cô khó chịu gì không?

- Dĩ nhiên là không.

Jennifer nghĩ ngợi viễn vông. Tương lai nàng rồi sẽ trói buộc vào Adam. Nếu chàng làm nghị sĩ thì nàng cũng sẽ phải theo chàng lên Washington D.C., có nghĩa là nàng phải bỏ nghề luật sư ở đây. Nhưng cần gì! Miễn hai người sống mãi bên nhau.

Jennifer nói như mơ:

- Adam sẽ là một thượng nghị sĩ giỏi.

Mary Beth ngẩng mặt lên, mỉm cười:

- Một ngày nào đó, chàng sẽ là tổng thống...

Khi Jennifer trở về văn phòng, điện thoại reng lên. Đầu giây bên kia là Adam.

- Cuộc gặp gỡ giữa em và Mary thế nào?

- Bà ấy thật tuyệt, cưng ạ.

- Cô ấy cũng khen với anh về em như vậy. Thế bao giờ mình làm đám cưới hở Jennifer?

- Em nghĩ chúng mình nên chờ đợi.

- Đợi cái gì?

- Sau kỳ bầu cử. Sự nghiệp của anh quan trọng hơn. Lý dị bây giờ sẽ làm anh tổn hại nhiều...

- Nhưng đời sống của anh...

- Anh sắp là người đại diện dân. Chúng ta không nên làm điều gì có hại cho thanh danh. Mình có thể chờ sáu tháng nữa mà...

Chương 21

Jennifer và Adam cùng đi ăn trưa với nhau mỗi ngày. Một hay hai đêm một tuần, chàng lại đến ngủ ở căn phòng của hai người. Họ càng phải kín đáo hơn trước vì cuộc vận động bầu cử đang diễn ra gay go. Chàng bây giờ là tin tức của cả nước.

Adam và ông cậu Needham ngồi dùng trà buổi sáng như thường lệ. Ông cậu nhìn chàng một lúc rồi nói:

- Đọc báo ngày hôm nay viết về cháu, thấy thật đáng công chúng ta vận động. Báo chí mọi phía đều khen tặng cháu. Người ta mời cháu đi diễn thuyết...

- Cậu ạ, cháu ghét đi trình diễn như vậy, giống như là một diễn viên trên sân khấu.

Ông Needham gật gù:

- Cậu hiểu. Chính trị gia là những diễn viên mà. Họ phải làm ra vẻ thương dân, lo cho dân, đóng thật khéo vai trò. Nếu chính trị gia cho dân chúng thấy bề trái bên trong của họ thì một đứa con nít cũng không thèm tin. Nhưng làm sao được, ai sao

thơ thiên di

hong nắng

chờ nhau
để bớt bơ vơ
để hong thêm ấm
giấc mơ độ nào.
mong sao
nắng tận trên cao
nắng hong hộ
giấc mơ nào của tôi.

hoá thân

tìm đâu
kiếp để hoá thân
để quên oan nghiệt
suốt phần đời qua.
mai sau
biết có thăng hoa
hoá thân
biết có nhạt nhoà niềm đau!
hay trong
ký ức đục ngầu
hồn bay phiêu giạt
vẫn màu nhớ thương.

mình vậy. Chính thể nào cũng có mặt trái. Cũng may là cháu có tư cách, nhưng vẫn cần phải cẩn thận. Đây mới là bước khởi đầu. Sau này chẳng ai cản được bước tiến của cháu trừ khi cháu làm một chuyện điên rồ nào đó...

- Cậu nói vậy là có ý gì?

Ông Needham đưa khăn lên chùi miệng một cách cẩn thận rồi chậm rãi nói:

- Đối thủ của cháu sẵn sàng dìm cháu xuống bùn. Họ đang soi mói đời tư cháu bằng kính hiển vi. Hy vọng họ chưa tìm được thứ họ muốn!

Adam máy móc trả lời:

- Dạ chưa.

- Tốt! Lúc này Mary Beth vẫn khoẻ chứ?

Jennifer và Adam đi nghỉ cuối tuần nơi căn nhà nghỉ mát của bạn chàng ở Vermont. Khí trời lành lạnh báo hiệu mùa đông sắp tới. Thật là một cuối tuần để chịu và thích hợp cho sự nghỉ ngơi. Buổi tối, lò sưởi bập

bùng những ngọn lửa hồng tí tách.

Hai người chăm chú đọc từng tờ báo Chúa nhật. Sự ủng hộ của dân chúng dành cho Adam càng ngày càng nhiều. Trừ một vài trường hợp đơn lẻ, báo chí đều đứng về phía chàng. Họ thích cách sống, sự thành thật, thông minh và thẳng thắn của chàng.

Adam nằm dài trên thảm trước lò sưởi, hỏi bằng giọng mơ màng:

- Em có thích làm vợ tổng thống không?

- Rất tiếc là em đã lỡ yêu một chàng nghị sĩ.

- Em có thất vọng khi anh thất cử

tôi trở về...

Tôi trở về...

Ngôi trường cũ

Hoàng hôn nhuộm nhợt phấn son

Quên tuổi mình, ốm ở như con trẻ.

Ấp đôi môi vàng vọt, vội hôn

lên bức tường rêu loang lổ.

Tìm lại một cái tên, có còn?

Tôi trở về...

Người thầy cũ

Lưng còng gầy gập đời đau

Định danh xưng cho từng hơi thở

Bôi phết những mảng màu

Những mảng tình người tróc lở.

Giáo huấn một thời xanh xao.

Tôi trở về...

Nhiều bạn cũ

Chẳng giống ngày xưa

Chỉ giống ngày nay

Dáng dấp - những con số điện toán

Phủ phé được vá vào mặt mày

Kỷ niệm là trò chơi ảo thuật

cho hiện tại và tương lai.

Tội trở về...

Ôc đảo đang hoá thành sa mạc

Không có con người và hoa tươi

Quay cuồng bão đông ảo ảnh

Giọt nước đã chết giữa lưng trời.

Tôi trở về....?

hà chính bình

không?

- Không. Em thích chỉ vì anh thích mà thôi, cưng ạ.

- Nếu anh đắc cử, chúng ta phải dời về Washington DC.

- Chúng mình có nhau là đủ, ngoài ra không chuyện gì là đáng kể.

- Thế còn nghề luật sư của em thì sao?

Jennifer mỉm cười:

- Thì ở Washington DC em cũng hành nghề được chứ sao!

- Nhưng nếu anh muốn em bỏ?

- Thì em sẽ bỏ.

- Thật tình anh không muốn như vậy. Em là một luật sư có tài.

- Em không cần gì cả, miễn được sống gần anh là đủ. Em yêu anh quá đi, Adam.

Adam vuốt ve mái tóc nâu của nàng, thầm thì:

- Anh cũng vậy, yêu em thật nhiều.

Tối Chúa nhật họ lái xe về Nữ Ước. Adam về nhà. Jennifer trở về căn phòng của họ, một mình.

Jennifer lúc này bận tối tăm mặt mũi. Lúc trước nàng tưởng mình đã bận nhưng so với bây giờ thật không đáng kể. Nàng làm cố vấn pháp luật cho các công ty quốc tế, đại diện các nghị sĩ bị kết tội hối lộ, lo những vụ cho các minh tinh màn ảnh. Nàng đại diện từ ông giám đốc ngân hàng cho tới kẻ cướp nhà băng, từ chính trị gia cho đến nghiệp đoàn công nhân. Tiền bắt đầu vào như nước nhưng Jennifer không quan tâm. Nàng chia huê hồng thật cao cho các người cộng sự và quà cáp thật hậu hĩ.

Các công ty đối nghịch với Jennifer trước toà lúc nào cũng e dè,



mướn toàn các luật sư thượng thặng để đương đầu với nàng. Khi nào Jennifer đại diện cho ai ở Manhattan là nàng cũng chắc chắn rằng Robert Di Silva đích thân lo vụ đó để có dịp quật ngã nàng. Nàng càng thành công thì ông ta càng ghét nàng ra mặt.

Cứ mỗi lần Jennifer thắng một vụ nào ở toà án là nàng đều nhận được bốn tá hoa hồng gửi đến với danh thiếp của Michael Moretti. Mỗi lần như vậy, Jennifer đều xé nát tấm thiếp và cho Cynthia đem hoa về nhà cô ấy. Có một cái gì bất thường nơi gã đàn ông này. Cuối cùng Jennifer phải viết vài chữ yêu cầu hẳn chấm dứt trò tặng hoa.

Khi Jennifer từ toà án trở về với sự thắng kiện thì nàng nhận được năm tá bông hồng đỏ gửi đến văn phòng nàng.

Chương 22

Vụ cướp nhà băng vào một ngày mưa bão đã đem tên tuổi Jennifer trở lại làm đề tài cho báo chí. Bị cáo là một thân chủ do cha Ryan đưa lại nhờ nàng lo giùm. Lúc nào cha cũng mở đầu bằng câu: "Người bạn của cha bị một chút rắc rối..." thế là cả hai Jennifer và cha cùng cười rũ rượi vì đều biết là cha muốn gì.

Tên người bị tình nghi là Paul Richards, bị kết tội cướp một trăm năm mươi ngàn tiền mặt. Hắn bước vào ngân hàng với chiếc áo mưa màu đen, bên trong giấu một khẩu súng, cổ áo kéo cao che khuất một phần khuôn mặt. Khi tiến đến quầy, hắn chìa súng buộc các cô thu ngân phải vét hết tiền mặt trong các ngăn, sau đó dõng ra cửa leo lên chiếc xe đang nổ máy chờ sẵn. Nhiều nhân chứng thấy kẻ cướp đào tẩu trên chiếc xe màu xanh, bảng số bị bùn đen che kín.

FBI mở cuộc điều tra. Người ta dò tên kẻ tình nghi trong hệ thống điện toán và tìm ra cái tên Paul Richards.

Jennifer vào khám thăm kẻ bị tình nghi.

- Tôi thề với Chúa là tôi không có

cướp nhà băng.

Paul Richards nói ngay khi vừa gặp nàng. Hắn trạc 50 tuổi, mặt đỏ gay với đôi mắt xanh ngơ ngác của kẻ vô tội. Trông hắn chậm chạp, không có vẻ gì là kẻ cướp với đôi chân dài để chạy cho nhanh.

- Tôi không cần biết ông vô tội hay có tội, nhưng tôi không đại diện cho một thân chủ đối trái với tôi.

- Tôi thề nếu tôi có làm thì mẹ tôi chết tươi đi.

Mấy lời thề thốt lắm cảm này không còn làm Jennifer tin tưởng nữa. Bao nhiêu người đã từng thề láo trên sinh mạng của cha mẹ, con cái họ. Nếu Chúa mà chứng những lời thề này thì nhân số trên thế giới đã bị suy giảm đáng kể rồi.

Jennifer đặt thẳng vấn đề:

- Thế ông nghĩ tại làm sao mà FBI lại bắt ông?

Paul Richards trả lời ngay:

- Bởi vì mười năm trước tôi đã lỡ phạm vào tội cướp nhà băng cho nên cảnh sát có hồ sơ và bắt tôi.

- Ngày xưa đi cướp, ông cũng mặc áo mưa và giấu súng bên trong?

- Đúng vậy. Tôi chờ trời mưa mới hành động. Bây giờ thằng khốn nạn nào bắt chước y hệt như tôi ngày xưa.

- Chắc chắn kỳ này ông không làm đó chứ?

Phiên toà do Chánh án Fred Stevens chủ toạ, người nổi tiếng là nghiêm khắc. Người ta đồn đãi ông chủ trương hốt hết những phần tử xấu của xã hội đem giam ở một đảo biệt lập, cho họ sống ở đó suốt đời để khỏi làm ung thối xã hội. Ông thích kỷ luật của xứ Hồi giáo, hễ ăn cắp lần đầu thì chặt bàn tay phải, ăn cắp lần thứ hai thì chặt luôn bàn tay trái cho thừa. Jennifer lo ngại nên nhờ tới Ken:

- Anh làm ơn điều tra tất cả những kẻ hở về Chánh án Stevens giùm tôi.

- Ông Stevens? Cuộc đời ông ấy thẳng như ruột ngựa.

- Tôi biết vậy nhưng cứ thử xem sao.

Biện lý liên bang của vụ này là Carter Gifford. Ông ta hỏi Jennifer:

- Cô định bênh vực bị cáo ra sao?

Jennifer mở to mắt ngạc nhiên:

- Thì dĩ nhiên là hắn vô tội chứ sao?

Gifford phì cười chế giễu:

- Trời đất! Chánh án Stevens thụ lý mà cô giỡn được sao? Ông ta sẽ đá tên cướp ra tuốt ngoài đảo luôn.

Ông ta nhìn Jennifer rồi hỏi lại bằng giọng nghi ngờ:

- Cô nhất định giao thân chủ của cô vào bàn tay sắt của Chánh án Stevens?

- Đúng vậy.

- Bị cáo Paul Richards có mặt ở toà không?

Một nhân viên toà án vội trả lời:

- Thưa ngài, có.

- Yêu cầu luật sư hai bên ra đứng trước vành móng ngựa.

Jennifer và Carter Gifford tiến đến trước mặt Chánh án Stevens.

- Tôi, Jennifer Parker, đại diện cho bị cáo.

- Tôi, Carter Gifford, đại diện cho chính phủ Hoa kỳ.

Chánh án Stevens quay lại phía Jennifer, nổ ngay vào mặt nàng:

- Tôi đã nghe tên tuổi của cô Parker. Vì vậy tôi cần cho cô biết ngay là tôi không muốn phí thì giờ của toà. Tôi không cho đình vụ án vì bất cứ lý do gì. Tôi sẽ cho cuộc hỏi cung ngày hôm nay được kết thúc luôn và sẽ định ngày tổng giam càng sớm càng tốt. Cô có ý kiến gì không?

- Dạ không.

Carter Gifford bắt đầu đứng lên trình bày:

- Thưa ngài Chánh án, chính phủ truy tố một vụ án quan trọng. Bị cáo đã từng bị kết án về một tội đúng y như vụ cướp vừa rồi với cùng một cách thức. Kẻ bị tình nghi đang có mặt trước toà và chúng tôi sẽ lên án hắn với tất cả các tội trạng đã được nêu trên.

Chánh án quay về phía Jennifer:

- Hình như chúng ta đã có đủ bằng cứ kết án. Cô có điều gì muốn nói không?

- Thưa ngài có. Chỉ có một nhân chứng duy nhất nhận diện Paul

Richards. Văn phòng điều tra liên bang không tìm ra số tiền tang chứng. Bằng chứng duy nhất khiến chánh thẩm kết tội thân chủ tôi hoàn toàn căn cứ vào tưởng tượng.

Chánh án nhìn Jennifer chòng chọc và hỏi, giọng dịu dàng hơn:

- Vậy chứ hệ thống điện tử bốc đúng tên hắn mà?

- Dạ đúng, vì thế mới rắc rối!

Jennifer quay lại hỏi Carter Gifford:

- Văn phòng FBI dùng hệ thống điện toán 370/168, có phải vậy không?

- Đúng. Đó là loại máy tối tân nhất thế giới.

Chánh án chặn ngang:

- Bộ cô nghi ngờ về sự chính xác của máy điện toán hay sao?

- Thưa ngài, tôi có một chuyên viên điện toán đã từng làm cho công ty sản xuất máy điện toán 370/168. Ông ta có mặt ngày hôm nay. Chính ông ta là người đã viết những thảo chương điện toán để bốc trúng tên của thân chủ tôi.

- Nhân chứng đâu?

Jennifer quay về hướng cử tọa và ra dấu cho một người đàn ông đang ngồi ở hàng ghế tiến lên bục gỗ.

- Tôi xin giới thiệu đây là ông Edward Monroe. Tôi đã nhờ ông Monroe đây hỏi máy điện toán để lấy tên những người tình nghi khác. Tôi cho mười cái tên khác nhau nhưng có những đặc tính chung giống nhau. Để nhận diện, ông Monroe dùng thống kê về tuổi tác, bề cao, sức nặng, ngày và nơi sanh, gồm hết mọi dữ kiện thành một tên cướp nhà băng...

Chánh án Stevens nóng nảy:

- Điểm chính của sự chứng minh này là gì?

- Dạ điểm chính là máy điện toán đã bốc một trong mười cái tên tôi đưa ra như một kẻ tình nghi cướp nhà băng.

Chánh án Stevens quay lại hỏi Monroe:

- Chuyện thật vậy à?

- Thưa ngài đúng vậy.

Ông ta lôi trong cặp ra một tập giấy in kết quả của máy điện toán,

đưa cho một nhân viên của toà để chuyển lên ông Chánh án. Ông Stevens đọc lướt qua, mặt đỏ bừng, ngẩng lên hỏi lại Monroe:

- Ông có đùa không vậy?

- Thưa ngài không.

Chánh án Stevens hỏi lại như không thể tin được:

- Máy điện toán bốc tên tôi như một kẻ tình nghi?

- Thưa ngài đúng.

Jennifer đứng lên giải thích:

- Thưa ngài, máy điện toán không thể nào phân tích chuyện có lý hay vô lý. Nó chỉ căn cứ vào dữ kiện mình đưa ra mà thôi. Ngài và thân chủ tôi có cùng một chiều cao, sức nặng và tuổi tác. Cả hai đều lái loại xe màu xanh, và cả hai đều sanh cùng một tiểu bang. Đó là những bằng cứ mà ông biện lý công tố dùng để buộc tội. Khi Paul Richards cướp nhà băng mười năm về trước, hàng triệu người đã đọc tin này. Biết đâu một người nào đó đã bắt chước và làm y hệt như vậy? Đó là điểm cho thấy sự không công bằng trong vụ án.

Carter Gifford đứng lên:

- Thưa ngài... nhưng ông ta không biết phải nói gì hơn.

Chánh án Stevens tiếp tục đọc kết quả của bản in computer rồi ngẩng lên hỏi Jennifer:

- Cô làm sao chứng minh nếu kẻ tình nghi là một người trẻ tuổi hơn, ốm hơn tôi và lái xe màu xanh da trời?

- Máy điện tử đưa tôi mười cái tên tình nghi khác. Và người kế tiếp chính là Chánh biện lý vùng Nữu Ước Robert Di Silva.

Jennifer đang ngồi trong văn phòng thì Cynthia vào báo cho biết là Paul Richards muốn gặp nàng. Jennifer cho mời ông ta vào. Ông ta bước vào văn phòng với chiếc áo mưa màu đen (giống như kẻ cướp nhà băng đã mặc), tay ôm hộp sô-cô-la bọc giấy màu buồm nơ đỏ thật đẹp. Ông ta nói:

- Tôi sắp đi nghỉ mát ở một nơi xa. Tôi rất cảm ơn cô. Cô thật là giỏi.

Nói xong, ông ta để cái hộp lên

bàn và bỏ đi.

Jennifer nhìn hộp kẹo, mỉm cười nghĩ thầm: "Cũng may là cha Ryan không giới thiệu nhiều loại khách này. Nếu không họ cứ biểu sô-cô-la thì chẳng mấy chốc mình mập phì".

Jennifer mở hộp kẹo ra định chia cho mọi người. Nàng mở to mắt nhìn mười ngàn đô-la nằm trong đó với những tờ giấy bạc cũ. Đó là một phần tiền cướp được từ nhà băng.

Một buổi chiều, lúc Jennifer vừa rời toà án, một chiếc xe Cadillac đen vòng lại, bám sát lấy nàng. Nàng định nhích người qua để tránh thì Michael Moretti mở cửa bước xuống:

- Tôi chờ cô đã lâu.

Đứng gần hân, tự nhiên Jennifer cảm thấy có một hấp lực mạnh thu hút nàng. Nàng quát lên, giọng giận dữ:

- Ông tránh ra cho tôi đi.

Mặt nàng khi giận trông quyến rũ hơn những lúc Michael tưởng tượng. Hân cười lớn:

- Này cô bé, hãy bình tĩnh. Tôi chỉ muốn nói chuyện một chút với cô thôi mà. Cô chỉ việc đứng nghe. Tôi sẽ trả tiền cho cô về thời giờ trong lúc nói chuyện này.

- Ông chẳng bao giờ có đủ tiền trả cho tôi đâu!

Jennifer giận dữ bước qua một bên để tìm đường đi. Michael để tay lên vai nàng, vẽ cầu hoà. Hân cố làm ra vẻ duyên dáng:

- Cô nên có lý một chút. Cô chưa nghe tôi nói gì hết mà sao đã từ chối? Tôi chỉ phiền cô mười phút thôi. Tôi sẽ lái xe đưa cô về văn phòng và chúng ta thảo luận trên đường đi.

Jennifer nhìn thẳng vào mắt hân một lúc lâu, gần từng tiếng:

- Tôi sẽ đi chung xe ông với một điều kiện. Chỉ cần ông trả lời một câu hỏi của tôi thôi.

Michael gật đầu:

- Được, cô cứ nói.

- Ai có ý kiến bỏ con chim gãy cổ vào bao thơ và đưa cho tôi?

Michael trả lời ngay:

- Chính tôi.

Jennifer sa sầm mặt, lạnh lùng bước lên xe. Michael bước lên ngồi

cạnh nàng. Khi xe lăn bánh, hân bắt đầu gọi chuyện:

- Tôi rất mừng cho sự thành công của cô.

Jennifer quay mặt đi không thèm trả lời. Cuối cùng nàng hỏi thẳng:

- Ông có chuyện gì muốn nói với tôi?

- Tôi muốn làm cho cô giàu.

- Cảm ơn. Tôi giàu rồi.

Giọng nói lạnh băng của Jennifer làm Michael đỏ mặt. Hân đáp ứng:

- Tôi cố gắng làm mọi ân huệ để cô vừa lòng mà đừng chống đối tôi nữa.

Mặt Jennifer long lên sòng sọc:

- Tôi không cần một ân huệ nào của ông, hiểu chưa?

Michael cố giữ giọng cầu hoà:

- Có thể tôi dùng chữ không đúng. Tôi có thể giới thiệu nhiều khách hàng quan trọng với túi nặng bạc đến cô. Cô không tưởng tượng...

Jennifer cắt ngang:

- Ông Moretti, ông làm ơn câm miệng lại giùm tôi được không? Tôi không bao giờ đại diện cho những người bạn của ông cả, hiểu chưa?

- Tại sao?

- Bởi vì nếu tôi đại diện cho một người nào của ông là từ đó tôi sẽ bị ông chế ngự.

Michael chống chế:

- Cô thật hiểu lầm tôi. Bạn tôi là những người làm ăn hợp pháp. Tôi muốn nói về ngành ngân hàng, công ty bảo hiểm...

- Đừng tốn hơi vô ích. Tôi không bao giờ làm việc cho Mafia.

- Cô muốn nói gì thì nói. Không ai cưỡng lại được tôi đâu. Tôi sẽ tiếp tục làm những gì tôi thích.

Đèn đỏ, chiếc xe ngừng lại. Jennifer vội nói:

- Cũng gần đến chỗ tôi xuống rồi. Cảm ơn cho đi nhờ.

Nàng mở cửa bước xuống. Moretti nói với theo:

- Bao giờ tôi mới gặp lại cô?

- Không bao giờ cả, ông Moretti.

Michael nhìn nàng đi khuất, thầm nghĩ: "Đàn bà như vậy mới được!" và nhủ thầm, một ngày nào đó hân sẽ chiếm được cô gái này. (còn tiếp)

mang xuống tuyền đài

Hoàng Hải Thủy



(tiếp theo)

Adam chạy xe về phía tây, qua sông sang Arkansas, qua những trạm đầu xe tải, những trường đua chó để đi vào vùng trang trại vắng vẻ. Chàng đi qua những thôn ấp cảnh sắc đặc biệt Hoa kỳ ven các sườn đồi. Chàng vào uống chai Coke trong tiệm bách hoá nhà quê ven đường nơi có mấy ông già nhàn tản ngồi trên thềm nhà nói chuyện, uống bia, đuổi ruồi bằng cây quạt nan và chịu đựng cái nóng. Chàng hạ mui xe xuống rồi lại đi.

Hai giờ sau chàng ngừng xe. Lần ngừng này để hỏi thăm đường. Mũi Calico không còn xa nữa. Chàng được người ta chỉ cứ đi theo dòng sông Trắng này. Con đường hẹp, chạy vòng vèo ven những chân đồi, qua những cánh rừng khá dày, những dòng suối bạc. Nhiều người ngồi câu cá trong những chiếc bè trên sông.

Calico là một thị trấn nhỏ nằm gọn trên mũi đất nhô ra lòng sông. Có ba căn nhà nổi dùng làm bến câu cá nằm gần cầu tàu chính. Adam xuống xe trước nhà nổi tên là Calico Marina.

Chàng đi qua cầu ván ra nhà nổi. Nhiều chiếc xuồng cho mướn được buộc vào cầu ván. Một tấm bảng ghi giá tiền mướn xuồng, tiền công hướng dẫn viên, tiền mướn dụng cụ câu cá và giá tiền thuê câu cá.

Một thiếu niên bước ra đón, Adam nói:

- Tôi muốn gặp ông Wyn Lettner.

Hướng vào trong nhà, chú thiếu niên gọi lớn:

- Ông Lettner... Có khách...

Wyn Lettner là một người cao lớn,

để đến gần hai thước, bờ vai rộng, gân guốc. Gardner Goodman từng mô tả Wyn Lettner là tay uống bia có hạng nên Adam nhìn ngay vòng bụng của ông ta. Vòng bụng ấy không có gì là vĩ đại. Lettner vào khoảng ngoài sáu mươi, mớ tóc xám nằm trong lòng chiếc mũ nỉ của dân câu cá nhà nghề. Ít nhất Adam cũng đã nhìn thấy bốn năm bức ảnh của đặc phái viên FBI Wyn Lettner trong hồ sơ của Nhà Kravitz-Bane về vụ án Sam Cayhall. Trong những bức ảnh ấy, Wyn Lettner luôn luôn tỏ ra là một đặc viên FBI điển hình: com-lê đen, ca-vát đen, sơ mi trắng, tóc cắt ngắn. Thời ấy ông ta trẻ trung và thể hình gọn gàng hơn bây giờ nhiều. Cũng tất nhiên thôi, hai mươi năm qua rồi còn gì!

- Chào anh bạn! - Giọng nói của Wyn Lettner trầm trầm dễ nghe - Tôi là Wyn Lettner.

Adam đưa tay ra bắt:

- Thưa ông, tôi là Adam Hall. Tôi cần được nói chuyện với ông.

Wyn Lettner sốt sắng:

- Chuyện gì vậy, anh Hall?

Chú thiếu niên đã trở về chỗ làm việc. Trên khoản sân rộng chỉ còn có hai người.

- Thưa ông, tôi là luật sư. Tôi đại diện cho tử tù Sam Cayhall hiện đang ở khám đường Parchman, Mississippi. Tôi muốn được hỏi ông vài chuyện về Sam Cayhall.

Về mặt Wyn Lettner trở thành nghiêm trọng:

- Tôi có đọc tin về vụ ấy trên báo. Tôi biết Sam là ông nội của luật sư. Tôi thấy căng đấy. Khó cho cả hai người.

Bàn tay lớn tướng của hộ pháp Lettner đặt trên vai chàng luật sư trẻ tuổi mà vừa mới gặp ông đã biết là vì tuyệt vọng nên mới phải mò tìm ông cầu may. Ông thân mật nói:

- Mời anh vào đây uống cái gì đã, rồi muốn nói gì thì nói.

Adam được đưa vào căn phòng bốn bức vách treo, gắn, móc đầy những dụng cụ câu cá, những thức ăn đóng hộp, nước ngọt, bia - các món cần cho người đi câu. Một tủ lạnh lớn cỡ nhà hàng ngạo nghễ đứng sừng sững trong góc phòng.

- Ngồi đây. - Lettner chỉ tay xuống chiếc ghế - Bia chứ?

- Cảm ơn. Lát nữa tôi uống, bây giờ thì chưa.

Bây giờ là 5 giờ chiều. Lettner mở lon bia, uống một hớp hết nửa lon. Ông ngồi xuống chiếc ghế bọc da giả có vẻ như được lấy xuống từ một chiếc xe tải.

- Lần này họ nhất định thanh toán già Sam ư? - Lettner hỏi - Anh có hy vọng gì cứu ông ấy không?

Adam lắc đầu:

- Cho đến lúc này thì chưa thấy có ánh sáng nào le lói ở cuối đường hầm.

- Ông ấy không phải là người xấu.

Chàng trẻ tuổi thấy ấm lòng khi nghe thấy nhận xét ấy từ người cựu đặc viên cảnh sát Liên Bang dự phần trong công tác tiêu diệt tổ chức Ku Klux Klan kỳ thị chủng tộc hoành hành ở những tiểu bang miền nam Hoa kỳ. Lettner lại đưa lon bia lên. Sau hớp này, trong lon bia không còn giọt nào nữa. Adam cảm thấy ông ta có vẻ ngượng vì cái chết sắp đến của tử tù Sam Cayhall.

- Thưa ông, hồi đó ông hành sự ở Mississippi bao lâu?

- 5 năm. Ông Hoover phái tôi đến đó sau khi ba người đấu tranh cho quyền công dân bị giết ở đấy. FBI thành lập đội điều tra đặc nhiệm giao cho tôi phụ trách và chúng tôi đến Mississippi. Sau vụ đặt bom văn phòng Kramer, coi bộ mấy anh KKK ở đó không còn chuyện gì hấp dẫn hơn để làm.

- Thưa ông... trên thực tế, đội đặc nhiệm điều tra của ông đã làm những

gì?

- Ông Hoover ra chỉ thị rõ ràng: cho người xâm nhập tổ chức KKK và phá nát nó. Đúng ra thì trước đó FBI chúng tôi đã cố ý không hành động gì ở Mississippi. Vì nhiều lý do. Ông Hoover không ưa nhà Kennedy và những người Kennedy cũng không ưa ông Hoover. Sự liên lạc giữa FBI và Bạch ốc không được êm đẹp mấy. Vì vậy ông Hoover cứ lửng lơ con cá vàng trước tình hình bẽ bối đủ thứ ở miền nam. Nhưng đến khi mấy anh Ba Ka làm quá, cảnh sát Liên Bang cũng phải can thiệp thôi. Năm 1964 là năm tình hình an ninh ở Mississippi tồi tệ nhất.

- Đó là năm tôi ra đời.

- Báo đăng anh ra đời ở Clanton, phải không?

- Vâng. Nhưng mãi đến mới đây tôi được biết tôi ra đời ở Clanton. Bà má nói tôi chào đời ở Memphis.

Lettner mở lon bia thứ hai:

- Anh muốn hỏi tôi về chuyện gì?

- Thưa... ông Goodman, xếp của tôi... chắc ông biết, dặn tôi phải đến gặp ông.

Lettner gật đầu:

- Tôi biết Goodman. Nhưng anh muốn hỏi tôi về chuyện gì? Vụ đặt bom văn phòng Kramer ư? Vụ đó khoá sổ lâu rồi. Di sản của nó chỉ còn già Sam đó thôi.

- Ông đành để mặc ông già tội nghiệp đó bị tử hình oan hay sao?

Có khách đến, Lettner ra tiếp. Adam đi ra sần gỗ, đến đứng cạnh giàn máy bơm nhìn xuống hai chú nhỏ câu cá trong chiếc xuồng gần đó. Đến lúc này chàng mới nhận ra một điều là chàng chưa lần nào đi câu cá trong đời.

Lettner đi tới:

- Anh có thích câu cá không?

- Tôi chưa có dịp đi câu bao giờ.

- Đi với tôi. Ta vừa đi vừa nói chuyện. Tôi phải đi xem hai chỗ có thể có nhiều cá để giới thiệu với khách.

Lettner mang theo một thùng đá lạnh chứa nhiều lon bia xuống chiếc xuồng máy. Xuồng trôi trên sông và Adam thấy ngại ngại.

- Năm sợi dây... - Lettner từ dưới xuồng nói lên - ...bước xuống, đừng sợ.

Rồi Adam cũng ngồi được yên ổn trong xuồng. Lettner cho máy nổ, xuồng lướt đi. Chỉ một thoáng, mũi Calico đã chìm xa đằng sau. Xuồng chạy ngang nhiều điểm câu đông người trên những chiếc bè cao su. Lettner cho xuồng vào một khúc sông vắng, tắt máy rồi hỏi:

- Câu hay bia? Hay cả hai?

- Bia thôi.

Adam trả lời. Chàng lấy lon bia trong lúc Lettner sửa soạn cần câu. Ông giải thích:

- Ngày nào tôi cũng phải đi câu thử như thế này. Đây là một phần công việc của tôi. Tôi phải biết chỗ nào cá cắn câu để chỉ cho khách tới.

- Vì sao ông lại đến sống ở cái điểm tận cùng thế giới này? Adam hỏi.

- Bị cơn nhồi máu cơ tim năm 75, phải nghỉ việc. Có lương hưu đủ sống nhưng hoạt động quen rồi, ngồi chơi xơi nước chắc chết sớm. Vợ tôi cũng không thích ngồi không. Chúng tôi tìm được chỗ này có việc làm cho vui. Bền mua cái nhà nổi, đầu tư. Thế là đâm lao phải theo lao. Cứ phải làm mãi.

Xuồng trôi theo dòng nước chảy. Lettner thỉnh thoảng dùng chèo bơi cho xuồng lên ngược dòng. Adam muốn giúp nhưng chàng không biết dùng chèo. Không thấy cá cắn, Lettner lịch thiệp nhắc lại vụ án:

- Già Sam không phải là người xấu. Ông ấy đúng là nạn nhân của hoàn cảnh.

Adam nhắc lại câu hỏi chưa được trả lời:

- Theo ông, ta nên mặc để cho ông ấy chịu án ư?

- Chuyện ấy không do tôi quyết định. Dân Mississippi muốn tiểu bang họ có án tử hình phải được thi hành. Họ cho là già Sam có tội và đáng phải đền tội, tôi có là cái thống chế gì đâu trong việc dự phần quyết định để già Sam sống hay bắt ông ta chịu án.

- Nhưng ông cũng có ý kiến riêng

của ông chứ?

- Ý kiến riêng của tôi vô giá trị.

- Vậy thì sao ông lại nói già Sam không phải là người xấu?

- Chuyện dài đấy.

- Trời chưa tối. Còn những mười mấy lon bia trong thùng này. Cỗ tôi chỉ ba lon là hết chỗ chứa.

Wyn Lettner cười nhẹ. Vừa mở lon bia, vừa đảo mắt quan sát mặt sông, ông nói:

- Sam Cayhall không phải là đối tượng nguy hiểm của FBI khi tôi được phái đến Mississippi. Ông ấy không hung hăng đao to búa lớn hò hét trong những đêm mấy anh Ba Ka họp đảng mặc áo choàng trắng, đội mũ có chóp che kín mặt, cầm giáo mác, đao kiếm kiểu phurong tuồng quan trọng đi đi lại lại bên đồng lửa bập bùng ven rừng. Ông ta cũng không ra mặt hoạt động công khai, hô hào thúc giục dân da trắng giành lại quyền làm chủ. Vì vậy lúc đầu chúng tôi chẳng để ý gì đến ông ta. Thoạt đầu chúng tôi tung tiền ra mua tin tức từ những thành viên Ba Ka. Đám tay sai trong nội bộ tổ chức Ba Ka đa số là những người dốt nát, nghèo và ham tiền. FBI không thể dẹp được đảng Ba Ka nếu không chịu chi. Ngân khoản chi vào việc mua tin lên đến ba mươi ngàn đô. Chúng tôi tìm được xác ba người hoạt động đấu tranh cho quyền công dân bị giết chôn trong rừng. Thành quả đầu tiên ấy cho chúng tôi có khả năng làm tới. Nhiều vụ bắt bớ diễn ra nhưng khó có bằng chứng kết tội được bọn cầm đầu trước tòa. Mấy anh Ba Ka phản ứng, bạo động gia tăng, nhà thờ, nhà tư của dân da đen bị đặt bom liên tiếp. Đúng là chiến tranh đảng Ba Ka tuyên chiến với FBI. Ông Hoover đi một đường Tạc-zăng nổi giận, chúng tôi được chi thêm tiền, người...

Lettner ngừng nói để uống bia. Ông nhìn chàng trẻ tuổi:

- Chú em... chắc chú dư biết tôi sẽ không nói chuyện gì có lợi cho chú đâu, tôi nói nhưng toàn là chuyện vô vắn thôi.

- Tại sao?

- Có những chuyện tôi có thể nói,

có những chuyện tôi không thể nói được.

Adam hỏi ngay:

- Không phải chỉ có mình già Sam đến đặt bom văn phòng Kramer, phải không?

Lettner nghe nhưng chỉ mỉm cười. Ông tiếp tục kể chuyện mà không trả lời thẳng vào câu hỏi của Adam:

- Cuối 65 đầu 66, màng lưới lấy tin của FBI trong nội bộ Ba Ka đã dày đặc. Cũng không có gì khó khăn lắm. Chúng tôi vừa dùng tiền mua chuộc, vừa quấy rầy và đe dọa. Chúng tôi theo dõi một anh Ba Ka, cho người ngồi trong xe đậu trước nhà anh ta, đi theo anh ta suốt ngày đêm. Chỉ đi theo lảng nhảng thôi, cố ý để cho anh ta biết anh ta bị FBI theo dõi, không hỏi han gì cả. Chỉ vậy thôi cũng đủ làm dương sự sợ xón đáo. Chúng tôi đến gặp chủ nhân hay giám đốc cơ sở anh ta làm, đưa thẻ hành sự ra hỏi về anh ta, làm như anh ta là một tay nguy hiểm ghê gớm cho xã hội. Chúng tôi đến nhà thời hỏi ông Cha Sở về anh ta. Chỉ cần nghiêm trọng nói: "Chúng tôi được lệnh điều tra về ông Mỗ, xin linh mục cho biết những gì linh mục biết về ông đó". Nếu dương sự có con trai, con gái đến tuổi dậy thì, chúng tôi đi theo những em này. Em trai đưa bạn gái, em gái đưa bạn trai đến những chỗ bờ sông, bãi vắng để hôn hít, sờ soạng nhau mà có hai anh cớm cộc không giống ai cứ đứng lù lù ngắm cảnh ngay sau lưng thì các em cụt cả hứng. Quấy rầy và làm dương sự mất ăn mất ngủ năm bảy ngày như thế xong, chúng tôi chặn dương sự lại đầu đó, lịch sự nhưng nghiêm trọng và lạnh lùng mời đi theo nói chuyện. Đa số các dương sự chịu nói ngay. Có nhiều anh còn khóc nức lên nữa. Chú tin được không? Đàn ông vợ con cả đóng mà khóc muốt khi phải thú tội với cớm.

Lettner cười thành tiếng. Adam đưa cho ông lon bia mới. Chàng mở lon bia thứ hai cho mình. Chàng hy vọng chất bia vào nhiều sẽ làm cho người cựu đặc viên sở Điều tra Liên bang nói nhiều hơn.

- Kể cũng tức cười. Có anh chàng

cõi lãng quên

Mai ta rũ bỏ hồng trần
Dưới chân cỏ muốt về nằm thiên thu
Mộ phần lấp giữa hoang vu
Trăng soi huyết lạnh còn u uẩn đời
Hồn không biết có quên người
Có còn đau xót ngậm ngùi nữa chẳng!

Mai ta về chốn vĩnh hằng
Trần gian bỏ mặc cho đời hơn thua
Bụi nhòa xóa dấu chân xưa
Mặc ai quên nhớ, mặc mưa nắng vui.
Như mây một thoáng qua trời
Như hoa một thoáng rụng rơi cuối mùa.

Trăng tà ngô cũ vườn xưa
Buồn nghiêng lá trúc, song thưa gió tàn
Giòng đời rộng một Tương giang
Ai đầu? Ai cuối? Mấy hàng lệ sa!
Khép mi, sầu vẫn hằng hà
Tay xuôi còn níu bóng tà dương đi.

Cõi quên lãng đón ta về
Đất thanh thanh trải, lạnh se bóng chiều.
Đêm tàn nặng tiếng sương gieo
Nghìn thu một giấc, xanh rêu mộ phần.

lãm thúy

này tôi nhớ nhất. Đảng viên KKK chính hiệu con nai vàng. Chúng tôi tóm được quả tang anh đang nằm trên giường ôm cứng chị tình nhân da đen. Chuyện này có vẻ mâu thuẫn nhưng lại có khá nhiều ở những tiểu bang miền nam. Bọn đàn ông da trắng khinh bỉ, đốt nhà dân da đen, treo cổ đàn ông da đen nhưng lại lén lút làm tình với đàn bà da đen. Tôi cũng không hiểu tại sao lại có những phụ nữ da đen chịu phục vụ những tên đàn ông da trắng như thế. Trở về chuyện anh chàng Ba Ka của chúng ta. Anh ta có một căn nhà gỗ dùng để đi săn trong rừng và làm tổ uyên ương. Trưa hôm đó, anh ta đang mê mẩn với chị tình nhân da đen trên giường thì chúng tôi ập vào. Chụp anh chị vài tấm ảnh để chơi thôi nhưng vô ảnh là anh ta chết ngắc rồi. Chúng tôi cho chị ả thông thả ra về và bắt đầu nói

chuyện với anh chàng. Anh ta là một công dân gương mẫu trong cộng đồng, một cột trụ của xã hội, một nhân vật khả kính địa phương nhưng chúng tôi nói với anh ta như nói với một gã du đảng mới lớn. Anh ta khóc muốt, rồi anh ta trở thành tay đưa tin quan trọng nhất của chúng tôi.

Lettner uống bia rồi lắc đầu:

- Hồi kết cục của anh ta không khá mấy. Cuối cùng anh ta cũng đi tù.

- Tại sao?

- FBI không phụ trách vụ anh ta nên tôi không rõ lắm. Chỉ biết là trong lúc anh ta lén lút làm tình với chị tình nhân da đen thì vợ anh ta cũng lén làm tình với một thiếu niên da đen làm công trong trại. Bà chủ có thai, sinh hạ một em cột nhà cháy. Anh chàng Ba Ka nổi điên xách súng đến nhà hộ sinh bắn chết cả mẹ lẫn con. Anh ta sống đến mười mấy năm



trong nhà tù Parchman đấy.

Mặt trời đang lặn. Adam tận hưởng cảnh hoàng hôn đẹp và thơ mộng trên dòng sông lớn, vắng. Lettner cho xuồng đến chỗ khác. Ông hỏi Adam về gia đình và thân thế chàng. Ông nói là sau khi bắt Sam Cayhall, FBI có điều tra về gia đình ông ta. Họ biết Sam Cayhall có một người con trai nhưng anh này đã bỏ đi nơi khác sống và tỏ ra hoàn toàn vô can, vô hại nên họ không đi tìm anh. Họ có điều tra về vài người trong họ Cayhall nhưng sau cùng không bắt ai cả. Adam hỏi lại nhiều câu nhưng Lettner đều tránh né được dễ dàng. Adam thấy nếu Lettner không chịu tự ý cho biết, chàng sẽ không thể khai thác ông ta được. Ông ta đã có 25 năm kinh nghiệm thẩm vấn người khác.

Tên riêng của bà Lettner là Irene. Bà chào đón chồng và người khách bất ngờ về nhà ăn bữa tối với vẻ chân tình và duyên dáng thật tự nhiên. Bà từng quen với việc phải tiếp những ông khách đến bất ngờ như thế này. Bà cũng thân nhiên tiếp thu xâu cá hồi chồng bà và ông khách câu được.

Nhà Lettner là một vi-la nhỏ nằm trên bờ sông ở phía bắc thị trấn. Hiên nhà có lưới che quanh để ngăn muỗi. Người ngồi ở đây có thể ngắm cảnh dòng sông tuyệt đẹp. Hai người đàn ông ngồi trong những chiếc ghế mây. Họ tiếp tục uống bia trong lúc bà chủ nhà đặt bếp lò ngay trên bàn để họ nướng cá.

Ăn cá tươi nướng ngay trên bếp, nước được con nào ăn con đó là một việc hoàn toàn mới với Adam. Lettner nói cá mình câu được bao giờ cũng ngon hơn cá mình mua. Adam nghiệm thấy đúng. Bữa cá hồi nướng nhậu với bia tối nay được quá.

Ăn được nửa chừng, Lettner chuyển sang uống Scotch. Adam muốn chuyển sang uống nước lạnh nhưng sợ ông chủ mất hứng, chàng đang cần ông ta nói nhiều nên phải gồng mình lên tiếp tục uống bia.

Bà Lettner uống ly rượu vang nhẹ. Bà kể những mẩu chuyện nho nhỏ về thời bà bị người ta chửi rủa thậm tệ,

bị đe dọa hành hung vì chồng bà là đặc viên cảnh sát da trắng mà lại đi bênh vực bọn da đen. Đến cả mấy người con của ông bà cũng tránh né không đến thăm cha mẹ. Hai gia đình nội ngoại của ông bà đều lo sợ cho an ninh của bà trong miền nam kỳ thị chủng tộc. Những ngày đó thật đáng sống... Bà nhắc lại câu đó vài lần với vẻ hồi tưởng tha thiết. Bà rất kiêu hãnh vì chồng và những việc ông đã làm trong cuộc tranh đấu cho quyền công dân.

Gần 10 giờ, bà Irene vào nhà trong. Lettner đứng lên đi vào phòng vệ sinh. Khi trở ra, ông mang theo chai Scotch và hai cái ly bầu cỡ lớn. Ông rót một ly đưa cho Adam và đột ngột hỏi khi chàng không ngờ nhất:

- Anh cho là già Sam có người giúp trong vụ đặt bom văn phòng Kramer?

- Tất nhiên là phải có người cùng làm.

Adam thấy lưỡi đã hơi rú lại khiến chàng khó nói trong lúc ông già Lettner vẫn tỉnh queo.

- Cái gì làm anh quả quyết như vậy?

- FBI các ông khám xét kỹ nhà ông Sam Cayhall, đúng không?

- Đúng.

- Cả chục mạng FBI đến khám xét mấy ngày liền mà không tìm được một cái gì dính dáng xa gần đến thuốc nổ, mìn, kíp nổ, dây dẫn lửa. Nghĩa là hoàn toàn không tìm được vật gì chứng tỏ chất nổ từng được chứa trong nhà Sam Cayhall, đúng không?

- Đúng. Nhưng rồi sao? Sự kiện anh nhấn mạnh đó chứng tỏ cái gì?

- Già Sam không biết dùng chất nổ. Ông ấy không có kinh nghiệm gài bom.

- Sao lại không? Vụ văn phòng Kramer là vụ thứ sáu xảy ra ở Clanton và những thành phố cạnh đó. Già Sam làm ít nhất ba vụ đặt bom trước vụ văn phòng Kramer. Trước đó già Sam cũng đã từng giết người.

Adam gượng tỉnh, hỏi lại:

- Giết người hồi nào?

- Bắn chết một người đàn ông da đen làm công trong trại của ông ta.

Khoảng đầu thập niên 50. Bắn chết ngay tại sân nhà nhưng không bị tù ngày nào, cũng không cả bị bắt. Vụ này có ra toà nhưng ông ta được tha bổng vì lý do tự vệ. Những năm 50, nạn kỳ thị còn rất nặng ở Mississippi. Có thể ông ấy còn giết một hai người da đen nữa mà tôi không biết.

Adam ngắc ngứ:

- Chưa... chưa... bao giờ tôi nghe nói...

- Anh không nghe nói là vì những người trong gia đình anh không ai chịu nói cho anh biết. Anh hỏi thẳng ông ấy coi. Anh là luật sư lại là cháu ông ấy, anh có quyền hỏi. Xem ông ấy có can đảm nhận với cháu ông ấy không. Ông ấy tính tình hung dữ. Việc ông ấy gài bom giết người cũng dễ hiểu thôi, anh đừng giả vờ ngây thơ.

- Tôi không giả vờ gì cả, tôi chỉ muốn cứu ông tôi khỏi chết...

- Ông của anh làm chết hai đứa nhỏ vô tội. Sao anh không nghĩ gì đến những nạn nhân của ông ấy?

- Ông tôi giết người là bậy. Chính quyền giết ông tôi cũng là bậy.

- Thôi đi chú em. Chú đừng giở cái luận điệu bà ngoại tha tội cháu gái chữa hoang với tôi. Với những kẻ giết người thì án tử hình là quá tốt, quá nhân đạo. Họ làm, họ chịu. Họ biết ngày giờ họ chết, biết vì sao họ chết, họ có thì giờ chuẩn bị, cầu nguyện. Những nạn nhân của họ đâu có được như thế. Đã vậy, những nạn nhân của họ lại hoàn toàn vô tội.

- Như vậy nghĩa là... ông muốn thấy tử tù Sam Cayhall bị hành quyết?

- Tôi muốn thấy tất cả những kẻ giết người có chủ ý trên trái đất này bị hành quyết.

- Sao ông nói Sam Cayhall không phải là người xấu?

- Tôi nói lại: Sam Cayhall là tên sát nhân lạnh lùng, tinh táo, tàn nhẫn. Ông ta có tội gài bom với chủ ý để giết luật sư Kramer.

- Ông giải thích tại sao gài bom xong cả mấy tiếng đồng hồ ông ấy vẫn còn lảng vảng ở chỗ gài bom? Để làm gì vậy?

- Chuyện ấy anh phải hỏi ông nội

anh chứ, sao lại hỏi tôi? Ông ấy có nói với anh là ông ấy có tông phạm không?

- Không.

- Vậy là xong rồi. Nếu thân chủ của anh đã nói không có, anh còn cứ đào bới tìm mãi làm chi?

- Tôi nghi thân chủ của tôi không nói sự thực.

- Vậy thì thân chủ của anh lãnh đủ thôi. Nếu ông ấy nói dối để bao che một người nào đó hay vì một lý do nào đó, tôi thấy anh có ba đầu sáu tay cũng chẳng làm gì được.

Adam ngẩn ngơ với ly rượu trên tay:

- Nhưng tại sao ông tôi lại không nói thật với cả tôi chứ? Nhất là trong lúc nguy cấp cuối cùng này...

Lettner nhún vai:

- Làm sao tôi biết được! Mà tôi cũng cóc cần biết. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu già Sam không thành thực với anh, anh là luật sư mà cũng là cháu ruột của ông ấy, thì cho ông ấy đi tù suốt cho lẹ.

Adam cũng thấy sự kỳ cục trong việc chàng làm: tìm bằng chứng thân chủ của mình nói dối. Đến lượt chàng đứng lên đi vào phòng vệ sinh. Khi trở ra chàng thấy Wyn Lettner đã ngủ ngay trên ghế. Chàng loạng choạng đi vào nhà tìm chỗ nằm ngủ.

Chương 20

Adam thức dậy trong căn phòng mà trong cơn say xỉn hôm qua, chàng tưởng là căn phòng ngủ mà bà Irene đã chỉ cho chàng. Thực ra đây là căn phòng nhỏ dùng để chứa bát đĩa bên cạnh gian bếp.

Sáng nay bà Irene tìm thấy chàng nằm ở đây và Adam xin lỗi mãi cho đến lúc hai ông bà già yêu cầu chàng quên chuyện đó đi để chú tâm vào bữa ăn sáng. Bà Irene bảo hai người phải ăn sáng ở nhà trước khi đi. Hôm nay là ngày duy nhất trong tuần nhà Lettner ăn thịt heo. Bà còn làm trứng tráng và pha cho họ hai ly Bloody Mary để họ uống cho tỉnh.

Chát rượu làm Adam đỡ nhức đầu nhưng lại quấy đảo trong dạ dày

chàng. Trên chiếc xe jeep nhà binh phế thải do Lettner cầm lái đưa chàng trở về mũi Calico, Adam chỉ sợ ói ra xe. Ông Lettner vẫn tỉnh táo, tươi tắn như suốt ngày hôm qua ông không nhấm một giọt rượu nào.

Mũi Calico hiện ra ở xa xa. Con đường không còn lồi lõm ổ gà, xe chạy êm hơn, dạ dày Adam cũng đỡ nhộn nhạo hơn.

- Xin lỗi về chuyện đêm qua. Lettner nói.

- Chuyện gì ạ?

- Những gì tôi nói về ông Sam Cayhall. Đêm qua tôi quá lời. Tôi xin lỗi vì tôi thấy anh thực sự lo cho ông ấy. Tôi không muốn thấy ông ấy bị hành quyết đâu. Tôi đã nói và tôi nhắc lại: ông ấy không phải là người xấu.

- Cảm ơn. Tôi sẽ nói lại với ông tôi như thế.

- Nghe được chắc ông ấy thích lắm! - Lettner cười nhẹ. Ngay sau đó ông lấy lại vẻ nghiêm trọng - Còn chuyện này nữa: Chúng tôi vẫn nghi ông ấy có tông phạm.

Adam mỉm cười. Cuối cùng ông cựu đặc viên FBI cáo già này cũng phải nói thật với chàng, ông ta cũng nghi ngờ như chàng vậy.

- Tại sao các ông lại nghi?

- Nghi vì cùng những lý do anh đã đưa ra. Già Sam không có kinh nghiệm gài bom. Ông ấy phải có tông phạm.

- Tôi nghi ông ấy chỉ là tông phạm. Người kia mới là chính phạm. Nhưng người đó là ai?

- Chúng tôi không biết. Nếu biết, hắn đã bị tóm cổ lâu rồi. Sau vụ đặt bom thứ ba hay thứ tư gì đó, dường như sau một vụ giảo đường Do Thái bị đặt bom, vài vị Trưởng Lão Do Thái ở New York và Washington đến gặp Tổng thống Johnson, Tổng thống phân cho ông Hoover và ông Hoover phân cho tôi. Tôi về gặp ông Hoover và Tổng thống ở Bạch Ốc. Hai vị cù lét và cấu véo tự ái của tôi một hồi. Tức là vừa khen anh em làm việc hay quá vừa than tiến độ quân ta dẹp loạn hơi chậm, cần tiến nhanh hơn, cần chi viện sẽ sẵn sàng cấp nhưng việc làm

phải có thành quả gấp rút...v.v.. Tôi trở về Mississippi với chủ trương làm mạnh tay hơn. Tôi cũng thấy bất mãn vì cú phá xong ổ KKK này lại mọc ra ổ KKK khác. KKK không phải là một tổ chức đại qui mô. Lẽ lẽ vài ba anh cũng thành được một tổ KKK đi phá phách tùm lum. Khó dẹp được họ là vì thế. Lúc ấy quả thực chúng tôi cũng có làm hại một số người.

Lettner kể chuyện trong cuộc điều tra, đội viên của ông bắt liên lạc được với một lao công da đen làm việc trong nhà bán xe cũ của Jeremiah Dogan. Ông già lao công này rất sợ bị người ta phát hiện việc mình giao thiệp với FBI nhưng ông ta cũng cho nhân viên FBI biết trước hôm xảy ra vụ đặt bom Kramer một ngày, ông ta nhìn thấy Dogan và một nhân viên da trắng cùng làm ở nhà bán xe tên là Virgil để một cái bọc gì đó vào cốp chiếc xe Pontiac sơn màu xanh lá cây, chiếc xe dùng đi đặt bom. Ông lao công lên nhìn thấy nhưng không dám đến gần chiếc Pontiac.

- Nhưng chỉ cần ông ta nói thế thôi cũng đủ để chúng tôi ập vào nhà Virgil lúc hai giờ sáng. - Lettner kể lại chuyện cũ - Vợ chồng hắn đang ngủ ngon. Chính tôi là người dọa hắn. Tôi nói chúng tôi có bằng chứng hắn là người đưa chiếc Pontiac trong có chất nổ đến chỗ hẹn và ra toà hắn sẽ lãnh án ba mươi năm. Hắn ngồi chết cứng, còn vợ hắn thì khóc rầm rức. Tôi long trọng hứa nếu hắn chịu khai, tôi sẽ để hắn ra ngoài vụ. Tất nhiên là hắn khai nhưng hắn cũng khôn ra trò. Hắn không nhận hắn là người đưa chiếc Pontiac đến chỗ hẹn. Hắn cũng không biết gì về việc chiếc xe có giấu chất nổ trong cốp hay không. Nhưng hắn cho chúng tôi biết một chi tiết mới là theo những gì hắn nghe lỏm, người được Dogan giao cho vụ đi đặt bom văn phòng Kramer là một người bí mật đến từ một tiểu bang khác, người này là một chuyên viên, đến đặt bom xong là đi mất. Dogan chọn mục tiêu, lên kế hoạch, cung cấp vật liệu, hẹn chuyên viên đó đến, xong việc là đi ngay. Chúng tôi tin lời Virgil vì chúng tôi nghĩ nội vụ phải

xảy ra như thế. Nếu kẻ đặt bom là một thành viên KKK địa phương, đám mật báo viên nằm vùng đông đảo của chúng tôi đã cho chúng tôi biết.

- Rồi về sau nhân chứng Virgil ra sao?

- Chúng tôi buông hấn. Không có bằng chứng gì để có thể kết tội hấn dính líu vào vụ đặt bom. Anh nên nhớ lúc đó Dogan vẫn chưa bị bắt mặc dầu chiếc xe gây án là xe của y. Khi ra toà, chắc chắn Virgil sẽ không chịu nhận bất cứ tội gì. FBI chỉ hù dọa được người ta khi người ta lẻ loi trong đêm tối thôi, ra trước toà FBI không được ai nể sợ hết. Một lý do nữa làm chúng tôi không tiến hành được cuộc điều tra thêm là sau khi bắt được Sam Cayhall, mọi người đều hài lòng. Tổng giám đốc Hoover của chúng tôi hài lòng, mấy ông Do Thái to đầu hài lòng, ông Tổng thống hài lòng. Còn việc người ta sau đó không kết tội được Sam Cayhall, để cho ông ta sống tự do đến mười mấy năm lại là chuyện khác.

Xe chạy xuống dốc, Adam hỏi câu cuối:

- Tại sao khi ra toà Dogan không khai gì về tên chuyên viên đánh bom ấy mà chỉ đổ tội cho già Sam?

Lettner mỉm cười:

- Lại một câu hỏi ngây thơ. Ai đại gì khai cho một tên khủng bố khi nó chưa bị bắt!

Xe ngừng trước lối đi vào nhà nổi Calico Marina.

Lettner sốt sáng mời:

- Dzô làm vài lon đã rồi hãy đi.

- Cám ơn.

Hai người bắt tay nhau, hẹn gặp lại. Adam mời Lettner đến Memphis. Lettner mời Adam trở lại Calico. Adam để thị trấn ven sông này lại sau lưng chàng lúc 9 giờ sáng.

Lee đang bận làm thức ăn khi Adam về đến nhà. Bàn ăn hôm nay được bày biện trang trọng với bát đĩa sứ kiểu cách, bình hoa tươi. Món ăn chính là món mì ống do chính nữ chủ nhân bào chế nhưng dường như không thành công mấy. Lee từng thú nhận bà làm bếp rất dở và hôm nay

bà đã chứng minh điều ấy bằng việc làm. Soong chảo lớn nhỏ bày la liệt, tám vài bông khoai ở bụng Lee dính đầy dầu mỡ, nước cà chua... Lee cười khi hai cô cháu hôn nhau lên má. Bà báo cho anh cháu biết có ổ bánh pizza để trong tủ lạnh phòng hồ cứu nguy nên anh đừng sợ đói.

- Coi bộ con tôi tả quá đấy! Lee nhận xét sau khi nhìn anh cháu kỹ hơn.

- Vâng. Con bị mệt.

- Lại còn chua chua mùi rượu nữa. Con đi đâu, làm gì đêm qua?

- Con nhậu xin với một đặc viên FBI đã hồi hưu cho đến khuya rồi nằm ngủ ngay trên sàn phòng chứa đồ cạnh nhà bếp.

- Con đã đọc báo sáng nay chưa?

- Thưa chưa. Có tin gì xấu không cô?

Lee chỉ nói:

- Báo đấy. Con đọc đi.

Adam mở tờ báo số đặc biệt ngày chủ nhật. Chàng nhìn thấy ngay khuôn mặt chàng in trên trang báo. Ngoài ảnh chàng còn có ảnh của ông Sam Cayhall, ảnh cố luật sư Marvin Kramer và hai đứa trẻ song sinh, ảnh quả phụ Ruth Kramer, ảnh Thống đốc McAllister, Chương lý Steve Roxburgh.

Đó là bài phỏng vấn Thống đốc McAllister và Chương lý Steve Roxburgh do ký giả Marks Todd thực hiện. Ông Thống đốc nói ông đã sống với cơn ác mộng Kramer hai mươi ba năm. Ông tự cho ông vinh dự và đặc quyền truy tố Sam Cayhall, bắt tên sát nhân phải đền tội trước pháp luật. Theo ông, chỉ có việc hành quyết tên sát nhân mới có thể khép lại trang sử đen tối của Mississippi. Ông đã suy nghĩ kỹ, không thể có khoan hồng trong vụ này. Nếu khoan hồng cho tên sát nhân là bất công với hai anh em nhà Kramer.

Chương lý Steve Roxburgh tỏ vẻ hào hứng khi được phỏng vấn. Ông tuyên bố ông và nhân viên của ông sẵn sàng làm việc 18 tiếng đồng hồ một ngày để thực hiện ý muốn của nhân dân. Vụ án đã kéo dài quá lâu, ông từng nhiều lần nói như thế, đã

đến lúc phải kết thúc nó. Ông không tin lần này toà lại cho hoãn vụ hành quyết. Pháp luật phải được thi hành.

Adam buông tờ báo xuống bàn. Chàng lại thấy dạ dày thắt lại. Lần này không phải vì rượu mà vì David McAllister và Steve Roxburgh. Với tư cách luật sư, chàng muốn cứu mạng sống của thân chủ và chàng kinh sợ khi thấy những địch thủ của chàng tỏ ra quá sốt sắng với việc hành quyết người tử tù. Trong cuộc đấu tranh sinh tử này, chàng là anh lính mới tò te, họ là những lão tướng dày bản lãnh. Chương lý Roxburgh từng thực hiện nhiều vụ thi hành án tử hình. Trong bộ tham mưu của ông ta có một nhân vật được gọi bằng xước hiệu là Bác sĩ Tử Tiệt. Ông này là một luật sư già làm cố vấn cho Chương lý và là người rất thích việc hành quyết tử tù. Để chống lại những người đó, Adam không có gì cả ngoài những tập hồ sơ đã hết giá trị và một lô những đơn xin kháng cáo, đơn xin hoãn thi hành án đã hết hiệu lực. Ngay lúc này chàng thấy chàng hoàn toàn bất lực và có cảm tưởng là chàng sẽ thất bại.

Lee đưa cho anh cháu ly nước cam:

- Sao con buồn vậy? Bà vuốt nhẹ mái tóc anh cháu.

Adam thở dài:

- Trọn ngày hôm qua con đi tìm một người để nhờ người ấy giúp con, nhưng con hoàn toàn thất vọng.

Chàng đưa tay lên bóp thái dương?

- Con nhức đầu. Có có thuốc giảm đau không?

- Valium nhé?

- Vâng, cho con Valium.

(còn tiếp)

BẠN ĐÃ ĐỌC CHƯA?

TIẾNG KÊU CỦA MÁU

Truyện dài

toát mồ hôi lạnh của

HOÀNG HẢI THỦY

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

bên rừng tuyết sơn

Nguyên tác:
Spirit of Himalaya
của Amar Jyoti

Nguyễn Phong
phóng-tác



(tiếp theo)

Một buổi sáng đẹp trời, sau khi thực hành các nghi quỹ thường nhật, vị đạo sĩ già bảo đệ tử:

- Hôm nay ta muốn đi lên phía thượng lưu sông Sarawasti trên rừng Tuyết sơn. Vì từ đây lên đó không còn làng mạc nào để khát thực nên con hãy thu xếp lương thực đủ ăn cho ba ngày.

Satyakam vội vã chuẩn bị như lời thầy dặn. Khi anh vừa thu xếp xong thì vị đạo sĩ già cũng chống gậy đi đến và hai thầy trò khởi sự lên đường. Họ đi dọc theo các giòng suối nhỏ với những triền đá nhấp nhô bám đầy rêu rong. Có lẽ vì quen thuộc với con đường này nên đạo sĩ thản nhiên ung dung bước đi, trong khi Satyakam chưa quen nên mấy lần trượt chân suýt ngã. Thấy vậy, đạo sĩ quay lại bảo học trò:

- Con hãy cẩn thận và chú ý dẫm theo đúng bước chân ta.

Satyakam tuân theo lời thầy dạy. Một lúc sau, anh cảm thấy bước đi của mình trở nên thuần thục hơn và bắt đầu có thể đi cùng một nhịp với thầy. Họ lặng lẽ đi cho đến khi mặt trời lên đến đỉnh đầu thì gặp một sườn núi khá cao. Satyakam hơi mệt vì phải chú tâm đi theo bước chân của thầy nên có ý muốn dừng lại nghỉ ngơi một chút nhưng đạo sĩ vẫn thản nhiên tiến bước, dường như quãng đường dốc đầy trở ngại thiên nhiên kia không ảnh hưởng gì đến ông cả. Sau khi leo

qua một con dốc lớn, đạo sĩ dừng lại bảo học trò chuẩn bị ăn trưa. Vừa đói vừa mệt nên nghe thầy ra lệnh, Satyakam vội vã lấy lương thực ăn ngay. Miếng bánh mì khô và mấy quả ổi rừng bỗng trở nên thơm ngon làm sao! Sau khi ăn xong, Satyakam đến giòng suối gần đó để rửa mặt. Anh thoải mái vốc làn nước dịu mát đắp lên mặt. Những giọt nước vương vãi trên thân thể lực lưỡng của anh. Bên bờ suối có rất nhiều khóm hoa màu sắc đẹp lạ mà anh chưa hề thấy bao giờ, hương hoa thoang thoảng trong không gian khiến Satyakam ngây ngất. Anh muốn ngắt lấy vài bông hoa nhưng vừa đưa tay ra, nghĩ sao anh lại dừng tay và chỉ thong thả đi qua từng khóm hoa vừa ngắm nghía vừa thở hít những hương thơm dịu dịu.

Khi trở về chỗ nghỉ chân thì anh thấy đạo sĩ đang ngồi yên nhắm mắt nhập định. Không dám làm rộn thầy, Satyakam bèn ngồi xuống cạnh đó nhìn ngắm cảnh vật chung quanh. Bầu trời xanh thẳm không một gợn mây, ánh sáng phản chiếu trên những đỉnh núi tuyết toả ra các tia sáng chói lọi. Đó đây có tiếng chim hót ríu rít, tiếng suối chảy róc rách khiến anh cảm thấy thoải mái dễ chịu lạ thường. Anh bèn xếp bằng bắt đầu điều hoà hơi thở và chỉ một lúc sau anh cũng nhập định một cách tự nhiên. Khi Satyakam mở mắt ra thì thấy đạo sĩ đang yên lặng nhìn anh với một vẻ thân ái khó tả:

- Nay Satyakam, phải chăng con đang nghĩ đến sự thành lập vũ trụ cũng như mục đích của nó?

Satyakam giật mình vì sư phụ đã đọc rõ tư tưởng của mình, nhưng anh chưa kịp phản ứng thì đạo sĩ đã vuốt chòm râu bạc nói tiếp:

- Con phải ý thức rõ rệt rằng vũ trụ chỉ là sự phối hợp màu nhiệm của những tương quan trùng trùng điệp điệp. Cái này tạo ra cái nọ rồi cứ thế kéo dài mãi mãi, không ngưng.

Satyakam rụt rè lên tiếng:

- Nhưng ai đã tạo nên những hiện tượng này và với mục đích gì?

- Phải chăng con muốn nói đến sự sáng tạo? Từ vô thủy đến nay, con người đã cố gắng giải thích sự thành lập vũ trụ qua những quan niệm trừu tượng hay các danh từ hào nhoáng như Thượng Đế, Hoá Công nhưng con hỏi, ngôn ngữ hay danh từ không thể diễn tả, giải thích một cách rõ ràng bằng những lý thuyết hay quan niệm giới hạn mà chỉ có thể kinh nghiệm được nó mà thôi. Thượng Đế hay chân lý tuyệt đối luôn luôn tự thể hiện một cách vô biên và trường cửu. Đó là sự sống duy nhất và là nguồn gốc của mọi sự sống. Mọi vật hiện hữu đều có nơi chân lý này và nhờ chân lý này mà mọi sinh vật hoạt động và sinh sống. Có người đã so sánh Thượng Đế như đại dương mà vũ trụ là các làn sóng và các sắc tướng là những giọt nước. Người khác coi Thượng Đế như khối lửa phát ra muôn ngàn tia sáng mà mỗi tia sáng là một linh hồn. Thượng Đế lớn hơn không gian nhưng đồng thời cũng nhỏ hơn một hạt nhân nguyên tử vì Thượng Đế là đời sống của nguyên tử. Không có cái gì lớn hơn Thượng Đế và cũng không có cái gì nhỏ mà có thể thoát ra khỏi ngài. Thượng Đế hay chân lý tuyệt đối không có hình dạng, màu sắc hay đường nét gì hết; nhưng nhờ Thượng Đế mà các sắc tướng được đẹp đẽ, rực rỡ và tinh vi.

Con hãy nhìn những dãy núi trùng trùng điệp điệp kia, các dãy núi đó nói lên sức mạnh của ngài. Con hãy quan sát đại dương với những làn sóng bao la không dứt tuyệt kia, đại

dương đó đang phản ánh sự hoạt động của ngài. Con hãy nhìn cánh rừng xanh ngắt thâm sâu kia, nó đang phản chiếu sự trầm lặng của ngài. Ngài là giòng suối róc rách, là tiếng chim líu lo, là lá cây xào xạc, là tiếng côn trùng rí rả và là nguồn cảm hứng của những kẻ yêu chuộng chân thiện mỹ. Nếu ta nhận thức được sự thiêng liêng duy nhất ở tất cả thì ta sẽ thấy sự sống biểu hiện khắp nơi qua thiên hình vạn trạng. Đừng thu hẹp nó lại trong các danh từ giới hạn, đừng cố gắng giải thích nó bằng những ý niệm của tư tưởng. Hãy ý thức và kinh nghiệm sự sống đang tuôn chảy không ngừng kia rồi con sẽ hiểu rằng cái định luật điều hành vũ trụ tuyệt vời mà con cho là ở bên ngoài con vốn thực không khác những định luật hiện nay đang chi phối bên trong con. Chỉ những người nào đã nếm được vị ngọt của chân lý mới có thể biết được nó thế nào, chứ còn sử dụng ngôn ngữ thì chỉ

jacaranda

*Con đường hoa sắc tím
Mở ra thoáng mộng mơ
Trên lưng đời phù phiếm
Còn vương chút tình hờ.*

*Đôi vai quấy tháng ngày
Tàn dư mấy cuộc say
Đã buông lời chán ngán
Sao chân vẫn miệt mài?*

*Có phải vì hoa tím
Vẫn giữ lại mùa xuân
Trong đáy vực trầm luân
Vẫn còn tia hy vọng?*

*Con đường hoa sắc nhớ
Man mác thuở yêu đương
Con đường gọi quê hương,
Trong khung trời kỷ niệm.*

*Con đường không chia sẻ
Đưa về đỉnh bình yên
Nhờ cánh mây lặng lẽ
Mang đi những muộn phiền.*

b.h.t.

vướng mắc vào những giới hạn vô ích mà thôi.

Sở dĩ con chưa thể nắm vững điều này vì con vẫn còn một cái ngã, vẫn còn có sự phân biệt giữa chủ thể và đối tượng, giữa con và cái chân lý tuyệt đối hay Thượng Đế kia. Chỉ khi nào con có thể hoà nhập cái bên trong và cái bên ngoài, chỉ khi nào cái tiểu ngã của con biết qui phục và hoà nhập vào cái đại ngã, chỉ khi nào giữa con và Thượng Đế không còn cách biệt mà trở nên một thì tất cả mọi điều mà con cho là bí mật sẽ hiển bày trước mặt con một cách rõ rệt vô cùng. Ta biết hiện nay đối với con, sự sáng tạo hay chân lý tuyệt đối chỉ là một quan niệm như mọi quan niệm khác, nhưng qua công phu tu tập, con sẽ kinh nghiệm được nó và rồi con sẽ thấy nó không phải là một điều gì phức tạp, ghê gớm lắm đâu mà trái lại rất giản dị. Chính con người đã để các tư tưởng phức tạp, lộn xộn của cái tâm trí bệnh hoạn tạo ra các chướng ngại và ngăn các sự sống đang cuộn cuộn trôi chảy kia. Khi người ta dứt tuyệt được các tư tưởng này thì chân lý sẽ hiển bày một cách rõ rệt.

Vị đạo sĩ già ngưng nói. Một làn gió nhẹ thổi qua làm lay động chùm râu bạc của ông. Satyakam cũng im lặng, nhưng bất chợt một ý nghĩ nảy sinh trong tâm khiến anh buột miệng:

- Thưa thầy phải chăng...

Dường như hiểu ý học trò, vị đạo sĩ già cất lời:

- Không, ta không phải là người mà con nghĩ đâu. Ta không có một tự ngã nào rõ rệt cả. Từ vô thủy đến nay ta đã thay đổi và biểu hiện qua muôn vàn hình thể này nọ. Người ta có thể gọi đó là những kiếp sống cũng được hoặc là một chuỗi những biểu hiện của các hình thể, danh sắc cũng không sai.

Có lẽ muốn tiếp tục cuộc hành trình lên rừng Tuyết Sơn hơn là ngồi đó nói mãi nên đạo sĩ vươn vai đứng dậy. Satyakam vội vã thu xếp hành lý theo sau. Họ leo qua những triền núi khá dốc nhưng đạo sĩ vẫn ung dung bước đi một cách vững chãi. Bất kể đó là một con đường bằng hay đường

dốc, bước chân của ông vẫn nhịp nhàng, không thay đổi. Trong khi đó, Satyakam vừa đi vừa suy nghĩ những điều thầy vừa nói nên anh phải cố gắng lắm mới bắt kịp thầy.

Càng lên cao, cái lạnh của rừng Tuyết Sơn càng thấm dần vào da thịt nên Satyakam cố gắng điều hoà hơi thở, nhưng không hiểu sao lần này công phu chuyển nhiệt của anh không còn hiệu nghiệm như trước nữa. Mọi khi chỉ một vài hơi thở, luồng hoà hầu đã chạy khắp châu thân nhưng lần này dù đã cố gắng anh vẫn cảm thấy chân tay lạnh run lên. Bất chợt một ý tưởng nảy sinh khiến anh nghĩ đến đồng lửa hồng ấm áp trong căn lều của mình dưới chân núi. Ước gì ta có một nhóm lửa để sưởi thì tốt biết mấy! Vừa nghĩ đến đó thì hơi thở của anh chợt trở nên náo loạn, anh cảm thấy khắp mình bỗng lạnh toát. Nhưng ngay lúc đó vị đạo sĩ dừng chân và quay lại nhìn anh. Satyakam bối rối chưa kịp phản ứng thì đã thấy đôi mắt sáng ngời của sư phụ đang âu yếm nhìn mình. Trong một thoáng giây, anh cảm thấy toàn thân bỗng trở nên ấm áp như vừa được sưởi ấm. Vọng tưởng của anh chấm dứt và anh cảm thấy có một niềm an lạc thâm kín dâng lên. Bất chợt anh nhận được tư tưởng của thầy: "Con thấy không, khi vọng tưởng chấm dứt thì chân lý biểu hiện. Khi con ước muốn một cái gì thì lập tức tư tưởng này sẽ dấy lên, làm xáo trộn niềm an lạc sẵn có. Sự nảy sinh của một tư tưởng sẽ kéo theo vô số các tư tưởng khác và sự xáo trộn này sẽ lôi kéo con đi xa hẳn thực tại. Hãy chấm dứt các vọng tưởng kia đi. Công phu theo dõi tư tưởng của con để đâu rồi?" Satyakam cảm thấy xấu hổ. Quả thực trong khi đi một cách đều đặn theo các bước chân của thầy, anh đã không tự chủ, để cho những tư tưởng này nọ chi phối và không giữ tâm lặng yên nữa. Anh vội vã điều chỉnh hơi thở cho thuần thực.

Mặt trời đang từ từ lặn, trên không chỉ còn một dải mây đỏ ửng, nằm vắt ngang trên đỉnh Tuyết Sơn phủ đầy tuyết trắng. Màu đỏ và màu trắng tương phản hiện rõ trên nền trời tạo

nên một cảnh tượng vừa huy hoàng vừa trang nghiêm sống động. Satyakam xúc động suýt bật lên tiếng kêu trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ đó và anh chợt thấm thía lời dạy của thầy. Đúng thế, anh đã để cho tư tưởng lẫn át sự sống màu nhiệm đang diễn ra chung quanh mình. Anh thở nhẹ và thấy luồng hơi nóng luân chuyển khắp châu thân như hồi nào. Thì ra công phu chuyển nhiệt trong mình vẫn nối liền với hơi thở, nhưng khi hơi thở bị xáo trộn bởi các tư tưởng không tập trung thì sự vận hành của luồng nhiệt khí nào cũng xáo trộn ngay. Đến khi đó, anh ý thức rõ rệt hơn bao giờ hết rằng hơi thở chính là đầu mối quan trọng của công phu tu tập. Vị đạo sĩ vẫn thong thả bước lên triền núi dốc, từng bước, từng bước vững chãi và ung dung, luôn luôn nhịp nhàng với những rung động của thiên nhiên chung quanh.

Khi hai thầy trò vượt qua một khe núi thì trời đã tối hẳn, vàng trắng luối liềm từ từ nhô lên trên bầu trời. Vị đạo sĩ chỉ tay về phía một hồ nước khá rộng, bốn bề là những sườn núi cao phủ đầy băng tuyết. Tuyết trên sườn núi tan ra đều đổ vào hồ này và từ đó chảy xuống những giòng suối nhỏ quanh rặng Tuyết Sơn trước khi đổ vào sông Sarawasti dưới đáy thung lũng. Đạo sĩ có vẻ quen thuộc với phong cảnh nơi đây nên ông thong thả đi thẳng về phía một mỏm đá lớn nhô ra bên hốc núi như một mái hiên, phía dưới mỏm đá có một hốc nhỏ vừa đủ cho một người chui lọt.

Satyakam lặng ngắm hốc đá, trông nó quen thuộc làm sao khiến anh cảm thấy bồi hồi. Anh lầm bầm: "Hình như ta đã đến chốn này rồi thì phải!". Đạo sĩ đứng yên nhìn học trò một hồi lâu rồi chỉ vào hốc đá:

- Đêm nay con hãy nghỉ ở đây, ta sẽ gặp con vào sáng mai.

Satyakam đặt hành lý xuống cạnh hốc đá. Anh định hỏi không biết đêm nay thầy mình sẽ nghỉ ở đâu nhưng chưa kịp lên tiếng thì đạo sĩ đã thong thả chống gậy đi khuất vào bóng đêm. Satyakam bèn trải tấm chăn xuống đất và ngồi xuống. Thân hình

anh vừa khít hốc đá đó như in. Anh xếp bằng, điều hoà hơi thở và cảm thấy nơi đây có một cái gì êm đềm quen thuộc lạ thường. Không gian tĩnh mịch, chỉ có tiếng nước róc rách êm dịu, vàng trắng mờ nhạt lấp lánh trên mặt hồ. Satyakam không cảm thấy buồn ngủ. Anh ngồi im theo dõi làn nước nhấp nhô trước mặt, mơ hồ như mình đã từng nhiều lần làm chuyện này rồi, nhưng không thể nhớ rõ. Hình như vẫn có một tấm màn mỏng phủ lên ký ức anh. Satyakam ngồi một lúc như xuất thần rồi bất chợt đứng dậy chắp hai tay vào nhau kính cẩn cúi rạp xuống đất một cách chân thành. Anh dành lễ ai đây? Đỉnh Tuyết Sơn hay cái hồ trước mặt? Satyakam tiếp tục nghi thức hành lễ đó một lúc rồi mới ngồi xuống. Tiếng nước vẫn róc rách khiến anh cảm thấy dễ chịu và giấc ngủ đến với anh lúc nào không biết.

Satyakam tỉnh dậy khi tia sáng đầu tiên vừa ló dạng trên nền trời. Anh nhận thức rằng mình không ở trong căn lều quen thuộc mà đang nằm trong một hốc đá trên đỉnh Tuyết Sơn. Anh hồi tưởng lại chuyến hành trình hôm trước rồi vươn vai chui ra khỏi hốc đá. Sau khi rửa mặt mũi cho tỉnh táo, anh thong thả bước xuống hồ thực hành các nghi quỹ thường nhật nhưng vẫn chưa thấy thầy mình xuất hiện.

Sau khi hoàn tất, Satyakam bước lên một tảng đá gần đó để thiền định. Mặt trời vừa le lói trên đỉnh núi, những tia nắng ấm áp rơi xuống thân thể khiến anh thấy dễ chịu. Anh đang chuẩn bị nhập thiền thì một cảm giác kỳ lạ nổi lên khiến anh vội quay ngoắt ra phía hồ nước.

Trên mặt hồ lung linh huyền ảo, có hai vật gì màu trắng đang từ từ tiến về phía anh. Khi chúng đến gần, anh nhận thấy đó là hai con thiên nga rất lớn. Chưa bao giờ Satyakam thấy có con thiên nga nào to lớn và đẹp dễ như thế. Chúng thân nhiên bơi thẳng đến chỗ anh như không hề sợ hãi. Cặp mắt chúng to và tinh anh khác thường. Satyakam lầm bầm: "Đây hẳn phải là một giống thiên nga đặc

biệt nào đó". Anh đứng yên nhìn đôi thiên nga nhón nhơ bơi lội trước mặt. Bầu trời xanh thẳm in hẳn xuống hồ nước. Hai con thiên nga trắng bơi qua bơi lại, bóng in xuống mặt hồ làm rung động những làn nước xanh. Màu xanh và màu trắng cùng ánh sáng mặt trời trở nên lung linh huyền ảo khiến Satyakam say sưa xuất thần nhìn ngắm cho đến khi anh nghe tiếng chân vị đạo sĩ già đến gần.

- Nay Satyakam, từ xưa đến nay dân chúng miền này vẫn thường nói về một cặp thiên nga trắng từ trên trời bay xuống và cho rằng chúng tượng trưng cho thần Shiva và Durga. Chúng chỉ xuất hiện tại những nơi chốn linh thiêng nhất và chỉ những kẻ nào có duyên lớn hay những người đã mở được đạo nhãn mới có thể nhìn thấy chúng mà thôi. Con thấy không? Satyakam, con là một trong những người có duyên lành lắm đấy!

Satyakam say sưa nhìn ngắm vẻ đẹp tuyệt vời của hai con thiên nga trắng trước mặt. Với tấm lòng sùng kính nhiệt thành, anh quỳ sát xuống đất, thầm gọi khẽ:

- Shiva... Shiva... Durga... Durga...

Anh ngẩng mặt nhìn bộ lông trắng tinh khiết của hai con thiên nga kia. Đến khi đó anh mới nhận thấy nó trắng như tuyết và phát ra những màu sắc lạ lùng như những dải mây trên trời. Anh chăm chú theo dõi đôi thiên nga cho đến khi chúng nhẹ nhàng bơi xa dần và mất hút cuối chân trời. Một cảm giác kỳ lạ nảy sinh, anh thấy lồng ngực mình trở nên ấm áp lạ thường và rồi một luồng điện từ đâu rót vào tim anh khiến anh ngây ngất. Anh định quay ra hỏi thầy thì trước mắt anh bỗng hiện ra một linh ảnh, một luồng ánh sáng chói loà trong đó anh thấy một tu sĩ đầu cạo trọc một tay cầm bình bát, tay kia chống gậy trúc đang bước đi trên núi. Anh giật mình không hiểu sao hình ảnh này quen thuộc và thân mật đến thế. Bất chợt anh nhận thức rằng vị tu sĩ đó chẳng phải ai xa lạ mà chính là anh.

Như bị một tia sét đánh trúng, Satyakam bật lên một tiếng kêu lớn nhưng tiếng kêu vừa thoát ra khỏi cổ

thì anh cũng nghe được tiếng nói nhẹ nhàng của vị đạo sĩ: "Phải rồi, chính con đây." Anh bàng hoàng và chỉ trong thoáng giây đã nhớ lại được tiền kiếp của mình. Phải rồi, anh đã từng sống tại đây, anh đã từng là một tu sĩ đến chốn này để tu tập nội quán. Anh đã sống trong hốc đá kia, đã ngồi thiền trên tảng đá này, thảo nào phong cảnh nơi này quen thuộc làm sao! Satyakam nghe rõ được tiếng nước chảy róc rách trong khe đá, hôm qua, hôm nay, giờ phút này cũng như những ngày xa xưa kia. Chỉ trong giây phút, những kiếp sống quá khứ bỗng tuôn tự diễn ra trong tâm thức anh như một cuốn phim. Satyakam mỉm cười sung sướng khi kinh nghiệm được những điều anh đã từng kinh nghiệm, nhớ lại những giây phút đầu tiên khi chứng ngộ được một vài điều và những kỷ niệm học hỏi với vị thầy của anh lúc đó và cũng là vị thầy hiện nay đang đứng trước mặt anh. Anh kính cẩn quì xuống trước đạo sĩ, nước mắt ràn rụa:

- Cảm ơn thầy! Cảm ơn thầy!

Đạo sĩ yên lặng không nói gì. Ông chăm chú nhìn học trò với ánh mắt rạng rỡ như chia sẻ với anh những điều anh đang kinh nghiệm được. Sau cùng ông lên tiếng:

- Tốt lắm! Hôm nay chúng ta sẽ nghỉ lại đây. Sáng mai sẽ lên đường trở về. Khi nào đói con cứ tự nhiên ăn uống, không cần phải chờ đợi ta. Ta sẽ gặp lại con vào lúc khởi hành.

Nói xong vị đạo sĩ già thông thả bước đi và khuất dạng sau những tảng đá lớn. Satyakam cảm động nhưng cố gắng tự chủ. Chuyện vừa xảy ra khiến anh ít nhiều xúc động. Anh yên lặng nhìn theo thầy, một cảm giác thân mật và trù mến bỗng phát sinh, anh muốn quì xuống ôm lấy chân thầy để tỏ lòng biết ơn. Vừa nghĩ đến đó, thân thể anh bỗng nhẹ bỗng như được nâng lên bởi một sức mạnh vô hình nào đó. Satyakam hơi luống cuống. Anh nhìn xuống chân mình nhưng không hiểu sao cổ anh cứng ngắc không cựa quậy được, tay chân của anh cũng cứng đờ như một khúc gỗ. Anh thấy mình từ từ lướt đi trên những tảng đá ven hồ.

Chuyện gì đã xảy ra? Chỉ một thoáng giây, Satyakam ý thức được rằng mình đang bay và đang đuổi theo thầy. Chỉ một hơi thở nhẹ, anh thấy rõ vị đạo sĩ đang chống gậy đi phía trước. Có thể như thế sao? Anh đang mê hay tỉnh đây? Thân hình anh vẫn vun vút lướt đi trên không và gần bất kịp đạo sĩ nhưng bất chợt ông quay người lại. Satyakam thấy rõ trên môi thầy mình đang nở một nụ cười thích thú. Anh vội tập trung tư tưởng và thấy mình từ từ đứng lại nhưng chân anh vẫn không hề chạm đất. Phải chăng anh vừa khai triển được một quyền năng mới lạ? Một thứ quyền năng khiến người ta có thể di chuyển rất nhanh trên không trung? Trong lúc anh vẫn còn choáng váng thì đạo sĩ đã lên tiếng:

- Thôi, như thế đủ rồi.

Nói xong ông quay lưng tiếp tục đi bộ mặc Satyakam đứng đó vừa xúc động, vừa ngẩn ngơ. Anh quay lại nhìn chiếc hồ rộng mênh mông trước mặt, một ý nghĩ nảy sinh và chỉ một hơi thở, anh đã thấy mình ra đến giữa hồ, lơ lửng trên mặt nước. Bóng anh soi rõ trên làn nước hồ. Anh vừa kinh ngạc vừa thích thú. Có thể như thế sao? Anh nhìn về phía hốc đá ven hồ. Mỗi khi tư tưởng của anh tập trung đến nơi nào thì thân thể anh đã lướt ngay đến chỗ đó. Phải chăng anh vừa chứng đắc được một cái gì? Phải chăng đó là kết quả tự nhiên của công phu tu tập, không phải trong nhiều ngày, nhiều năm mà trong nhiều kiếp sống? Nhưng điều này có nghĩa gì? Phải chăng đó là mục đích của công phu tu tập? Satyakam ngồi xuống tảng đá ven hồ, thấy trong lòng rộn ràng một niềm vui kỳ lạ không sao tả xiết. Phải chăng hai con thiên nga trắng tượng trưng cho thần Shiva và Durga kia là một bằng chứng hùng hồn về công phu tu tập của anh hay còn có một ý nghĩa nào khác? Anh nhìn quanh và bất ngờ thấy rặng núi trước mặt không còn là núi nữa mà là sự tụ tập của muôn ngàn tia sáng đang nhảy múa. Và cả hồ nước kia nữa, nó không còn là một hồ nước thông thường nhưng là những chuyển động

của những tia sáng màu sắc rực rỡ. Trong thoáng giây, toàn thể không gian hoàn toàn biến đổi và tất cả chỉ là những tia sáng đang rung động quay cuồng trong một vũ điệu tuyệt vời. Satyakam thấy mình chìm đắm trong vũ điệu đó và hoàn toàn tan biến trong cái biển ánh sáng màu nhiệm khác thường kia.

Satyakam không biết mình đang mê hay tỉnh nhưng anh cảm thấy có một cái gì đọng nhẹ vào vai anh. Anh mở choàng mắt ra thì thấy đạo sĩ đang đứng trước mặt:

- Này con, đã đến lúc chúng ta lên đường trở về nhà rồi.

Thì ra anh đã ngồi đây suốt một ngày một đêm. Satyakam định lên tiếng hỏi thầy về hiện tượng lạ lùng kia nhưng nghĩ sao lại thôi. Anh đứng dậy thu xếp hành lý. Vị đạo sĩ yên lặng nhìn học trò, không biết ông đang nghĩ gì vì khuôn mặt ông vẫn thản nhiên, bất động:

- Chúng ta sẽ trở về bằng một lối khác, lối này dốc hơn lối trước nên con phải cẩn thận kéo ngã.

Satyakam đeo hành lý lên vai và theo thầy đi về hướng đông của rặng núi. Quả đúng như lời vị đạo sĩ, đó là một lối đi băng rừng, đường vừa dốc vừa trơn trượt. Đạo sĩ ung dung bước đi từng bước, thành thơi và vững chãi nhưng Satyakam vừa đi vừa suy nghĩ nên thỉnh thoảng lại trượt chân suýt ngã. Đạo sĩ quay lại, từ tốn:

- Này Satyakam, hãy cẩn thận và chú tâm dẫm theo đúng bước chân ta. Chỗ này trơn trượt lắm chú không để đi đâu!

Hai thầy trò lầm lũi bước, không ai nói với ai câu nào cho đến khi trở về cánh rừng xưa. Đạo sĩ thông thả bước vào hang đá. Satyakam cũng bước vào căn lều cũ của mình nhưng không hiểu sao lần này anh không cảm thấy thoải mái như lúc đi. Hình như có một cái gì thay đổi trong anh khiến anh không còn hồn nhiên như trước. Hẳn phải thế rồi vì anh vừa khai mở được một công phu khác thường, nhưng chính vì vậy mà hình như nó lại làm anh bận tâm thì phải!

(còn tiếp)

**đọc
sách**



Một Vài Nhân-Vật Nữ Trong Văn Xuôi Việt-Nam

TỪ CÔ LOAN TRONG ĐOẠN TUYẾT
CÔ TRÂM TRONG VÒNG TAY HỌC TRÒ
TỚI NHỮNG NHÂN VẬT NỮ TRONG
THÁNG GIÊNG THÁNG BẢY BUỒN NHƯ NHAU
CỦA HOÀNG NGÀ

Ngô Nguyên Dũng

Thời ấy, cô Loan như vậy là quá quất lắm. Nhất định cô không phải là mẫu người điển hình cho nữ giới trong giai đoạn tìm độc lập của đất nước. Được đi học, thông thạo chữ Tây, có quan niệm riêng về gia đình và tình yêu, vậy mà cô vẫn không thể vượt qua những rào cản của truyền thống. Sao vậy? Tác giả đã đưa ra một vài lý do: vì lời hứa và món nợ của gia đình Loan với bà Phán Lợi, vì cái tính coi trọng “nợ nước” hơn “tình nhà” của Dũng. Theo ngôn ngữ tiểu thuyết, đó là số mệnh. Loan yêu Dũng. Dũng yêu... nước hơn yêu Loan, bỏ đi làm cách mạng. Loan lấy Thân, con bà Phán Lợi, cố gắng “sống như mọi người khác, cố thuần thực, coi bố mẹ chồng như bố mẹ đẻ, biết đâu lại không thấy được hạnh phúc ở chỗ đó.” Thật ra, không phải Thân không yêu Loan, mà đó “chỉ là một cái yêu theo lối riêng... một cái yêu dần dần.” Thân chết vì cái tính dần dần, cục mịch, thiếu văn minh của anh ta. Còn chàng Dũng thì sao? Dũng là người có “một cuộc đời đắm

đuối trong sự hành động mê man” đi tìm lý tưởng cách mạng. Ấy vậy mà, mỗi lần nhắc tới chàng, tác giả đều bắt chàng... nhậu. Vì thất chí hay thất tình? Lý do thứ nhì đã hiển cho đời sau một chương sách đẹp, lúc Dũng biên thư nhờ chị Thảo nhắn nhe cùng Loan vào “một đêm trăng mờ trên sông Đà, phải kê giấy vào ván thuyền để viết, mà viết trong lúc cảm động, tâm hồn bàng hoàng.” Dũng vừa say tình vừa say men. Chàng nhậu nhẹt li bì, bắt đọc giả đôi lúc sốt ruột và bức mình. Chàng thiếu thực tế, lại lãng mạn... tiểu tư sản, kháng chiến không thành là cái chắc. Loan cũng lãng mạn tiểu tư sản, nhưng cứng rắn, cố vượt qua những nghịch cảnh. Rốt cuộc, hai người cũng thành, dù phải hy sinh hai tính mạng: Thân và đứa con. Trả giá như vậy là hơi đắt.

Vài thập niên trôi qua, Loan và Dũng vui hưởng duyên già, tình hình đất nước làm văn chương trì trệ cho tới lúc cô giáo Trâm xuất hiện. Theo đà phát triển, cô này còn “gái mới”

hơn cả cô Loan. Biết hút thuốc, uống rượu, nhảy đầm, ăn đồ tây nhiều hơn đồ ta, giao thiệp rộng rãi với đàn ông. Điều đáng nói, cô Trâm yêu Minh, học trò mình. Quan hệ này khác xa quan hệ giữa Loan và Dũng. Nó ám hơi dục tính. “Và cuối cùng, mười ngón buông nhau. Một dòng cảm xúc không tên ào ào dâng lên ngập lụt trong lòng và Trâm nghe như lưỡi dao bén ngọt nào vừa rạch xuống chiều dài thân thể...” Cũng có dao rạch, cũng vương mùi tử khí, nhưng còn có thêm chất hiện sinh của “gió bão vừa chuyển mình réo sôi quần quai”, và “sẵn sàng rơi xuống dưới đáy sâu hun hút của địa ngục.” Nghe kinh hồn thế, mà rốt cuộc chẳng ai chết cả. Cô Trâm có vẻ... biết điều hơn cô Loan. Mà cô cũng không có lý do gì để đâm chém ai. Cô chỉ hoài nghi cho thân phận. Cô đứng ở vị trí phụ nữ, “tư duy” về một tình yêu phóng khoáng. Ai khác chấp nhận hay không, mặc. Trâm không lý luận nhiều, chỉ gào thét nội tâm. Cô hiện sinh hơi quá.

Sau một khoảng thời gian vài mươi năm, đem cô Loan ra so với cô Trâm là điều bất công và không ổn. Quan trọng không kém, Loan là sản phẩm của một tác giả phái nam, còn Trâm là của một nữ văn sĩ. Vì vậy, đôi khi Loan có hơi nóng nảy, trong lời nói, và sau cùng lại thiếu hạ quyết tâm. Trong khi đó Trâm là một chuỗi suy tư triền miên về thân phận đàn bà trong xã hội buồn nôn, về xung đột nội tâm giữa tình yêu tinh thần và thể xác. Trâm luôn luôn bứt rứt như người mang bệnh ngoài da. Cuối cùng, chẳng đâu vào đâu cả. Bệnh nan y, thầy chạy, chỉ còn chiếc “kim đồng hồ nhà bưu điện tìm nhau trên số hai... Trâm thì thăm trong khoảng không, đêm ơi, đêm ơi.” Chỉ có vậy. Gãi chưa đã. Tác giả truyền bệnh da sang độc giả.

Dù sao, cô Trâm cũng “hiền” hơn cô Loan một bậc.

Cùng lướt với cô Trâm, còn có thêm vài cô “dữ dằn” của một vài nữ văn sĩ “dữ dằn”. Như những nhân vật

gái điếm trong vài tập truyện của Nguyễn thị Thụy Vũ, như cô Trâm dám cả gan phá thai trong *Những sợi sắc không* của Tuý Hồng, như cô gái bỏ nhà theo trai trong *Mưa trên cây sầu đông* của Nhã Ca, như người đàn bà ngoại tình trong truyện ngắn *Nhà có cửa khoá trái* của Trần thị Ngh. Nữ phái trong văn xuôi Việt Nam vùng lên đòi quyền sống. Họ thách đố nam giới. Họ sử dụng thứ vũ khí trời dành cho đàn bà, đòi bình quyền với nam giới, và có lẽ còn để tự thoả mãn tự ái.

Rồi, thêm vài thập niên nữa, mệnh nước đầy một khối người ra hải ngoại. Văn xuôi Việt Nam tiếp nối liên lạc với truyền thống văn chương trước 1954, và sau 1954 ở miền Nam.

Hiện tượng nữ giới tràn ngập văn đàn vào thập niên 80 đã lắng. Độc giả bắt đầu lo âu tự hỏi họ đang làm gì, ở đâu, sao không "sáng tạo" thêm những cô Phượng, cô Lan, cô Hoa, cô Bích biết lái xe thể thao, có súng tự vệ trong xe, coi đàn ông như món đồ chơi dục tính? Không, phụ nữ trong văn xuôi Việt Nam không tiến hoá theo chiều hướng ấy, mà ngược lại, trở nên hiền khô... Thử đọc tập truyện đầu tay *Tháng giêng tháng bảy buồn như nhau* của Hoàng Nga, hẳn rõ. Những nhân vật dẫu xưng tôi, hoặc mang tên gì chẳng nữa, đều lạnh như khoai như sắn. Không có chuyện hầu toà vì lỡ tay... giết chồng. Không bị người đời đàm tiếu vì trót yêu học trò. Không có ai hành nghề gái điếm, hay mang bầu vì ham vui rồi có ý định phá, hoặc lén lút ngoại tình với mặc

cảm tội lỗi là "một đôi giày cho nhiều người xỏ chân vào". Thật ra, nhân vật tôi trong truyện của Hoàng Nga cũng có ra toà, nhưng để... ly dị. Văn chương có mặt từ đó.

Tập sách gồm 14 truyện ngắn, là những mảnh đời tác giả góp nhặt từ quê nhà ra tới quê người. Khéo, có thể gom thành một truyện dài với nhân sinh quan của một phụ nữ có tâm hồn mẫn cảm trước những biến động thời cuộc. Nhất là trước những đổi thay tình cảm. Thoạt nhìn, tưởng đơn giản, ấy mà rối rắm như ngõ ngách một gò mối. Hãy đọc mấy dòng thư của chị Trâm theo chồng đi Tân-tây-lan gửi về: "*Ở đây Mi ơi, có những sáng thức giấc chị nằm nghe tiếng chim hót ngoài vườn, nghe cái thanh bình của quê người mơn man trên từng thớ da thịt mà nhớ nhà, nhớ mấy nhỏ quá đi thôi*". Tâm sự này, cô Loan giết chồng hay cô Trâm yêu học trò làm sao cảm nhận được! Hay có chăng nữa, họ vẫn chưa mở hết những cánh cửa phức tạp của tình vợ chồng, như câu nói: "*Nga muốn cái phần xác hay phần hồn của anh? Nếu cái phần xác thì đây, anh sẽ ở lại. Còn cái phần hồn, cái tình yêu của anh đối với Nga thời đi học đã chết theo mười mấy năm cơm áo*". Nghe mà não lòng. Càng thấm thía hơn với tâm trạng của nhân vật xưng tôi: "*Tôi đã chỉ nằm im mà nghe mùi chần gối, mùi mồ hôi thân quen của chồng bên cạnh. Tôi đã nằm im với thẳng thốt, với bàng hoàng...*" Trong khi cô Loan hay phân tích, cô Trâm thích dùng ngôn ngữ "tích cực" để diễn ý, "tôi" của Hoàng Nga lại thích "phân trần phải trái", đôi khi còn cười cợt, mỉa mai với tâm trạng "cười là tiếng khóc khô không lệ".

Truyện của Hoàng Nga nhiều tiếng cười. Bằng cách ấy, tác giả gây xúc động, gọi đó là "*nụ cười lan huệ sâu đời*". Như mối tình một chiều trong sáng nhưng bi thảm của anh chàng Dung với nhân vật "tôi". "*Anh nói tôi không có cái mộc mạc của người miền quê, nhưng cái tình cảm tôi dành cho dòng sông nước chảy,*

cho khóm cây bụi cỏ trong vườn quê nội lại chan chứa yêu thương." Đó là ý nghĩ của Dung. Còn tôi thì "*ở Dung, tôi tìm thấy bóng mát, tìm thấy cái thanh thần an nhàn của những trưa nằm dưới rặng tre già vàng óng, mắt nhìn bầu trời xanh lơ, tai nghe tiếng đập cánh vui mừng của bầy vịt đang bơi lội nô đùa trên dòng sông*." Những nhân vật của Hoàng Nga rất gần với chúng ta, đến độ có thể mừng tượng ra "tôi" là chị, em gái, cô bạn cùng lớp hay chính mình; còn Dung, nhân vật chồng, Thuận là những người thân quen hay đã nghe ai kể lại đâu đấy. Sống động như thật. Như thế, mỗi truyện trong tập sách này đã và rất có thể sẽ xảy ra trong đời sống thường ngày của chúng ta. Nhắm mắt, gấp sách lại, họ sẽ bước ra ngồi cạnh, cất giọng kể thăm thì.

Hoàng Nga đã dành cho chúng ta những rung cảm đẹp, chân thành bằng ngàn ấy trang sách, bằng những trần trở suy tư của một người đàn bà với những mơ ước bình thường: một mái ấm gia đình và một quê nhà an lành. Người nữ trong truyện Hoàng Nga cố vươn tới biểu tượng người đàn bà Đông phương toàn bích. Điều này, cô Loan, cô Trâm hay những cô khác đều muốn. Nhưng ứng xử của họ nhiều lúc bị tiểu thuyết hoá hơi quá tay thành ra tuồng. Nhưng không ai lẫn ai. Mỗi người là một nhân chứng của thời đại. Lúc ấy, phải có án mạng như vậy, mới hồng... răn đe người khác. Đến thời "yêu cuồng sống vội", phải ngổ ngáo sáo chùng ấy, mới nổi bật trước thiên hạ. Còn thời nay? Những nhân vật nữ trong truyện của Hoàng Nga hiền khô. Họ không cần làm cách mạng đòi giải phóng ai. Họ đại diện cho đám đông không thích nhiều lời, thường khóc thầm với chần gối. Giữa cô này và cô kia là một khoảng thời gian dài với nhiều đổi thay, duy tám chân tình của họ đối với cuộc đời và tha nhân là vẫn vậy. Họ làm thăng hoa đời sống của chính họ và của cả nam giới. Họ yêu đời thắm thiết, dẫu bằng "*nụ cười của lan huệ sâu đời*".



Tháng Giêng
Tháng Bảy
Buồn Như Nhau
Tập truyện ngắn
HOÀNG NGÀ
Làng Văn
xuất-bản

12MK (18GK)



Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khố hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Phong-nhã, hào-hoa

Hỏi: 1) Xin giải-thích thế nào là "phong-nhã" và thế nào là "hào hoa" trong câu Kiều: Vào trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa.

2) Đọc sách Tào, thấy người ta hay dùng chữ "rừng hạnh" để chỉ nơi cư-trú của các ông thầy thuốc giỏi. Lý-do tại sao?

Lương Vũ Tính
Texas

Đáp: 1) "Phong" và "nhã" là tên ba thiên trong Kinh Thi, là Quốc phong, Tiểu nhã và Đại nhã.

Quốc phong là thơ nói về thói-tục của dân-gian.

Đại nhã và Tiểu nhã là thơ của triều-đình. Nhã là tao nhã, không thô-tục.

Nghĩa rộng của "phong-nhã" là phong-lưu và tao-nhã: đáng-dáp cử-

chỉ nhàn-hạ, thanh-tao.

"Hào-hoa" là hào-phóng (tiêu-pha rộng-rãi) và xa-xỉ. Thí-dụ: Văn Thiên Tường tánh hào-hoa, ăn-tiêu rộng-rãi, bao giờ con hát cũng đầy nhà (Tống Sử).

2) Đó là điển-tích "hạnh lâm" (rừng hạnh).

Nguyên ông lang Đồng Phụng thời Tam-quốc chữa bệnh rất mát tay, lại không màng tiền bạc. Mỗi khi chữa lành một người, thay vì trả tiền, bệnh-nhân chỉ cần trồng biếu ông lang từ một đến năm cây hạnh là được. Chẳng mấy chốc, vườn sau của ông lang biến thành một rừng hạnh bạt ngàn. Từ đó Đồng Phụng có ngoại-hiệu là Đồng tiên hạnh lâm (ông tiên họ Đồng ở rừng hạnh). Hai chữ "hạnh-lâm" sau dùng để chỉ các ông thầy thuốc giỏi và nhân-đức.

Xung hô trong nhà

Hỏi: 1) Chàng rể gọi bố mẹ vợ là song nhạc, bố vợ là nhạc gia hay nhạc phụ, mẹ vợ là nhạc-mẫu (thí-dụ: thừa lệnh song nhạc đường, nhạc phụ của tôi, nhạc mẫu của tôi). Thế, nàng dâu gọi bố mẹ chồng là gì?

2) Con cái gọi bố mẹ thế nào cho đúng? Cháu nghe có người gọi mẹ là "đẻ".

3) Con ghẻ gọi cha ghẻ, mẹ ghẻ ra sao?

Tiểu Lộc
Hoa-kỳ

Đáp: 1) Nàng dâu gọi bố chồng là gia-công, mẹ chồng là gia bà; có vùng gọi là gia phụ và gia mẫu (rất ít dùng, thường chỉ để nói về bố mẹ ruột của mình với người khác).

Trong tiếng nôm, phụ-nữ miền Trung khi nói về bố chồng, mẹ chồng, dùng chữ "ông gia tôi, bà gia tôi" (ca-dao: Vì chồng phải nể mụ gia, Chớ tui với mụ có bà con chi!)

Trong Nam có nơi dùng chữ "ông bô bà bô" để gọi bố mẹ vợ hay bố mẹ chồng (do chữ Pháp beau père, belle mère, đáng lẽ phải là "ông bô, bà ...ben" mới đúng!)

2) Tùy theo địa phương, tín-ngưỡng và thói quen trong gia-đình, người Việt gọi bố mẹ bằng nhiều cách khác nhau:

- Thầy mẹ, thầy me, thầy u, thầy mợ, thầy đẻ. Ở miền Bắc trong chế-độ đa-thê, các con trong nhà dù thuộc dòng chánh hay thứ đều gọi vợ chánh của bố là "mẹ" và gọi mẹ ruột của mình là "đẻ". Đôi khi cũng có người gọi mẹ là "đẻ", dù mẹ là chính-thất.

- Cậu mợ (thường nghe trong gia-đình giàu-có miền Bắc, gọi theo người làm: chủ nhà là ông bà, con của chủ nhà là cậu mợ).

- Bố mẹ, cha mẹ, bác mẹ, bố cái (tiếng cổ).

- Anh chị (hiếm dùng, thường trong trường-hợp mê-tín, kiêng-cữ thần trù, con ranh con lộn, sinh khó nuôi, v.v.)

- Ba má, ba mẹ, ba me, ba vú. Trong Nam, đôi khi con gọi là mẹ là "vú", y như vú nuôi; thường do kiêng cũ mà ra.

- Tía má.

3) Tùy trường-hợp và gia-đình, con ghẻ có thể gọi bố, mẹ ghẻ:

- y như cách gọi bố mẹ ruột, nếu người này nuôi dưỡng đứa trẻ từ bé, hoặc được đứa trẻ thờ kính như bố mẹ ruột.

- gọi bố ghẻ bằng dượng; gọi mẹ ghẻ bằng dì. Trong Nam có người gọi mẹ kế bằng cô (hàm ý là em của cha, thay vì em của mẹ).

Hàng ngoại

Hỏi: 1) Chữ nước khác, gọi là ngoại văn; tiếng nước khác gọi là ngoại ngữ; người nước khác gọi là ngoại nhân có đúng không?

2) Người trong nước gọi là "nội nhân", đúng không?

3) Người cùng quê, gọi là đồng hương?

Trần Văn Tông
California

Đáp: 1) Người ta quen dùng chữ "ngoại nhân" để chỉ người nước khác; còn một chữ nữa là "dương nhân". Chữ dương nghĩa là biển lớn (thí-dụ:

Thái bình dương).

2) “Nội nhân” là người trong nhà (chỉ vợ), không phải người trong nước.

Các tiếng khác: nội-trợ, nội tử, nội tướng, đều chỉ bà vợ.

Tiếng khiêm xưng là chuyết kinh, bố kinh, tiện nội (vợ tôi).

Tiếng tôn xưng, nói về vợ của người đối-diện: hiền nội; vợ của người thứ ba: hiền thê (bà Lê Thị A, hiền thê của ông Lê Văn X).

3) Theo người Việt, đồng hương là người cùng làng. Theo người Trung-hoa, đồng hương là người cùng tỉnh; có người hiểu theo nghĩa rộng là cùng nước.

Người Việt gốc Hoa ở hải-ngoại và người Việt quen gọi nhau là “đồng hương”. Người Việt gọi nhau là “đồng-bào” (cùng một bọc trứng của mẹ Âu Cơ sinh ra).

Chữ “đồng-bào” theo nghĩa rộng nhất có nghĩa là loài người, theo quan-niệm “cha trời, mẹ đất”, loài người dù thuộc bất cứ chủng tộc cũng đều là huynh đệ đồng-bào.

Bất hiếu hữu tam...

Hỏi: Đọc sách thường thấy câu *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* (trong ba tội bất hiếu, không con nối dõi là tội trọng nhất). Thưa bác:

1) Câu này trong sách nào?

2) Hai tội kia là tội gì?

3) Xin phân-biệt hai chữ “phong văn” và “phong thanh” một cách rõ ràng.

Lê Văn Hoảng
Montréal

Đáp: 1) Câu này trong sách Mạnh tử.

2) Hai tội kia là:

- Mềm dẻo chiều theo, khiến cha mẹ phạm lỗi lầm bậy.

ĐỌC VÀ CỔ-ĐỘNG
làng văn
TỜ BÁO CỦA BẠN

- Nhà nghèo, cha mẹ già, không chịu ra làm quan để có bổng lộc phụng dưỡng.

3) *Phong văn* là “nghe hơi gió”, nghe loáng-thoáng, nghe lời đồn-đãi. Chữ này thường bị nói sai là “nghe phong phanh” hay “nghe phong thanh.”

Phong thanh là “tiếng lành”, “tiếng tốt”. *Phong*: thói tục; *thanh*: có tiếng tăm, do câu *Lập kỳ thiện phong, dương kỳ thiện thanh* (đứng trước ngọn gió lành, nêu cao tiếng lành).

Thí dụ: *Vả trong cương tỉnh phong thanh* (Trinh Thử).

Tổng biệt hành

Hỏi: 1) Xin bác cho biết tên và tác giả bài thơ có các câu:

Đưa người ta không đưa qua sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng...

2) Cháu muốn tìm bài thơ này thì phải mua cuốn sách nào?

Vy-Vy
New York

Đáp: 1) Đó là bài *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm.

2) Cháu có thể gửi 5 mỹ-kim về tòa-soạn, hỏi mua tờ *Làng Văn* số đặc-biệt về Thâm Tâm.

Ngâm sĩ

Hỏi: Có người dùng chữ “ngâm sĩ” khi giới-thiệu trên đài phát-thanh các người ngâm thơ. Tôi nghe có vẻ không ổn. Ông BC nghĩ sao?

Đinh Huỳnh
San Jose

Đáp: Thực ra về cấu-pháp, không sai. *Ngâm* là đọc dài giọng ra, cũng là tiếng hán-việt, đi với *sĩ*, cũng hợp. Đã có “ca sĩ” thì có “ngâm sĩ”, có sao đâu! BC quen gọi là “nghệ-sĩ diễn ngâm”, nghe dài dòng quá, có người rút gọn lại là “ngâm sĩ”, mới nghe có vẻ giễu cợt, nhưng nếu dùng lâu quen dần, biết đâu sẽ có thêm một tiếng

mới!

Mạnh Thường Quân

Hỏi: 1) Cháu thường gặp từ Mạnh Thường Quân trên báo-chí hải-ngoại. Từ này có nghĩa gì? Có phải tên người? Nên viết hoa hay viết thường? Và xuất-xứ ra sao?

2) Hiện nay có khoảng bao nhiêu người Việt định-cư trên thế giới?

3) Tại sao người Việt hay gọi người Tàu là “Ba Tàu?”

Vòng C. Cường
Hương cảng

Đáp: 1) Mạnh Thường Quân vốn là ngoại hiệu của một người (danh từ riêng) sau biến thành danh-từ chung, giống như các chữ “tú bà”, “sở Khanh”, “cốt đột”, “bùi kiệm”, v.v.

Mạnh Thường Quân là người nước Tề thời Chiến-quốc, họ Điền tên Văn, giàu có, hiếu khách, trong nhà bao giờ cũng nuôi ăn ở đến ba, bốn nghìn người khách.

Người Việt quen dùng nhóm chữ “mạnh thường quân” để gọi những người có của, có lòng, sẵn sàng bỏ tiền ra giúp vào việc công-ích. Thí dụ: danh-sách mạnh-thường-quân, những nhà mạnh-thường-quân của hội bóng, v.v.

2) Người Việt thuần-chúng ở hải-ngoại vào khoảng từ 2,1 triệu đến 2,2 triệu người. Theo thống-kê 1996 của viện Nhân-chúng quốc-tế.

3) Có người giải-thích rằng, gọi là “tàu” vì người Trung-hoa khi di-cư sang Việt-nam ngày xưa, thường đi bằng tàu buồm.

Về chữ “ba” đứng trước chữ “tàu”, có hai cách giải-thích:

- Người Trung-hoa khi đến VN bằng đường biển, thường kết thuyền bè lại từng 3 chiếc một để tránh bớt nguy-hiểm của sóng gió. Từ đó, “người trên 3 chiếc tàu” trở thành “ba tàu.”

- Cách giải-thích thứ hai, người Việt thường đặt thứ cho các giống dân khác, coi như thân-nhân trong gia-đình: anh bảy chà, chú ba tàu... ●

chém đá

Sắc Không

Mở lời như chém đá
Lễ Kinh



Mỗ Lờ Vờ

Mở ra: Nhiều người viết hài văn, trong và ngoài nước thời nay, thích làm «thăng mỗ», một nghề mà ở nhà quê ngoài Bắc xưa xem chả ra gì. Mỗ, thường là kẻ ngụ cư, để các chức sắc sai vặt mỗi khi làng vào việc, đình đám, lễ bái. Nhiệm vụ chính của thăng mỗ, bắt buộc phải cầm một cái mỗ, đi khắp «đầu làng cuối xóm» để rao (không giảng) việc làng cho mọi người được rõ. Vừa đi vừa gõ mỗ. Mỗ, được làm bằng gỗ hay tre, rỗng ruột. Trong làng chỉ có hai người làm «nghề» gõ... mỗ, ông sư và thăng mỗ, địa vị hoàn toàn khác nhau. Làm đầy tớ, giúp ích cho cả làng song thăng mỗ vẫn bị khinh thường, thấp kém vì không được ngồi một chỗ mà... gõ! Thật ra, thăng mỗ, về mặt nào đó, không thua ông tiên-chỉ, xếp sòng của làng, ở chỗ «một mình một chiếu thành thoi ngồi». Quá đã, khi «một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp» thời thăng mỗ lại hưởng nguyên mâm, song chẳng ai chịu gọi «mỗ» là «cậu», «anh», «ông» hay «cụ mỗ». Dẫu trăm tuổi mà làm mỗ vẫn bị gọi bằng «thăng». Năm tháng qua đi, cách mạng về, hầu hết các «thăng mỗ» cũ đều nhảy lên nắm chính quyền mới. Cụ tiên-chỉ cùng các ông quan-viên bỗng dưng thiếu ăn nghiêm trọng. Phần lớn «đi chỗ khác chơi». Chỗ khác phải hiểu là Suối Vàng. Ông sư đành gác... mỗ, cởi áo cà-sa, ra đời,

nặng nỏ góp phần mình vào việc làm cho bãi tha ma làng mau lớn. «Thăng mỗ» mới, «đồng chí mỗ» không coi trời bằng vung, chỉ gọi trời bằng thăng, cũng cứ nặng nề đòi làm «đầy tớ nhân dân», vẫn «một mình một chiếu thành thoi ngồi», có hơi khác xưa, cùng lúc xoi nhiều mâm cỗ.... Đây là thời mà mọi người chủ phải biết kính mến các đầy tớ của mình!!!

Sao một «thăng mỗ» khác, ở ngoài này, mang tên Mỗ Lờ Vờ, nhiều người yêu, lắm kẻ ghét, xa gần làng Văn thấy đều nghe tiếng? Phải chăng, Mỗ Lờ Vờ có tiếng, chẳng có miếng, quyền thế cũng không, việc làng rao khẩn cả cỗ, vẫn «com nhà, ... vợ». Nghĩa là vợ nuôi, cho đi vác ngà voi không công khắp thiên hạ. Có thể thôi!

Nhưng Mỗ Lờ Vờ (Mỗ Làng Văn), đã rao gì và rao như thế nào trong «Đầu Làng Cuối Xóm»? Sách do Làng Văn xuất bản lần thứ nhất, cuối tháng Tư đến năm 1997, 196 trang, khổ 13,6cm x 21cm, gồm 55 truyện rời, giá 10 mỹ kim. Tranh bìa Nguyễn Nhật Tân. Nhiều việc Mỗ Lờ Vờ nói tới, cách nay cả mười năm, coi lại thấy in hết lời tiên tri. Cùng viết chung báo Làng, Sắc Không chẳng tiện khen, chê Mỗ Lờ Vờ, chỉ xin «điểm» đôi giòng tử «huyết», như bóc bánh ra coi nhân gì trong đó. Rõ ràng hơn, qua cuốn sách, Sắc Không cô lại theo cách riêng, bao mảnh đời hình nhân hàng mã, thăng bù nhìn, con-rối-nước, phường hề, mà Mỗ Lờ Vờ nhắc đến:

1.

Sắc Không vặn hỏi:

- Gõ như thế này mãi, «cốc! cốc! cốc!», khắp đầu làng, cuối xóm, liệu được cái gì?

Mỗ Lờ Vờ trả lời ngay:

- Được... công...

- ...

- Công cốc!

2.

Mỗ Lờ Vờ, tính quật ngược, hỏi lại:

- Sao cụ không đi gõ... mỗ, như tôi, mà lại chém... đá?

Sắc Không đáp lễ:

- Ôi, một thời người, ta, gỗ, đá, nào có khác gì nhau?

3.

Mỗ Lờ Vờ, chắc nghĩ tới một loại ta-người-gỗ-đá, vội kể:

- Nhiều vị học hành cao, đáng bậc cha chú Nguyễn Gia Kiểng, vì tẩy chay sách báo của Vẹm mà ông ta bảo họ là đồ «đần độn, ấu trĩ, gian dối, khờ khạo, thô bạo, vô lại».

Sắc Không ngạc nhiên, hỏi lại, cho rõ:



Cười . Tranh của SOS

- Đây, là tiếng-người-nói, à?
- Lúc đầu tôi cũng tưởng do thói quen, theo... nếp nhà hoặc ông Kiểng có tật ưa khoe của... gia bảo. Sau, hỏi ra, mới biết không phải vậy...

- Sao?
- Ông ta vốn tính không thích đi vay mượn ai, chỉ dùng những gì sẵn có trong ông, lời ăn tiếng nói cũng vậy!

Mỗ Lờ Vờ còn khoe vừa mới được họa sĩ SS gửi tặng bức khố-họa mang tên «Cười», loại tranh «computer/graph», một thử nghiệm mới mẻ trong ngành hí họa nước ta. Rõ là «một miếng cười mười đời khổ»!

4.

Trần Thanh Hiệp, nhà văn lớn sẽ có tác phẩm ở kiếp sau, còn kiếp này ông tạm quanh quẩn, như gà què, bên hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, lên tiếng:

- Ký vào bản tuyên-cáo-chung, với đám dân tỵ nạn tại Ontario, chống sách báo đỏ, thế là «kiểm duyệt», thế là đã «công khai đi ngược lại đường lối» Văn Bút Quốc Tế!

Mỗ Lờ Vờ cãi lại:

- Chúng tôi không kiểm duyệt, chỉ tẩy chay! Hắn ông, người nhân danh tự do, cũng ra sức chống luôn cả chính sách kiểm duyệt có thật, rất khắt khe, ở trong nước?

- Chưa!

- Bao giờ thì bắt đầu?

- Chẳng nào Hội Nhà Văn Hà Nội, sang Canada, cùng ký vào... bản tuyên-cáo-chung!

5.

Nhà văn dấn thân, Tưởng Năng Tiến, than:

- Rõ khổ, phân hóa và băng hoại trầm trọng, hầu như mỗi nhóm người Việt ở ngoài này đều có một cái... vòng, đứng múa may quay cuồng trong đó, chán thật!

Nhà báo khổ thân, Mỗ Lờ Vờ, trách:

- Nói chi nhóm, chỉ hai, ông bà Trần Thanh Hiệp Paris, cũng mỗi người một cái vòng...

- Thế nữa?

- Vòng của ông Hiệp, chính trị gia gây ốm vì lo việc nước... kiểu ngựa phi, nổi tiếng là «gã cò đồng bạc dài»...

Nhà văn Tưởng Năng Tiến sốt ruột:

- Đừng đồng dài nữa, nói ngay, vòng gì?

- ... không phải vòng xoắn như của bà Hiệp, mà là... vòng đua... ngựa!

- Trắng Đen lẫn lộn, dám ngựa vằn, lắm ả!

6.

Bà Charlotte Powers, thay mặt cho trường đại học City College, thung lũng Hoa Vàng, thử nhận nhủ cùng người Việt Nam tỵ nạn chính trị tại Mỹ, đôi lời ngụ ý thôi hãy quên đi, đừng phiền muộn về một «chính quyền không phải của người dân Việt Nam». Bà nói:

- Dĩ vãng đã chìm trong quên lãng. Người ta nghĩ chiến tranh đã qua rồi...

Mỗ Lờ Vờ vội lên tiếng:

- Cuộc chiến giữa Mỹ và cộng sản Việt chấm dứt, OK, nhưng cuộc chiến giữa cộng sản và dân tộc Việt chúng tôi đã xong đâu?

Bà Charlotte Powers, nghĩ sao nói vậy, rất thật tình:

- Thông hành của bạn, giờ ghi quốc tịch gì, nói đi! Sợ hãi, tù đầy, lẩn trốn, hăm hiếp, nhục nhằn... qua rồi!

- Dù tôi là Mỹ... giấy, thì người Mỹ ấy cũng theo truyền thống đẹp của nước Mỹ, từng giúp châu Âu đánh tan tàn bọn độc tài Đức Quốc Xã. Không quên được...

Bà Charlotte Powers, phiền, tiếc đã mất thời giờ:

- Người khôn chỉ nên nhớ những gì có lợi!

- Hàng năm cứ vào khoảng tháng 5 & 6, cả thế giới vẫn nhắc tới các phòng hơi ngạt hoặc lò thiêu xác người, trên 50 năm rồi, theo bà, nhớ như thế thì có lợi gì?

- Là một con người, tôi hiểu, để con người khỏi biến thành con vật...

- Chúng tôi cũng đâu có quên 6 triệu người què quặt, mù lòa, quái thai, mất xác trong chiến tranh giải

phóng và 3 triệu tù đầy, chết đói, trên rừng dưới biển, sau cách mạng văn hóa kinh tế chính trị, «vì chủ nghĩa xã hội»?

- Xin lỗi, tại thấy người Việt «mình» về nước đông quá, do muốn lấy lòng các bạn, tôi chỉ tính nói vuốt đuôi...

- Bà thấy tiếng nước tôi thế nào?

- Hay, vuốt đuôi, ta chỉ vuốt... được những gì có... đuôi! Tranh SS, vẽ Việt Nam tuần nạn ngược, vì đâu nên nổi?



7.

Nhà báo Mỗ Lờ Vờ, cố hỏi, cho ra lẽ:

- Thưa, lúc chạy ra ngoài này, sao ngài không chịu khó vác thêm 16 tấn vàng nữa, lẽ nào chớ lại chề kít?

Cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đành thú thật:

- Hà, cái chuyện để thành-tiến-sĩ-giấy Nguyễn Văn Hảo cướp lấy rồi dâng lên cho các bố nó, phải không?

- Vâng!

- Chẳng chớ nào chề kít cả, song... như đám mây nổi, của cái nào có nghĩa gì, tôi chỉ cốt mang sang đây, một thứ quý hơn cả 16 tấn vàng...

- Tuyệt diệu, gì vậy?
- Lì! Làm chính trị, mặt phải lì! Lì!
- Hèn chi, tôi thấy có người đã thái thịt trên mặt báo...
- Sao không dùng thớt?
- ... trên đó, đã có in hình rồi, dung nhan của... ngài!

8.

Góa phụ Crocodile Tears Ky Cao Nguyen, tới California ngày 27 tháng 4 năm 1975, hiện ở Little Saigon, ngày 30 tháng 4 vừa qua, đã gọi dây nói hỏi chơi:

- Ông ơi, giúp tôi với, «cá tháng Tư» là gì?

Mỗ Lờ Vờ vui vẻ trả lời:

- À, poisson d'avril, hay April fool cũng thế, chuyện dzõn chơi, bịa đặt, nhằm nhí cốt lõm-nhau-cho-vui của dân Tây ngày 01 tháng 4 hàng năm!

- Xin cho một thí dụ, thật ngắn, nhưng quái gở!

- ...Bất ngờ quá! À, như chuyện Nguyễn Cao Kỳ!

- ...

- Tại Hồ Nai Biên Hòa, tháng 4 năm 1975, rằng: «*Đồng bào thân mến, tôi chỉ quen ăn cà pháo, mắm tôm, không chạy đi đâu cả, sống hèn chịu sao nổi, phải tử thủ thôi!*»

- Ông có tin rằng, hôm ấy tôi cũng có ở đấy, không?

- Tin chứ, biết ông ta hay nói ngược, bà vợ suy ngay ra, cũng may, mới nhanh chân doot được sớm!

- Cao kỳ nhưng không bắc bạc, đáng tiếc, cả cuộc đời chỉ là một ngày dài, ngày mồng 1 tháng 4!

9.

Ở Mỹ thứ gì chẳng có, song xem ra vẫn có vẻ như thiếu một cái gì đó. Nhà báo Mỗ Lờ Vờ bèn đi hỏi một «ông» bác sĩ Việt tại Bolsa, Little Saigon:

- Nhà văn tài hoa Duyên Anh, đã bị quân dữ «hạ cẳng chân, thượng cẳng tay... sát», gục ngã trước phòng mạch của ông, nằm hôn mê ở đó suốt hai mươi phút. Ông được người ta báo tin và khẩn cầu cứu giúp, sao chẳng

hề ra ngó lấy một cái? Một y công hay y tá cũng đâu nỡ tẹ vậy huống chi một «lương y như từ... mẫu»,... như mẹ hiền?

- Tiếc, tôi chỉ biết mỗi câu,... «lương y như kế... mẫu»!

Đầu Làng

1.

Theo chuyện nhà báo Mỗ Lờ Vờ kể, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, một trong những tài tử gạo cội của loại phim XXX, *dâm ảnh minh tinh*, khiến Sắc Không hoang mang:

- Có bằng cứ hãy nói!
- Sao không? Y như Kỳ, Thiệu ta cũng chớp luôn vợ của thuộc cấp, theo phò những quân như thế, nước còn mất, huống chi vợ... nhà!

- Tôi, muốn biết vụ phim... XXX, cơ!

- ... Hoàng Đức Nhã đã vẽ đường cho hươu cậu Thiệu... chạy, nhưng chạy ngay e sập bẫy, phải làm giá... uốn eo không chịu ký Hiệp Định Paris. Mc. Namara thuyết mãi không xong, Kissinger bèn kêu Thiệu qua tòa đại sứ Mỹ, chiếu cho xem cuốn phim mà CIA vớ được...

- XXX, à?

- Chớ gì!

- ...

- Trong phim, cả hai trần như nhộng, người nữ nói in hết nhân vật truyện ngắn Trùng Dương: «*Em lên, nhé anh!*». Thiệu choáng váng về dinh, run tay, nhưng... ký!

- Người nữ là ai? Phim ai quay?

- Quả báo, chính chồng người nữ..., tình báo hai mang!

- Sao Đồng Lân lại đem bán hoặc biếu CIA?

- Trước, Vẹm tính dùng phim, như sợi dây thông lọng, trông cổ Thiệu, xiết, bắt phải tuân theo ý Vẹm, nếu Mỹ không buông miền Nam. Sau, đã tới lúc nên ép Thiệu ký, để Mỹ rút, Big Minh hứa nhận-và-giao ấn *Con Rồng lộn!*

- Cả nước vì một thằng đại gái mà chết oan à?

- Vẹm còn giữ phim gốc, oan nghiệp hại người tài sắc Thanh Nga, sau đó bị bắn chết tươi, vu cho *bọn* *Ngụy* ác!

- Giờ, tôi hiểu vì sao khi «bốn không», thoát cái, ra «bốn có»!

- Không, tổng thống đã tự nói về mình, đừng tin những gì CS nói, hãy nhìn những gì CS làm!, mà cả miền Nam trước 75 không ai hay!

2.

Tối nay, ngài Chế Bồng Thiệu, tổng thống «*vàng lá đeo chạy theo người*» vẫn tò mò, muốn biết:

- Nay nhà báo, ông nghĩ sao...
- Gì cơ ạ?
- Nếu giờ tôi lại hy sinh nữa, *lần thứ ba*, chui ra lãnh đạo toàn dân hải ngoại, làm một cuộc chống Cộng mới?

Nhà báo Mỗ Lờ Vờ, nhớ câu Bùi Giáng nói tục, bảo:

- Nói gì ba! *Bốn... lần*, lỗ đọc ngược, cũng được!

3.

Mỗ Lờ Vờ kể một chuyện về «sao và sọc»:

«Giỏi thay, một em học sinh người Việt mới 6 tuổi đầu, bé Bolsa Nguyen, tại lớp học thuộc vườn trẻ Hoa Vàng do một cô giáo, người Mỹ gốc Việt Nam mới, coi sóc.

Bữa nọ, tới giờ thủ công, cô giáo biểu:

- Mỗi em sẽ dzẽ lá cờ cổ nước mình, em nào chưa biếc, hãy coi cuốn sách này.

Bé Bolsa cặm cùi, nhìn bản mẫu, vẽ đại lá cờ sao vàng. Cô giáo khen giỏi. Về nhà, bé mang ra khoe ba má, bị la:

- Tầm bậy, cờ nước mình đâu có sao dzàng. Dzẽ lại, ba soọc đỏ, mau! Máu chảy thẩu ba Miêng, triềng miêng...

Bé Bolsa hí hoáy ngồi vẽ lại cờ. Sáng hôm sau, vào lớp bé hơn hờ mang ra cho cô giáo xem, cô liền nhăn mặt, rên rĩ như dĩ mất váy:

- Chèng ôôô! Dzây... sa...o... sao?
- Khó quá à...

Bé buồn lắm, về nhà lại-vẽ-cờ-lại,

lén lút trong phòng riêng, không cho ai biết. Cờ Mỹ.

Cuối cùng, cả cô giáo lẫn ba má đều hết sức hài lòng, ngợi khen, không tiếc lời:

- Giỏi quá ta, nè, coi, đủ hết trơn à... sao và sọc!!!»

4.

Mỗ Lờ Vờ hỏi, hết sức thật tình, một nữ sĩ:

- Bà viết văn không tới nổi tẻ, sao trong sách còn phải in thêm chân dung mình gần như ảnh lửa thể, chẳng dính dáng gì tới văn chương cả?

- Khỏa thân ư, không phải dâm-ảnh-hậu đâu, rõ ngốc, đấy là thơ... mới!

5.

Mỗ Lờ Vờ phỏng vấn người được phỏng vấn... hựt:

- Từ chối cuộc phỏng vấn của đài RFI, (Rệp Fải Im?), do nhà văn nữ, *nhờ-có-tên-cho-mượn*, Thụy Khuê mời và đòi phải «phi chính trị», ông để tuột mất một món thù lao cùng dịp may làm nổi tiếng thêm, sao thế?

Ca sĩ Duy Trác, tức luật sư Khuất Duy Trác, cười:

- Ngoài việc làm luật sư, trước đó biết lái xe, tôi đã học kỹ cả luật... đường. Lạng quạng đâu có được!

Mỗ Lờ Vờ lại hỏi thêm:

- Khi ông nghỉ chơi, Thụy Khuê, bà ấy nói sao?

- Có, thế này, *cũng may, nếu anh nhận lời «phi chính trị», Thụy Khuê vẫn cứ nơm nớp lo...*

- Sợ cái gì?

- ... *anh không hát tình-ca «Hoa Cúc Vàng» mà lại hát hối-ca «Một Hai Ba Chúng Ta Đi Lính Cộng Hòa» của cái nhà lão Phạm Duy hai mặt, trước 75, thì... bỏ mẹ!*

- Bỏ mẹ, bao lính miền Nam giải thây vì bài đó, độc!

6.

Mỗ Lờ Vờ hỏi một nhà văn, cựu lính khố đỏ, nay sắp chết đuối trong màu đỏ... khố:

- Ngài so sánh Hồ Chí Minh, với

vua Quang Trung, có thất lễ chăng?

Nhà văn Hoàng Linh Đỗ Mậu, cả cười, đáp:

- Phước cho vua Quang Trung lắm đó!

- Tại sao?

- Vua Quang Trung đáng con cháu của đức Trần Hưng Đạo, trong khi qua bài thơ của Hồ Chí Minh gọi đức Thánh Trần là bác, xưng tôi. Gọi như thế là lỗi người em, thay con mình, gọi người anh...

- Tôi hiểu rồi, cảm ơn, mấy ai đã được ông cho nhảy phóc lên ngang hàng với...

- ... Ông cố tổ... nhà chúng tôi!

7.

Trần Ngọc Chung, bạn hồng của lão đồng chí Đỗ Mậu, thích phát cờ, bằng miệng:

- *Dù người dân có bị tập đoàn CS lừa bịp thì cái tội là cái tội của tập đoàn lãnh đạo đối với quốc dân, chứ lá cờ đỏ hoàn toàn vô tội!*

Hôm rồi, gặp lại Mỗ Lờ Vờ sau bao năm xa cách, chàng ta liền được hỏi thăm sức khỏe:

- Này, cái vụ bệnh cờ đỏ nay tới đâu rồi? Cờ nước Nga dân chủ, giờ gồm ba màu xanh trắng đỏ, lá cờ cũ cũng đâu có lỗi gì mà sao dân Nga lại phải bỏ?

- Hừ, *cờ đỏ búa liềm vàng, đây tội lỗi!*

- Mảnh vải, đâu phải con người, lỗi phải gì?

- Hừ, vì nó mà có... *cờ đỏ sao vàng, đấy!*

- Giờ, còn muốn giữ nó, *cờ đỏ sao vàng, nữa thôi?*

- Giữ!

- Nữa!

- Ấy, chẳng lẽ đổi ra như cờ đảng Dân Chủ của thằng Thiệu năm nào, *sao đỏ cờ vàng, à?*

8.

Trần Thị Đạm Phương, nhà hoạt động xã hội chủ nghĩa, (có bố là cố luật sư Trần Văn Tuyên) vừa tuyên... bố:

- Tên bố tôi vẫn T, nên tôi mê anh Toại, tức Toại Văn Đoàn, viện trưởng

Hồng Chủ Dân Viện, có vậy thôi. Chớ bố tôi bị hành hạ, ốm nằm đói lạnh, chết trong nhà tù CS, tôi mê chúng sao được!

Mỗ Lờ Vờ bèn hỏi:

- Ngoài T là Toại ra, bà còn T nào khác, không?

- Có chứ!

- Gì?

- Tiền!

- Đúng, ai mê được, T là... Tù!

9.

Sắc Không, chơi trò nắn gân, thử quay Mỗ Lờ Vờ:

- Này, bạn nghĩ thế nào về việc tổng thống Toàn Đầu Hoán, có công lớn với nước Đại Hàn, làm cho dân giàu nước mạnh... nay bị tòa kết án tham nhũng 3 triệu Mỹ kim, ông ta hối lỗi, thú thật: *«Xin hoàn lại quốc gia toàn bộ tài sản của tôi và xin chịu tội»*. Chẳng bù, tổng thống Thiệu, vơ ít nhất 300 triệu Mỹ kim, tội quý gì cũng chối, mặt trơ trán bóng, thuê cả người ra sách đồ thừa «thằng Mỹ». Đảng ta, giờ có tay hốt tới 3000 triệu Mỹ kim, mặc dân chết đói, sống dờ chết dờ, cấm mở mồm kêu...

- *Thôi, dẹp truyện loài vật đi! Chỉ biết ông Đầu Hoán, ăn hối... lộ mà còn biết hối... lỗi, lộ ra một... con người!!*

Cuối Xóm

1.

Họa sĩ SS, người đang thử vẽ tranh bằng «computer», còn thân tặng thêm cho Mỗ Lờ Vờ bức biếm họa đầy sắt thép, mới ra lò, rùng rục như bài *Thơ Cự Thế* dâm tình (xem trang bên):

Nhằm đánh dấu 7 năm, 1990-1997, ngày bọn xẩm văn nghệ hòa hợp hòa giải quờ quạng «sờ voi giao lưu văn hóa CS». Ngài (Nguyễn Hải Chí) CHÓE, vua hí họa Việt Nam, xem tranh này xong, cười ngất, bảo: «Câu nói của người Nga hay thật, quả không sai, *một nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng một nửa sự thật không phải là sự thật!* Người nữ trong tranh

là ai? Tác giả *Vô Đề* hay nhà đề tựa vô luân? SS, là ai, rõ độc, vẽ Dương Thu Hương và Thụy Khuê, tuy hai mà một, một con... đồ lòm lom!».

2.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền, bỗng dừng động cốn, reo lên:

- Cộng sản chết cha nó hết trơn rồi, quá lắm cũng chỉ còn 14 *thằng* trong Bộ Chính Trị thôi, sướng quá!

Mỗ Lờ Vờ bèn xỏ ngọt:

- Hừ, lại ru ngủ. thiệt không đấy, cha nội... tuyền?

- Chắc mà!

- Sờ... ao bờ... iết?

- Ủy viên dự khuyết độc nhất cũng đã xa chạy cao bay, ra ngoài này rồi, *thằng* chuẩn thứ 15 ấy, chính là... tôi!

3.

Đi Hòa Lan để vận động «hòa hợp hòa giải dân tộc», chuẩn-đồng-chí Nguyễn Gia Kiểng bị dân ty nạn chính trị đánh học máu mồm. Lết về tới Paris, chuẩn-đồng-chí được nữ thông tin viên Thụy Khuê, đài RFI, phỏng vấn:

- Ôi! Chỉ xước và bầm. Khỏi khâu! Đau không?

- Không! Chỉ thốn...

- Rõ khốn! Thốn cỡ nào? Đi «hotel de Dieu» đi!

- Ô! Nhà thương thì cứ nói là nhà

thương... Còn bày đặt «khách sạn của Giời»... *Văn chương* nào phải *trò may* vậy. *Khoét* *thủng* hai đầu, *khâu* kín *quanh*... ôô...ôô...!

- Bị vùi hoa đập... kiểng, mặt xanh lè, còn thơ với thần!

- Có thị Mít đặc, nặc nô quá, bố khí, thị không thêm đánh, thị cứ trợn mắt, cứ nghiêng răng, rồi thị cứ...bóp!

4.

Sắc Không, nghe chuyện gì vui cũng mát cả dạ, hỏi:

- Nay, chàng Mỗ, thường một người có máu mê cờ bạc, đến chết, chẳng chừa vì cái chết ấy cũng do thua... bạc. Sao 106 nhà văn thơ nhạc kịch trong, ngoài nước có máu mê phản kháng *việc «chính trị khổng chế văn học»*, nay thấy đều tắt tiếng, bói không ra một bông hoa «*văn nở trên quê hương*»... Hẳn mọi việc phản kháng đã xong xuôi..., hay cây đa văn nghệ, chỉ có lá, không hoa?

Mỗ Lờ Vờ khoát tay, như xua tà, nói:

- Mọi chuyện vẫn y như cũ, có hơi khác tí ti, các ông các bà có máu mê phản kháng giờ đang thay... máu...

- Máu gì?

- Chẳng rõ, nhưng có điều trùng hợp lạ, cháo huyết trong nước vọt lên giá, chợ búa khan hiếm huyết... heo!

5.

Sau 7 năm dài, 1990-1997, đấu tranh không ngừng nghỉ cho việc «*hòa hợp hòa giải, giao lưu văn hóa*», nhà văn Nhật Tiến, cựu giảng viên chính trị Cục Chính Huấn VNCH, nay mặt choắt lại như hai ngón tay chéo, rên rì:

- Hồng, ông ạ, tôi ngu quá, cũng biết mình thấp cổ bé miệng, chỉ là cái lỗ, một cái lỗ nhỏ nhưng hy vọng làm đắm được con tàu lớn CS, dè đâu tôi chỉ là một cái lỗ...

Mỗ Lờ Vờ ướm hỏi:

- Lỗ gì?

- Làm cho mọi thứ dơ dáy, trong lòng tàu, thoát ra...

- Thế thì phải gọi cho đúng là cái lỗ gì?

Nhà văn đỏ mặt, do phẩm cờ phai,

chẳng vì xấu hổ:

- Cứ tập nói tục đi, cho thành tập tục, nhưng còn lâu mới bằng, tờ...

- ...

- ... *Hợp Lưu*, con đở đầu dưới, của tôi!

6.

Lần kia, Mỗ Lờ Vờ, gặp người ngoài mộng, hỏi:

- Cùng một bài, dân ca *Lý Ngựa Ô* chẳng hạn, nếu được cô hát trước và sau lúc xin ty nạn chính trị, nó có khác nhau không, rõ hơn, văn công chính trị có xa gần gì với nghệ thuật sáng tạo và trình diễn của nghệ sĩ không?

Nữ ca sĩ Ái Vân mắt cười, khoe răng khểnh, lắc đầu:

- Không khác anh ạ, dù bài ca nào (hể không chứa tính tuyên truyền như bài chiến-ca *Một Hai Ba Chúng Ta Đi Lính Cộng Hòa* của Phạm Duy, hay bài tể-ca *Giải Phóng Miền Nam* của Huỳnh Minh Siêng tức Lưu Hữu Phước), thời vẫn chỉ là bài ca. Bài ca, tự nó, đã phi... chính trị!

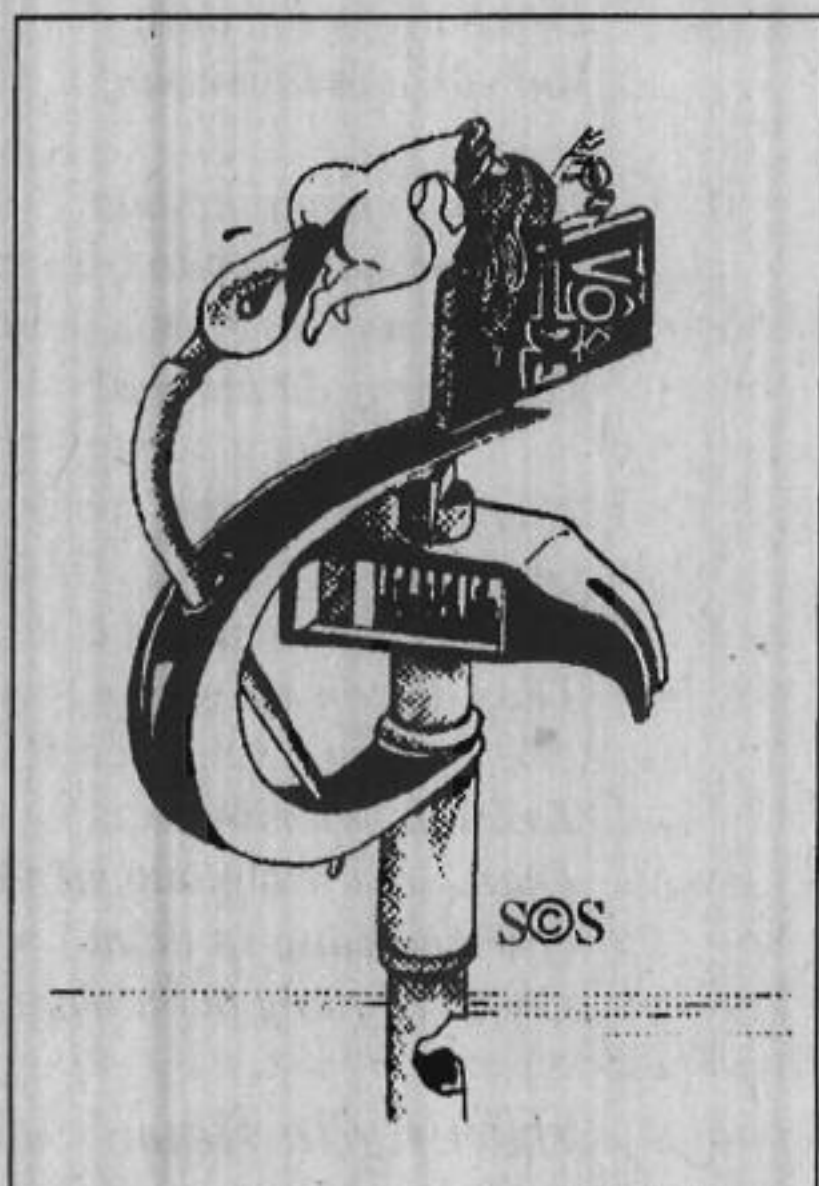
- Vậy, dù đứng ở phía nào, ca sĩ cũng hát bản «bài-ca-là-bài-ca», sao cô lại phải cất công xin ty nạn chính trị...?

- Bài ca, vâng, có thể không có... chính trị, nhưng ca sĩ thì chắc chắn... có, đấy, anh ạ!

7.

Gần như cứ mười người Việt thời tới chín, nay vẫn còn ầm ứ tức giận, la lối ầm ầm trong... bụng:

- Hoa Kỳ à, không, nó là thằng Mỹ, cũng không nữa, nó là thằng Mèo! Anh em tổng thống Diệm, không cho nó vào Nam Việt Nam, liền bị nó bức tử. Khi ký Hiệp Định Paris, lẽ ra nó phải đứng ngoài như thằng Nga và thằng Tàu. Thay vì để Sài Gòn nói chuyện với Hà Nội, thằng Mèo chỉ cho ngồi ngang với Mặt Trận GPMN, con đẻ của Hà Nội. Muốn ra khỏi Nam Việt Nam, nó dám bức tử hàng triệu quân cán chính. Hiệp Định Paris bị bọn đỏ xé, thằng Mèo có quyền phủ quyết tại *Hội đồng Bảo an*, nó vẫn cho bọn đỏ vào Liên Hiệp



Quốc. Nó lôi thốc các ông bà gọi là HO sang hết Mẻo, trong nước chỉ còn đám trẻ ranh mới lớn ù ù cạc cạc về Vẹm, nên bọn sói đồ già tha hồ tung hoành trong bày cừ non. Giờ đây nó, cũng thằng Mẻo, lại bang giao... Nó! Nó là thằng Mẻo... ẽo!

Nhà báo Mỗ Lờ Vờ, mỗi lần nghe thấy vậy, lại phải an ủi những người cùng cực phần nộ:

- Thôi, ai chẳng biết thằng Mẻo lắm... meo, ta hãy lo lấy thân ta, nước nào tự lo vận nước ấy, thôi, nên đi đây đi đó một chút cho khóa bớt sầu đời...

Lạ, phần lớn nạn nhân của Mẻo và Vẹm reo lên, vui:

- Hay, chúng tôi sẽ cố giải sầu, về... Việt Nam du lịch!

8.

Một người đẹp ty nạn, cô Agnès Mộng Hồng (Kỳ Thị Phạm), ở Paris 13, đã về Việt Nam thăm ba bạn, than:

- Anh à, vì chữ hiếu, em về thăm cha già mẹ yếu, chứ vui thú hoặc chính trị chính em chi đâu, sao lâu lâu anh lại bóng gió «giũa» em, xa xôi chi vậy?

Mỗ Lờ Vờ, cười trừ, xong hỏi:

- Trước đó, sao cô không vì chữ hiếu ở nhà chăm lo phụng dưỡng cha mẹ, đi làm gì cho khổ cả cái... ấy?

- Hồi đó, cũng vì chữ hiếu đấy chứ, nếu em không nhầm mắt ra đi, bị cướp biển hiếp tới ớn lạnh da... trời, thời cả nhà em đã đi vào tù hoặc nhà thương hay ra nghĩa địa!

Mỗ Lờ Vờ lại vờ vịt:

- Bị... thế, hỏi thật, cô có còn sợ đàn ông không?

- Có! Giờ hể thoáng thấy họ là em phải vội chạy... lại...

- Chạy... lại là nghĩ... lại, hẳn còn ớn lủ hải tặc đâm ác?

-... Khoan! Để em nghĩ... lại cái nào...

- Khỏi! Chắc cũng như, lúc cô xin giấy nhập cảnh Việt Nam, cứ phải chạy... lại đại sứ quán?

9.

Thư gửi về làng, của cụ Đình Huỳnh, mỗi giòng thư một hàng tâm sự, như câu «... tôi thì sống nay, chết

mai, tôi có lý do trở về thăm quê hương kéo không còn kịp nữa...». Cụ, một trong những vị thích đọc *Đầu Làng Cuối Xóm*, 73 tuổi, áng chừng muốn đem tâm tình viết lịch sử, lịch sử của đời thường, có thật, xảy ra hàng ngày.

Mỗ Lờ Vờ, ý chỗ quen biết, bèn góp ý:

- Cụ dạy đúng, bao người trẻ tuổi còn vậy, sao cụ chưa chịu «đón đường về nước» sớm...?

Cụ Đình Huỳnh, ở California, liền từ tốn dạy:

- «Nhưng tôi nghĩ làm như vậy là nổi dáo cho VC, và đâm sau lưng đồng bào còn kẹt ở các trại tỵ nạn. Tôi đã chê bai người ta, thì không thể đâm chân lên con đường tội lỗi của những người thiếu suy nghĩ...»

Mỗ Lờ Vờ, bên Canada, bèn thông

thả thưa:

- Cảm ơn cụ, thật tình, cụ ạ, họ đã suy nghĩ kỹ lắm rồi, suy nghĩ bằng... chân, cả hai... chân!

*

* *

Khép lại: Thanh âm nhịp mõ, qua chữ nghĩa Mỗ Lờ Vờ, tức (Mỗ Làng Vắn), hướng về nhiều phía, ngả nào cũng vang động, Sắc Không chẳng cách nào cùng lúc nghe ra cho hết. Để chỉ những ai như cụ Huỳnh nói tới, Mỗ Lờ Vờ dùng cái tựa rất lừng lơ Áo Giấy Về Làng, có nhớ câu tục ngữ «đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy» mới hiểu ai là... ma! Ai đi với ma? Cứ thế, suốt gần 200 trang sách, *Đầu Làng Cuối Xóm*, trầm hay bổng tiếng mõ cốc! cốc! cốc!, gõ đều tay, nào thấy đâu... công cốc!!!

vấn ông

Đảng ta bắc nhịp cầu tre tốt
Vào Kỷ Nguyên 21 như chơi
Đỉnh cao trí tuệ khác người
Dân công cường bách như thời chiến tranh.

Em mười sáu đến anh sáu chục
Nữ và nam hùng hực lên đường.
Cuộc riu cơm muối bình thường
Mức kênh đắp đập vét mương san mờ.
Bồi đường láng, ô tô chạy mướt
Tạo mặt bằng đón rước đỏ xanh.
Ngoại kiều với Việt kiều mình
Mở to con mắt nhìn thành tích cao.
Cưa kéo mạnh, xẻng đào sâu bầm
Là vinh quang chất phẩm lao công.
Thay trời cứ việc khai sông
Thay người hồ hởi xung phong trâu bò.
Đạt chỉ tiêu bụng no thân ấm
Nhiều ngô khoai lại lắm bố tời.
Rời ra tiến kịp theo người
Ta sau người trước ai cười chê đâu!

Hai mươi mấy năm sau thống nhất
Pháp lệnh truyền cường bách dân công
Toàn cầu hồng ngoại mạng thông
Việt Nam ta vẫn một ông búa liềm.

nam chi thượng nhân



mới hôm nào

Hôm nào người ôm mộng
Thề giải phóng quê hương
Bây giờ người trở giọng
Thụt lui ở giữa đường!

Hôm nào hô chống cộng
Nay du lịch Việt Nam
Đến Sài Gòn tìm động
Vui vầy như liên hoan!

Hôm nào người hô hào
Vì tổ quốc đồng bào
Lời thề kia chưa dứt
Lập trường đã tào lao!

Năm xưa ta quì thề
Giờ hồn vẫn tái tê
Mỗi lần tay sờ mặt
Thấy da sần sùi ghê!

Ta lại đi một mình
Đường dài trời mông mênh
Quê nhà càng xa thăm
Chợt thấy lòng buồn tênh!

trần ngân tiêu

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-dại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-dại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-dại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương (xem danh-sách địa-chỉ dưới đây).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-dại:

đường hàng không: 75 gia-kim

đường bộ: 55 gia-kim

Gửi đi Hoa-kỳ: đường hàng không: 75 mỹ-kim (105 GK)

đường bộ: 55 mỹ-kim (77 GK)

Các nước khác: đường hàng-không: 85 mỹ-kim (120GK)

đường thủy: 55 mỹ-kim (77 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-dại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh: đường thủy 38 bảng / hàng-không 65 bảng.

Đan-mạch: đường thủy 450 đan-kim / hàng-không 600 đ-kim

Đức: đường thủy 100 đức mã / hàng-không 150 đ-mã.

Hòa-lan: đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden.

Na-uy: đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone.

Nhật-bản: đường thủy 6500 yen / hàng-không 11000 yen

Pháp: đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan.

Úc: đường thủy 80 úc-kim / hàng-không 120 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quí độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-dại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:	Úc:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Lyster 77	P.O. Box 225
44041 Dortmund	1253 Oslo	1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177
(ĐT: 656-949)	(ĐT: 9288-8393)	(ĐT: 0229-231-666)	(ĐT: 02-9823-6129)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI, VPS hoặc VNU). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNU (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ "*riêng*" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "*không sửa*".

5. Bài đã ghi vào cột "*sẽ đăng*", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên *Làng Văn*, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự-thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (*Làng Văn* số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

diễn-đàn đọc-giả



VỀ VANG DÂN VIỆT

Tôi đã đọc 3 cuốn *Về vang dân Việt* của ông và xin có một vài nhận xét sau đây:

Đầu tiên là từ "về vang" tôi thấy không được chính. Theo ông, những cuốn *Về vang dân Việt* ông viết không những cho người Việt đọc mà mục đích chính là cho người ngoại quốc đọc, tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng với tầm vóc "quốc tế", "để đời"... mà ông dùng từ "về vang" tôi e rằng thiếu sự khiêm nhường mà tánh khiêm nhường là bản chất cố hữu của dân tộc Việt Nam. Hơn nữa, có một số nhân vật mà ông đề cập trong sách - tôi xin tạm giấu tên - tôi nghĩ trong cộng đồng Việt Nam nhỏ bé ở hải ngoại, những "nhân vật" đó chắc gì đã "về vang" chưa? Đến như cộng đồng người Do Thái là cộng đồng lỗi lạc nhất từ xưa đến nay, hình như họ chưa có cuốn sách nào cường điệu đến như thế!

Mặt khác, theo tôi biết, có một số vị tai to mặt lớn, bằng cấp đầy mình nhưng đối với cộng đồng, với gia đình, với bạn bè... thì ti tiện, bủn xỉn. Như vậy thì đâu có "về vang" gì? Cho nên, tôi xin đề nghị với ông thay vì dùng từ "về vang", xin ông nên thay bằng từ "thành công" hay một từ nào khác thì hợp hơn.

Rất hoan nghênh việc làm của ông, song có một vài nhận xét chân thành nêu trên. Rất mong ông quan tâm nếu ông nghĩ rằng ý kiến của tôi hoàn toàn xây dựng.

Nguyễn Tường Tứ, Ottawa

VĂN BÚT, ĐIỂM VÀ DIỆN

Đầu thư xin kính chúc *Làng Văn* vững tiến, vượt qua những trở ngại của cái thời buổi tranh tối tranh sáng hiện nay.

Tôi tên Nguyễn Văn Luân, đọc giả dài hạn của *Làng Văn*, khá dài dũ không phải dài lắm! Luôn coi *Làng Văn* như một món ăn tinh thần bổ ích nhất trong cuộc sống tha hương này.

Tôi đã suy nghĩ mấy tháng nay mới dám mạo muội xin đóng góp với *Làng Văn* vài suy nghĩ thô thiển sau:

1. Cuộc khủng hoảng Văn Bút, 90% do một nguyên nhân lớn hơn là chỉ vì một người tham quyền cố vị. Xem những phát biểu của các vị đạo cao đức trọng, tôi thấy hơi sợ vì hình như "quân ta" cứ mãi lo đánh vào "diện" mà quên mất "điểm" của "dịch"!

2. Nếu có thể được, xin cắt bớt những chuyện (dù hay) tình cảm lãng nhãng, hình như ngày càng tăng nhiều hơn, lướt những tác phẩm có nội dung củng cố lập trường trước đây. Còn lại những bài học hỏi, rất tốt, ngoại trừ những tranh cãi về chữ nghĩa Truyện Kiều, tôi không dám nói là vô bổ, nhưng nếu (những) người viết đăng ở chỗ khác, hoặc in sách thì tốt hơn là chiếu quá nhiều trang và thì giờ của những người không chỉ đọc *Làng Văn* để giải trí.

Nếu quả thật "văn là người" thì chắc đọc thư này, quý vị cũng biết tôi là loại người nào rồi, đại khái "xấu" như chữ, "cục mịch, cù lân" như lá thư này vậy. Chỉ xin niệm tình... đọc giả trung thành mà tha lỗi cho, nếu những phát biểu của tôi có làm phật lòng.

Nguyễn Văn Luân, Texas

ĐỪNG CẮT!

Đọc trong số 152, mục Trưng Cầu Ý Kiến của đọc giả, tôi hi-vọng rằng *Làng Văn* vẫn tiếp-tục giữ các mục y như cũ, chỉ nên thêm, nếu có thể, đừng nên cắt bớt trang nào của mục nào hết. Theo tôi, mỗi tầng lớp đọc-

giả có ý thích khác nhau, cắt bớt thì buồn. Nếu cần thì thêm trang báo rồi thêm tiền bán báo để *Làng Văn* có thêm phương-tiện để trang-trải các chi-phí, vẫn là cách tốt hơn hết.

Hà Thu Vũ, Langley, BC

ĐỌC ĐƯỢC HẾT

Tôi hơi lười nên đợt tham-khảo kỳ rồi không gửi phiếu lên tiếng, nay cảm thấy "mất quyền công-dân" quá, nên xin góp ý trễ, mong được tòa soạn đếm thêm vào!

Tôi xin nói ngay là tôi đọc được hết các mục, kể cả các quảng-cáo, nên xin tòa-soạn đừng dẹp bớt mục nào cả. Ngay cả những mục lâu rồi không thấy xuất-hiện như Xóm Hạc (thơ văn cổ cho đọc giả lớn tuổi như quý ông bà bạn tôi), Xóm Măng (cho các cháu chắt của tôi), Những Cây Bút Trẻ (cho cháu nội ngoại của tôi), Vui Cười (cho... tôi), nếu tòa soạn mở lại được thì tôi thích lắm. Tôi nghĩ mỗi tháng 50 quan tiền báo, chứ nếu báo ra hai kỳ thì 100 quan tôi nhin phở mua báo cũng được!

Lê Văn Quan, Paris, Pháp

LỢI DỤNG TÔN GIÁO

Tôi thấy *Làng Văn* đã khéo xử vụ CADP núp bóng và qua mặt Hội Đồng Giám Mục Phi-luật-tân và lợi-dụng màu áo nhà dòng để trục-lợi và đưa thuyền-nhân Palawan vào vòng nguy-hiểm thủy-ngân.

Tôi đọc bài viết của Cha Nguyễn Trọng và hoàn toàn tin-cậy vào lời Ngài. Ai đó ăn chặn, cướp cơm chim của thuyền-nhân thì còn có thể tha-thứ được, chứ bức hiếp đồng-bào, xua (hay dụ) họ vào chỗ di hại nhiều đời để mình đếm đô-la bỏ túi thì phải dọa xuống tận hỏa-ngục!

Tôi phản-đối những ai chủ-trương dùng Hội-đồng Giám-mục làm "bia đỡ đạn" cho CADP làm bậy. Mong *Làng Văn* mạnh tay hơn để giúp cộng đồng tẩy rửa vết ung thối độc-địa này.

Nguyễn Văn Sinh, Phi-luật-tân

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG
phụ-trách



Kẻ Bui Trần, Montréal: Đã nhận được tập thơ và các bài thơ, cảm ơn anh. Anh cho biết "bị mất trí trong 5 năm". Hiện tượng suy nhược, hỗn loạn và căng thẳng còn lưu lại dấu vết trong thơ. Tuy nhiên xem qua gần 200 bài thơ, NH thấy anh nhất quán với chính mình về lập trường chính trị và đạo đức làm người. Đó là điểm sáng của lương năng, không phải ai cũng có. Cảm ơn anh về tất cả.

Hoàng Văn Thành, Vọng Các: Đã nhận được mấy bài thơ trong hai tờ giấy xếp thành hình chiếc phi thuyền của anh. Lần sau, chỉ cần gấp tư tờ giấy để bỏ gọn vào phong bì là đủ. Không phải lúc nào NH cũng tập trung nổi mười thành kiên nhẫn để để tháo, vuốt, xếp ngay ngắn lại những dòng chữ quý báu của anh!

Tình hình sinh hoạt của các anh em vượt trại Sikiew hiện giờ ra sao, xin cho biết một vài chi tiết để mừng?

Anh Nguyễn Tường Tứ, Ottawa: Sẽ đưa ý kiến của anh vào "Diễn đàn". Thực ra mỗi độc giả cầm một cuốn sách trên tay, đều có một cách phán xét riêng, và số người đồng ý với anh không ít.

Đình Phương, NJ: Tác giả Nguyễn Phong tên thật là Vũ Văn Du, một nhà khoa học nghiên cứu thiên học, gia đình cư trú ở tiểu bang Washington, không phải Nguyễn Thuyết Phong.

Cảm ơn em đã "dõi trăm phố lớn đồng hoang, chợt tìm thấy bóng...Nàng Văn bên mình!"

K. Phương, Thụy Sĩ: Chưa vạch

nổi chương trình mùa hè... đỏ lửa, vì cuộc chiến chưa tàn. Phần bạn hiền có kế hoạch thăm thác Niagra năm nay không? Thân.

Anh chị Thái Tú Hạp & Ái Cầm, Los Angeles: Đã "đi" mẫu nhấn tin cho Giai phẩm Quảng Đà. Đã gửi mẫu của LV để trao đổi. Mong sớm gặp lại anh chị. Thân.

Ngô Công Tử, Dortmund: Thôi cứ cho là "bưu điện xứ cờ lá phong làm việc bê bối hơn bưu điện...quốc đi!" Nơi nào cũng quê người, NH chả thiết bênh vực làm chi.

Cảm ơn công tử về các bài viết. Hay lắm. Hãy lo cho có bài trước đã, không in bây giờ thì sau này!

Chúc mừng công tử về "bên này trời đã đẹp lại." Trời đất xứ phong thì "đẹp" quanh năm. Cỏ xanh lá nõn mùa xuân, đẹp. Hoa vàng rực rỡ mùa hè, đẹp. Lá đỏ mùa thu, đẹp. Tuyết trắng mùa đông, cũng đẹp...ẹp luôn! (Không phải NH gõ dư mấy chữ đâu, mà để diễn tả cái âm thanh lập cập phát ra giữa hai hàm răng đang đánh vào nhau!) Thân.

Nguyễn Minh Trang, Phi Luật Tân: Nhận được báo, cho biết ngay, NH sốt ruột hơn bạn!

Ông Phan Kim Long, Tiệp Khắc: Đã gửi báo tặng từ kỳ này, theo địa chỉ ghi trong thư. Ông bếp hỏi thăm: ông nhập ngũ khóa mấy Thủ đức? Kính.

Anh Lê Đình Diệu, CA: Đã nhận được thư đề nghị gửi báo biểu cho đài

VNCR, để được đài "giới-thiệu" bằng cách trích đọc cho đầy chương-trình. Quả là sáng kiến tối hảo cho...đài, NH xin bái phục! Tuy nhiên LV có lẽ riêng:

- Về báo, trao đổi thường xuyên với các báo khác.

- Các cơ quan khác: xin mua đài hạn hoặc mua lẻ tại nhà sách địa phương.

- Tất cả bài vở trích đăng hay đọc trên đài, thu băng đều phải có phiếu ưng-thuận (từng bài) của tòa soạn; và trao đổi với mẫu quảng cáo do LV thu sẵn gửi qua.

Trong thời gian qua, VNCR đã tự ý đọc một số bài Làng Văn giữ tác quyền, sau đó còn thu băng, bán ra thị trường, chẳng những không xin phép, không thông báo mà cũng không hề gửi cho LV một bản để lưu chiếu. NH chỉ đòi hỏi một thứ: sự công bằng tối thiểu trong giao tế và xử sự. Có quá sức quý anh không?

Ông Vũ Quang Trọng: Câu đối Tết... gõ xuống rồi. Tuy nhiên NH cũng cho ông mượn đất để công bố: *Cây Thanh Trúc có một cây trúc thanh, nửa để thúc, nửa để tranh.* Cảm ơn ông.

Chị Tuệ Nga, Oregon: Đã nhận được thư và chi phiếu tiền sách. Cảm ơn chị, cả về sự "chăm công". Thật ra, chỉ làm bốn phần chung: *giấc đến nhà...* NH hiểu và áy náy, trận giấc không văn chương này đã quấy nhiễu sự thanh tu của chị không ít! Kính.

Ông Hoàng Giao, AB: Tòa soạn chỉ nhận được một chi phiếu (gồm hai năm tiền báo và tem gửi báo tị nạn). Không thấy cái nào khác. Cảm ơn ông về mọi thứ. Kính.

Ông Nguyễn Đăng An, Hòa Lan: Đã nhận được bài và thư, cảm ơn ông. NH thích nhất câu "nếu không được đăng, tôi rất vui lòng viết thêm bài khác khá hơn". Trước nay, NH rất khó xử vì cung cách của một số (may quá, rất ít) cổ thụ văn học: "nếu không được đăng, tui sẽ nghỉ chơi!"

NH suy nghĩ đơn giản: giữ lại một bài không hay chính là để bảo vệ thanh danh của một tác giả đã có tiếng. Tiếc là có người không đồng ý như thế, và NH mất một số đàn anh, đàn chị và bạn văn!

Bài viết vui lắm, tiếc là còn kém về kỹ thuật, mong được đọc thêm các bài khác. Kính.

Ông Phạm Lê Quang, Đức: NH sẽ xem lại bản tin cũ và giúp ông truy ngược về nguồn tài liệu, lấy văn bản dùng vào hồ sơ di trú.

Hồ Thị Kiều Trang, Úc: Khi đăng, tòa soạn sẽ gửi số báo có bài tới tác giả, nếu có địa chỉ ở cuối bài. Cái truyện của bạn không có tên, làm sao NH có thể trả lời trong mục "Bài nhận được"?

Anh Nguyễn Văn Luân, Forth Worth: Cảm ơn anh đã "lưu ý" về chuyện Văn Bút. LV chỉ trình bày về chiến trường "diện", còn "điểm", đánh nhau tới trời tới đất ở chỗ khác, nhưng vì tính cách phức tạp, tế nhị và trường kỳ nên chỉ làm tin khi có những diễn biến quan trọng. Nếu người nào cũng quan tâm vào việc chung như anh, chẳng những cái "đồn" Văn Bút vững như bàn thạch mà ngay cả hai triệu dân mình đã không phải lời thôi lếch thếch bằng bể chạy tứ tán khắp bốn phương trời.

Về bài vở, ý kiến của anh rất xác đáng; tuy nhiên tòa soạn cũng phải cân nhắc, chịu khuất mình một tí để giữ cho tờ báo sống sót trước đã. Chết ngòm củ tí thì khỏi nói chuyện "bổ ích", "phục vụ"! Mong anh hiểu cho như vậy. Kính.

Nguyễn Tú, Philadelphia: Đã gửi tập Ký. Thơ *Mộng xuân* đã in xong, đã gửi.

Đúng như Tú nghĩ, một cách chung chung, làm văn nghệ rất khó "khá." Mỗi tờ báo, trước khi làm tròn chức năng của một cơ quan văn hóa hay truyền thông, trước hết nó phải thành công trong chức năng kinh tế. Chính vì thế mà hầu hết các báo đều

phải "làm thương mại" để sống còn (ngoại trừ những tờ báo tuyên truyền cho một chủ trương nào đó).

LV cũng không thoát khỏi định luật đó; tuy nhiên còn duy trì được tỉ lệ phải chăng giữa "thương mại và văn nghệ", giữ được phẩm chất tờ báo, là vì không có ranh giới giữa độc giả, ký giả và tòa soạn. Sức đóng góp của độc giả cho tờ báo rất lớn, căn cứ vào số lượng báo dài hạn mua để cổ động và biểu tặng thân nhân, bè bạn. Khoảng 25% độc giả đã đọc LV từ 13 năm nay. Thế hệ thứ nhất qua đời, thế hệ thứ hai tiếp tục mua đọc.

Việc ủng hộ sách do LV xuất bản và phát hành, cũng là cách giúp cho tờ báo có thêm phương tiện để củng cố và phát triển.

Ngoài ra, cũng nhờ độc giả mà LV kiện toàn được hệ-thống phân phối sách báo tới các thư viện công cộng và đại lý trên khắp thế giới.

Sau hết, Vạn Giã có bài trên LV thuộc nam phái, không phải Cao Thị Vạn Giã (Cao Thị Ngọc Ân, 1941).

Anh Trần Anh Tuấn, AB: NH đến thăm vi báo và đã ký tên vào sổ khách của anh theo lời mời. Hay lắm. Cảm ơn đã nối LV và Vietnam Page.

Chị Sương Mai, SJ: Đã nhận được thiệp cảm ơn. Không thấy nói gì về yêu cầu của NH.

Vũ Văn Vinh, Hương Cảng: LV rất vui khi có em nối tiếp Nguyên Kha, làm đầu cầu nhận báo LV cho tù nhân VN tại Hương cảng đọc. Sách sẽ gửi sau.

Anh Trần Văn Lệ, CA: Thành kính chia buồn cùng anh về tang mẹ. NH sửa hai chữ "Bính Tý" trong thiệp tang thành "Đinh Sửu". Chẳng lẽ mẹ mất năm ngoái mà tới nay anh mới "khấp báo" và đến 19.4.97 mới làm thơ tiễn mẹ! Chắc chỉ là điều sơ sót trong lúc tang gia bối rối! Thân.

Bà Trương Thị Ngọc Lan, AB: Đã nhận đầy đủ hồ sơ về ông Việt kiều Đoàn kết. NH chú ý theo dõi

diễn tiến nội vụ và cảm ơn bà.

Ông Đinh Huỳnh, CA: Cảm ơn ông về tất cả những tài liệu gửi về. Đã gửi biểu ông cuốn *Sấm ký Mậu Dân*. Các cuốn khác, NH sẽ tìm biểu ông sau.

Xem hình ảnh "Làng VN", NH càng bâng khuâng hơn. Số người "đăng ký" vào làng được CADP công bố "trên 1000", sao lẽ khánh thành (xem trong ảnh), cả khách lẫn chủ chỉ lựa thưa vài trăm? Ảnh quảng-cáo, lẽ nào CADP lại đưa ra những bức thư người? Phải chăng vì đất không lành nên chim không dám đậu? Kính.

Bà Tanaka, Hawaii: Làng Văn đoạn giao với đại lý duy nhất tại Hawaii (tiệm Vina Video), đã phải nhờ tới công ty đòi nợ thu tiền báo giùm và lãnh cái chi-phiếu không tiền bảo chứng. Rất mong được bà giới thiệu cho một tiệm sách khác, để đồng bào tị nạn ở đó có báo đọc. Kính.

Chị Linh Phương, Florida: Đã nhận được chi phiếu mới. Lần sau nhớ vui lòng trừ chi phí nhà băng (để hủy bỏ cái chi-phiếu bị bưu điện làm lạc mất) vào tiền báo.

Ra mắt sách cho Việt Phương thì hay lắm rồi, nhớ cho chi tiết để làm tin. Nhân tiện, chuyển lời khen của chị tới Ngô Nguyễn Dũng, Hoàng Nga và Vành Khuyên. Thân.

Thiên Di, Việt Nam: Đã nhận được thư đầu tiên của anh sau khi bị giải về VN: "*em hiện nay như người chết đuối giữa cổ hương.*" Anh em bên này vẫn tiếp tục tranh đấu để đưa tất cả những bạn Làng Văn ra khỏi vùng đất ngục tù. Cố gắng giữ vững. Thân.

Nhắn tin: ông Việt Thao, CA: Đã nhận được chi phiếu của tiệm DP. Cảm ơn ông.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Nguyễn Đăng An, Ngô

Nguyễn Dũng (2), Trần Bá Đàm (3),
Nguyễn Bá, Thái Tú Hạp, Hạ Vân
(2), Trần Văn Tích, Ngô Thanh Tâm,

Thơ: Nguyễn Văn Cường (3),
Trần Văn Lệ (2), Trần Đình Phương
(3), Xuân Đài, Kê Bội Trần, Phi Long
(2), EP (2), Nam Chi Thương Nhân,
Phan Long Yên (2), Nguyễn Thị Lộc
Quy (4), Phan Các Chiêu Hằng, Lê
Phong Vũ (3), Phạm Thanh Loan (2),
Huệ Thu (2), Tuệ Nga (2), Nghiêu
Minh, Trần Ngân Tiêu (3), Nguyễn
Đức Thanh (2), Trần Minh Hiền.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Ngang trời (NND), Mai
không phải là mai (TVT), Góp ý về
nhân danh và địa danh ngoại quốc
(NTT).

Thơ: Cầu hôn em, Người tặng ta
(NĐT), Thu nhớ, Tro tàn vẫn nóng
(TNT), Hạt bụi ta (NM), Đôi bờ hư
ảo, Gọi màu điểm trang (TN), Xin ru
em giấc mộng đầu (PCCH), Hai mái
tóc, Mưa, Nhưng (NTLQ), Thấy vậy
mà không phải vậy (NCTN), Khúc
cho Quách Kim Long (TĐP), Tương
lai (NVC), Vĩnh biệt má (TVL).

nhấn tin tị-nạn

Giá biểu: - Miễn phí cho đồng-bào tại các
trại tị-nạn. - Đồng-bào tại các nơi khác: 10 mỹ-
kim (15 gia-kim) một kỳ; 20 mỹ-kim (30 gia-
kim) cho ba kỳ.

**Tàu vượt biên 3783 năm 1979, tìm
Anh Giao** (tuyển người cho tàu) đưa
Nguyễn Liên Dung (giáo-sư Trung
Vương cũ) đi với bé trai 4 tuổi rưỡi,
cùng chuyển gia đình anh chị **Hoàng
Tá Thích** (Canada), định cư tại Hoa-kỳ
1980. Xin liên-lạc, ĐT: 1-503-233-
8940, địa-chỉ: 1719 SE 39th, Portland,
OR 97214, USA.

Tìm bạn **Nguyễn Quốc Tuấn**, trước
ở đường Gia Long, Nha-trang, có chị
tên **Trúc**, định cư ở Canada. Nghe nói
Tuấn đã được đi định cư ở ngoại quốc
(Pháp hay Canada?), xin liên lạc:
Phương, 4413 W. Walnut St., Suite
417, Garland, TX 75042, USA - ĐT:
(972) 276-9900.

sách mới về

(BỔ-TÚC THƯ-MỤC LÀNG VĂN 1997 - ĐÃ PHÁT-HÀNH)

độc-giả dài hạn Làng Văn được bớt 10% như thường-lệ

**13 năm tranh luận văn học (1932-
1945)**

Bộ 3 cuốn, hơn 1700 trang

Thanh Lãng

US\$50.00 - CA\$75.00

**20 nhà văn 20 truyện ngắn (1954-
1962)**

Bình Nguyên Lộc, Thanh Nam, Võ
Phiến, Vũ Hạnh, Mai Thảo, Thanh Tâm
Tuyền, Vũ Khắc Khoan, Sơn Nam,...

US\$10.00 - CA\$15.00

101 đơn chữa trị chứng mất ngủ

M.Kohler, Đàm Trung Đường dịch

US\$8.00 - CA\$12.00

Anh Khó và con quỉ

Truyện thiếu nhi bằng tranh

Cung Vũ & Vi Vi

US\$7.00 - CA\$10.50

Câu Nam Ai thất lạc

Truyện ngắn, Hồ Minh Dũng

US\$10.00 - CA\$15.00

Chén đắng

Thơ Trần Ngân Tiêu

US\$8.00 - CA\$12.00

Dấu chân rết trên khuôn mặt buồn

Truyện ngắn

Việt Phương

US\$13.00 - CA\$19.50

Đất thương yêu

Tập-văn của Trà Lũ

US\$15.00 - CA\$22.50

Đầu làng cuối xóm

Biếm văn Mỗ (Làng Văn)

US\$10.00 - CA\$15.00

Đêm giữa ban ngày

Hồi ký của Vũ Thư Hiên, về vụ thanh-
toán nội-bộ đẫm máu trong đảng CSVN
năm 1967.

US\$28.00 - CA\$42.00

Mộng xuân

Thơ, Nguyễn Tú

US\$7.00 - CA\$10.50

Nhật nguyệt song đao

Truyện võ hiệp, 5 cuốn

Trần Bích Vân

US\$40.00 - CA\$60.00

Sự tích Tết Trung Thu

Truyện thiếu nhi bằng tranh Anh Việt

Cung Vũ, Vi Vi & Thiều Dương

US\$7.00 - CA\$10.50

Tâm bất sinh (Ngũ lục Bankei)

Thiền học

Thiền sư Bankei, Thích Nữ Trí Hải dịch

US\$12.00 - CA\$18.00

Thư gửi bạn ta (tập III)

Tập văn

Bùi Bảo Trúc

US\$16.00 - CA\$24.00

Thuốc đắng

Biếm thi

Trần Ngân Tiêu

US\$8.00 - CA\$12.00

Trong khu vườn rêu cũ

Truyện ngắn của Việt Phương

US\$13.00 - CA\$19.50

Từng bước nở hoa sen

Thi kệ nhật dụng

Nhất Hạnh

US\$7.00 - CA\$10.50

Về Bắc

Truyện ngắn, Lập Phương

US\$10.00 - CA\$15.00

Vết thương ngày cũ

Truyện dài

Cao Xuân Lý

US\$12.00 - CA\$18.00

ĐÍNH-CHÍNH

Thư-Mục Làng Văn 1997 (trang 18):

Lời Minh thần chú (Kim Dung)

xin sửa lại là: trọn bộ 5 cuốn

US\$50.00 - CA\$75.00

Quý độc-giả muốn có **Thư-mục**, xin liên-lạc
với tòa-soạn, hoặc xem trên vi-báo:

<http://www.vietnamlangvan.com/vietnews>

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Cụ Bà
NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG
thân mẫu của thi sĩ
TRẦN VĂN LỆ

đã từ trần tại Phan-thiết, Việt-nam
đêm rằm tháng ba năm Đinh Sửu, thọ 86
tuổi.

Xin chia buồn cùng anh chị **TRẦN
VĂN LỆ** và quý tang quyến. Kính chúc
hương linh cụ bà sớm về nơi an nghỉ.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

THÔNG BÁO

Góp Bài Cho Giai Phẩm QUẢNG ĐÀ MÙA THU 1997

Nhằm để phát huy nội dung thêm phong phú và khôi sắc, cũng như
lưu giữ những nét văn hóa đặc thù của quê hương Ngũ Phụng Tể Phi,
chúng tôi đang chuẩn bị ấn hành số Giai Phẩm Quảng Đà Mùa Thu
Đinh Sửu 1997.

Trân trọng thông báo cùng quý bà con đồng hương và thân hữu hãy
tham gia gửi bài về đóng góp Giai Phẩm thân yêu của chúng ta.

TM. Nhóm

Giai Phẩm Quảng Đà

THÁI TÚ HẠP.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên lạc về Tuần Báo SAIGON TIMES -
9129 E. Valley Blvd., Rosemead, CA 91770. Điện thoại: (818) 286-
1239 - Fax: (818) 286-3293 - E-mail: DOANHDOANH@AOL.COM

HAI TÁC-PHẨM, MỘT TÁC-GIẢ

• TRONG KHU VƯỜN RÊU CŨ

• DẤU CHÂN RẾT

TRÊN KHUÔN MẶT BUỒN

của **VIỆT PHƯƠNG**



Nếu quý vị không tìm thấy ở các nhà sách địa-phương,
xin liên-lạc **Làng Văn** (địa-chỉ ở trang 1)
hoặc nhà xuất-bản:

LẠC VIỆT

4413 W. Walnut St., Suite 417

Garland, TX 75042, USA

Tel: (972) 276-9900

KHI CẦN, LUẬT-SƯ BÊNH-VỰC BẠN NGAY

MICHEAL L. FABER

9124 Elk Grove Blvd.

Elk Grove, CA 95624, USA

Điện-thoại: (916) 686-7020

LUẬT-SƯ MỸ NÓI TIẾNG VIỆT VÀ
BẢO-VỆ QUYỀN-LỢI CHO NGƯỜI VIỆT

Chuyên về:

- **Di-trú:** lo hồ-sơ di dân, bảo-lãnh từ các nước sang Mỹ; bảo-trợ em cháu từ VN sang Mỹ trong chương-trình trao-đổi du học-sinh.
- **Hình-sự:** các loại tội hình.
- **Tai-nạn:** xe cộ và thương-tích (chỉ nhận thù-lao khi được bồi thường - lệ phí 28%).
- **Gia-đình, hộ-tịch:** đổi tên tuổi, lập chúc-thư, thừa-kế, cấp-duỡng.
- **Thương-mại:** phá-sản, địa- ốc, thành-lập công-ty, chia công-ty.

*Văn-phòng cách Sacramento 15
phút xe hơi. Từ Sacramento: lấy
Hwy 99 South, quẹo trái Elk
Grove Blvd., qua 4 đèn giao-
thông, khỏi đường rầy xe lửa,
văn-phòng nằm bên tay phải,
đối-diện nhà thờ New Life.*

Trong đời sống
vốn có nhiều
vấn-đề, khi cần,
đừng ngần-ngại
gọi ngay
luật-sư Faber

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-điển Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật... Sách và băng học Anh-văn, Quảng-đông, Quan-thoại, Việt-ngữ... Sách Toán, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật... Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý... Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị... Tiểu-thuyết, truyện ngắn... Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn... Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mỹ, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chương, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-điển, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI



Home Life / Realty Centre Corp
Realtor-Member
Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VU TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



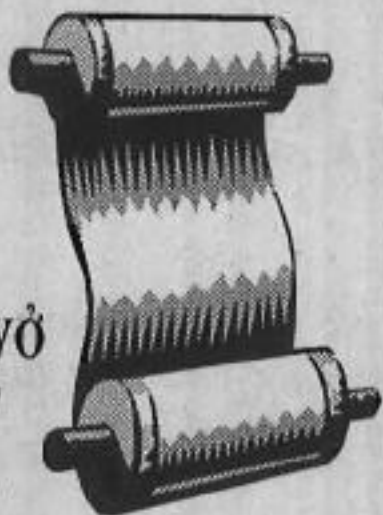
2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
Res: (905) 455-2716
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5, Canada
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám



**NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỞ
BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT**

Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442
(Chủ-nhật: (905) 625-9194)

**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**

Báo Trào Phúng Tin Tức

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí: Văn bút (Pen Club) Pháp thừa nhận Đoàn Viết Hoạt (hiện bị 20 năm tù). CSVN cực lực phản đối Văn bút Pháp!

Tôi thà các anh
không phải vì tội ăn hối lộ
(vì ai cũng ăn) nhưng vì
lỗi ăn của các anh
không đúng đường lối!

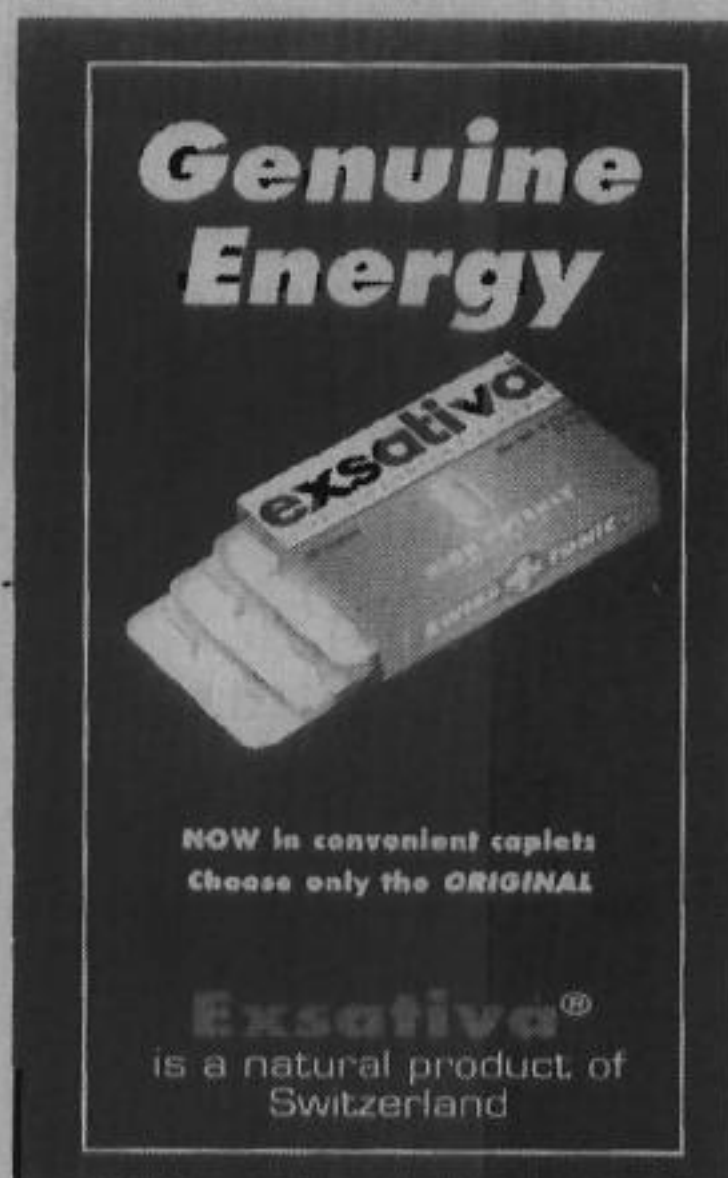


Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn **Le Monde** và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức: nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu.
Mua dài hạn 30 US dollars/một năm. Money Order:

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone: 33 1 69 81 75 81 Fax: 33 1 69 53 03 41

TIN QUAN TRỌNG

BỊ CHÊ BAI, BUỒN CHÁN MẶC CẢM VÌ...



Yếu sinh lý, tinh xuất mau, không bền bỉ, không làm hài lòng bà xã hay người yêu của mình. Hạnh phúc gia đình rạn nứt, người yêu hững hờ...

Đừng buồn lo nữa! Đã có thuốc High Potency EXSATIVA của Thụy Sĩ.

EXSATIVA đã quen thuộc bên Âu châu nhiều chục năm qua, hàng triệu người dùng đều công nhận sự hiệu nghiệm và an toàn. Thích hợp với mọi lứa tuổi. Thuốc High Potency EXSATIVA đã được giới thiệu trên đài CNN Prime News, trong Talk Show của Geraldo Rivera, trên báo chí Hoa kỳ và Âu châu nhiều lần (EXSATIVA is clinically tested; It has been featured on The Geraldo Rivera talk show, CNN Prime News and others National T.V. networks and has made headline in National Newspapers).

Chữa trị: Yếu sinh lý, tinh xuất mau, không bền bỉ, bất lực, liệt dương, lạnh nhạt chuyện tình dục. Không còn cảm giác thú vị trong lúc ái ân. EXSATIVA sẽ tái tạo phục hồi năng lực đàn ông (Man's Power). Tìm lại được ý nghĩa cuộc sống. Bảo vệ được hạnh phúc gia đình. Giữ gìn được người yêu. Tăng cường khả năng sinh lý. EXSATIVA rất an toàn, không sợ độc hại hoặc phản ứng gì về sau (no side effects).

Giá cả thuế và cước phí tại Hoa kỳ: US\$33.64.

Canada và các nước khác US\$34.00/1 hộp

Muốn tăng thêm hiệu quả sinh lý hoặc sinh lý quá yếu (bị bất lực, liệt dương) nên uống kèm thêm YOHIMBE 450 mg. hũ 100 viên, cả thuế và cước phí: US\$37.00

Mua thuốc xin gửi Money Order bằng Mỹ kim đề cho:

NHÀ THUỐC THIÊN NHIÊN,

833-A South Main Street, Suite 345, Fallbrook, CA 92028 USA

Tel. & Fax: (619) 728-4718

Trích một số thư khách hàng đã dùng EXSATIVA cho biết:

- Thư ông N.K.T. tại Sacramento, CA 95828 viết:

Cảm ơn ông đã tận tình hướng dẫn, sau khi dùng thử 1 hộp EXSATIVA tôi thấy có phần hiệu nghiệm, thành thật cảm ơn.

Tôi cần thêm: 2 hộp EXSATIVA và 1 hũ YOHIMBE 450 mg., kèm theo chi phiếu \$100.00

- Thư ông T.H.L. tại Richmond, VA 23294:

Đây là lần thứ tư ông L. mua thuốc... Những loại thuốc tôi mua ở Tiệm Thuốc Thiên Nhiên tôi dùng thấy có kết quả tốt nên tôi xin mua thêm vài loại thuốc nữa: 2 lọ Potency Plus + 2 hũ Shark Cartilage, đính kèm chi phiếu số 458, số tiền: \$151.00

- Ông T.V. Võ tại Sacramento, CA 96826:

... lần này tôi xin gửi đến Nhà Thuốc Thiên Nhiên check \$95.50 để mua ba hộp EXSATIVA. Sau khi dùng hết 2 hộp EXSATIVA, tôi đã nhận thấy kết quả rất là tốt.

- Thư ông John L. tại Warner Robins, GA 31093 viết:

...Thưa ông, đây là lần thứ ba tôi mua các loại thuốc này. Thuốc rất tốt, xin cảm ơn ông và xin ông vui lòng gửi tiếp cho tôi: 1 hũ YOHIMBE 450 mg. + 2 hộp EXSATIVA, đính kèm chi phiếu \$96.50.

- Thư ông D.V.V. tại San Jose, CA 95112 cho biết:

Kính ông, thuốc EXSATIVA đối với tôi rất tốt. Xin ông vui lòng gửi thêm cho tôi một hộp nữa khi nhận được thư và chi phiếu này, đính kèm chi phiếu \$33.64.

- Chủ nhân Hiền's Auto tại Goleta, CA 93117:

Gửi Nhà Thuốc Thiên Nhiên, tôi đã dùng thử 1 hộp EXSATIVA công hiệu rất tốt, nay xin gửi tiếp thêm 2 hộp nữa, xin cảm ơn Nhà Thuốc, đính kèm chi phiếu \$61.00.

- Thư ông B.L. tại Pensacola, FL 32507 viết:

Kính thưa ông, tôi đã nhận được thuốc EXSATIVA mà ông đã gửi cho tôi, thành thật cảm ơn ông. Tuy mới dùng mấy viên nhưng tôi đã cảm thấy hiệu nghiệm. Vì vậy, xin ông gửi thêm cho tôi các loại thuốc sau đây: 1 hũ Emperor's Secret + 1 hũ GH3 + 1 hũ Prime Lung, đính kèm chi phiếu số 418 số tiền \$126.95.

- Thư ông S.L. tại Minneapolis, MN 55454 viết:

Nhà Thuốc Thiên Nhiên, tôi gửi kèm đây ngân phiếu số 2171 số tiền \$114.00 để mua thêm 1 hộp EXSATIVA + 1 YOHIMBE + 1 Potency Plus. Tiện đây, xin báo cho ông rõ thuốc EXSATIVA khá lắm, tôi uống trong 10 ngày cảm thấy khoẻ và nặng nơi bộ phận sinh dục...

NHÀ THUỐC THIÊN NHIÊN NƠI ĐÁNG TIN CẬY KHI QUÍ VỊ CẦN THUỐC

Lang Van is Published Monthly, Periodical Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

120 làng văn

In quảng-cáo trên báo Làng Văn hiệu-quả mạnh hơn đăng trên báo thương-mại và các loại niên-giám:

- Mẫu quảng-cáo được xem lại hàng tháng.
- Mẫu quảng-cáo lưu-hành khắp thế-giới, lưu-trữ tại hàng trăm thư-viện công cộng và hàng chục ngàn tủ sách gia-đình.

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)

28 Dundas St. E., lầu 2, Mississauga

ĐT: (905) 270-0095

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St., #2, North York / **ĐT: (416) 638-6303**

2100 Finch St. W., #109, North York / **ĐT: (416) 665-7264**

288 King St. W., Hamilton / **ĐT: (905) 521-0540**

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707

Downsview, Ont. M3J 3K6

(trong Nor-Am Tower)

ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201, Toronto

Ont. M4K 2P6 - Subway Broadview **Phố Tàu Đông**

CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ

ĐT: (416) 461-5437

Nha-sĩ TỬ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209

MISSISSAUGA

ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, DDS

888 Dundas St. E., #B6-3, MISSISSAUGA

(Phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)

ĐT: (905) 275-5510

- **GIẶT THẨM:** nhà hàng, cửa tiệm,

văn-phòng, tư-gia, ghế sofa, xe hơi,...

- **HÚT BỤI** (Air Duct Cleaning).

Gọi: **MINH (416) 663-5278**

**LUẬT-SƯ
TRỊNH QUỐC TOÀN**

1577 Bloor St. W., Toronto

ĐT: (416) 533-8987

(Việt-ngữ)

(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

HOANG

BARRISTER & SOLICITOR

Law Office

Luật-Sư

Nicole THANH-NGOC HOANG

Địa-chỉ mới:

2142 Bloor St. West

Toronto, Ontario M6S 1M8

(Subway Runnymede)

Tel: (416) 767-0016

GLOBAL

1 HOUR PHOTO LAB

2325 Hurontario St., Mississauga

Tel: (905) 272-9098

Đảm nhận mọi công việc về phim, ảnh

Cần Thư-mục Làng Văn? Xem

<http://www.vietnamlangvan.com/vietnews/>

**WINDSOR BÁC SĨ NHÂN KHOA
NGUYỄN BÁ THU TRANG, OD, BSC**

. C-1101 Erie E., Windsor

ĐT: (519) 973-1101

. 5805 Malden Rd., La Salle

ĐT: (519) 969-6677

. TLC The Windsor Laser Centre, 3200 Deziel Dr., Suite 208

ĐT: (519) 250-2020 & 1-800 463-2020

Thắc mắc về việc giải phẫu cận thị bằng tia laser?

- Hãy gọi đến bác sĩ Nguyễn



STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview

Bảo hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe - Nhân thọ

TONY VŨ: (416) 650-1702

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO
trên các trang bìa

làng văn

. Bìa trong (trước hoặc sau), 1 màu:

- 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ)

- 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)

. Bìa lưng (nhiều màu):

- 1 ô: \$60 một kỳ

- 2 ô: \$110 một kỳ

- 4 ô: \$200 một kỳ

GỌI CÁC SỐ ĐIỆN-THOẠI DƯỚI ĐÂY



Nha-sĩ

OSCAR DALMACO, D.D.S. & MARTHA J. ROMAN, D.D.S.

BÙI THÚY VY, D.D.S.

GUS SPILLAS, D.D.S., M.S.D.

(Chuyên khoa chỉnh nha - Orthodontist)

VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

CÙNG ĐẢM NHẬN

CẤY RĂNG - IMPLANT

2100 Finch Ave. W. # 205, Downsview

Tel: (416) 665-9283

2397 Finch Ave. W. # 9, Weston

Tel: (416) 746-5811

745 Bloor St. W., main Floor, Toronto

Tel: (416) 531-5796

**LẤY HẸN,
XIN GỌI:
LINH**

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRÊN TRANG NÀY: 1 Ô \$120 TRỌN NĂM (12 KỲ); 2 Ô: \$200 TRỌN NĂM (12 KỲ)

Muốn đăng, xin gọi: Nguyễn Hương (905) 607-8010, Minh Trang (416) 539-0442 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP THẾ-GIỚI

MỒ (LÀNG VĂN)

ĐẦU LÀNG CUỐI XÓM



làng văn

Với những hoạt-cảnh cười ra nước mắt trong cộng-đồng hải-ngoại: chính-khách trở cờ, dịch-giả "bể dâu", luật-gia đào-nhiệm, nhà văn giao-lưu văn-hóa, v.v.

200 trang, giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

NHA-SĨ MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

10 Gateway Blvd., #111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: (416) 429-0150

336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: (416) 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau

Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

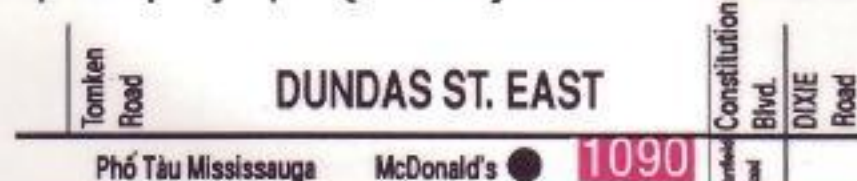
Phòng Mạch Nha-Khoa

Nha-sĩ **LÊ THỊ DIỆU HIỀN** L.D.S., D.D.S.

1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8



Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439



*Có tác-phẩm, có phương-tiện,
tìm nhà xuất-bản và phát-hành?*

Hãy gõ cửa Làng Văn!

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

Phòng Nha-khoa Scarborough và vùng phụ-cận

Nha-sĩ **VŨ HOÀNG HẢI** D.D.S.

Nha-sĩ **LÊ HOÀNG OANH** D.D.S.

Nha-sĩ **HUỖNH MAI** D.D.S.

2347 Kennedy Rd., Suite 300, Scarborough, Ont. M1T 3T8



Tel: (416) 754-4584

Xin vui lòng điện-thoại
lấy hẹn trước

. Nha-khoa tổng-quát và thẩm-mỹ

. Nhận các trường-hợp khẩn-cấp

. Nhận các loại bảo-hiểm và thẻ xã-hội

Thứ Hai đến Chủ-nhật:

11AM - 7PM

GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ

BÁC-SĨ

NGUYỄN THỂ LẠC

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và Bệnh-viện Bình-Dân

Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9 giờ sáng - 6 giờ chiều

Chủ-nhật: theo hẹn